

P.L 2553
Bảo Tạng Tùng Thư

NGUỒN MẠCH TINH KHÔI

Sa môn Thích Bảo Lạc
Pháp Bảo Sydney ấn hành 2009

Lời nói đầu

Viết văn, làm thơ, ngâm vịnh ... đều phải cần năng khiếu và sáng tạo để luyện tay nghề ngày càng tinh vi hơn. Viết cũng tức là giữa gọt chuốt ngót cho tới lúc bóng bẩy, nhưng đôi với tôi lại có cái thú kỳ lạ đã trở thành đam mê; một trong những thú vui tao nhã: đọc sách - viết văn - không thể bỏ được. Mỗi lần ngồi lại bàn viết là thì giờ vận dụng đúng mức không để phí phạm vô ích. Có khi phải viết đi viết lại cho tới lúc đọc thấy ưng ý mới thôi. Hễ bất cứ lúc nào nảy sinh ý tưởng mới trong đầu là lo viết, kể cả trong giấc ngủ cũng chòang tỉnh thức bật đèn cầm bút ghi vội xuống giấy. Nếu để trôi qua thời gian khác chắc gì còn giữ được ý hay lời đẹp vừa chớm.

Có điều tuổi ngày càng lớn người ta càng ưa thích đọc sách phân tích, bình luận, tâm lý, triết học, duy thức, tánh không ... nhiều hơn. Đó là theo quan điểm riêng, không hẳn phản ảnh đúng như sở thích mọi người. Do vậy, ngòi bút cũng như giảm đà không còn văn hoa bóng bẩy như trước mà có độ giả đã nhận xét: “ Văn Thầy viết trẻ trung bay bướm khiến người đọc có cảm tưởng tác giả là một nhà văn thường hơn là nhà tu” (Tác phẩm Như Dòng Ý Thức - Nhân sĩ Trần T. H). Tưởng cũng nên đi vào phạm vi chuyên biệt hơn một

chút của giới tăng sĩ như lời nhận xét. Những người viết văn, làm thơ không có nhiều do hai yếu tố năng khiếu và tinh thần sáng tạo như đã nêu trên. Năng khiếu cho ta óc tò mò, chịu khó, nhẫn nại, cố gắng học hỏi, bắt chước, đãi lọc, trau chuốt v.v... cốt cho câu văn, tứ thơ gãy gọn, súc tích hàm nhiều khía cạnh khiến người đọc phân chấn tâm hồn không bị ngắt quãng, ngưng đọng bỏ dỡ nửa chừng. Sáng tạo lại là một “chiêu thức” khác đối với những người có tay nghề chuyên môn như làm vườn, bonsai, kỹ thuật, mỹ thuật v.v... càng thêm tinh vi càng làm cho sản phẩm được nhiều người ưa thích, chiếu cố. Cả hai phần này đều thuộc phạm vi tâm lý nên khó diễn tả cho đúng được.

Tác phẩm này gồm 16 tiết chia thành 3 phần:
Phần I: Sử truyện gồm 5 tiết: Công đức xuất gia (câu chuyện Ngài Thi Lợi Bạc Đề) - Người đệ tử qua công hạnh tu trì (Châu Lợi Bàn Đạc) – Ngài Đạo An đề xướng người xuất gia lấy họ Thích của Phật Tổ làm họ - Sa môn bất kính vương giả - Tuệ Viễn đại sư với Bạch Liên Xã xiển dương pháp môn Tịnh Độ - Lòng hiếu thảo của Thi Ca La Việt hay kinh Lễ sáu phương.

Phần II: Tham cứu gồm 6 tiết: Hạnh bố thí ba la mật hay chuyện công chúa Ba hy sinh móc mắt cứu phụ vương chữa lành chứng bệnh nan y – Qui tắc chọn người xuất gia sao cho thích hợp – Chân hạnh tinh tấn cúng dường nêu bật những gương cúng dường chân thật

– Hộ trì chánh pháp - Làm sao tránh bớt lỗi lầm –
Nguyên nhân nào không thành tựu.

Phần III: Học hỏi, thuật sự gồm 5 tiết: Pháp vị công đức (Lạc sơn Đại Phật tại Thành Đô – Trung Quốc) – Ân đức bậc đạo sư (tán thán công hạnh hồng pháp của Đức Đạt Lai Lạt Ma) - Trưởng thành qua câu chuyện sư phụ răn dạy môn đệ - Nhơn hồng đạo tức người hay làm đạo phát triển; đạo không làm người phát triển – Chú Bell ở chùa, nhắc nhở người xuất gia tuân lời Phật dạy không nuôi dưỡng súc vật.

Những chủ đề trên được hình thành qua nhiều khoảng thời gian khác nhau. Thêm một kỷ niệm, trong thời gian gần đây (năm 2007) tờ tạp chí Tâm Giác - Đức Quốc - giới thiệu nhận xét cuốn “ Hoa Đàm ngát hương”, bài “Phàm trong phi phàm” như sau: “ Có những câu chuyện thật thật hư hư làm cho người đọc vừa tin vừa không tin. Đó là những câu chuyện viết về cuộc đời của các bậc chân tu liễu đạo với những hành tung kỳ dị khác thường. Nếu ngày xưa có câu chuyện Hòa Thượng Tế Điền làm say mê người đọc đến nhiều thế hệ, ngày nay cũng có những câu chuyện tương tự như thế, tuy nhiên không ai cũng có thể viết được” (Tâm Giác số 14 Xuân Đinh Hợi 2007).

Nhờ nhiều trợ duyên khiến tác giả phần khởi tiếp tục hoàn thành tác phẩm “ Nguồn mạch tinh khôi” này, mong quý vị cũng tìm được ở đây niềm hỷ lạc khi đọc

xong sách, cũng đủ bù lại công thức khuya dậy sớm nắn nót từng câu, từng lời, từng ý sao cho đạt để đáp lại tấm thịnh tình của người hâm mộ.

Ở đây tưởng cần tán dương công đức của các ban: đánh máy, kỹ thuật và ấn tống để hình thành cuốn sách này.

- Ban đánh máy: Kỹ thuật computer ngày nay đối với việc in ấn quá nhanh gọn, tinh xảo. Người đánh máy chỉ cần ngồi lại bàn phím gõ nhẹ tay là những dòng chữ đủ kiểu hiện rõ trên màn ảnh như sao trời mà không cần lắp ráp chữ vát vả như trước nữa. Đó là sư cô Giác Anh, sư chú Giác Thuận đã tận lực nhiệt thành làm việc như tác phẩm của mình mới có được hình thức tương đối như thế này.

- Kỹ thuật: Phần này đòi hỏi phải tỉ mỉ, tức là cần người có khiếu mỹ thuật mới đủ tinh tế làm được. Sư cô Giác Anh lo hoàn chỉnh khâu cuối này để tôi duyệt lại một lần chót rồi giao cho nhà in. Qua tới phần này, là đã trải qua một tiến trình dài không tính thời gian được. Nhưng mọi việc chuẩn bị đâu đó xong mà thiếu phần tài chánh cũng là vấn đề nan giải. Vì đã có không ít tác phẩm viết xong, người viết không đủ tài chánh ấn hành, sách đành xếp lại cho vào hộc ngăn kéo mà thôi.

- Tịnh tài ấn tống: In kinh sách ấn tống cho người đọc hiểu để tu hành đó là pháp thí.

“Thí nào bằng pháp thí!”

*Vị nào bằng pháp vị
Hy nào bằng pháp hy
Diệt ái hết khổ lụy!”.*

(Kinh Pháp cú câu 354).

Do quý Phật tử: Chúc Mân, Viên Minh, Quảng Hậu, Diệu Xuân, Diệu Tường (hồi hướng HL ĐH Minh Hiền), Tâm Tịnh, gia đình con cháu xin hồi hướng HL Võ Văn Dung PD Chúc Toán vãng sanh Cực Lạc Quốc; bé Như Hảo, bé Như Hạnh, Tâm Huệ, Nguyễn Tu, Thị Phước, Thị Hạnh... còn có quý vị đạo tâm ở xa như Raleigh, North Carolina, Minnesota, California (Hoa Kỳ) cũng góp phần công đức cầu nguyện cho thế giới hòa bình, và Phật pháp được phát triển sâu rộng để pháp giới chúng sanh cùng tu tập đạo mầu giải thoát.

Với tinh thần học hỏi, cầu tiến dù cố gắng đến đâu cũng không sao tránh khỏi sai thất, lệch lạc nên rất mong được hàng thức giả - với nhiệt tình của quý vị - hoan hỷ chỉ bày để trong lần tái bản sách được hoàn chỉnh hơn. Nếu được phần nào lợi lạc, tác giả hồi hướng cho những oan khiên nghiệt ngã, tai trời ách nước, dịch bệnh ung thư, chiến tranh khủng bố... xảy ra tại nhiều nơi trên thế giới, sớm được khắc phục, chấm dứt để cho nhân loại cùng nhau kiến tạo một nền hòa bình thực sự; nguyện cầu tất cả chúng ta có đủ khoan dung, nhẫn nại và từ tâm để cộng tồn.

*Sydney, Úc Châu – ngày Rằm tháng 9 năm Kỷ Sửu
Tác giả cần bút*

Mục lục

Lời nói đầu	3
Mục lục	8
Phần 1: Sử truyện	9
- Công đức xuất gia	11
- Người đệ tử qua công hạnh tu trì	30
- Siêu phàm ần thân phàm – Ngài Đạo An	46
- Sa môn bất kính vương giả - Ngài Huệ Viễn	58
- Lòng hiếu thảo của Thi ca La Việt	75
Phần 2: Tham cứu	95
- Hạnh bố thí Ba La Mật	97
- Hộ trì chánh pháp	110
- Chân hạnh tinh tấn cúng dường	125
- Qui tắc chọn người xuất gia	139
- Làm sao tránh bớt lỗi quấy	153
- Những nguyên nhân nào ta không thành tựu?	167
Phần 3: Học hỏi thuật sự	183
- Pháp vị công đức	185
- Ân đức bậc đạo sư	203
- Trưởng thành	217
- Nhơn hoàng đạo	228
- Chú Bell ở chùa	264
- Sách tham khảo	277
- Giới thiệu sách mới	280

1

SỬ TRUYỆN

**Phật môn an nhẫn thả tu hành
Tăng già hòa hiệp đạo xương minh
Tứ chúng cộng tuyên hưng chánh pháp
Xứ xứ âu ca kiến thái bình.**

佛門安忍且修行
僧伽和合道昌明
四眾共宣興正法
處處漚歌見太平

*Cửa Phật tùy duyên mãn tu hành
Tăng già hòa hiệp đạo hiển minh
Bốn chúng hết lòng bồi chánh pháp
Xứ xứ hân hoan rộn thái bình.*

CÔNG ĐỨC XUẤT GIA



âu chuyện ông Thi lợi Bạc Đề

Phật tại thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đà ở tinh xá Trúc Lâm, Ngài tán thán hạnh xuất gia có rất nhiều công đức. Đệ tử xuất gia của Đức Phật lúc đầu chỉ có 5 anh em thầy Kiều Trần Như, sau đó là hai anh em ông Ca Diếp đạo bái hỏa giáo - thờ thần lửa - xuất gia theo Phật. Mỗi người đem theo 250 đồ đệ cũng phát nguyện nhập chúng theo thầy học đạo. Chẳng bao lâu sau ngày Phật thành đạo, chúng đệ tử xuất gia của Ngài lên tới 1250 người, luôn luôn gần gũi tôn sư qua công cuộc hoằng pháp, giáo hóa ở khắp mọi nơi trên toàn xứ Ấn Độ.

Chúng đệ tử xuất gia của Phật thuộc đủ mọi thành phần trong xã hội, không luận nam hay nữ, quan chức hay nô tì, giàu sang hay nghèo hèn, già hay trẻ v.v... hể phát tâm xuất gia đều rất cao quý và được chấp nhận vào tăng đoàn.

Do chủ trương bình đẳng không phân biệt giai cấp, đức Phật bị vua quan thời bấy giờ chỉ trích thái độ bao dung của Ngài cho phép hàng tiện dân cạo tóc làm Tỳ kheo tăng.

Điền hình nhất có Ưu Bà Ly vốn là người thợ hót tóc; Ni Đề trong giai cấp hạ tiện cùng tinh xã hội. Đức Phật chủ

trương: “Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ và trong giọt nước mắt cùng mặn”, đã khuyến khích, nâng đỡ biết bao nhiêu người theo về với đạo Phật, cũng như cho xuất gia theo Phật và họ đã đạt thành Thánh quả. Điều đó đủ chứng tỏ cho thấy rằng giáo pháp phá ngã, phá chấp do Phật chủ trương không vị đạo sư nào theo kịp. Thật tế trả lời những thành quả mà chúng đệ tử đạt được, cho những ai lúc đầu chưa nhận chân được chân lý của đạo Phật. Vấn đề quan trọng là phải thật tâm hành trì giáo pháp mới đạt được an lạc giải thoát mà không phải qua ngôn từ hay giai cấp và địa vị xã hội. Bởi lẽ đạo Phật cần thực hành, cũng như quả của việc bố thí thì hữu hạn nên phước cũng rất có giới hạn; trong khi xuất gia phải qua một tiến trình dài lọc công phu, với nhiều hy sinh cá thể để dần thân vào tập thể, nên phước của xuất gia là vô biên không thể nói hết được. Công đức xuất gia vì thế không thể nghĩ bàn, cho chí Niết Bàn an tịnh.

Phát tâm xây tháp 7 tầng hay cao 33 tầng tuy có công đức, nhưng không bằng công đức xuất gia. Vì tháp cao 7 tầng hay cao bao nhiêu đi nữa cũng có kẻ tham lam hoặc người xấu phá hoại; còn pháp xuất gia thì không thể hủy hoại được. Trong tất cả thiện pháp ngoài Phật pháp không pháp nào hơn. Như 100 người mù mà có một thầy thuốc giỏi trị lành được mắt cho những người mù cùng lúc trông thấy rõ. Hay 100 người có tội phải bị móc mắt, một người thế lực có thể cứu được những tội nhân kia khỏi bị móc mắt. Như thế, phước của hai người tuy nhiều, đã cứu khổ

cứu nạn được cho một số người, nhưng cũng không bằng khuyên một người xuất gia hay chính mình xuất gia thời phước đức càng lớn hơn gấp bội. Phước báo của hai người như nêu trên cũng chỉ có trong một đời. Vì nhục thân – con mắt bằng da bằng thịt hẳn phải hoại diệt không lâu. Có thể nói đó chỉ mới là phước hữu lậu, nên còn bị phiền não ngăn chướng ràng buộc, chưa thoát khỏi những thế tình phức tạp. Còn nghe người xuất gia là kẻ đã từ giả nếp sống gia đình và dứt lìa những thâm tình cốt nhục của người thân, xóm giềng, làng nước; cũng như ra khỏi ngôi nhà bận buộc phiền não thế gian, dần thân trên lộ trình giác ngộ. Và cuối cùng là ra khỏi nhà của ba cõi: dục, sắc và vô sắc. Như thế khuyên người xuất gia, hoan hỷ cho người nhà xuất gia hay chính mình xuất gia dần dần đạt huệ nhãn, vì bản chất của huệ nhãn là không hoại diệt.

Xuất gia dứt trừ được các ác ma, bẻ dẹp những pháp ác, nhỏ sạch tội lỗi để gia tăng phước nghiệp, đạt thành vô thượng Bồ Đề. Phật dạy: công đức xuất gia cao như núi Tu Di, sâu như biển cả, rộng như hư không. Nếu ai cản trở người xuất gia khiến không được toại nguyện, vì làm trở ngại, kẻ ấy mắc tội rất nặng.

Lúc bấy giờ tại thành Vương xá có ông trưởng giả tên là Thi Lợi Bạc Đề đã 100 tuổi thọ, nghe xuất gia được vô lượng công đức như thế, ông suy nghĩ kỹ rồi từ giả vợ con, tôi tớ và mọi người thân để quyết chí xuất gia. Vì lớn tuổi ở nhà ông, lớn nhỏ đều không ưa; ông nói ra lời gì đều bị khinh thường coi rẻ, họ xem ông như người vô dụng. Nghe

ông có ý định xuất gia, người nhà ai cũng hân hoan nói rằng: nên sớm đi đi đừng để chậm trễ, bây giờ là đúng lúc.

Ông Thi Lợi Bậc Đệ ra khỏi nhà, tìm đến tinh xá Trúc Lâm, và muốn gặp Đức Thế Tôn xin phép xuất gia. Khi tới nơi, ông hỏi các thầy rằng, Đức Phật đang đại giác Thế Tôn, bậc đại từ bi lợi lạc trời người hiện giờ ở đâu?

Các thầy đáp rằng, Đức Thế Tôn bận du hành giáo hóa xa để lợi lạc chúng sanh nên không có ở chùa. Thi lợi Bậc Đệ hỏi:

- Kế Đức Phật bậc đại sư, vị thượng túc trí huệ ở đây là ai?

Các thầy Tỳ Kheo chỉ tôn giả Xá lợi Phất. Ông ta chống gậy tới gặp Xá lợi Phất. Tới nơi ông bỏ gậy và lạy Xá lợi Phất 3 lạy xong, liền bạch rằng:

- Thưa tôn giả, cho phép con xin xuất gia.

Lúc đó tôn giả nhìn kỹ ông rồi suy nghĩ: người này quá già đi tu hẳn không đáp ứng nổi 3 việc: học tập, tọa thiền, công tác giữa chúng. Ngài bảo rằng: ông nên đi đi, ông quá già không xuất gia được đâu!

Kế ông hỏi xin các ngài Ca Diếp, Ưu Ba Ly, A Nậu Lô Đà v.v... và lần lượt các vị A La Hán ông đều tới hỏi. Các vị hỏi ông đã hỏi qua các thầy khác chưa? Ông cho hay đã hỏi, nhưng các thầy đều từ chối rằng ông quá già không xuất gia được.

Các thầy đều nói: Xá Lợi Phất, bậc thượng túc trí huệ mà còn không nhận ông, chúng tôi đây cũng không nhận

ông đầu. Như người thầy thuốc giỏi có tài chẩn bệnh mà từ chối không trị được bệnh, những thầy lang thường khác cũng đành chịu bó tay, nên biết rằng bệnh nhân ấy ắt sắp chết. Vì Xá lợi Phát đại trí mà còn không cho ông xuất gia, những thầy khác cũng vậy thôi, đều không chấp nhận.

Thi Lợi Bạc Đề cầu xin các thầy Tỳ Kheo xuất gia không được, ông quay trở lại tinh xá Trúc Lâm, đứng trước cửa ông buồn rầu khóc lóc thảm thiết. Ông khóc nức thành tiếng và tự nghĩ ta từ khi sanh tới nay không có gây lầm lỗi gì hệ trọng, sao nay lại bị từ chối không cho xuất gia? Trong số đệ tử Phật, Ưu Bà Ly người thợ hớt tóc hạ tiện, Ni Đề là kẻ hốt phân như ướ, Ương Quật Ma La là tên sát nhân khét tiếng, Tắc kỳ là người đại ác mà còn được xuất gia nữa là! “Cũng như trường tử A Dật Đa tại Ba la Nại phạm tội với mẹ, giết cha. Bà mẹ lại tư thông với người khác, ông ta bèn giết luôn cả mẹ. Có vị A La Hán thân thiện gia đình, vì hổ thẹn ông giết hại luôn A La Hán. Sau đó ông đến Kỳ Hoàn tinh xá cầu xin xuất gia. Các vị Tỳ kheo biết rõ ông ta phạm tội nghịch nên không dám nhận cho ông xuất gia. Ông sanh oán giận nữa đêm phóng hỏa đốt phòng của chư tăng, giết hại nhiều người vô tội. Trường giả tới thành Vương Xá cầu xin Như lai được xuất gia, Phật chấp nhận ông vào hàng ngũ tăng già” (Kinh Đại Bát Niết Bàn phẩm Phạm hạnh 20). Ta có tội gì lại không được xuất gia? Lúc vừa suy nghĩ thế thì Đức Thế Tôn ứng dung xuất hiện, phóng ánh hào quang tướng hảo trang nghiêm ngồi xe thất bảo đỉnh đạc như vua trời Đạo Lợi, Đề

Thích. Phật hỏi ông Phước Tăng (Thi Lợi Bạc Đề) tại sao ông khóc?

Ông trưởng giả nghe lời ân cần thăm hỏi của Phật, tâm ông rất vui sướng, như con gặp cha, ông gieo 5 vốc sát đất lạy dưới chân Phật, vừa khóc vừa quì bạch rằng: Tất cả những kẻ giết người, làm giặc, phạm tội gian, hủy báng, hạ tiện v.v... đều được xuất gia, riêng con có tội gì sâu dầy không được xuất gia theo Phật? Ở gia đình con mọi người lớn nhỏ đều cho con già yếu vô dụng, nay ở trong Phật pháp không được xuất gia. Nay phải trở về lại nhà, quả là việc bất tiện cho con, nên làm sao mà vui cho được. Giờ đây con quyết định kết liễu mạng sống nơi đây.

Lúc đó đức Phật bảo Thi Lợi Bạc Đề rằng: hãy đưa tay lên hư không tuyên thệ xuất gia thời người đó không phải là già. Ông ta theo lời đức Phật dạy; kể lễ một hồi với nỗi niềm chua xót và tâm khát cầu xuất gia. Đức Phật lấy tâm đại từ bi an ủi, cũng như khuyên bảo ông Phước Tăng, như người cha phủ dụ đứa con yêu quý mà bảo rằng: con đừng buồn phiền nữa, nay Như Lai cho con được xuất gia. Hãy quán xem chẳng phải Xá Lợi Phất trong vô số kiếp tinh tấn tu tập khổ hạnh, trong một trăm kiếp tu phước đó sao? Chẳng phải Xá Lợi Phất đời đời làm điều khó làm như chẻ đầu, móc mắt, lấy tủy não, máu thịt, tai mũi, xương da, tay chân v.v... bố thí sao! Phi Xá lợi Phất, gieo mình thí cho cọp đói, nhảy vào hầm lửa, đóng 1000 cây đinh nhọn vào thân, cũng như khoét thân đốt lên 1000 ngọn đèn. Phi Xá lợi Phất bỏ quốc thành, vợ con, tôi tớ,

voi ngựa, bảy báu đem bố thí. Xá lợi Phật trong kiếp sơ a tăng kỳ, cúng dường 88,000 Đức Phật. Kiếp giữa cúng dường 99,000 Đức Phật và kiếp sau cúng dường 100,000 Đức Phật. Xuất gia giữ gìn giới, hoàn thành hạnh thí ba la mật phi Xá Lợi Phật ược tự tại trong giáo pháp. Không thể nói cho người này được xuất gia, người kia không được. Phật nói: Như ta (Phật Thích Ca) duy nhất được xuất gia tự tại trong giáo pháp, chuyên chờ pháp bảo lục độ (sáu pháp đạt đến giải thoát), mặc giáp nhẵn nhụi, tọa thiền dưới cội Bồ Đề; ngôi tòa Kim Cang, hàng phục ma vương, đạt thành quả Phật không cho riêng ta. Con hãy theo ta, Như lai cho con được xuất gia.

Đức Thế Tôn dùng mọi lời vỗ về an ủi như thế, làm cho Phước Tăng không còn buồn khổ nữa, và tâm ông vô cùng hoan hỷ được theo sau Phật về tinh xá Trúc Lâm. Phật bảo ngài Mục Kiền Liên nhận ông xuất gia. Phật dạy: phải nên tùy duyên mà độ chúng. Lúc ấy, Mục Kiền Liên suy nghĩ: ông này tuổi cao lợm khòm, bị trở ngại 3 việc: tụng kinh, tọa thiền và làm việc chúng. Song Phật là bậc Pháp Vương cho phép xuất gia, theo lý chẳng sai nên cho ông xuất gia thọ giới Tỳ Kheo. Ông này có nhân duyên từ nhiều đời nhiều kiếp đã gieo trồng thiện căn phước đức, tinh chuyên tu tập, học kinh, luật, luận và hiểu sâu giáo pháp. Nay ông vì tuổi già nên không theo kịp chúng, không được cung kính, sẵn đón ân cần như bậc Thượng Tọa. Trong khi những tỳ kheo trẻ tuổi xuất gia trước là Thượng Tọa, nên thường có lời hăn học rằng: Ông Tỳ

Kheo già này tự ý mình tuổi lớn không tụng kinh, học tập, lại kiêu căng tự đại, nên không kính nể. Thầy Tỳ Kheo già bèn suy nghĩ: Ta ngày còn tại gia bị kẻ lớn người nhỏ trong gia đình làm buồn phiền, nay xuất gia tưởng được tịnh dưỡng mà gặp phải cảnh mây ông thầy nhóc này cứ quấy rầy, ta mắc tội gì đến đời như thế này? Ông ta buồn khổ và lại nghĩ rằng: nay ta thà tìm cái chết là hơn!

Lúc đó tại khu rừng có dòng sông lớn nước sâu chảy xiết, thầy Phước Tăng tới bờ sông, cởi áo cà sa treo lên cành cây, rồi quì xuống hướng về chiếc y vừa lạy vừa khóc nước mắt ràn rụa rơi xuống đất. Trong giờ phút quan trọng này đây ông đồng dục phát nguyện rằng: Con nay không rời Phật – Pháp – Tăng chỉ mong xả bỏ thân mạng này. Chiếc y trên thân con là do bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục... nếu có được chút phước báu nào nguyện con sau khi xả thân được sanh nơi gia đình chánh tín, quyền thuộc hòa thuận. Đối với thiện pháp được xuất gia tu tập và gặp được minh sư, ngộ đạt Niết Bàn. Phát nguyện xong, ông gieo mình xuống dòng nước xoáy. Lúc đó ngài Mục Kiền Liên dùng thiên nhãn thấy người đệ tử già của mình lâm nạn nhưng chưa chìm hẳn, Ngài dùng lực thần thông tiếp đưa lên được vô bờ và hỏi: pháp tử, ông làm gì vậy?

Thi Lợi Bạc Đề rất là xấu hổ, liền nghĩ: không biết phải dùng lời gì để đáp đây? Nay ta không nên nói dối gạt thầy. Giả sử dối gạt thầy ắt đời đời bị tội mất lối. Và lại, thầy ta thần thông quảng đại soi suốt, dù ta dối trá cỡ nào thầy cũng vẫn biết rõ.

Ở đời nếu người có trí huệ soi sáng mà tánh tình lại ngay thẳng, dù không hoàn toàn cũng đủ tự độ mình. Nếu người ngu si mang tâm tà vậy là ác tặc hạ cấp trong số mọi người. Giả sử có nói lời gì mọi người đều biết rõ và cùng bảo rằng: người này gian dối không thật. Giả sử khiến y nói thật mọi người vẫn từ bỏ không tin. Vì thế, nếu ta nói dối Hòa Thượng (thầy ta) thì đây không phải việc ta làm, nên phải nói thật, liền bạch rằng:

- Bạch thầy, con bỏ nhà đi xuất gia là mong được an lạc, nay lại chẳng tìm được an lạc nên con muốn chấm dứt mạng sống này. Ngài Mục Kiền Liên nghe xong bèn nghĩ rằng: người này không xem việc sanh tử đáng sợ để tự liệu trước, lại thấy lợi trong sự xuất gia nên hoàn toàn không đạt được gì cả, liền bảo rằng:

- Nay con nên chí tâm nắm một góc chéo y của ta và đừng thả nữa chừng! Ông liền vâng lời nắm chặt, như gió thổi làm tung bụi cỏ lên hư không. Người có thần túc đi trên không nhẹ như sợi lông đi tới chỗ nào theo ý muốn. Lúc đó ngài Mục Kiền Liên như chim đại bàng lượn trên không trung, thẳng thân giữa hư không duỗi cánh tay trùm tới bờ đại dương. Nơi bờ biển có một phụ nữ mới chết mặt mày đoan chánh, thân thể cân đối, tướng mạo xinh đẹp. Có vi trùng bò từ miệng tử thi rời chun vô lỗ mũi, lại chun ra từ con mắt, rồi vào lỗ tai. Ngài Mục Kiền Liên đứng quan sát một hồi xong rồi bỏ đi. Ông Thi lợi Bạc Đề (Phước Tăng) thưa rằng:

- Bạch thầy, người đàn bà này là người gì mà hình trạng như thế?

Ngài Mục Kiên Liên đáp: đến lúc mới nên nói, ông lại đi trước thấy một người nữ mang dùi đồng nóng nhúng dùi trong nước, nhưng lửa thổi bay văng nước lên, bà ta cởi áo quần chiếc dùi lại; tóc, móng tay lòi ra, thịt chín rời khỏi xương; nước sôi thổi xương lòi ra ngoài. Gió lửa hoàn lại trên người rồi tự lấy thịt đó mà ăn nhai ngấu nghiến. Phước Tăng thấy vậy ghê rợn tóc lông nổi ốc dựng gáy bạch rằng:

- Bạch thầy, người ăn thịt kia là người gì?

Ngài Mục Liên trả lời:

- Đến lúc phải nói, kể ông lại tới trước thấy một xác chết người lớn phần nhiều đã bị trùng rửa vậy bọc bám lấy thân thể cũng như tay chân không còn một chỗ trống như kim găm vào. Lúc đó nghe tiếng la khóc lớn kêu gào làm chấn động khắp mọi nơi, như tiếng kêu nơi địa ngục.

Phước Tăng bạch rằng:

- Bạch thầy tiếng kêu lớn rùng rợn đó là người gì vậy?

Ngài Mục Kiên Liên trả lời:

- Đến lúc phải nói, kể đó lại thấy có một người nam to lớn, chung quanh có nhiều người đầu thú mình người, có các quỷ hung ác tay cầm cung nỏ, tên độc miệng đều tóe lửa tranh nhau bắn người đó làm thân thể cháy thiêu.

Phước Tăng hỏi:

- Bạch thầy, đây là người gì không thể chạy trốn đâu được mà bị khổ độc như thế? Thầy bảo dừng lại, đến lúc phải nói, kể đi tới một đôi chưa xa thấy có một núi lớn mà dưới chân có đẽ dao kiếm và thấy một người từ trên lao xuống vung dao khua kiếm đâm vào thân thể, và tự rút ra rồi đứng nguyên chỗ cũ trở lùi lại lên núi. Trông thấy cảnh ấy, Phước Tăng hỏi:

- Bạch thầy, đây là người gì mà chịu khổ như vậy?

Thầy dạy rằng: hãy im đi, đến lúc mới nói. Kế phía trước thấy có một núi xương cao đến 700 do tuần (dặm), có thể làm che khuất mặt trời, khiến biển tối đen. Lúc ngài Mục Kiên Liên ở chỗ núi xương này có một đại tiên đi qua lại, người đệ tử theo thầy liền suy nghĩ: nay thầy đã rành rang nên phải hỏi việc này chăng?

Nghĩ xong liền thưa:

- Ngưỡng mong Hòa Thượng vì con mà giải rõ những sự việc vừa chứng kiến?

Đây là lời giải đáp:

* Người phụ nữ là bà Đại Tác Phước trong thành Xá Vệ có nhan sắc được chồng bà yêu mến không rời. Nhưng bà muốn đi biển tìm vàng mà chồng lại thương mến không muốn rời vợ, bà vẫn ra đi cùng 500 người khách thương và lên thuyền dong ra khơi. Bà ta thường hay lấy 3 mắc gỗ lạ đưa cao lên làm kiếng soi mặt và tự thấy mình đẹp đẽ nên đâm tự kiêu rồi sanh đấm cháp. Lúc đó có một con rùa lớn

lấy chân đạp thuyền, thuyền hồng bị nước biển lọt vào, bà Tác Phục cùng 500 khách thương đều chết đuối. Nhưng theo phép biển không dung nạp được tử thi. Như nước dồi sóng các quỷ dạ xoa, la sát xuất hiện đem đặt xác chết lên bờ. Chúng sanh chết theo nghiệp tham đắm, chết liền trong sanh; nhưng có điều khó nói là tùy chỗ yêu mến liền được vắng sanh hay ai thích địa ngục đi vào địa ngục.

Nếu có chúng sanh lấy trộm của Tam bảo hay tiền tài của cha mẹ, cho chí giết người. Trọng tội như thế đáng đọa địa ngục hỏa thiêu; người này bị các chứng bệnh phong hàn, lãnh cảm bức ngặt, bèn nghĩ tới lửa nên muốn vào, lúc mạng chung liền đọa trong địa ngục ấy. Ngài cũng giải rõ những tội trộm đèn dầu cúng Phật, hay trộm đèn đuốc, củi lửa, hoặc phá hoại tăng xá, giảng đường... Dùng thế lực tước bỏ quần áo khiến người tê cóng lạnh lẽo mùa đông v.v.... những tội như thế phải đọa địa ngục giá băng và các địa ngục khác như Ưu Bát la, Bát Đầu Ma, Câu Vật Đầu, Phân Đà lợi... Tội nhân trong các địa ngục giá băng thân thể thịt xương rã nát cháy sém còn như hạt đậu. Tủy não, xương đầu rã phân thành trăm nghìn vạn mảnh tung vãi tứ tán không còn dạng hình nữa; Tội sân, si đọa vào chỗ ngạ quỷ hay súc sanh chịu khổ vô cùng không nghe tới tên cơm nước. Người không tin Tam bảo, hủy báng giáo pháp bị bệnh vây khốn, chết đọa loài súc sanh bệnh nằm liệt giường, không thích nghe lời thiện lành của bè bạn, người thân khuyên nhủ. Tâm tư người bệnh bán loạn không hoan hỷ nghe những lời khuyên thiện: nghe kinh, niệm Phật, chiêm

ngưỡng tướng tốt của Phật, phát tâm bố thí, giữ giới v.v... Người nào tu 10 điều thiện là gieo nhân tốt cõi nhân thiên, khi sống không bị các chứng bệnh hiểm nghèo làm khổ, lúc chết, tâm luôn tỉnh táo không sợ; có người thân, bằng hữu bên cạnh giúp sức, trợ niệm và biết người đó sắp chết. Bà Tác Phước tự quý tiếc thân mình chết rồi sống lại nên thân vừa mất sanh vi trùng; lia bỏ thân này liền rơi vào đại địa ngục thọ khổ vô cùng.

* Người đàn bà ăn thịt mình: Trước kia tại thành Vương Xá, nước Xá Vệ có người đàn bà Ưu bà di làm người giúp việc. Bà phát tâm lành thỉnh một thầy Tỳ kheo trì giới tu hành thanh tịnh cúng dường mọi vật trong 3 tháng an cư kiết hạ. Bà tự tay sắp đặt lo liệu mọi việc nào phòng xá, nấu nướng thức ăn thơm ngon hợp khẩu vị, hễ tới bữa là cho người nô tỳ mang thức ăn đi cúng dường. Người này cảm nhận thức ăn ngon nên lên tự bốc ăn trước còn dư mới đem cho vị Tỳ Kheo. Mọi người ai cũng biết cô nô tỳ nhan sắc mỗi ngày càng xinh đẹp, đỏ da thắm thịt, là nhờ đồ ăn uống đủ chất dinh dưỡng. Bị vặn hỏi, cô ta cho hay rằng là người có tín tâm chứ không phải người tà kiến, có gì ăn trước thầy Tỳ Kheo được. Thầy ăn xong, còn dư tôi mới ăn. Và thề rằng, nếu tôi ăn trước thì đời đời tôi tự ăn thịt mình. Đó là quả báo phải thọ khổ vô vàn ở hiện tại.

* Còn thi thê người đàn ông to con bị vi trùng rút rĩa thân xác, phát ra tiếng kêu khủng khiếp là người gì?

Thầy Lai Lợi Tra là Tri sự tăng có đủ quyền hạn xử dụng vật của tăng thường trụ như hoa quả, đồ ăn uống trong chùa đem cho cư sĩ nên mắc phải quả báo lúc chết bị vi trùng rửa xác mà ăn như thế.

* Người đàn ông đứng khóc lớn tiếng, bị cung tên bắn xuyên vào thân, rồi nơi thân phát hỏa là người gì?

Kiếp trước ông ta là một thợ săn giỏi sát hại không biết bao nhiêu loài cầm thú sống trên không, trong rừng, trong hang hay dưới đất, bị đặt lưới, sập bẫy, bắn tên bị thương hoặc chết. Khiến tiếng kêu thương ai oán của chúng thật là bi thiết, đầu rơi, máu đổ, lông cánh rả rời, trong cảnh chiên hầm, xào nướng, nhồ lông, lột da, trưng nước sôi ... thật đau xót biết chừng nào!

Người từ trên núi tự gieo mình xuống đất bị đao kiếm, giáo mác đâm thân thể; nhảy xuống rồi lại trở lên núi là người gì vậy?

Người này trước kia là kiện tướng chiến đấu ở thành Vương Xá vì sức mạnh nên thân thể địch tiền phong hoặc dùng đao kiếm giáo mác đâm thương người nên bị quả báo lúc chết như thế.

* Ngay tại nơi này có núi xương phơi chồng chất là của ai vậy? Đây là xương cốt của chính thân ông tích chứa lâu ngày mà thành như vậy.

Tỳ kheo Phước Tăng Thi Lợi Bạc Đề nghe như vậy, liền sờn tóc gáy, sợ khiếp đến toát mồ hôi; và đây là cơ hội tốt cho ông nghĩ lại bổn phận xuất gia từ bấy nay ở trong

đạo, và xin ngài Mục Kiền Liên nói rõ thêm về thiện ác nghiệp báo, nhân quả. Ngài Mục Kiền Liên dẫn chứng câu chuyện:

Vào thời quá khứ nơi cõi Diêm Phù Đề này có một quốc vương tên là Đàm Ma Bạc Đề ưa làm thiện bố thí; giữ giới luật, học pháp, với tâm từ bi, tánh không bạo ác, không làm tổn hại sanh mạng loài vật. Nhà vua tướng tốt đoan chánh đem chánh pháp điều hành đất nước trong 20 năm cho tới lúc nghĩ hưu dưỡng. Một hôm trong khi cùng vui đánh bạc với một số người, lúc đó có tin một tên tội phạm sát nơn. Quân thần hỏi vua rằng, ở ngoài có một người phạm vương pháp làm sao trị tội? Lúc đó vua bần hăng say đánh bạc buông câu trả lời: trị theo quốc pháp (luật nước) theo luật qui định: giết người là bị tội tử hình, nên giết người ấy đi. Sau khi nghỉ chơi vua hỏi quân thần: tội nhân ấy hiện giờ ở đâu, ta muốn xét xử. Câu trả lời là chiếu theo luật pháp xử trị tội nơn đã cho hành quyết xong. Vua nghe như vậy vật vả lẫn lộn ra trên đất một lúc lâu mới tỉnh dậy; vừa khóc vừa nói rằng, cung phi, mỹ nữ, voi ngựa, bảo bối còn lại đây, chỉ riêng một mình ta sa vào địa ngục thọ mọi thống khổ. Ta nhân lúc chưa làm vua mà trong cung này cũng có vua cai trị; chẳng lâu ta chết trong nước cũng phải có vua tiếp tục trị quốc. Gọi là vua mà hại mạng người nên biết đó là hạng vua Chiên Đà La, không biết đời đời sanh về chốn nào? Nay ta quyết định không làm vua nữa, liền từ bỏ vương vị vào núi tu hành. Khi vua chết sanh vào trong biển lớn làm giống cá Ma Kiệt, thân to

lớn đến 700 do tuần. Những quốc vương, đại thần tự cậy thể lực hà hiếp trăm họ làm cho nhân tâm ly tán. Chém giết chúng sanh chết đa phần làm cá Ma Kiệt, một giống cá lớn có nhiều giống trùng rúc rĩa đeo bám nơi thân thể. Vì tội nghiệp đó nên chết đọa trong đại địa ngục. Cá Ma Kiệt khi ngủ liền qua 100 năm, lúc nó thức rất đói khát liền há lớn mồm cho nước biển tràn vào như chảy qua sông lớn. Ngay lúc ấy có 500 khách thương đi biển tìm châu báu gặp cá đang há mồm, đoàn thuyền nhanh chóng theo vào miệng cá. Những thương khách hốt hoảng kêu la thất thanh trong lúc thập tử nhất sinh, ai nấy tự nghĩ: hôm nay đây chúng ta chắc chắn phải chết. Mỗi người theo niềm tin của mình như niệm Phật, Pháp, Tăng hoặc vái chư thiên, thần núi, thần sông, quỷ thần hoặc kêu cha mẹ, vợ con, anh em, bà con quyến thuộc. Tất cả cùng nói lời rằng, hôm nay là ngày cuối cùng chúng tôi thấy cõi Diêm Phù Đề này, rồi vĩnh viễn không còn thấy nữa; và ngay lúc đó buông xuôi theo vào miệng cá Ma Kiệt. Khúc miệng đồng thanh 500 người cùng xưng niệm: Nam mô Phật Đà. Lúc cá nghe tiếng niệm Nam mô Phật, nó liền khép miệng lại. Nước biển ngừng chảy, những người khách buôn được thoát chết trong ường tơ kẻ tóc. Kiệt ngư quá ỏi liền l n ra chết tốt và tái sanh vào thành Vương Xá. Quỷ Dạ Xoa, La Sát hiện ra đưa xác cá lên bờ trải qua nắng mưa, thịt rả còn trở lại xương trở thành núi xương ó. Vua Phước Tăng lúc bấy giờ nay là thân ông đó. Do sát nhân nên đọa vào trong đại hải làm cá Ma Kiệt. Nay ông trở lại được làm thân người

vẫn không tránh khỏi sanh tử. Như trong đời này chết phải đọa vào địa ngục, muốn ra khỏi thật là rất khó.

Lúc ông Thi Lợi Bạc Đề thấy được thân trước và đã nghe về tiền kiếp liền sợ sanh tử; trong giáo pháp hết lòng tu tập, lần lượt suy xét niệ, buộc tâm trụ ý quán xét kỹ thân kiếp trước bèn hiểu rõ pháp vô thường, dứt đường sanh tử, diệt sạch phiền não và chứng quả A La Hán.

Ngài Mục Kiên Liên rất hoan hỷ bảo rằng:

- Nay pháp tử, nay con những gì phải làm đều đã làm xong. Con hãy đến đây theo cùng lực thầy; nay con có thể tự xử dụng thân lực riêng được rồi. Lúc bấy giờ Mục Kiên Liên bay lên hư không, Thi Lợi Bạc Đề theo sau thầy như chim con theo mẹ về tới Trúc Lâm. Lúc ấy các Tỳ Kheo trẻ tuổi chưa đắc đạo thấy thầy Tỳ Kheo già vẫn khinh chê như trước. Giờ đây thầy Thi Lợi Bạc Đề tâm đã điều thuận có oai nghi nghiêm túc, mặc kệ không còn dao động nữa.

Đức Phật biết rõ việc này nên giúp các Tỳ Kheo trẻ không tạo ác nghiệp, cũng như muốn làm tỏ rõ cái đức của vị Tỳ Kheo già, ngay giữa đại chúng Ngài gọi:

- Phước Tăng, Phước Tăng con hãy lại đây, có phải hôm nay con từ bờ biển tới đây không?

- Thật đúng thể bạch đức Thế Tôn.

Hãy thuật lại những gì con đã chứng kiến, vì nay là thời điểm thích hợp cho đại chúng biết.

Thế là thầy Tỳ Kheo Phước Tăng kể rõ mọi việc thầy nghe trước Thế Tôn và chư tăng những gì mà ngài Mục Kiền Liên đã chỉ dạy hướng dẫn tu tập từ buổi ban đầu.

Phật khen: Lành thay, lành thay! Tỳ Kheo Phước Tăng, những việc ông đã thấy là sự thực chính nó. Nay ông đã lìa khổ sanh tử, đạt Niết Bàn an lạc, đáng thọ của cả trời người cúng dường, việc của Tỳ Kheo phải làm, con đã hoàn tất trọn vẹn. Các tỳ kheo trẻ tuổi nghe Phật dạy như vậy trong tâm rất lấy làm ray rứt hối hận, như thế là người hiền thiện trí huệ. Chúng ta phần nhiều vô trí, ác tâm thôi thúc bung bít, cho nên tội báo sâu dày như núi cao, biển cả, cần phải thành tâm sám hối, tội lỗi dần tiêu trừ.

Lúc đó chúng Tỳ Kheo liền đứng lên đến trước lạy Thầy Phước Tăng 5 vóc gieo sát đất và nói rằng: người hiền thiện sanh, lòng bi đều phát sanh; nay ại ức sanh nên đại bi cũng cùng phát sanh, mong Ngài mở lòng thương chúng tôi nhận cho chúng tôi xin sám hối.

Thầy Phước Tăng nói:


- Đối với mọi người tôi luôn có thiện tâm hứa khả sự xin sám hối của đại chúng.

Thi Lợi Bạc Đề thấy các thầy tỳ kheo trẻ có tâm sợ hãi nên liền vì họ mà thuyết pháp, nói về xa lìa sanh tử, tinh tấn tu tập, đoạn dứt phiền não, chứng quả A La Hán.

Từ đó, tiếng đồn tỳ kheo Phước Tăng vang khắp thành Vương Xá, làm mọi người ai cũng lấy làm lạ khen rằng lạ lùng thay, lạ lùng thay! Ông trưởng giả này ở trong

thành già nua không bố thí, nay trong Phật pháp xuất gia chứng quả A La Hán, ngộ giáo pháp và thuyết pháp hy hữu như thế. Lúc đó đa số người phát tâm hướng thiện, hoặc khiến trai, gái, nô tỳ xuất gia hoặc tự xuất gia và khuyên người xuất gia thật là công đức vô lượng.

NGƯỜI ĐỆ TỬ QUA CÔNG HẠNH TU TRÌ

 huyện kể rằng, người đệ tử Phật trước tinh tấn, sau giải đãi hay lui sụt đạo tâm là chuyện bình thường, không có gì phải đáng nói. Như lời cổ đức dạy: “người tu như hoa xoài, trứng cá”, sinh sôi rất nhiều mà tồn tại chẳng được bao nhiêu. Ở đây muốn đề cập tới một nhân vật đặc biệt trong hàng xuất gia vào thời Đức Phật còn tại thế, thật khác thường hơn những gì mà các chúng đệ tử nghĩ suy, hay người đời gán ghép. Tất cả sự nhìn phán đoán của ta đều không đúng thực tế, vì mỗi người đều đeo cặp kính màu, nên không thể nhìn rộng trông xa như dưới con mắt của người có tu chứng đắc. Nếu không có thực lực, nội quán mà phê phán, xét đoán chắc hẳn không tránh khỏi sai lầm tai hại. Như làm thầy thuốc chẩn đoán sai có thể giết chết một mạng người, thầy kiện (solicitor) xử án sai làm hại nhiều đời, nhà chính trị đưa ra chính sách sai lầm khiến cho quốc gia bị suy sụp. Nhà giáo dục sai lầm là giết chết hàng bao thế hệ; nhà tu Phật mà không tin đạo lý nhân quả phải bị đọa lạc trong nhiều kiếp luân hồi.

Chắc hẳn trong giới học Phật không ai xa lạ với 18 vị A La Hán mà trong đó vị cuối cùng ngồi dưới gốc cây khô, tay trái giơ lên, ngón trở hoặc co hoặc duỗi (theo ông,

Quán Hưu đời Đường). Cho nên người phạm phu nếu dùng 5 giác quan xem xét, rồi kết luận người hẳn không tránh khỏi những hậu quả tai hại khôn lường.

1. Nhận đệ tử bình đẳng:

Đức Phật là vị giáo chủ Đạo Phật, khác hẳn với những giáo chủ khác.

Ngài đã từng tuyên bố: “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”, có nghĩa là tất cả mọi chúng sanh đều có khả năng thành Phật, như Phật không phân biệt chủng loại mà hết thảy đều có Phật tánh như nhau, mặc dù bề ngoài có khác nhau về hình tướng. Cũng như Phật đi sát vào thực tế cuộc đời hơn, Ngài nhận chân rằng: “Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ và trong giọt nước mắt cùng mặn”, tức là hệ mang thân loài hữu tình là đều có tình thức biết cảm nhận sự sinh tồn và cái chết giống nhau. Do chủ trương như vậy, nên ngay từ buổi đầu thành lập giáo đoàn, Đức Phật đã nhận tất cả những ai phát tâm đi theo dấu chân của Ngài và đoàn thể Tỳ kheo, sống xa lìa thế tục và không nhà cửa, gia đình; như một tăng sĩ điển tả sau đây:

Gót đạo sĩ bốn phương trời rảo bước

Cõi Ta Bà đâu chẳng phải nhà ta

Một mình đi với bình bát cà sa

Đói xin ăn dưới gốc cây nằm ngủ

Mùi phú quý mặc ai người hưởng thú

*Bả vinh hoa ta nào có sá gì
Chỉ một lòng tu niệm đạo từ bi
Diệt phiền não cõi lòng thường thanh tịnh...*

Người tăng sĩ cũng là một chiến sĩ mà còn hơn cả chiến sĩ nữa. Bởi lẽ người lính chỉ có chiến trường ngoài trận mạc phải chiến đấu, trong khi người tăng sĩ, phải đối đầu với hai mặt trận: nội chương và ngoại ma. Nội chương như tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến... và những thế lực bên ngoài như tài, sắc, danh, miếng ăn, đồ mặc, công việc làm, địa vị v.v... đây sự thử thách không dễ vượt qua. Nếu tu cho thành tựu, hành giả cần phải chiến đấu như lửa thử vàng. Vàng thật không sợ gì lửa, dù là lửa hồng hay tro than cũng không thành vấn đề.

Đức Đạo Sư đã ân cần chỉ dạy:

Tỳ kheo các con! Đối với các công đức thường phải nhất tâm bỏ những sự buông lung như tránh bọn giặc cướp. Những điều lợi ích, đức đại bi thế Tôn nói ra trước sau đã cạn, các con cần phải siêng năng mà thực hành nó. Hoặc ở chốn núi non, hoặc ở nơi hoang dã, hoặc dưới gốc cây hay tĩnh tu nơi tịnh thất, đều phải nhớ nghĩ giáo pháp đã thọ đùng để quên mất, thường nên tự gắng, tinh tấn tu hành, không nên để thì giờ luống trôi qua vô ích, sau ắt có sự ăn năn cũng không kịp. Ta cũng như vị lương y biết bệnh cho thuốc, uống hay không uống không phải lỗi của thầy thuốc, lại cũng như kẻ hướng đạo giỏi khéo chỉ đường

tốt cho người, nghe mà không theo, chẳng phải lỗi tại kẻ chỉ đường”.

(Kinh Di Giáo, phần Lưu thông, tiết Tinh Tấn, Giáo Thọ Thích Hoàn Quan, P.B. Sydney ấn tống năm 1998)

2. Độ người khó độ:

Trong số chúng đệ tử xuất gia theo Phật, thuộc đủ mọi thành phần trong xã hội, cũng như gồm đủ mọi trình độ. Có nhiều vị có tài lỗi lạc được ca ngợi tán dương như Xá Lợi Phất, trí tuệ bậc nhất, Mục Kiền Liên thần thông vượt bậc, Phú Lô Na thuyết pháp số một, Ca Chiên Diên biện luận xuất sắc, Ưu Bà Ly trì luật nghiêm minh xuất chúng... cũng không thiếu những vị lúc đầu chậm lụt, nhờ Phật sách tấn mà tu tiến như La Hầu La là một chứng minh điển hình. La Hầu La dựa thế là thâm tình của Phật khi mới xuất gia không lo tu trì mà dong ruổi theo thú vui tuổi thơ, Phật phải nhiều phen quở trách chú vẫn không thức tỉnh. Một hôm Ngài sai chú tiểu lấy nước cho Phật rửa chân. Chú vâng lời xách thau đi lấy nước cho Phật rửa chân xong, Phật bảo giữ thau nước ấy lại và hỏi La Hầu La:

Này con, thau nước này bây giờ có còn dùng vào việc ăn uống không?

- Bạch Đức Thế Tôn, không thể được.

Vì sao không được?

- Vì nước đã bẩn dơ, không thể uống dùng được nữa.

- Cũng như thế đây La Hầu La, tâm con nếu bị phiền não dấy khởi chẳng khác gì như cái bản nổi lên làm nhiễm ô tâm ý, không thể tu hành đạt được đạo quả.

- Bạch Đức Thế Tôn con phát nguyện tiến tu đạo nghiệp, và kể từ nay quyết tinh tấn nỗ lực không ngừng để không hoài công giáo hóa của Thế Tôn.

Thế là từ một chú tiểu giải đãi việc tu hành, La Hầu La một sa di cần mẫn hết lòng tu tập, được thầy thương yêu bạn quý mến. Chẳng bao lâu La Hầu La trở thành một Đại Đức xuất sắc chuyên tu mật hạnh, và sau này là một trong số 10 đệ tử quan trọng của Đức Phật. Đức Phật cũng độ cho người thợ hót tóc đạo, thuộc thành phần tiện dân ở giai cấp thấp nhất trong xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ. Đó là Ưu Bà Ly, việc thu nhận đệ tử này của Phật đã làm cho vua Bimbisala (Tần Bà Sa La) và những người trong hoàng gia tỏ ra không hài lòng. Họ nghĩ rằng, giáo đoàn đã bị vàng thau lẫn lộn, theo cái nhìn qua hình tướng của họ.

Giáo đoàn của Phật lúc đầu chỉ có 5 người là 5 vị đạo sĩ của nhóm ông Kiều Trần Như, nhưng dần dần trong các pháp hội của Đức Phật số đệ tử tăng lên con số là 1250 người, gồm các vị đại Tỳ Kheo, các vị Đại A La Hán. Theo Kinh quá khứ, hiện tại nhân quả quyển 4 ghi: “Nhóm ông Da Xá gồm 50 người, thầy trò Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp gồm 500 người, Na Đề Ca Diếp có 250 người, Ma Ha Ca Diếp 250 người, thầy trò Xá Lợi Phất 100 người, thầy trò Đại Mục Kiền Liên gồm 100 người. Một ngàn hai trăm năm mươi người đó trước kia theo ngoại đạo, sau nhờ Đức

Phật giáo hóa dần đạo mà được chứng quả. Vì cảm ơn ỨC của Đức Phật nên trong mọi pháp hội, họ luôn luôn đi theo Đức Phật để hộ trì và ủng hộ bậc Thầy.

Ngoài ra, Phật cũng độ cho Chu Lợi Bàn Đạc, là một người Bà La Môn trong thành Xá Vệ, một đệ tử chậm hiểu, khó độ.

3. Phật độ Chu Lợi Bàn Đạc

Phật độ Chu Lợi Bàn Đạc xuất gia và dẫn dắt đắc thánh quả trải qua một quá trình dài lâu kiên nhẫn. Ông có nhiều tên gọi khác nhau mà Trung Hoa dịch là Ké Đạo, Tiểu Lộ; cách dịch mới là Chu Đồ Bán Thác Ca. Cha mẹ trên đường lữ hành sanh con trai đầu đặt tên là Bàn Đạc, có nghĩa là “Bên đường”, sau lại sinh thêm một con trai nữa, đặt tên là Chu Lợi Bàn Đạc (Tiểu lộ). Người anh thông minh, người em đần độn, cả hai đều theo Phật xuất gia, là đệ tử Phật.

Chu Lợi Bàn Đạc hay Châu Lị Bàn Đà bẩm tính chậm chạp kém trí nhớ, học trước quên sau, nên những giáo pháp đã được học tập ông đều không nhớ nổi. Do đó, người đương thời gán cho ông là Ngu lộ. Những đệ tử thượng túc của Đức Phật như Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp... đều không thể nào dạy nổi ông. Do đó được Đức Phật trực tiếp giáo hóa ông có mỗi một việc là quét bụi trừ dơ (phất trần trừ cấu), tức là trong khi lau chùi bụi đất phòng xá của các Tỷ Kheo thì đọc tụng câu trên. Lúc đầu ông nhớ 2 chữ trước lại quên 2 chữ sau,

và ngược lại; cứ như thế mà tụng cho đến khi thuộc nằm lòng câu “Quét bụi trừ dơ”, rồi dần dần tiêu trừ được nghiệp chướng. “Một hôm ngài bỗng nhiên khai ngộ, chứng quả A La Hán. Sau khi chứng ngộ, Ngài có đầy đủ thần thông, thị hiện các thân hình, từng hiện đại thần lực để thuyết pháp cho bốn lục quần tỳ kheo. Đời sau cho rằng Chu Lợi Bàn Đạc và 1,600 vị La Hán quyên thuộc ở trong núi Trì Trục, chính là lực lượng hộ trì chánh pháp, làm lợi ích chúng sanh.”

(Tài liệu: Tăng Nhất A Hàm 8, Kinh Pháp Cú Thí Dụ 2, Luật Thập tụng 11, Hữu bộ Tỳ Nại Da 31, Thiện Kiến luật Tỳ Bà Sa 16, luận đại Tỳ Bà Sa 180. Từ Điển Huệ Quang Cuốn I, trang 950-951 nhà Xuất Bản Tổng Hợp Saigon, Việt Nam năm 2003).

Đức Phật là người rất thực tế, tùy theo tâm hạnh của mỗi người mà nói Pháp độ họ. Ngài không lý thuyết hay triết lý, nhưng nhắm ngay đối tượng để khai tâm mở trí, và tất cả đều nhờ đó được thấm nhuần ân lợi lạc. Pháp tu tuy đơn giản chỉ có bốn chữ “Phát trần trừ cấu”, quét bụi trừ dơ, nhưng lợi ích vô cùng cho nhiều người.

Quét bụi tuy vậy mà là cả một nghệ thuật. Nói tới quét cũng cần phải học, quét mới sạch bụi được. Như người quét đứng thẳng lưng không chịu cúi xuống không để ý xem xét các hang hốc, góc ngách... cũng khó quét cho sạch bụi dơ, rác bần. Điều cần đòi hỏi người làm công việc nhẹ tay này nên chịu khó, nhất là mắt phải quán sát kỹ mới thấy hết được những gì cần trừ khử, tẩy thanh. Riêng bụi

cũng có nhiều thứ như bụi bặm, đất cát, vết nhơ... ở ngoài rất dễ quét tẩy; còn bụi ở bên trong như ô nhiễm, chấp vướng, kiêu mạn, tham dục v.v... bám chắc lâu đời cũng khó mà quét cho sạch hết.

Trừ dơ là phải biết vận dụng tâm ý một cách khéo léo. Vết nhơ bám víu nơi tâm ta như con đĩa đeo bám víu cũng khó gỡ ra được. Muốn trừ sạch chúng phải dùng kỹ thuật mới tẩy xóa được vết nhơ. Hành giả mới đầu cầm cây chổi, tiếp xúc với vật mới thấy rõ tâm địa của mình, và nêu lên nghi vấn như, tại sao tâm ta tạo nên cái bản?

Tâm địa nhược thông, huệ nhật tự chiếu (tâm địa nếu thông suốt, mặt trời trí tuệ tỏa chiếu). Hoặc nhược đạt tâm địa, sở trụ vô ngại” (nếu đạt tâm địa, chỗ trụ không ngại). Là hai (2) câu nơi kệ của Thiền Sư Vô Ngôn Thông (VN) phú chúc cho đệ tử là Cảm Thành Thiền Sư (Thế Kỷ 9) trước khi thị tịch.

Chu Lợi Bàn Đạc vừa quét bụi, vừa nhớ lời Phật dặn bảo vừa suy nghĩ sâu vào việc làm và tâm hiệp nhau là một. Tự hỏi: sao tâm ta lại u ám thế này? Có phải chăng do vô minh dày đặc kết tụ nên từ vô lượng kiếp? Nhờ đó mà dần dà Ngài bắt phăng được đầu mối tâm địa mình, nên cuối cùng tỏ ngộ chân tâm. Cho nên người đệ tử Phật mới nhập môn phải học luật Tỳ Ni mà bài kệ “Tảo địa” (quét đất) phải thâm nhập nằm lòng như sau:

Tảo Địa

Cần tảo già lam địa

Thời thời phước huệ sanh
Do phi nhưn khách chí
Diệc hữu Thánh nhân hành

Quét đất

Siêng năng quét đất vườn chùa
Phước huệ sanh trường bốn mùa nở hoa
Cho dù vắng khách lại qua
Thánh nhân cũng hẳn đoái hoài ghé thăm.

(T. Bảo Lạc dịch)

Đó là lý do người xuất gia học từ cơ bản những oai nghi tế hạnh, ngõ hầu đặt nền tảng vững chắc cho tiến trình dài lâu tới khi đạt đến giải thoát.

Ngày nay người đệ tử học Phật cần phải noi gương nói chí người xưa miệt mài tinh cần, như người thợ mài giữa ngọc thành món đồ trang sức đẹp. Đó cũng là do ý chí, niềm tin và sức nhẫn nại kiên trì qua năm tháng mới mong được thành tựu viên mãn.

4. Vài điều nhận xét

- Người kém thông minh thường bị chế giễu
- Mặc cảm tự ti giúp con người vươn lên
- Thành tâm chân thật
- Kẻ ngu trên đời không hiếm, nhưng người ngu chứng Thánh mới hy hữu.

- Người nào trí huệ yếu kém, chậm hiểu thường bị mọi người khi dễ, coi thường hay ghét bỏ; thậm chí còn bị châm chọc, chế giễu ở chỗ đông người. Có nhiều khi họ cũng bị mọi người tẩy chay, xa lánh không chơi chung hay làm việc chung. Cái tệ hại của người ngu đần là làm việc không có óc sáng tạo, trí nhớ kém cỏi khiến nhiều người khó chịu. Hiệu quả của việc làm không đạt mà có nhiều lúc còn đưa lại thất bại, hư hỏng công việc nữa.

Một người mà đầu óc đặc sệt chậm lụt thường làm việc gì cũng đều thất bại cả. Có đến trường học chữ nghĩa nhét cũng không vô, nếu cố gắng gượng ngồi tại lớp cũng không thu thập được gì; và tới kỳ thi cử, thất bại trượt vô chuối là điều nắm chắc trong tay. Y sống đời hầu như bị cô lập vì ít ai để ý quan tâm. Đáng đi mệt mỏi, bộ điệu đã dươi chán chường, ít năng động lại ưa ngủ nhiều. Những người thuộc dạng này tánh hay lánh nặng tìm nhẹ, trong lúc mọi người hăng say làm việc, y lại lẩn tránh ra một chỗ khác ngồi chơi như cố tình không tham gia. Nhận lãnh công việc làm lại không đạt năng suất yêu cầu; và như vậy không có việc gì làm bền lâu xong việc được cả. Họ chẳng người hướng dẫn phải thật khéo léo và có đủ đức kiên nhẫn tâm bao dung để dìu dắt mới mong cải thiện được một người tối dạ như bầu trời không có trăng sao.

- Mặc cảm tự ti giúp con người vươn lên:

Đề ý quan sát ta nhận thấy những ca sĩ có giọng hát hay, thường trải qua một quá khứ đen tối đau buồn, nhất là

cảnh cha mẹ ly tan mỗi người một ngã, hoặc cha hay mẹ chết sớm từ hồi đứa bé còn nhỏ dại.

Xin dẫn chứng câu chuyện Barack Obama, Tổng Thống đời thứ 44 của Hoa Kỳ chứng minh:

Ông Obama là một người da đen sinh năm 1961 tại Hawaii kết quả hôn nhân giữa một phụ nữ da trắng, và một sinh viên gốc Kenya du học Hoa Kỳ theo một chương trình trao đổi sinh viên vào cuối thập niên 1960. Sau khi cha ông ly dị, mẹ dắt cậu sang sống và học tiểu học tại Indonesia, sau đó trở lại Hoa Kỳ tiếp tục học trung học, cũng như lên bậc Đại học. Và ông tốt nghiệp ngành luật làm luật sư, ra tranh cử và đắc cử Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ năm 2004. Vào thập niên 60 – 70 phong trào kỳ thị da màu của người da trắng Hoa Kỳ là bài học để đời cho cậu bé Barack Obama, phải cố vươn lên để không bị miệt thị, khinh rẻ. Sở dĩ ông Obama được đắc cử Tổng Thống Hoa Kỳ tháng 11 năm 2008 là do nhiều nguyên nhân khác nhau:

- Biến cố 11 tháng 9 năm 2001 của quân Khủng bố Bin Ladin làm sụp đổ hai tòa nhà chọc trời tại New York và Ngũ Giác Đài, đã cảnh tỉnh người Mỹ, nhất là thành phần trẻ chưa nếm mùi chiến tranh như thế nào. Nay có dịp họ chứng kiến cảnh máu đổ thịt rơi, nhà tan cửa nát; cũng nhờ sự kiện đó mà nhiều người Mỹ đã thay đổi lối suy nghĩ và nếp sống của họ từ đó.

- Hai cuốn sách của ông được nhiều người đọc là:

Dreams from my father (Những giấc mơ từ cha tôi);
và

The Audacity of hope (Hy vọng táo bạo).

Nhất là cuốn sau đã nói lên những hy vọng tràn đầy, cần làm một cái gì cho xứ sở Hoa Kỳ mà nhiều độc giả đọc được nơi tâm tư ước vọng của người đàn ông 2 giòng máu này muốn hướng về tương lai của Hiệp chúng quốc.

- Gần nhất vào năm 2004, TNS Barack Obama đã đọc bài diễn văn xuất sắc tại Đại hội Đảng Dân chủ tại Boston. Bài diễn văn có đoạn viết: *“Các chuyên viên có thói quen chia Hoa Kỳ ra làm vùng xanh và vùng đỏ. Vùng xanh là Dân chủ phóng khoáng, vùng đỏ là Cộng hòa bảo thủ. Nhưng cũng giống như ở vùng đỏ, trong vùng xanh nhân dân cũng có đức tin tôn giáo, cũng không muốn công an rình rập xem chúng ta đọc gì, và cũng khuyến khích con nít chơi baseball quốc hồn quốc túy. Trên quê hương này có những người yêu nước nhưng chống chiến tranh tại Iraq. Tóm lại, chúng ta là một dân tộc đồng nhất. Chúng ta đều trung thành với lá cờ và sẵn sàng hy sinh tính mạng bảo vệ tổ quốc này”*.

- Trong thời gian tranh cử: Obama nhờ tài ăn nói đã khéo thuyết phục được cử tri, nhất là người da đen xem ông như thần thánh và giới trẻ ngưỡng mộ biến ông thành một chính khách được sự hậu thuẫn của nhiều người khác nhau, trong lịch sử Hoa Kỳ. Ông đã đánh bại cả TNS cáo già McCain của Đảng Cộng Hòa để bước vào tòa nhà

Trắng trong lễ nhậm chức Tổng Thống huy hoàng vào ngày lịch sử 20/01/2009 vừa qua.

- Thành tâm chân thật:

Có thể nói hầu hết những người chậm chạp, dần dỗi đều bị loại ra ngoài lề của xã hội, bất cứ thuộc trong lãnh vực nào. Thế thì tại sao lại có người thành công như lịch sử chứng minh? Số người yếu kém trí tuệ, không thông minh nhưng vượt qua những khó khăn theo kịp người hay nổi bật hơn người rất là hiếm hoi. Nếu không nói họ nhờ biết cố gắng học hỏi, rèn luyện và nhất là thấy rõ được khả năng, vai trò của mình phải làm gì để lấy lại uy tín cho gia đình, giòng họ, giống nòi, người ta sẵn sàng hy sinh, đổi lấy thân mạng, nếu cần. Nhờ đó, sau thời gian rèn luyện, những người này trở nên phi thường hơn hẳn những người khác. Yếu tố thành công của họ một phần lớn nhờ sự chân thật, nhận biết sự yếu kém của mình, luôn luôn học hỏi, cũng như sẵn sàng đón nhận sự chỉ dẫn của bất cứ người nào bằng cái tâm thành khẩn cầu tiến trong niềm hoan hỷ. Nhờ đó không có hố ngăn cách giữa người được hướng dẫn và đối tượng; cũng như dốc hết tâm thành hướng thiện trong mọi lúc mà nên vậy.

- Kẻ ngu trên đời không hiếm, nhưng người ngu chứng Thánh đó mới là hy hữu:

Nguyên nhân nào Chu Lợi Bàn Đạc thành công trên đường tu tập? Hầu hết trong chúng ta ưa có mặc cảm, hễ bị chỉ trích hay phê bình là cảm thấy bất an, bao nhiêu nhiệt huyết, ý chí hay niềm tin đều bị thui chột hết. Như vậy,

làm sao có cơ hội cải tiến để vươn lên. Như người làm ra món hàng bị khách hàng chê, chả lẽ mang mặc cảm đem đẹp tiệm luôn sao? Muốn sống còn người ta cần phải cạnh tranh, tức là biết khắc phục, sửa sai để làm lại cho khá hơn, tốt đẹp hơn. Thay vì bị huynh đệ xem thường, các thầy chê trách, thầy Chu Lợi không cảm thấy nhục mà còn coi đó như là lời sách tấn để tiến tu. Theo tinh thần cầu tiến đó, Thầy được các Thầy yêu quý và Đức Phật thương tưởng tới, luôn luôn chỉ bảo bằng mọi cách, miễn sao thầy học được là vui rồi. Dần dà, do sự kiên trì chỉ dạy của Đức Bổn Sư, Thầy Chu Lợi Bàn Đạc an tâm bên cạnh Phật và tăng đoàn, học được những đức tính từ bi, nhẫn nhục, khoan dung nơi các vị, giúp Thầy có cơ duyên thoát xác. Như Kinh ghi: “Một hôm, Ngài bỗng nhiên khai ngộ, chứng quả A La Hán”. Từ “bỗng nhiên” không như người lười biếng nằm dưới gốc cây há miệng chờ sung rụng để no bụng mà khỏi cần phải ra sức lao động vất vả như nhiều người khác. Trong tiến trình ngộ đạo đó ngài đã phải đổ công sức rèn luyện mới thành tựu. Nhưng phải nói rằng thánh vị mà Ngài chứng đắc là cao tột trong hàng Thanh văn. Ngày nay khi nghe nhắc đến tên một nhân vật đệ tử Phật yếu kém trí nhớ, lại không thông minh, ta nghĩ ngay tới Chu Lợi Bàn Đạc. Vì tên Ngài như gắn liền với Đức Phật và tăng đoàn mà trong số một ngàn hai trăm năm mươi vị tùy tùng theo Phật trong các pháp hội, Ngài được thính chúng đặc biệt chú ý nhiều nhất.

5. Kết luận:

Trong quá khứ cũng như hiện tại đệ tử xuất gia của Phật đã có không biết bao nhiêu người đầu hàng, bỏ cuộc không thể tiếp tục đi trọn đường tu. Sở dĩ như vậy là do nhiều yếu tố nhân duyên chằng chịt cả bên ngoài lẫn bên trong tạo thành. Điều đáng nói hơn hết là do cái “tâm viên ý mã” của con người không tự kềm chế điều khiển được, nên bị hất tung ra khỏi rào ngăn giới luật hay tường thành tăng viện.

Phải chi ta được sống vào thời kỳ Đức Phật còn tại thế, nếu có yếu kém ở mặt nào như câu chuyện dẫn trên hay lỡ sa ngã như ngài A Nan bị Ma Đăng Già nữ ép buộc suýt phạm giới, được Phật hay biết trước nên tìm cách giúp đỡ cho đệ tử theo đường ngay hướng về nẻo chánh. Đức Phật nhiếp hóa đệ tử qua thân giáo, khẩu giáo và ý giáo, luôn luôn lấy mình làm gương cho chúng Tỳ Kheo noi theo. Nhờ lòng từ của bậc Thầy mô phạm ấy mà chúng xuất gia của Phật lúc bấy giờ đông lên tới số hơn cả ngàn người vẫn sống hòa hài như nước với sữa, như không có vấn đề hệ trọng xảy ra mà lịch sử đã chứng minh cho ta thấy rõ điều đó.

Nói tóm lại, Đức Phật là một nhà tâm lý biết được tâm niệm của chúng, Ngài cũng là nhà giáo dục tài ba lỗi lạc dùng đủ cách cương – nhu, uy – từ hướng dẫn đệ tử nên người. Trên tất cả, Ngài là một bậc Thầy nghiêm nghị mà khoan dung làm cho những ai gần Phật đều đem tâm phục và nhờ đó uy tín người xuất gia được nhiều người biết đến cũng như tận tâm bảo vệ. Hình ảnh Đức từ phụ và tăng

đoàn tại đạo tràng Linh Sơn xưa như luôn nhắc nhở người
con Phật:

Linh Thử đạo tràng xưa

Dáng cha lành còn đó

Chẳng quản ngại nắng mưa

Dõi theo gương hạnh Ngài

Lần bước theo dấu chân

Dù xa cách vẫn gần

Cà Sa ba cánh mỏng

Tháng ngày nhẹ lâng lâng...

*(Đạo Pháp quyền trời Tây trích thi Tập Trần Hương
trang 17, X.B. 2008)*

SIÊU PHẨM ÁN THÂN PHÀM

Đạo An pháp sư đặt tên họ Thích



ũng như vua A Dục ở Ấn Độ trước khi trở thành một Phật tử thuần thành, ông đã là một bạo chúa hung tàn sát hại rất nhiều người; vua Phù Kiên vào đời Tần ở Trung Hoa muốn trở thành bậc anh hùng cái thế, ông thống lãnh 10 vạn quân toan thôn tính nhà Đông Tấn phương Nam, nhưng bị đại bại ở Phi Thủy. Thế là sự nghiệp binh hung ông đành xếp vó quay về đời sống nội tâm và trở thành một Phật tử ủng hộ Phật giáo hết lòng, do sự hướng dẫn của ngài Đạo An, một bậc danh tăng lúc bấy giờ. Sư sinh năm Nguyên gia thứ 6 (312), đời Đông Tấn, người Thường Sơn, tỉnh Hà Bắc.

- Xuất gia tu học:

Nhờ túc duyên sẵn có, năm 12 tuổi sư xuất gia tu học ở chùa rất tinh cần, tư chất thông minh, nhưng hình tướng xấu xí, nên không được thầy yêu bạn quý, phải lao tác công việc điền viên trong 3 năm trời rất vất vả và thật là kham nhẫn. Không như bài kệ lúc xuống tóc xuất gia:

Hủy hình thủ chi tiết

Cắt ái từ sở thân

Xuất gia hoàng Thánh Đạo

Thệ độ nhứt thiết nhân.

Nghĩa là:

Bỏ tướng hủy tóc râu

Cắt ái xa người thân

Xuất gia truyền Thánh Đạo

Nguyên độ tất cả nhân.

Đã nói hủy bỏ hình tướng bề ngoài cạo sạch râu tóc xuất gia để cho không giống với người đời, đâu còn niệm tốt xấu, đẹp thô để phân biệt tướng mạo với hình dung mà đối xử thiếu công bằng trong lễ đạo? Giáo lý Phật vô chấp, nhưng con người không tránh khỏi niệm phân biệt trọng khinh theo thường tình. Thế là trong thời gian tập sự, ngài đã nếm trải không biết bao nhiêu mùi vị cay đắng của cuộc đời. Cho tới khi được phát hiện biệt tài, thầy cho thọ Tỷ kheo giới mới được đi tham phương cầu học. Một duyên may hy hữu, khi tới chùa Nghiệp Trung, ngài gặp ngài Phật Đồ Trùng (danh sư lừng danh lúc bấy giờ) và xin nhập môn theo học. Tại đây, lại một lần nữa, chúng thấy tướng Ngài xấu xí liền đem lòng khinh thị. Vốn biết do túc nghiệp, ngài âm thầm an nhẫn dốc tâm học tập mà không hề có một niệm ghét hay oán trách các huynh đệ đồng môn với mình. Ngài Phật Đồ Trùng như đọc được tâm trạng của chúng nên nói: “ Người này có kiến thức cao vời không phải bọn các ông có thể sánh kịp”. Quả nhiên, đúng như lời dạy, sau thấy Ngài xuất sắc trong khi thầy giảng đạo, Ngài lại đem giảng lại cho đại chúng nghe.

- Tư chất thông minh đặc biệt:

Tục ngữ Việt Nam có câu: “ có tật có tài” cũng để nói lên tâm lý của một người thua kém người khác về mặt nào đó ở ngoại diện, như cơ thể không vẹn toàn, sáu căn khuyết tật, hoặc lùn, lé, hô, sún... là những tướng xấu hoặc do bẩm sinh, nhưng không tránh khỏi bị khinh thường xem nhẹ chưa kể những khuyết tật về nội diện lại còn đáng buồn hơn, không tránh khỏi sự phê bình nghiệt ngã dưới con mắt thiếu cảm thông, chia sẻ của mọi người. Ở đây, ngài Đạo An tuy có dáng người xấu xí, tướng lùn, nhưng trí thông minh có thừa, học đâu nhớ đó, lại còn có những biệt tài khám phá mới lạ mà người khác không thể có được.

Việc này đối với chúng ta không lấy gì làm xa lạ lắm như qua báo chương, truyền hình, truyền thông, internet hay sách kỷ lục thế giới (The World Guinness Record) những nhân vật đặc biệt đương thời ở rải rác chung quanh ta khắp nơi trên thế giới. Chứng tỏ khả năng siêu việt (super behavior) của một số ít người này trong đời sống hay trong hiện thực của xã hội ngày nay. Thế thì biệt tài của ngài Đạo An cũng là điều đương nhiên mà không làm cho ta ngạc nhiên mấy. Lúc thiếu thời, ít ra là hai lần ngài bị đối xử bất khoan dung mà những người trong cuộc không ai xa lạ khác hơn, chính là những pháp lữ đồng hành hay ngay cả thầy học của mình. Tuổi trẻ ưa có mặc cảm qua hai khuynh hướng: tự ti hoặc tự tôn, ngài đã sáng suốt chọn cách hướng thượng và đeo đuổi cho tới cùng. Sau khi

thanh dand lưng lầy, bây giờ đổi lại Ngài được trên từ triều đình vua trọng vọng, dưới đồ chúng mến mộ nể vì tìm tới học mỗi ngày một đông.

Lúc ngài cùng với đệ tử Tuệ Viễn trụ tích tại Tương Dương- Hồ Bắc - ở chùa Đàn Khê, người khắp tứ phương nghe danh tìm đến thọ học rất đông. Tại đây có câu chuyện nổi tiếng còn truyền cho tới nay, giữa ngài và Tập Tạc Sĩ, một danh sĩ đương thời, biết tiếng tăm cũng tới giao tiếp với Ngài. Lúc mới gặp, Tập Tạc Sĩ có ý tự khoe mình nên nói: “Tứ hải Tập Tạc Sĩ”, nghĩa là Tập Tạc Sĩ, người của bốn bể. Ngài Đạo An cũng có ý tự hào liền đáp lại rằng: “Di thiên Thích Đạo An”, tức là Thích Đạo An, người của cả gầm trời (theo xuất tam tạng Ký tập).

Do thần trí thông mẫn qua chuyện kể như sau: Thầy đưa cho một quyển kinh khoảng một vạn từ. Chỉ trong một ngày sư thuộc hết quyển kinh không sai một chữ. Thầy lấy làm lạ, liền cho thợ giới cụ túc (Tỳ kheo) rồi cho đi tham học các nơi. Gặp lúc Ngài Phật Đồ Trưng đang giảng thuyết, sư nghe xong rồi thuật lại đúng hết. Người đương thời tán thưởng rằng: “Một vị rất xứng đáng là đạo nhân, bốn phương đều kinh ngạc” (Từ điển Phật học Hán Việt do ngài Kim Cương Tử chủ biên, phân viện nghiên cứu Phật Học Hà Nội ấn hành năm 1992).

Qua những mẫu chuyện trên chứng minh cho thấy rằng Ngài là vị bạt tụy xuất chúng mà lúc bấy giờ ít có người sánh bằng; kể cả Tập Tạc Sĩ mà về sau vua Tần là Phù Kiên khi chiếm được Tương Dương, gặp được sư rất

đôi vui mừng. Vua nói: “Ta đem 10 vạn hùng binh đánh chiếm Trương Dương đã lấy được một người rười, sư Đạo An đây là một người, còn Tập Tạc Sĩ là nửa người vậy”. Như thế đủ biết tài trí và vóc dáng ngài ảnh hưởng trong đời sống của quần chúng ra sao rồi. Ấy là chưa đề cập tới chỗ đứng của ngài trong Phật giáo hẳn phải là một vị thế nhất định xứng đáng mà cổ kim không hết lời ca tụng tán dương, là bậc long tượng trong chốn thiên gia, để cho hậu thế học hỏi noi gương.

- Hoảng dương Phật pháp:

Theo như kinh Phật Vô Lượng Thọ có ghi rõ: “Chư Đại Bồ Tát học tất cả pháp của các Đức Phật một cách rành rẽ. Tâm an trú đã vô cùng vững chắc, ở đâu các ngài cũng đều cảm hóa tất cả mọi loài. Hiện thân trong khắp vô lượng cõi Phật mà không kiêu mạn, chỉ vì thương xót tất cả chúng sanh. Đây đủ hết thảy những pháp của Phật. Bao nhiêu kinh điển thuộc Bồ Tát tạng, các Ngài đều đã thông suốt đến chỗ thiết yếu, nhiệm mầu. Tiếng khen đồn đãi đến khắp mười phương, vô lượng Đức Phật đều cùng hộ niệm...” (Kinh Vô Lượng Thọ, T.T. Thiện Thông dịch, chùa Viên Giác - Đức ấn tông năm 2001).

Năm Ninh Khang năm đầu đời Tấn Vũ Đế, ngài tránh loạn cùng học trò Tuệ Viễn và 500 người đến Trương Dương lập chùa Đàn Khê, đúc tượng Phật tôn thờ. Vua Vũ Đế biết tính Ngài, chu cấp bổng lộc rất hậu, Ngài đều cố ý từ chối không nhận.

Năm Thái Nguyên thứ tư đời Tấn, vua Tần là Phù Kiên chiếm Tương Dương, nghe danh Ngài vua thỉnh ngài về ở chùa Ngũ Trùng tại Trường An, giảng diễn giáo hóa hơn 15 năm và tôn thờ làm thầy. Ngài từng đề nghị với vua Phù Kiên đi Tây Vực thỉnh ngài Cưu Ma La Thập đến Trung Hoa. Tại Trường An tăng đồ theo học ngài lên đến 3000 người trong công cuộc đại hoằng dương Phật pháp. Vua Phù Kiên muốn đánh chiếm Giang Nam, ngài can ngăn, vua không nghe theo, quả nhiên thất bại chua cay ở trận Phì Thủy như đã đề cập.

Ngài chỉnh lý các kinh luận đã được dịch sang chữ Hán rồi biên soạn thành bộ Chúng kinh mục lục. Bộ sách này hiện nay không còn lưu truyền (thất truyền), nhưng bộ Xuất tam tạng ký tập do ngài Lương Hựu đời Lương biên soạn thành, là căn cứ theo bộ sách trên của Ngài. Ngoài ra, ngài còn dốc hết tâm chí toàn lực vào công cuộc phiên dịch kinh điển, viết lời tựa và chú thích các kinh, gồm tất cả là 22 bộ. Những bản chú giải kinh Phật, ngài luôn cầu Thánh chứng.

Một hôm, do cảm ứng ngài thấy có một vị tôn giả lông mày dài giáng lâm và đem lời thán phục những việc làm của Ngài. Đó chính là Đức Phật Tân Đầu Lư. Khi làm lễ cúng dường, ngài luôn thệ nguyện trước Đức Phật Di Lặc, xin được sinh vào cõi trời Đâu Xuất. Theo như tương truyền, nơi cánh tay trái của Ngài có cục thịt nổi lên như con dấu. Người đương thời gọi Ngài là Ấn Thủ Bồ Tát.

Ngài tịch năm Kiến Nguyên thứ 21 đời Tần (385) thọ 73 tuổi.

Đồng thời vào đời Tần còn có nhiều vị danh tăng từ Tây Vực đến chuyên việc phiên dịch kinh điển như ngài Tăng Già Bạt Trùng (Sangha – Bhuti) người nước Kế Tân (Kashmir), Tăng Già Đề Bà (Sanghadeva) cũng thuộc nước Kế Tân, Đàm Ma Nan Đề (Dharmanandi), Đàm Ma Tì (Dharmapriya) người Tây Trúc, Đàm Ma Thị (Dharmakh) người Tây Vực, Tăng Già La Xoa (Sanghalakshas), Cưu Ma La Phật Đề (Kumarabuddhi) người Tây Vực, Trúc Phật Niệm, người Lương Châu (tỉnh Cam Túc) v.v... Các vị này đều là những nhà học giả về A Tỳ Đàm (Tiểu Thừa) nên các kinh điển đã dịch được đều là kinh điển Tiểu Thừa.

Do vậy, ngài Đạo An một mặt giúp vào công cuộc phiên dịch kinh điển với các vị Phạm tăng, mặt khác ngài còn giảng nghĩa kinh “ Phóng Quang Bát Nhã”, những đoạn nghĩa lý khó hiểu, Ngài đều chú thích; Ngài cũng giải thích nhiều kinh điển khác như trên đã ghi gồm tất cả 22 bộ. Ngài là người đầu tiên áp dụng phương pháp phê bình kinh văn. Trong lịch sử Phật giáo Ngài có những công hiến rất lớn lao, nhứt định.

- Chấn chỉnh tăng già:

Ngài định ra tăng chế để làm qui luật cho tăng già y cứ 3 việc: 1) Hành hương, định tọa 2) sáu thời tu tập 3) Bồ Tát, sám hối.

1) Hành hương, định tọa: Qui định việc đi hành hương các danh sơn như nhứt bộ nhứt bái, hay tam bộ nhứt bái; cũng như cách thức định tọa trong việc tham thiền cho đúng phương pháp.

2) Sáu thời tu tập: chư tăng ở tăng viện mỗi ngày phân ra thành 6 thời tu tập hay 6 khóa lễ như sau:

- Khuya: tọa thiền, công phu khuya, tụng đệ thân chú Thủ Lăng Nghiêm, Thập chú, Bát Nhã Tâm Kinh, niệm Phật, hồi hướng.

- Sáng: Học tập kinh, luật, luận.

- Trưa: Cúng nọ, thọ trai kinh hành niệm Phật

- Chiều: Công phu thí thực tụng kinh A Di Đà, hồng danh, Mông sơn thí thực.

- Tối: Thời kinh Tịnh Độ.

- Cuối ngày: Hô canh tọa thiền, chỉ tịnh.

3) Bồ Tát, sám hối: Mỗi nửa tháng sám hối vào tối 14 và 29 hoặc 30 tùy tháng thiếu hay đủ, cũng như tụng Bồ Tát giới kinh Phạm Võng và Tỳ kheo giới kinh. Tụng xen kẻ nhau để ôn tập giới luật đã học, nếu tỳ kheo nào phạm tội trong nửa tháng vừa qua, ra giữa chúng sám hối nhận tội và hứa trước Tam bảo khắc phục sửa sai.

Ngài Đạo An đã làm một cuộc đại cách mạng 2 mặt cho tăng đoàn:

- Bên trong: Qui định tăng chế

- Bên ngoài: Lấy họ Thích làm họ.

Hai việc có tính lịch sử vô cùng quan trọng, vẫn được áp dụng suốt chiều dài truyền bá gần 2000 năm qua của Phật giáo Bắc truyền như các nước Trung Hoa, Đại Hàn, Mông Cổ, Việt Nam, Đài Loan... mãi cho đến ngày nay vẫn giữ theo qui định đó. Cũng có nghĩa rằng những qui định chính đáng ấy thích thời và cập nhật nên luôn luôn được tồn tại.

- Người xuất gia lấy họ Thích:

Phật giáo từ lúc được truyền đến Trung Quốc năm 67 Tây lịch vào thế kỷ thứ nhất, đến ngài Đạo An thế kỷ thứ tư, người xuất gia phần nhiều lấy họ của thầy, hoặc lấy tên quốc gia nơi sinh ra đời. Chẳng hạn, họ Khang là người nước Khang Cư, “ Chi” là người nước Nhục Chi, “ An” là người nước An Tức, “ Trúc” là người nước Thiên Trúc.

Thầy của ngài là Trúc Phật Đồ Trùng, nên ngài cũng có tên là Trúc Đạo An. Nhưng sau ngài lấy cố, những người xuất gia đều lấy đức Thích tôn làm gốc, nên đều gọi là họ Thích, vì thế ngài có tên là Thích Đạo An. Thật là một nhà cải cách (reformer) vô tiền khoáng hậu trong lịch sử truyền thừa Phật giáo, để cho giềng mối đạo Phật Thích Ca tuyên lưu bất tuyệt trên cõi Ta Bà này. Nếu không, mối liên hệ hỗ tương giữa thầy trò, môn phong sẽ bị đứt đoạn chỉ trong thời gian ngắn trong vòng 50 năm hay 100 năm sau. Chỉ có họ Thích của chính đức Thích Ca, giáo chủ của đạo Phật, là mãi mãi bất diệt qua không thời gian, đi vào lòng người của nhiều thế hệ, suốt dọc quá khứ đến hiện tại và còn mãi cho tới tương lai.

Ngày nay mỗi một Tỳ kheo, Tỳ kheo ni khi dùng họ Thích của mình phải luôn nhớ tới công ơn bậc Tổ đức (Đạo An) đã tạo thêm cơ duyên sức mạnh cho hàng trưởng tử Như Lai, dẫn thân vào đời làm một sứ giả tuyên dương giáo pháp của đức từ phụ, xứng đáng là con Phật, cháu Thánh hiền vậy.

Cầu nguyện tiếng pháp âm bất tuyệt, Phật pháp cửu trụ ở thế gian để kiến lập cõi Tịnh Độ hay nhân gian Phật giáo, ngay trong cảnh giới ngũ trược ác thế Ta Bà này mà hàng Thích tử đại diện Thế Tôn đảm đương trọng trách: duy trì và phát triển.

- Vài nhận định:

Ngài Đạo An tuân hành di huấn của đức Từ phụ không thân cận thế quyền, từ chối ngay cả không nhận bổng lộc do vua Vũ Đế ban cấp. Mặc dù nhà vua rất nể trọng tôn ngài làm bậc thầy, nhưng không vì chút danh lợi hão huyền nhỏ nhoi mà quên đi bản hoài xuất trần của bậc thượng sĩ, là bài học sáng giá thứ nhất đáng học hỏi.

Qui định tăng chế để duy trì thể chế tăng già, chỉ bậc chân tu thực đức mới đủ tầm vóc nghĩ tới và bắt tay thực hiện. Bởi vì, có không ít những sự chống đối của những vị sống bê tha không lấy giới luật làm đầu. Những qui định nghiêm ngặt tu trì sáu thời hành đạo mỗi ngày của người xuất gia cũng là một việc thật là mới lạ. Nếu không khéo, có người cho rằng như thế là quá bó buộc, mất tự do v.v... nên cũng là việc không đơn giản một chút nào cả. Thế nhưng ngài đã mạnh dạn, dứt khoát đưa ra đường lối và áp

dụng thành công, đó là bài học sáng giá thứ nhì của người đệ tử xuất gia đương thời và về sau này.

Người tu lấy theo họ Thích lại là một sáng kiến mới thật hết sức độc đáo, ngoài pháp sư Đạo An ra, lúc bấy giờ không một đạo sư tầm cỡ nào trong giới Phật gia nghĩ ra cả. Việc làm có thể nói hơi táo bạo lúc đầu, tránh sao cho khỏi chỉ trích, phê bình, đó là chưa kể tẩy chay không chấp nhận. Kiến thức, đạo đức của Ngài đủ sức thuyết phục được mọi dị biệt trong tầng giới thời ấy, để đi đến quyết định chung: người xuất gia lấy họ Thích. Đây là bài học sáng giá thứ ba, và mãi mãi đi vào lịch sử Phật giáo Bắc truyền.

Đạo đức không nằm ở nhân tướng, ai y cứ theo hình dung dáng vẻ bề ngoài phê phán, chỉ trích, chê bai, khinh miệt v.v... người khác, là chưa hiểu Phật pháp, chưa xứng đáng là đệ tử của Phật. Lúc đầu, bị miệt thị, khinh thường... Ngài vẫn tự tại không thấy có vấn đề, để từ từ ngài chuyên hóa tâm niệm bất khoan thứ của mọi người, cho đối tượng thấy được giá trị thật của con người không do nơi tấm thân 50, 60 kilô hay do ở quần áo phục sức bề ngoài. Rồi thu phục được nhân tâm từ chỗ quý mến đi đến tâm phục nơi Ngài như ta đã thấy, là cả một sự kiên nhẫn đầy dũng lực mà nếu thiếu đức tu thử hỏi mấy người xuất gia làm được. Đây là bài học vô cùng cao quý thứ tư cho suốt cuộc đời hành đạo của ta.

Điều trân quý sau cùng hay thứ năm ở mẫu người dám nói và dám làm của Ngài đã thành hiện thực trong lịch sử


Phật giáo Đông Nam Á nói riêng và cho dòng pháp mạch lưu thông của toàn thể Phật giáo nói chung trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai. Điểm nổi bật hơn cả là qua công hạnh hồng pháp của Ngài đã để lại cho chúng ta một kho tàng giáo pháp đồ sộ ứng dụng bất tuyệt.

Vóc dáng ngài Đạo An vẫn nguyên vẹn vượt trên không gian và qua thời gian. Mặc dù Ngài thị tịch tới nay trải hơn 1624 năm (ngài tịch năm 385) xuân thu tuế nguyệt. Thật vậy, tăng chế ngài đề bạt vẫn được áp dụng tại hầu khắp chốn thiền gia cho đàn hậu bối tăng ni trong các tông lâm, học viện Phật giáo. Điều thiết thân hơn cả với người xuất gia mỗi lần dùng tới Đạo hiệu chữ “ Thích” đặt trước tên mình ta thật tâm đắc và hãnh diện. Tâm đắc là con của đấng Điều Ngự mà là hàng trưởng tử nữa, phải có bổn phận và trách nhiệm xiển dương cũng như bảo vệ Phật pháp không để mai một, lạm dụng, xuyên tạc... Và sau cùng là niềm hãnh diện bậc đại đạo sư đã thông suốt có tầm nhìn xa thấy rộng cho ta lòng tự hào truyền thống lâu đời của Phật giáo mà chư Phật, Bồ Tát, chư Tổ đức đã dày công tô bồi mới có được như hôm nay.

Hàng Thích tử chúng ta phải tự nguyện sống đời sống đạo, dốc chí tu học cho tới hơi thở cuối cùng, và nguyện luôn theo hạnh nguyện Bồ Tát dẫn thân vào đời phục vụ để đem lại an lạc hạnh phúc cho loài người và vạn loại chúng sanh.

SA MÔN BÁT KÍNH VƯƠNG GIẢ

Sơ Tổ Tịnh Độ - đại sư Huệ Viễn (334-416)

 hững bậc Tổ Đức – Tông lâm thạch trụ - vóc dáng các Ngài luôn tỏa sáng cao chót chờ như ngọn hùng phong sừng sững qua thời – không mà uy danh vẫn còn đồng vọng tới hậu lai, và người đời hết lời ca tụng tán dương. Quả thật, bậc Thánh Đức có khác thể thường ngày càng gần gũi ta hơn. Như Phật Thích Ca mà ngày Đản Sanh, Thành Đạo, nhập Niết Bàn... trải qua 2600 năm vẫn được các hàng môn đệ tưởng niệm khắp nơi trọng thể bằng tâm hiếu kính; cũng như những lễ giỗ cúng Tổ Sư các ngài Bồ Đề Đạt Ma, Huệ Khả, Huệ Năng (Thiền tông, TQ), Pháp Nhiên, Thân Loan (Tịnh Độ, NB), Đạo Nguyên (Thiền Tào Động, NB), Lâm Tế Nghĩa Huyền, Bách Trượng Hoài Hải, Quy Sơn Linh Hựu (Thiền Lâm Tế, TQ), Trí giả đại sư (Thiền Thai), Huyền Trang (Pháp Tướng), Huệ Viễn đại sư – sơ Tổ tông Tịnh Độ... được con cháu nhiều đời truy tán công đức thật hết sức thành khẩn long trọng, trang nghiêm vào dịp lễ húy nhật để đàn hậu học ôn nhắc học hỏi noi gương công hạnh tiếp nhân độ chúng của các Ngài.

I- Thời kỳ xuất gia tu học: Huệ Viễn đại sư là danh tăng Trung Quốc, sống vào đời Đông Tấn (317-419), họ Giả, người Lô Phiền – Nhạn Môn, tỉnh Sơn Tây. Năm lên

13 tuổi sư đi tham học ở Hứa Xương, Lạc Dương. Năm 21 tuổi sư cùng người em là Huệ Tri xuất gia thờ ngài Đạo An làm thầy. Chẳng bao lâu thông hiểu giáo lý thâm uyên của Đại Thừa. Có chỗ tĩnh ngộ, xúc động than rằng: “Chín pháp (*) của Đạo Nho đều là trấu cám” (mà chính sư đã nghiên tâm trước đó).

Bấy giờ ở Tương Dương xảy ra giặc giả loạn lạc, ngài Đạo An phải phân tán môn đồ đi các nơi lánh nạn mà vẫn duy trì đạo phong trong sự kham nhẫn thiếu thốn đủ điều. Sư rất giỏi về học thuyết tánh KHÔNG của Bát Nhã, năm 24 tuổi lên pháp tòa giảng pháp cho các pháp hội đông người dự nghe. Sư thường dẫn sách của Trang Tử để nói về nghĩa thật tướng của Phật giáo; làm cho người có tâm nghi hoặc tin hiểu.

Nhận ra được chỗ sở ngộ của đệ tử, ngài Đạo An cho phép sư luận bàn thư từ của người thế tục gửi đến, phần nhiều nghi vấn về giáo pháp, nhân quả luân hồi... Nhân đây, xin ghi lại câu chuyện: “ Tả kinh cứu bạn đồng học” như sau:

“Đời Tùy, niên hiệu Đại Nghiệp, có vị khách tăng đi đến miếu Thái Sơn muốn tạm nghỉ qua đêm ở đó. Người giữ miếu nói: Đây không có nhà nào khác, chỉ dưới hiên của miếu Thần có thể tạm nghỉ. Nhưng vì gần đây, những người nghỉ nơi đó đều chết cả”

Khách nói: “ Không hề gì đâu! Cho ta tạm nghỉ nơi đó! Người giữ miếu bất đắc dĩ y lời dọn giường cho khách nghỉ dưới hiên miếu.

Tối đến, khách ngồi ngay ngắn tụng kinh. Ước chừng một canh sau (độ 2 giờ), nghe trong màn có tiếng vàng ngọc khua vang, giầy lát có vị thần từ trong màn bước ra lễ lạy khách tăng. Khách tăng nói: “Nghe người ta nói trước đây nhiều người bị chết tại chốn này, có phải là Đàn Việt hại đó chăng? Xin chớ hại ta!”.

Thần nói: “Ngày trước tình cờ những người mạng số sắp chết, nghe tiếng động của đệ tử, nhân quá sợ mà chết, chớ chẳng phải làm hại, xin Thầy chớ lo”.

Khách mời thần ngồi nói chuyện. Một lát sau, khách hỏi: Nghe nói thần Thái Sơn cai trị loài quỷ, có thật chăng?”. Thần đáp: “Đệ tử phước bạc, chính có thể. Có phải thầy muốn biết rõ việc người thân của thầy đã chết chăng?”. Tăng nói: Ta có hai bạn đồng học đã chết muốn thấy đó. Thần hỏi tên hiệu rồi nói: “Một người đã đầu thai làm người, một người bị tội nặng đương ở địa ngục, không thể kêu đến, nếu thầy muốn thấy cũng có thể được”. Tăng rất mừng, liền đứng dậy đi theo thần. Không bao xa, thấy nhà ngục cháy đỏ rực. Thần dắt Tăng vào một nhà, xa thấy một người đương ở trong lửa rên la nói không ra tiếng, thân thể nám cháy đen không nhìn ra được, mùi thịt cháy hôi khét lẹt khiến người đau lòng. Thần nói: Chính ông ấy đó, Thầy còn muốn đi xem vài nơi khác nữa không?”.

Tăng buồn rầu xin trở về. Giầy lát đến miếu, lại cùng thần ngồi. Tăng hỏi thần cách cứu bạn học. Thần nói: “Có thểặng lắm, nếu Thầy tả được cho ông ấy một bộ kinh Pháp Hoa, thì chắc ông ấy được khỏi”.

Bấy giờ gần sáng, Thần từ biệt Tăng vào trong. Sáng ra, người giữ miếu thấy khách tăng vẫn vô sự yên lành, lấy làm lạ hỏi. Tăng thuật lại chuyện đêm qua.

Khách Tăng về chùa vì bạn tả kinh Pháp Hoa, tả xong, đóng bìa, cắt xén tử tế, lại mang kinh đến miếu. Đêm đó thần ra chào hỏi mừng rỡ, hỏi thăm đến có việc chi. Khách đem chuyện tả kinh xong nói với thần.

Thần nói: “Đệ tử đã biết rõ việc ấy, Thầy vì bạn tả kinh, lúc mới chép đề mục thời ông ấy đã khỏi khổ, hiện đã thác sanh vào nhân gian rồi, chỗ này không được tinh khiết để thờ kinh, xin thầy đem kinh về chùa”.

Cùng nhau đàm luận tới gần sáng, thần từ biệt khách tăng vào trong; Tăng lại mang kinh về chùa. Quan Biệt giá Trương Đức tự nói: “ Khi ông trần nhậm ở châu Duyện có biết rõ việc trên” (Lại Bộ Thượng Thư Đường Lâm biên, sự tích chép ở kinh Pháp Hoa quyển 6).

II - Thông hiểu Tứ Thư, Ngũ kinh:

Kẻ sĩ ngày xưa phần nhiều đều học Tứ Thư, Ngũ Kinh xem như sách giáo khoa vậy. Cũng là môn học bắt buộc do Bộ quốc gia giáo dục ấn định; ra những đề thi các bậc Tấn sĩ, Hoàng giáp, Thám hoa đều chọn ra từ trong những bộ sách như đã đề cập ở trên.

Tứ Thư là bốn bộ sách gối đầu giường của giới nho sĩ trường quy. Đó là sách: Luận ngữ, Mạnh Tử, Trung Dung, Đại Học. Ngũ kinh là 5 sách xem như kinh lục của Nho giáo như: Kinh Thi, Kinh Thư, kinh lễ, kinh Dịch, kinh

Xuân Thu, có khi còn thêm kinh Nhạc nữa là 6 kinh. Không những Sư thông hiểu các kinh thư của Nho giáo mà còn bác lăm về Lão Trang. Do vậy, việc nghiên cứu kinh Phật, đối chiếu tỉ giáo sư đưa ra nhận xét chính xác như trên đã dẫn giải. Đa phần người hiểu sâu Nho giáo, Lão Trang lại không hiểu Phật giáo, vì tư tưởng bị gò bó, vướng mắc không thoát ra được khỏi vỏ tri thức, mà như Đức Phật từng khẳng định là: “ Thế trí biện thông”, một trong tám nạn làm chướng ngại Phật đạo không ít. Sư có thể nói là người có tư tưởng cấp tiến, phá tung được bờ ngăn, bức tường “ kinh viện”, đến với Phật giáo hay đúng hơn triết lý đạo Phật như một nhà khoa học khám phá ra một hành tinh mới đầy hấp dẫn lực. Từ đó, Sư đắm mình nghiên ngẫm như không hề biết mỗi một bất kể ngày đêm, để về sau trở thành một nhà lập thuyết, một vị luận sư qua các bộ luận (sẽ đề cập sau), thật quả xứng danh như đạo hiệu mà bốn sư đã chọn đặt cho Ngài lúc nhập môn vậy. Cho nên ngày nay nghe nhắc đến danh ngài, trong giới Phật giáo cổ kim không ai là không biết đến công hạnh to lớn của đại sư trong việc xiển dương giáo nghĩa pháp tu Tịnh Độ mà Phật tử chúng ta được thừa ân pháp nhũ. Đồng thời, Ngài cũng chính là nhà tư tưởng lớn đối với Phật giáo Trung Quốc, và Đại Thừa Phật giáo nói chung. Mặc dù Ngài viên tịch trải qua hơn 1593 năm, nhưng Bạch Liên Xã còn đó, chùa Đông Lâm vẫn đang sừng sững còn hiện hữu kia, và cao trọng hơn thế, sự nghiệp phiên dịch kinh điển của Ngài vẫn sống mãi với người Phật tử; và sau hết, pháp môn Tịnh Độ hơn lúc nào hết, ngày nay được xiển

dương hầu khắp quốc độ này đối với người tín ngưỡng Đức Phật A Di Đà và cõi Tây Phương Cực Lạc, phải nhớ ân bậc Tổ Đức vậy.

Ở đây mở đầu ngoặc ghi thêm sơ lược nội dung bộ sách Tứ Thư để tiện dụng các nhà nghiên cứu trong việc tham khảo.

- Đại học là sách ghi chép lại những lời của Vương Dương Minh giảng cho môn đệ, và những vấn đề do hàng môn đệ nêu ra. Đại học là cái học của các bậc đại nhân như đoạn mở đầu ghi: “Đại học chi đạo, tại minh đức, tại tân dân, tại chí ư chí thiện” (Cái đạo đại học do nơi đức sáng, do luôn làm mới, là ở chỗ chí thiện) mà theo Vương Dương Minh là các bậc lấy trời đất, muôn vật làm nhất thể, xem thiên hạ như một nhà, xem cả nước như một người.

Sách Đại học gồm: một chương Kinh Văn hay lời nói của Khổng Tử và 10 chương Truyền là lời nói của Tăng Tử giải thích kinh văn tổng cộng 11 chương.

- Trung Dung có nghĩa là ở mức độ vừa phải, không cực đoan, là trở về nguyên bản, là đạo lý dung hòa với thiên nhiên, là nền tảng của Nho giáo, truyền từ người này sang người khác. Sách do đệ tử của Khổng Tử biên soạn trước thời Mạnh Tử rút từ sách Lễ Ký có từ thời Hán (206 trước tây lịch đến 220 sau kỷ nguyên). Sách đề cập đến công việc trị an của các triều đại, cũng nói đến phong tục tập quán trong xã hội cổ thời Trung Quốc. Sách gồm 2 phần, 33 chương. Phần 1 gồm 20 chương là kinh văn chép

lại lời Khổng Tử. Phần 2 gồm 13 chương là lời diễn giải của Tử Tư (học trò).

- Luận ngữ: bộ sách gồm 20 chương, bao hàm tư tưởng của Khổng Tử về mọi vấn đề. Nêu một ví dụ để chứng minh. Luận ngữ tập XVI, chương III, nguyên văn: Khổng Tử viết: “ Thiên hạ hữu đạo, tắc lễ nhạc, chinh phạt tự thiên tử xuất. Thiên hạ vô đạo, tắc lễ nhạc, chinh phạt tự chư hầu xuất. Tự chư hầu xuất, cái thập thế hi bất thất hi. Tự đại phu xuất, ngũ thế hi bất thất hi. Bồi thần chấp quốc mệnh, tam thế hi bất thất hi. Thiên hạ hữu đạo, tắc chính bất tại đại phu. Thiên hạ hữu đạo, tắc thử nhân bất nghi. Nghĩa: Khổng Tử nói: Quốc gia được điều hành bằng đạo đức thì lễ nhạc và hành quân chinh phạt đều xuất phát từ thiên tử. Thiên hạ vô đạo thì lễ nhạc và chinh phạt phát xuất từ chư hầu. Phát xuất từ chư hầu thì (vương triều) khó giữ quá mười đời. Phát xuất từ quan đại phu, khó giữ quá 5 đời. Vận mệnh quốc gia do hàng bồi thần cai quản, khó giữ được 3 đời. Quốc gia được điều hành bằng đạo đức, chính quyền không nằm trong tay các quan đại phu, thiên hạ được an trị, người dân trong nước không xông xáo bàn tán. Dẫn chứng thêm: Luận Ngữ tập XIII, chương 3: “ Danh bất chánh tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành, sự bất thành, tắc lễ nhạc bất hưng, lễ nhạc bất hưng, tắc hình phạt bất trủng, hình phạt bất trủng, tắc dân vô sở thố thủ túc”. Dịch nghĩa: Danh không chính thì lời nói không thuận, lời nói không thuận thì việc chẳng thành, việc không thành thì lễ nhạc không hưng thịnh, lễ nhạc

không hung thịnh thì hình phạt không đúng, hình phạt không đúng thì dân không biết làm sao để xử trí.

- Mạnh Tử: tác phẩm do các môn đệ của Mạnh Tử biên soạn, được Mạnh Tử san định về phần lớn các tiên triều như Tề Tiên Vương, Tề Hoàn Công, Vua Nghiêu, vua Thuấn, Tấn Văn Công, vua Thành Thang, Lương Huệ Vương, và Mạnh Tử trả lời về cách tu - tề - trị - bình. Mạnh Tử (372 – 289 trước công nguyên) giải thích chính quyền và chính sách nhân đạo của Khổng Tử như sau: “ Công tác đầu tiên nhằm thực hiện chính quyền nhân ái trong hệ thống tĩn điền, là phân chia ruộng đất thành những miếng vuông đồng đều... Ở vùng quê, ngoài 8 phần đất riêng còn có một phần đất công chính giữa do dân chúng phụ lực cày cấy. Tại thành phố, dân chúng trả một phần mười lợi ích thu hoạch được cho chính phủ. Mọi người, không phân biệt cấp bậc, từ quan đại thần cho đến thứ dân đều được cấp 50 mẫu ruộng để hàng thanh niên trai trẻ canh tác. Đất ruộng nhờ vậy không bỏ trống dù cho có người chết hay di chuyển đi nơi khác. Dân chúng trong cùng một tĩn điền tương trợ nhau trong cơn hoạn nạn, phân chia công tác canh phòng ruộng vườn, tạo tình huynh đệ thuận hòa” (Mạnh Tử tập II, phần I, chương 3, đoạn 13-18).

Khổng Tử và môn đệ nhấn mạnh đến chính phủ hùng mạnh nhờ duy trì giầy liên hệ chân chính trong triều đình, nằm rải rác trong sách Tứ Thư, Ngũ Kinh.

III – Ưu tư tương lai Phật giáo:

Năm 381 Ngài từ biệt thầy về Kinh Châu, qua La Phù, Tầm Dương, thấy đỉnh Lư Sơn cảnh trí thanh tịnh, Ngài bèn trụ tích tại mé bắc ngọn núi này. Lúc đó có sa môn tên Tuệ Vĩnh chùa Tây Lâm, vốn là đồng môn với Ngài, và quan thứ sử Vĩnh Khuyển là Hoàn Doãn dựng chùa Đông Lâm, rồi mời Ngài về trụ trì ở đó. Lúc bấy giờ lại có các ẩn sĩ như Lưu Di Dân, Lôi Thứ Tông cùng khoảng một nghìn vị sa môn đi chu du qua đây, Ngài liền cùng với tăng, tục gồm 123 người, lập thành Bạch Liên Xã, chuyên tu tịnh nghiệp trước tượng Phật Vô Lượng Thọ. Tại đây, Ngài tận lực nghiên cứu kinh điển, thường than rằng vùng Giang Đông chưa có pháp Thiền, tạng Luật còn thiếu, nên sai đệ tử là Pháp Tịnh, Pháp Lãnh v.v... đi khắp nơi tìm các kinh về truyền dịch. Mỗi khi gặp cao tăng người Tây Vực, ngài liền thành khẩn thưa hỏi đạo mầu. Chuyên dùng Tịnh Độ niệm Phật làm pháp môn tu hành, cùng nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc quốc. Ngài trụ nơi Lư Sơn hơn 30 năm không hề rời khỏi núi, chỉ tiễn khách tới suối Hồ Khê mà thôi, như bài kệ còn truyền:

Tây Phương cổ giáo Thế Tôn tuyên

Đông độ khai tông hiệu Bạch Liên

Thập bát đại hiền vi thượng thủ

Hồ Khê Tam tiểu chí kim truyền.

Dịch nghĩa:

Tây phương giáo chủ Thích Ca tuyên

Đông độ khai tông hiệu Bạch Liên (1)

Mười tám vị đại hiền cao thủ (2)
Dòng Hồ Khê tông chủ lưu truyền (3).

(1) Tô khai sáng Bạch Liên Xã là ngài Viên Ngộ Tuệ Viễn. Ngài tịch tháng 8 năm Nghĩa Hy 12, đời Tấn (416) thọ 83 tuổi. (2) Mười tám đời kế thừa Bạch Liên Xã gọi là thập bát hiền gồm các vị tăng tục nổi tiếng như: Lư Sơn Tuệ Viễn chùa Đông Lâm, Tuệ Vinh chùa Tây Lâm (Lư Sơn), Tuệ Tri, Đạo Sinh, Đàm Thuận, Tăng Duệ, Đàm Hằng, Đạo Đỉnh, Đàm Tiễn, Đạo Kính, Giác Minh, Phật Đà Bạt Đà tam tạng, trở lên là 12 bậc pháp sư, và sau đây là 6 học sĩ Phật tử: Lưu Trình Chi, Trương Dã, Chu Tục Chi, Trương Thuyên, Tông Bính, Lô Thứ Tông. (3) Chùa Đông Lâm ở Lư Sơn có dòng suối chảy quanh đổ xuống Hồ Khê. Tương truyền xưa kia pháp sư Tuệ Viễn tiễn khách qua đây thì thấy hồ gập thét. Do sự tích trên nên đặt tên như vậy.

Trong khoảng thời gian dài Ngài không rời núi, hạnh tu sơn tăng không phải dễ hành ai cũng có thể theo kịp. Phải dứt hết mọi duyên cũng như hạnh đầu đà vậy, hành giả cần chịu đựng gian khổ thiếu thốn trong việc ăn uống, kham nhẫn với thời tiết gió sương mưa nắng; giới hạn tiếp xúc ngoại duyên cho thân tâm an trụ nơi thâm u tĩnh lặng gọi là a lan nhã. Một nơi chốn thanh tịnh chỉ thích hợp bậc chân nhân đạt đạo mới đủ niệmlực theo đuổi mà thôi. Hạnh tu cần khổ như thế, chính Đức Bản Sư Thích Ca đã trải qua nhiều năm, nhất là 6 năm tu miên mật trước khi

đạt được Vô Thượng chánh đẳng chánh giác thành Phật. Hành giả phải kiên trì tự khép mình trong kỷ luật mới có thể vượt thắng được những nội ngoại chướng duyên. Người nào thân thể yếu đuối, nhiều bệnh duyên hẳn khó thích ứng được với hoàn cảnh; những thách thức của tuyết sương, nóng lạnh, giông bão... Do thời tiết bất thường đưa lại, nếu không dự liệu, tìm phương tiện ngăn phòng cũng là bước cản trở đường tu không ít.

Hẳn nhờ đức tu, các Ngài không thoái chí sờn lòng, dù phải hy sinh đến tính mạng cũng không tiếc cho tới khi đạt đạo chứng quả. Như lời kiên thệ của Thái Tử Tất Đạt Đa ngồi tu dưới gốc cây Bồ đề: “Thà thịt nát xương tan, nếu không đạt thành Chánh Giác ta quyết không rời khỏi gốc cây này”, là một chứng minh hùng hồn của tâm thiết thạch, chí kim cương đối với bậc đại chí, như lửa thử vàng, chỉ có lửa tàn vàng thật đâu hề nao núng!

IV - Hết lòng xiển dương chánh pháp:

Một mặt dốc lòng kiến lập đạo tràng truyền trì pháp môn Tịnh Độ, mặt khác Ngài vận dụng nguyên lực phát huy Phật pháp bằng hợp tác với các nhà phiên dịch kinh như tam tạng Tăng Già Đề Bà, Cưu Ma La Thập, Đàm Ma Lưu Chi, Phật Đà Bạt Đà La... “Khi nghe pháp sư Cưu Ma La Thập đến Quan Trung, Ngài liền phái các đệ tử là Đạo Sinh, Huệ Quán, Đạo Ôn, Đàm Dực v.v... đến kinh đô Trường An nhận làm thầy y chỉ, học Không quán Đại thừa thuộc hệ Ngài Long Thọ. Ngài thường viết thư qua lại với ngài La Thập để thảo luận nghĩa lý. Cũng như phái đệ

tử là Đàm Ung tham dự dịch luật Thập tụng với pháp sư Đàm Ma Lưu Chi. Ngài còn thỉnh ngài Phật Đà Bạt Đà La từ Trường An đến Lư Sơn dịch Đạt Ma Đa La Thiền Kinh. Đồng thời tuyên dương học thuyết Bát Nhã Đại Thừa. Ngài cũng đề xướng Thiền học Tiểu Thừa và có kiến giải rất sâu xa đối với vấn đề cải cách Phật giáo Trung Quốc” (theo từ điển Phật học Huệ Quang tập II, trang 2006-2007 do H.T Minh Cảnh chủ biên, nhà xb Tổng Hợp – Sài Gòn năm 2003).

Lấy sự nghiệp hoằng dương Phật pháp làm chính nên đạo tràng Đông Lâm ở Lư Sơn rất hưng thịnh gồm hơn một nghìn học nhân tăng, tục theo học đạo, dịch kinh; cũng như đạo tràng Trường An của ngài La Thập là hai trung tâm Phật giáo lớn nhất đương thời. Ngài tinh thông Phật lý và giỏi kinh thư ngoại điển nên được người đương thời tôn trọng, và được tặng già ở khắp nơi kính thờ. Chùa Đông Lâm là trung tâm Phật giáo miền Nam, trong khi Trường An là trung tâm Phật giáo miền Bắc. Ngài thành lập Bạch Liên Xã năm 402, lấy chùa Đông Lâm làm đạo tràng khai tông Tịnh Độ tại núi Lư Sơn, nên Ngài là bậc Sơ Tổ của tông này. Suốt đời ngài dốc toàn lực phụng sự đạo pháp, tinh nghiêm giới luật nên trên từ vua quan, dưới đến dân giả ai cũng hết lòng nể phục tôn sùng. Về sau được các vua Đường, Tống ban tặng các thụy hiệu: Biện Giác đại sư, Viên Ngộ đại sư, Chánh Giác đại sư, Đẳng Biến Chánh Giác Viên Ngộ đại sư.

Đệ tử Ngài có các vị nổi tiếng nổi chí như Huệ Quán, Tăng Tế, Pháp An, Đàm Ung, Đạo Tổ v.v...

V - Chủ trương sa môn bất kính vương giả:

Như lời Đức Phật Thế Tôn dạy nơi Kinh Di Giáo trước giờ Ngài thị tịch Niết Bàn, người xuất gia hay thầy Tỳ Kheo đối với 22 việc bất thiện đều không nên làm hay can dự vào để cho thân tâm thanh tịnh, nếp sống trong sạch. Như không được tham dự việc đời, không đi sứ hay làm sứ thần cho vua chúa hay chế độ, không đưa thông tin, không giao hảo người quyền quý, không thân cận kẻ khinh mạn... Hơn nữa, người xuất gia phát nguyện theo Phật, kể từ khi chọn thầy làm nơi nương tựa, lấy Tam bảo làm chỗ tôn thờ, trong giờ lễ thế phát (xuống tóc) thầy ân cần khuyên bảo hướng về phụ mẫu lạy tạ 3 lạy đền ân sanh thành dưỡng dục. Từ nay trở đi không lạy cha mẹ nữa; cho nên bậc quân vương cũng không ngoại lệ.

1) Nguyên nhân nào Ngài Huệ Viễn chủ trương sa môn không lễ lạy vua? Vào năm 403, phản thần Hoàn Huyền sau khi cướp ngôi lên làm vua hạ lệnh sa thải sa môn, và bắt sa môn phải hết lòng kính vua. Vì ông chưa phải là Phật tử mộ đạo, nên có chánh sách sai lầm, khiến Ngài Huệ Viễn phải soạn luận “Sa môn bất kính vương giả” để phản đối, nói rõ về sự tất yếu không khuất phục vương quyền của người xuất gia. Chỉ có kẻ đại chí dũng lược như Ngài mới dám làm đối với thiên tử lúc bấy giờ. Nếu một người không đủ uy lực mà dám can vua, hẳn bị khép tội “Khi quân”, là tội trọng đáng xử trảm (chém đầu).

Nhưng tiếng nói của Ngài có tác dụng trong dân chúng cũng như trong tầng giới, nên ai cũng tán thành, do vậy sách lược của vua trở thành vô hiệu. Người xuất gia hẳn nghe Phật và theo sát tầng đoàn phụng hành lời Phật dạy, nên Ngài Huệ Viễn vạch sẵn đường hướng rõ ràng.

2) Dự tri tương lai của người xuất gia: Người xuất gia là sứ giả của Phật, là trưởng tử Như Lai để hết thì giờ, tâm lực vào việc phụng sự chúng sanh tức cúng dường chư Phật, nên không thể tham dự việc thế quyền được. Ngài như cảnh báo cho hàng tăng già về sau này không nên tham chính mà quỳ lạy trước thế lực này hay thế lực khác cũng đều trái lời Phật dạy, không theo đúng lý tưởng xuất gia. Vì đã có số người xuất gia vẫn chưa dứt được lòng tham, ham danh vị, tiền tài, lợi dưỡng... mà quên bằng vai trò của mình, làm cho Phật giáo lụn bại, mất uy tín; và có khi còn bị hiểu lầm tai hại nữa.

Điều ngài chủ trương không phải mới lạ, vì như trong kinh Di Giáo có ghi rõ. Nhưng vào đầu thế kỷ thứ 5, ngài nêu lên để nhắc cho nhà vua thấy rõ lập trường của người xuất gia. Kể từ đó, vấn đề sa môn bất kính vương giả trở thành hiện thực cho tới ngày nay, nên có người cho rằng đó là do sáng kiến của ngài Huệ Viễn. Chúng ta ngày nay đang ở vào thế kỷ 21, vẫn còn một số tu sĩ chưa thâm nhập lời Phật dạy, lời Tô răn, theo phò chế độ, mua danh bán tước, làm lũng đoạn tăng già và Phật giáo, để vinh thân trong sự nhục nhã bất chấp điều liêm sỉ tối thiểu. Làm như vậy, cũng có nghĩa người xuất gia tự lừa mình và cũng cô

phụ “ chí xuất trần thượng sĩ” trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Xuất gia là do hảo tâm hay do chí nguyện tưng thành thì không có lý nào lại quên đi ý hướng ban đầu mà làm lui sụt mất tín tâm đối với người Phật tử.

Vấn đề cần bàn thêm cho rõ, luận điểm như thế, không phải người xuất gia thiếu bổn phận, trách nhiệm đối với quốc gia dân tộc. Sự nỗ lực tu tập của người xuất gia để tự độ và độ tha đó có phải cao trọng hơn những gì mà người đời quan niệm định hình xưa nay về bổn phận và nghĩa vụ?

VI - Sự nghiệp phiên dịch kinh điển:

Công việc lập chùa, tô tượng, đúc chuông, độ chúng... tuy tồn tại lâu và lợi lạc nhiều người, nhưng không bằng công hạnh dịch kinh điển có giá trị miên viễn. Trong lịch sử truyền bá Phật giáo, những bậc Tam Tạng pháp sư phiên dịch kinh điển phải được kể tới như:

- Tam tạng pháp sư An Thế Cao (Thế kỷ thứ 2 Tây lịch)
- Tam tạng pháp sư Trúc Pháp Hộ (Thế kỷ thứ 3 Tây lịch)
- Tam tạng pháp sư Cưu Ma La Thập (344 - 413)
- Tam tạng pháp sư Chân Đế (499 – 569)
- Tam tạng pháp sư Huyền Trang (602 – 664)
- Tam tạng pháp sư Nghĩa Tịnh (635 – 713)

Ngài Huệ Viễn phiên dịch kinh điển không nhiều, chưa được liệt vào hàng Tam Tạng như các nhà đại dịch giả đã nêu trên. Những dịch, tác phẩm của Ngài gồm có:

- Vấn Đại thừa trung tâm nghĩa thập bát khoa (3 quyển)
- Lô sơn tập (10 quyển, sáng tác)
- Minh báo ứng luận
- Thích Tam Bảo luận
- Biện tâm thức luận
- Sa môn đàn phục luận
- Đại Trí Độ luận sao tự.

(Theo Lương cao tăng truyện 6, xuất Tam Tạng Ký tập 12, 15, Lịch đại Tam Bảo Ký 7, Đại Đường Nội điển lục 3, Quảng Hoằng Minh tập 15, 27, 30, Pháp Uyển Châu Lâm 100, Đông Lâm thập bát cao hiền truyện).

Nhìn vào bản danh lục các sách dịch của Ngài, đa phần chú mục về luận hơn là kinh. Điều đó cũng thật dễ hiểu, vì Ngài là nhà lập thuyết, luận sư trứ danh trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, và đồng thời là bậc đại đạo sư của Phật giáo nói chung.

VII - Kết luận:

Pháp môn Tịnh Độ được Đức Bản sư khai thị để hoàng hậu Vi Đề Hy quan chiêm quán xét sanh về cõi Phật,

ngay từ lúc Đức Phật còn tại thế. Bà đã thành khẩn tha thiết nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc quốc của Đức Phật A Di Đà, như kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có ghi đầy đủ chi tiết. Tuy nhiên, pháp tu tịnh nghiệp này tới đời ngài Huệ Viễn (Tuệ Viễn) cũng đã trải qua 1000 năm, ít người quan tâm ứng dụng. Ngài đã có công khôi phục Di huấn của Phật, thành lập đạo tràng xiển dương pháp môn một cách khoa học hợp thời cơ, nên qui tụ số đông liên hữu hướng về Bạch Liên Xã và tôn Ngài làm bậc thầy chỉ đạo. Như một thuyền trưởng, viên phi công đầy kinh nghiệm, Tổ Huệ Viễn đã chấn hưng và đưa vào hiện thực pháp môn Tịnh Độ sớm nhất từ hơn 1600 năm qua. Ngày nay pháp tu này hầu như được hành trì ở khắp nơi, là nhờ công lao không ít của Tổ và các bậc Thánh hiền Liên xã do Ngài sáng lập.

Nam mô nhất tâm đánh lễ khai tông diễn giáo Tịnh Độ tông sơ Tổ, khai sáng Bạch Liên Xã, Tuệ Viễn tổ sư thù từ tác chứng.

(Chín phái đó như sau: 1) Nho gia 2) Đạo gia 3) Âm dương gia 4) Pháp gia 5) Danh gia 6) Mặc gia 7) Tung hoành gia 8) Tạp gia 9) Nông gia.*

LÒNG HIẾU THẢO CỦA THI CA LA VIỆT

* Câu chuyện ông Bà la môn Kathawanus

Một trong những đức tánh cao đẹp của con người là hiếu hạnh mà muôn đời luôn được ca ngợi tán dương khắp quốc độ Ta Bà trên cõi đời này. Khi Phật còn tại thế, tại thành Vương Xá (Rajagrha) có người Bà La Môn tên là Kathawanus, cùng với vợ đã quy y Phật và thành người Phật tử mộ đạo. Hai người hết lòng tôn kính cúng dường Phật, các bậc sa môn, nhưng có người con trai là Thi Ca La Việt (Singalaka) tức Thiện Sanh, không tin Phật-Pháp-Tăng, lại còn tỏ ra bất bình khi thấy cha mẹ lễ lạy Phật và các thầy Tỳ kheo sát đất, cũng như đem dâng cúng dường thức ăn, đồ mặc, thuốc thang và những đồ cần dùng khác.

Thiện Sanh nghĩ đơn giản về đời sống chư Tăng cũng như Đức Phật không phải là thần thánh tại sao chúng ta phải khếp nép lễ kính quỳ lạy sát đất, chấp tay, quỳ gối một cách trịnh trọng quá đáng như thế? Do vậy nên sau bao lần khuyên bảo của cha mẹ, Singalaka-Thiện Sanh vẫn không nghe theo, không chịu đến hầu thăm Phật và các vị đại đệ tử của Phật như ngài Ca Diếp, Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, Ca Chiên Diên, Phú Lô Na ... trong số những đệ tử xuất sắc của Phật. Thiện Sanh trả lời thẳng thắn dứt khoát rằng: “ Con không muốn đến thăm những vị

ấy, vì mỗi lần đến thăm con phải quỳ lạy khúm núm trước họ làm đau đầu gối, phải ngồi trệt dưới đất làm lấm bẩn áo quần, rồi nếu quen biết họ, con phải dành một phần chi dụng đồ đạc cúng dường ẩm thực, y phục cho họ, làm mất thì giờ và tiền bạc “. Chàng trai đã có lý, không phải hiểu là nhắm mắt tin càng, nhất là việc nào không hiểu rõ nên tìm hiểu tận tường trước khi bắt tay thực hiện.

Thái độ của Thiện Sanh cũng nói lên tâm trạng của một số người trong gia đình tin Phật, nhưng lại có ít thành viên không tin. Đó là chưa kể, có khi những người này lại còn bài bác việc tin tưởng của người thân nữa. Theo như lời Đức Phật dạy: “Tin Ta mà không hiểu Ta là hủy báng Ta”. Ở đây, Thiện Sanh thấy những sự bất ổn do vì không hiểu lòng tín thành của người thân đối với Tam Bảo, nên nêu lên những ý nghĩ mà theo anh ta là phi lý, quá đáng, và cũng biết có vậy, chứ thật sự không tìm hiểu sâu rộng vấn đề một cách nghiêm túc. Nhưng thật ra Thiện Sanh vẫn không vượt ra ngoài vòng hiểu để đối với cha mẹ và anh chị em trong gia đình truyền thống.

Cha sinh, mẹ dưỡng

Đức cù lao (1) lấy lượng nào đong

Thờ cha mẹ ở hết lòng

Ấy là chữ hiếu dạy trong luân thường (2)

Chữ để nghĩa là nhường

Nhường anh, nhường chị lại nhường người trên

Ghi lòng tạc dạ chớ quên

Con em phải giữ lấy nền con em.

(1) Đức cù lao

Là công lao sanh thành nuôi dưỡng con cái khó nhọc của cha mẹ, nên có câu cử tự cù lao, là chín chữ như: **Sanh** là sanh đẻ, hoài thai 9 tháng 10 ngày; **Cúc** là nâng đỡ, dìu dắt như chim mẹ tập chim con chuyền cành từ gần đến xa, cho tới khi con đủ lông cánh bay xa; **Phủ** là vỗ về, an ủi, trách cứ như câu: “thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi”; **Xúc** là cho bú mớm, ẵm bồng, nâng niu; **Trưởng**: nuôi cho khôn lớn nên người hữu dụng trong xã hội; **Dục**: dạy dỗ điều hay lẽ phải theo đúng tránh sai; **Cố** là trông nom từng li từng tí nửa bước không rời; **Phục**: chăm sóc dạy bảo; **Phúc**: bảo vệ, che chở như gà mẹ trông đàn con thơ chi chít, như có bài thơ dưới đây:

Gà và điều hâu

Hai con gà nở chung một mẹ

Nhưng anh em cạnh kề cùng nhau

Hai gà sanh chuyền lời thối

Xù lông gạt mỏ tức thời chọi nhau

Bỗng một chú điều hâu bay đến

Sà xuống ngay bắt nghiến cả hai

Khôn ngoan đá đáp người ngoài

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

(2) Luân thường

Là đạo ăn ở với mọi người cho đúng, công bình hợp luân lý, đạo đức truyền thống lâu đời. Theo như Khổng giáo có tam cương và ngũ thường. Tam cương là 3 giềng mối nối kết nhau thành một thực thể nhiều lớp người trong xã hội. Đó là **Quân thần cương**: vua tôi (vua chánh, tôi trung) **Phụ tử cương**: cha con (cha hiền, con thảo) **Phu thê cương**: vợ chồng (hòa ái, tương hợp). **Ngũ thường** là 5 đức tính căn bản của con người: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín (tương ứng như 5 giới căn bản của người Phật tử).

Vấn đề nhân luân theo truyền thống của người Việt Nam tình thương yêu ngoài gia đình, còn mở rộng đến đồng bào và đồng loại. Nhất là người Phật tử, khi gặp người hoạn nạn đau yếu phải giúp đỡ bằng tình thương yêu chân thật như lo cho chính bản thân. Chẳng hạn như:

Thấy người hoạn nạn thì thương
Thấy người tàn tật lại càng trông nom
Thấy người già yếu ồm mồm
Thuốc thang cứu giúp, cháo cơm đỡ dần
Trời nào phụ kẻ có nhân
Người mà có đức, muôn phần vinh hoa.
(Nguyễn Trãi- Gia huấn ca)

Theo như luân lý truyền thống Á Đông từ Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Miên, Lào, Việt Nam v.v... đều phải theo một mẫu mực như định.

Và đó cũng là duyên hay biết đâu lại là cơ may để Kathawanus bị bệnh nặng biết mình không qua khỏi, gọi người con trai đến trần trời, dặn dò việc lễ lạy sáu phương. Lúc còn mạnh khỏe, mặc dù đã nhiều lần khuyên bảo con không thành công, người cha vẫn kiên trì cho đến giờ phút cuối. Một hôm thân phụ Singalaka muốn con hứa với mình một điều và chỉ một điều thôi, trước khi người nhắm mắt liạ đời. Đó là sau khi ông chết, Singalaka hằng ngày sau khi thức dậy lễ lạy sáu phương. Singalaka hứa vâng lời và kể từ sau ngày thân phụ quá vãng, chàng luôn hành lễ sáu phương mỗi buổi sáng.

*** Ước vọng người cha trước khi liạ đời:**

Điều mơ ước chân thành của người cha không cao xa hay triết lý gì nhiều, chỉ muốn cho con mình biết cúi đầu và thi lễ. Thái độ lễ lạy của người Phật tử phải 5 vóc gồm đầu mình và tứ chi gieo xuống sát đất mới thể hiện đủ cung cách kính lễ, nhất là đối với chư Phật và Thánh chúng. Người nào lễ bái đầu không chạm xuống sát đất là trong tâm còn ngã mạn cống cao. Cho nên ngày nay nếu quý Phật tử nào đến hành hương xứ Phật, hẳn chứng kiến việc lễ bái của số người tâm thành tại các thánh tích như Bồ Đề Đạo Tràng (Budhagaya), Tỳ xá Ly (Vaisali), Câu Thi Na (Kushinagara), Lâm Tỳ Ni (Lumbini) ... để thấy rõ và chiêm nghiệm trong việc tu tập của mình.

Kinh Thi Ca La Việt là bản kinh sớm nhất trong Phật giáo không phải do Phật thuyết mà là của truyền thống Bà La Môn. Nhưng Đức Phật triển khai rộng theo luân lý xây

dựng nền tảng gia đình, giúp người Phật tử hiểu rõ bổn phận và trách nhiệm của mình, cũng như hiểu kính đối với đấng sinh thành. Bậc cha mẹ lo cho con từng li từng tí, lúc nhỏ chăm sóc con hết lòng cũng như trứng mỏng, nuông chiều, an ủi, bảo ban, lo từ miếng ăn, giấc ngủ... Đến khi trưởng thành cha mẹ lo cho con học hành, hướng nghiệp, hôn phối... để con theo kịp người, bắt được nhịp với đà tiến của môi trường cuộc sống. Cha mẹ còn lo về mặt tư tưởng cho con thật tận tình mà qua mẩu chuyện trên cho ta thấy: sắp đến giờ hấp hối, mối lo của người cha vẫn không rời đưa con yêu quý, miễn sao con tự hứa để cho cha yên lòng trước khi nhắm mắt lìa đời. Tình huyết thống giữa cha con đã có sự cảm thông, người con tỏ ra hiểu được tâm trạng của cha, hứa danh dự vâng lời cha để cho cha yên tâm trút hơi thở cuối cùng. Mặc dù trước đó, Thiện Sanh có những điểm bất đồng với cha mẹ, nhưng không vì thế mà chàng quên hiếu đạo của một người con trong gia đình nền nếp.

*** Lòng hiếu thảo của Thiện Sanh**

Thi Ca La Việt dịch nghĩa là Thiện Sanh, cũng như Mục Kiên Liên (Moggalana) là đại hiếu tử của bà Thanh Đề hồi thời Đức Phật tại thế. Như ta biết những bản kinh như Vu Lan Bồn, báo phụ mẫu trọng ân hay Thi Ca La Việt... đều là những kinh nói về đạo hiếu của con cháu đối với ông bà, cha mẹ hay bổn phận giữa vợ chồng, con cái, anh em, cha mẹ, người giúp việc (sẽ đề cập chi tiết hơn trong phần sau)... để xây dựng nếp sống gia đình lành

mạnh theo mẫu mực của người Phật tử tại gia, biết kính Phật, trọng Pháp, ủng hộ Tăng già, quy y Tam bảo và thực hành hay tu tập năm giới.

Năm giới là nền tảng của đạo làm người, nếu ai giữ trọn vẹn 5 điều hiện đời được mọi người kính nể, tôn trọng, đời sau ít nữa tái sinh cũng được làm người có đầy đủ phước đức cao quý.

Như người phát nguyện theo hạnh độ sanh của Bồ Tát, kiếp sau do theo hạnh nguyện mà rộng đường hóa độ chúng sanh ở các quốc độ thanh tịnh hay Phật quốc, hoặc nơi các cảnh giới cao hơn.

Thi Ca La Việt cũng như những chàng trai khác sanh trong một gia đình danh giá, có truyền thống đạo đức lâu đời, hẳn theo nếp sống nhà. Cha mẹ anh trước tin theo Bà La Môn, nhưng sau qui hướng Phật Đà, trở thành đệ tử thuần thành của Tam Bảo, sớm muộn gì anh ta cũng chịu ảnh hưởng về mặt tâm linh. Thật vậy, là người con có hiếu, Thiện Sanh không muốn cho người cha thân yêu của mình phải bận tâm lo nghĩ về mình quá nhiều mà hao mòn vóc thể, tinh thần. Bởi vì, hành xử như vậy là không theo đúng hiếu đạo. Với hiếu tâm đã sẵn, cộng thêm vào đó lời nhắc bảo khéo léo hay lời khuyên cuối cùng của cha. Anh quá xúc động, cũng để không làm cho cha thất vọng, hứa làm theo những gì cha ân cần căn dặn. Đó là món quà cao quý nhất của cha dành cho con - bài học luân lý - để người con trang bị xông pha đi vào đời. Rồi kể từ ngày người cha thương kính không còn hiện hữu trên cõi đời này nữa, anh

ta cứ mỗi sáng thức dậy là lễ đủ sáu phương theo đúng như lời cha dặn, nhưng chưa kịp tỉnh vấn ý nghĩa của mỗi phương là gì, cho tới một hôm duyên may gặp Đức Phật đi hành hóa, nhờ Ngài chỉ dẫn, giải rõ tận tường việc làm từ trước của mình. Thiện Sanh lại càng tinh cần hơn và đem lòng thương kính người cha quá cố của mình nhiều hơn. Từ đó, chàng thanh niên vừa lạy sáu hướng để cầu sám hối nghiệp chướng của mình, và cũng để cầu siêu cho hương hồn người cha sớm được siêu thoát. Nhờ đó, ngày nay người Phật tử mới đủ cơ duyên nghiên cứu, đọc tụng, truyền dạy Kinh Thi Ca La Việt qua việc lễ bái sáu phương.

*** Nội dung của Kinh Thi Ca La Việt**

Theo như lời Phật dạy Thiện Sanh: “ cha con dạy lễ lạy sáu phương, không phải dùng thân lễ lạy như thế. Con đã hiểu sai ý của cha con rồi”. Nhân đó, Phật giảng giải tiếp: “ Hàng Trưởng giả, những người trí thức, nếu có thể trừ dứt sáu pháp xấu ác, đó chính là lễ lạy sáu phương”.

Sáu pháp đó chính là:

- 1- Tham uống rượu
- 2- Đam mê cờ bạc
- 3- Ưa thích ngủ sớm dậy trễ
- 4- Ưa mời thỉnh khách khứa nhậu nhẹt
- 5- Thích giao du với kẻ xấu
- 6- Ham thích giết hại, lừa gạt, đàn dứu vợ người.

Đức Phật dạy rõ: “ Nếu con không trừ được sáu việc ấy thì sự lễ lạy nào có ích gì? Lại càng lan tràn tiếng xấu, việc nhà rối loạn, tiền của hao tổn, thân thể yếu đuối gầy còm, việc lành ngày càng mai một, kẻ xa người gần không còn ai kính trọng”.

Sáu điều căn bản nêu trên, nếu ai giữ trọn sẽ tròn nhân cách hay nói cách khác đó cũng chính là 5 giới cho người Phật tử tại gia tu tập.

Giới thứ nhất tính từ dưới lên cho tới số một chính là giới thứ năm, như xưa nay chúng ta vẫn hành trì. Thế nhưng, sống trong đời phiền tạp, người Phật tử cũng khó giữ trọn được những điều Phật dạy.

Không những ở Tây Vực thời xưa cách nay 3000 năm con người coi trọng đạo hiếu như thế, ngay tại Đông Độ mà điển hình là Trung Quốc qua nhiều ngàn năm với 24 gương hiếu (nhị thập tứ hiếu) muôn đời còn nhắc tới như những bài học luân lý trong đạo làm người. Đặc biệt trong Phật gia vào đời Đường thế kỷ thứ 9 thiền sư Qui Sơn Linh Hựu (771-853) trong văn Qui Sơn Cảnh Sách có nêu rõ: “Thân cận thiện hữu giả như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận. Áp tập ác giả, trường ác tri kiến. Một hậu trầm luân, nhất thất nhơn thân, vạn kiếp nan ngộ”, có nghĩa là thân cận học hỏi bạn lành như đi trong sương móc, tuy không ướt áo, nhưng mỗi lúc cũng thấm nhuận. Chơi thân kết giao với kẻ ác, ác tri kiến ngày càng tăng. Chết bị đọa lạc, một khi mất thân người, muôn kiếp khó được trở lại. Đức Phật dạy Thiện Sanh: “Này thiện nam tử,

nên biết chọn người tốt để giao tiếp kết thân, học hỏi theo, tránh xa những người xấu ác. Như Ta từ vô số kiếp trước vẫn thường gần gũi những bậc thiện tri thức, nay mới được thành Phật quả”.

Tục ngữ Việt Nam cũng có câu: “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, là những bài học dạy con từ thuở còn thơ ấu mà bậc cha mẹ quan tâm trong việc xây dựng nếp sống gia đình.

*** Ý nghĩa việc lễ bái sáu phương như:**

Phương Đông như vầng dương hướng về cha mẹ của người con biết phụng dưỡng có 5 điều:

- 1) Hết lòng hiếu kính, chăm nom thăm viếng làm cho cha mẹ vui lòng.
- 2) Mỗi ngày lo dậy sớm, sắp xếp việc nhà, lo cơm nước, biết cần kiệm và luôn giữ nếp nhà.
- 3) Thay cha mẹ làm những việc nặng nhọc.
- 4) Luôn nhớ nghĩ đến ân đức của cha mẹ.
- 5) Khi cha mẹ già yếu, bệnh tật hết lòng chăm sóc, lo lắng, tìm thầy thuốc chữa trị.

Cha mẹ đối với con cũng có 5 điều:

- 1) Dạy con bỏ điều ác, làm điều lành.
- 2) Dạy con nên gần gũi những người hiền biết.
- 3) Dạy con chuyên cần, chú trọng việc học hỏi.
- 4) Khi đến tuổi trưởng thành lo cổ vấn việc hôn nhân.

5) Chia tài sản trong gia đình cho con.

Phương Nam có ý nghĩa phụng sự thầy như kim chỉ nam.

Người học trò phải nhớ 5 điều:

1) Giữ lòng cung kính, nể sợ.

2) Vâng lời thầy dạy bảo.

3) Cần giúp đỡ như giặt giũ, sửa sang phải gắng sức làm.

4) Chuyên cần học hỏi không chán nản.

5) Sau khi thầy qua đời phải giữ lòng tôn kính, nhớ tưởng, ca ngợi những đức độ của thầy, nhất thiết không được luận bàn đến những điều sai trái, lầm lỗi trước của thầy. Thầy dạy đệ tử cũng có 5 điều:

1) Hết lòng dạy bảo không mỏi mệt, khiến cho học trò mau được hiểu biết.

2) Mong muốn học trò mình tiến bộ hơn nữa.

3) Muốn cho học trò không quên những kiến thức đã học.

4) Khi học trò gặp khó khăn, chỗ không hiểu, phải tận tình giảng rõ.

5) Mong cho học trò có trí tuệ vượt trội hơn thầy.

Phương Tây có ý nghĩa người vợ đối với chồng có 5 điều:

1) Chồng đi đâu về nên chào đón niềm nở.

2) Khi chồng vắng nhà phải lo chu tất mọi việc bên trong, giữ lòng kính trọng chờ đợi.

3) Không được khởi tâm lang chạ với người đàn ông khác.

4) Khi chồng có nặng lời, không được tùy tiện đối đáp, lộ vẻ giận tức; phải tỏ lộ sự thật không được dấu diếm, nhất là không được cất giấu vật sở hữu để dùng riêng.

5) Phải đợi chồng nghỉ ngơi trước, mình lo xem xét cẩn thận việc nhà rồi mới đi nghỉ sau.

Chồng đối với vợ cũng có 5 điều:

1) Mỗi khi ra vào đều giữ lòng tương kính.

2) Ăn uống phải theo giờ giấc để vợ khỏi nhọc nhằn và không buồn bực.

3) Khi vợ muốn mua sắm đồ trang sức, tùy hoàn cảnh mà định liệu theo sở thích không quá khắc khe.

4) Giao phó tài sản cho vợ coi sóc, giữ gìn.

5) Không được tư tình với bất cứ một người đàn bà nào khác, khiến vợ sanh lòng ghen tuông, nghi ngờ, có thể đi tới chỗ ly tán tình nghĩa vợ chồng.

Phương Bắc có ý nghĩa trong sự giao tiếp cư xử với thân thuộc, bạn bè, đôi bên đều phải nhớ 5 điều:

1) Có người làm việc xấu ác, lỗi lầm, những người khác phải thay nhau khuyên bảo, can gián, ngăn chặn.

2) Khi có người gặp tai nạn rủi ro, ốm đau bệnh tật, những người khác phải quan tâm chia sẻ giúp đỡ.

3) Khi trong gia đình có việc bất hòa không được mang ra nói với người ngoài.

4) Phải giữ lòng kính trọng, ngợi khen điều tốt của nhau, duy trì quan hệ tới lui thăm viếng. Tha thứ, bỏ qua không để tâm hiềm giận, oán hờn.

5) Nên giúp đỡ, hỗ trợ, cứu vớt lẫn nhau trong sự san sẻ hiểu biết.

Phương dưới có ý nghĩa người chủ đối với kẻ giúp việc phải biết 5 điều:

1) Phải quan tâm tới các nhu cầu đời sống của kẻ giúp việc.

2) Khi họ có bệnh phải lo mời thầy thuốc chữa trị.

3) Không được dùng roi vọt đánh đập; cần phải tra xét sự việc rõ ràng, sau mới trách phạt. Việc nào có thể tha thứ thì nên tha thứ.

4) Không nên ép làm việc nhiều giờ, trả lương không tương xứng.

5) Phải đối xử công bằng, bình đẳng như nhau, không nên có ý thiên vị.

Người giúp việc đối với chủ có 5 điều:

1) Phải lo thức dậy sớm, không đợi chủ gọi.

2) Phải biết những việc nên làm thì tự làm, không để nhọc lòng chủ sai khiến.

3) Phải biết thương tiếc quý trọng tài sản của chủ không được xem thường mà vất bỏ, làm hư hỏng.

4) Mỗi khi chủ nhà có việc ra vào phải lưu tâm đưa đón.

5) Không được bàn nói những việc lỗi xấu của chủ, chỉ nên ngợi khen những điểm tốt đẹp mà thôi.

Phương trên có ý nghĩa việc cúng dường các bậc sa môn, hàng thiện tri thức có 5 điều:

1) Nên đem tâm chân thật hướng về.

2) Phải cung kính làm việc phụng sự không cho là khó nhọc.

3) Thường nhiều lần thưa hỏi đạo lý.

4) Phải lắng nghe, suy ngẫm rồi tu tập để dần dần tạo phước đức.

5) Phải thưa hỏi rõ ràng về tôn chỉ của việc niệm Phật, tham thiền, ngày đêm chuyên cần tu tập.

Hàng sa môn, thiện tri thức khi chỉ bày cho người cũng phải nhớ 5 điều:

1) Dạy người tu tập các pháp bố thí, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tu thiền, trí tuệ.

2) Dạy người các phép oai nghi, lễ tiết, không để buông thả, phóng túng.

3) Dạy người giữ lời nói và việc làm luôn tương xứng, không nên nói một đằng làm một nẻo.

4) Dạy người chuyên cần lễ bái Tam Bảo, khởi tâm thương xót hết thấy mọi loài chúng sanh.

5) Dạy người hồi hướng công đức, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, chứng đạt Bồ Đề rồi sẽ trở lại hóa độ chúng sanh.

Nghe lời Phật giảng giải rõ ràng, rành mạch của việc lễ bái sáu phương xong, Thi Ca La Việt liền xin thọ trì 5 giới, quy y Tam Bảo, và từ đó trở thành là một Phật tử chân chánh. Người Phật tử ý thức rõ lời Phật dạy các pháp đều vô thường, khổ không và vô ngã, không có gì sở hữu của ta kể cả mạng sống cũng chóng tan hoại như bài kệ sau đây:

Phụ mẫu tình thâm chung hữu biệt

Phu thê nghĩa trọng giả phân ly

Nhân tình tợ điều đồng lâm tức

Đại hạn lai thời các tự phi. Có nghĩa là:

Cha mẹ ân sâu còn ly biệt

Vợ chồng nghĩa nặng cũng lìa nhau

Nhân tình nào khác chim chung ngủ

Hạn đến chia đường mỗi hướng bay.

Theo Nhiếp luận của Chân Đế Tam Tạng pháp sư dịch vào đời Lương, Phật tử phải phát Bồ Đề tâm, thọ Bồ tát giới mới gọi là “chân thị chư Phật tử” (Đúng là những Phật tử chân chánh). Theo như tinh thần này, nghĩa của từ

chân chánh chỉ hàng Đại thừa Bồ Tát phải hội đủ 5 điều kiện như sau:

1- Dùng phương tiện làm cha: vận dụng mọi cách làm việc lợi người giúp vật như bố thí tài vật, ban rải giáo pháp để cải thiện đời sống của mọi người, mọi chúng sanh. Đem cho người sự lợi lạc bằng hướng nghiệp để bảo đảm cuộc sống; và nhất là ban cho cái “dũng không sợ” để ai cũng có một đời sống an lành hạnh phúc.

2- Dùng Bát Nhã làm mẹ: Bát nhã là trí tuệ hay trí mẫu, tức trí vượt hơn các trí thông thường của thế gian. Trí Bát Nhã gọi là tuệ trí do tập trung nội lực như vàng ròng tinh luyện thành, không còn xen tạp những chất bợn nhơ dục nhiễm.

3- Dùng thiền định làm thai: đây cũng gọi là thánh thai, vì được trưởng dưỡng bằng món ăn thiền duyệt nuôi lớn thai nhi, sẽ sanh anh nhi trí tuệ.

4- Dùng từ bi làm dưỡng dục: lòng thương yêu không phân biệt thân sơ, oán - thân là chất liệu bồi bổ tuệ giác Bồ đề trên lộ trình giác ngộ.

5- Lòng tin Đại thừa làm chủng tử: hạt giống lành là cái nhân tốt mới có kết quả tốt. Hạt giống Đại thừa hẳn là nhân hạnh Bồ Tát rộng đường hóa độ chúng sanh. Đây là lý tưởng của người Phật tử chân chánh, nếu phát tâm tu hành mà thiếu một trong 5 điều trên thì vẫn không thể gọi là chân Phật tử.

*** Bài học xử thế của người con hiếu:**

Người con hiếu luôn luôn bão trọng hình hài trong thân xác do cha mẹ tạo thành theo lý duyên khởi: một là tất cả, tất cả là một hay cái này có thì cái kia mới có và ngược lại. Vì thế, tất cả muôn vật đều tồn tại nương tựa lẫn nhau như một chuỗi liên hoàn vô tận suốt quá khứ, hiện tại cho tới vị lai.

Theo tinh thần Bát Nhã sự chẳng chịt duyên sinh giữa vật chất và tinh thần liên hệ mật thiết với nhau như: “sắc tức là không, không tức là sắc, thọ tướng, hành, thức (5 uẩn) cũng đều như thế”. Nói cách khác như trong gia đình, Cha cũng là Mẹ, Mẹ cũng là anh Cả, anh Cả cũng là anh Ba, anh Ba cũng là anh Tư, anh Tư cũng là chị Năm... Bởi vì một thành viên trong gia đình có vấn đề là các thành viên khác chung nhau chia sẻ gánh vác, hầu an ủi lúc vui buồn đều có nhau. Như vậy giữ gìn thân thể không chưa đủ, người có đạo lý còn phải lo chăm sóc đời sống tinh thần hay tâm linh bằng cách tu tập chính bản thân, cũng như hướng thiện cha mẹ về với luân lý muôn đời của tổ tiên, quy y Phật đạo, nếu cha mẹ chưa sẵn sàng phát tâm. Việc phụng dưỡng cha mẹ cũng phải tùy duyên để tránh gây thêm ác nghiệp, đó chưa phải hiếu kính mà có khi còn đi ngược lại là đấng khác. Để làm vui lòng đấng sanh thành, Thi Ca La Việt đã thể hiện trọn vẹn được tâm hiếu của người con đối với cha mẹ, niềm tôn kính đối với huyết thống tổ tiên, ngưỡng phục đạo lý tôn giáo bao đời của giống nòi, như một trợ lực tinh thần anh đã giúp người cha

mãn nguyện trước khi về hầu Phật bên Tây Phương Cực Lạc Quốc.

Đó là duyên khởi để bản kinh Thi Ca La Việt ngắn gọn còn lưu truyền cho tới nay, và nhân vật chính Thiện Sanh của kinh nêu gương hiếu cho người Phật tử học hỏi noi theo mà không niệm phân biệt sang hèn, quý phái hay hạ tiện, màu da hay chủng tộc... Tất cả loài người trên mặt địa cầu ai chắc hẳn cũng muốn cho con cái mình có lòng hiếu thảo, thương yêu, kính quý đối với đấng sanh thành.

Tạm mượn mấy câu ca dao sau để kết thúc như:

Công cha như núi Thái sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Một lòng thờ mẹ kính cha

Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

hay:

Có ông bà mới có ta

Ông bà là gốc, mẹ cha là cành

Thân ta như thể lá xanh

Nhờ gốc vun bón, nhờ cành chở che.

Nhân mùa Vu Lan báo hiếu năm Kỷ Sửu, Phật lịch 2553, chúc những người con hiếu thảo còn cha mẹ phụng dưỡng chu đáo để làm vui lòng đấng thân trong muôn một; những ai có cha mẹ quá vãng biết thành tâm cầu nguyện cho thân thức song thân sớm thoát cảnh trầm luân sanh về

Tịnh Độ. Và cầu chúc tất cả chúng ta có được một mùa lễ Vu lan hoan hỷ hiếu hạnh trọn đầy, tâm thành xông ngát hương hoa dâng cúng mười phương Tam bảo và cha mẹ hiện tiền, cùng quá cố với lòng biết ơn của phận làm con.

2

THAM CỨU

Nguồn mạch tinh khôi

95

Tổ Đức lưu phương bất tư nghi
Tông phong vĩnh chấn tục truyền di
Phật pháp hưng long thừa kế nghiệp
Hậu côn chí nguyện quyết phò trì

祖德留芳不思議
宗風永振續傳遺
佛法興隆承繼業
後昆志願決付持

*Tổ đức hiển danh khó nghĩ bàn
Tông môn chấn chỉnh mãi truyền ban
Phật pháp kế thừa ngày sâu rộng
Cháu con giữ vững đạo gia kang.*

HẠNH BỒ THÍ BA LA MẬT

Bồ Tát Quán Thế Âm với hạnh đại bi thương yêu khắp hết mọi loài chúng sanh, không phân biệt dáng hình mà xem tất cả như con đẻ không khác. Vì hạnh nguyện ban vui cứu khổ, độ sanh Đức Bồ Tát vào đời cứu nạn trừ nguy trong mọi trường hợp, hoàn cảnh, cho dù gặp phải ngặt nghèo, nguy hiểm; kể cả đến tánh mạng Ngài vẫn sẵn sàng ra tay cứu giúp đưa tất cả nạn nhân tới thoát khổ, chốn an toàn, bến bờ an lạc.

Quan Âm Bồ Tát nhiệm mầu thay
Trang nghiêm nhiều kiếp dày công tu
Lướt sen hồng nhẹ bước vân du
Quán chiếu mắt hồ thu lồng lộng
Nước cam lồ dập vụn sâu thương
Nhành dương liễu vũng nường tay nắm
Nơi nơi cầu cảm ứng tùy nghi
Tạo thuyền từ cứu khổ trừ nguy.

(Quan Âm Bồ Tát diệu nan thù... trong tập Tinh túy những bài tán Phật & Bồ Tát, Pháp Bảo ấn hành 2005, Sa môn Thích Bảo Lạc dịch).

Hôm nay ngày 23 tháng 3 năm 2008, nhằm ngày 16 tháng 2 năm Mậu Tý, lễ vía đản sanh Đức Bồ Tát, tại chùa Pháp Bảo – Sydney, chúng tôi hân hạnh chào mừng quý vị và chư Phật tử thiện nam tín nữ về dự lễ và nghe pháp. Sau đây xin mời quý vị theo dõi câu chuyện tiền thân của Quán Thế Âm Bồ Tát.

Trước đây có một vị vua sanh hạ được ba người con gái, mỗi người một vẻ, không người nào giống người nào, từ hình thức đến nội dung cả ba chị em như xây cho mình một thế giới riêng đặc thù không giống bất cứ một người con gái nào khác đương thời. Cả ba chị em đều được chịu chuộng, thương yêu như cương trứng mỏng của đức vua và hoàng hậu. Lại được kẻ hầu người hạ săn sóc hết lòng, lúc nhỏ đồ chơi cung cấp không thiếu thứ chi, miễn sao vừa lòng con trẻ, là cả triều nội từ trên chí dưới ai cũng hài lòng. Những môn chơi giải trí, những khu vườn thưởng ngoạn tân kỳ với kỳ hoa dị thảo, chim muông đủ loại; theo lối kiến trúc đặc biệt của hoàng gia để làm vui lòng các con – như ba nàng tiên giáng thế – nên cả ba người đều chóng trưởng thành trong vòng tay thương yêu của hoàng gia và thần dân cận thân.

Công chúa đầu tánh ưa trang điểm, đánh phấn thoa son nhất là mode chùng diện làm đẹp không ai theo kịp. Mỗi ngày đứng trước gương công chúa sửa soạn chải chuốt uốn dợn tóc sao cho đẹp, có bất cứ một sợi tóc nào không như ý muốn là làm lại từ đầu. Cứ như thế, công chúa sấm se chải tóc cả chục lần trong ngày. Về quần áo phải nói đủ kiểu mỗi ngày cô thay ra mặc vào nhiều bộ theo tia nắng sáng trưa chiều tối, với nhiều kiểu khác nhau. Số quần áo đủ màu sắc và nhiều đến đổi không phải cả chục mà có tới cả trăm bộ để thích nghi theo từng mùa. Giày dép cũng vậy, cũng như quần áo mỗi lần thay là một lần đổi giày cho hợp kiểu cách của riêng cô. Các cung nữ trong cung đều gọi là “yểu điệu công chúa”. Trong khi công chúa thứ hai ưa giàu sang phú quý, thích ăn ngon, ở đẹp và hưởng thụ mặc lòng. Cô tuyên bố là phải thưởng thức cho hết tất cả những món ngon vật lạ (sơn hào hải vị) trong thiên hạ; cũng như tận hưởng vinh hoa phú quý trên đời. Trong mỗi bữa ăn phải có 12 món thức ăn rau cải khác loại. Mỗi ngày món ăn phải thay đổi không giống nhau. Hầu cận cô có hàng chục cung nữ túc trực hô đầu ứng đó, nhất là phần giải trí, những cung nhân được tuyển chọn phục vụ nào đàn ca, múa hát suốt ngày không dứt. Tiếng nhạc, lời ca du dương êm dịu phát ra từ sáng đến chiều và tối hầu như bất tuyệt. Sự

hưởng thụ của công chúa khiến nhiều người ganh ghét lẫn giận tức, nhưng cũng đành bất lực, không có cách nào đối khác hay chiếm được địa vị ấy. Các cung nữ đều gọi đó là “Công chúa phú quý”. Trái ngược lại hai chị, công chúa Ba hoàn toàn không giống từ tánh tình cho chí cách cư xử; và đó cũng là đề tài khá “nóng” khiến cho nhiều người bàn tán và tra vấn không ngớt. Công chúa sống giản dị, ăn uống dễ dàng; quần áo, giày dép, nón mũ đơn sơ, như người dân thường, không có vẻ gì phô trương của người quyền quý. Công chúa rất nhân từ rộng lượng đối đãi với các cung nữ như tình chị em trong tình thân hòa nhã thân thiết. Đối với quần chúng nói chung, công chúa thương giúp những người nghèo thiếu cô thế. Vì thế, trong triều các cung nữ rất gần gũi và thân thiện; đều gọi là “công chúa nhân từ”. Cảnh sống hoàng gia hòa lạc, êm đềm thì một hôm biến cố lại xảy ra. Đó là đức vua mắc phải chứng bệnh nan y: Trên lưng một vết thẹo sưng vù thành bثور làm mủ đau nhức vô cùng. Mời đủ các danh y toàn quốc tới trị liệu cũng đành chịu bó tay, không sao trị lành bệnh vua được. Từ ngày này sang ngày khác, sức khỏe nhà vua yếu dần rồi đau đớn trần trở trên giường bệnh, rên la suốt ngày đêm không sao ngủ được. Khiến cho hoàng hậu và bá quan văn võ trong triều đều lo âu mà không nghĩ ra cách

nào hay phương pháp chi cứu chữa. Trong khi mọi người đang bắt lực và nghĩ tìm phương cách thì bỗng một hôm tình cờ có vị Hòa Thượng đi ngang qua cổng ngo môn, tự nói rằng trị lành được chứng bệnh hiểm nghèo của vua. Quân giữ thành lập tức vào bẩm báo với Hoàng hậu. Hoàng hậu nghe có người trị được bệnh nên trong lòng vô cùng phấn khởi. Liền bảo võ sĩ:

- Hãy mau chóng mời ông ta vào ngay!

Hoàng hậu hỏi:

- Bạch Sư Phụ có phương thuốc gì chữa trị bệnh bệ hạ không?

- Bần tăng có môn thuốc chỉ cần 2 vị nhưng khó tìm e lệnh bà tìm không được mà thôi!

- Chỉ cần lành bệnh vua là đủ; còn vấn đề tốn kém tiền vạn bạc ngàn hay tìm khắp sơn cùng thủy tận, khó khăn thế mấy và ở đâu ta cũng tìm cho được, xin Sư Phụ cứ nói phương thuốc ấy ra đi.

- Phương thuốc của bần tăng là chỉ cần con mắt và một ngón tay người thân của bệ hạ, hòa 2 vị ấy lại với nhau.

- Hoàng hậu nghe xong nổi giận nói: một người nếu móc lấy con mắt và chặt ngón tay, nếu không chết cũng thành tàn phế, còn chi là đời người ta!

- Ông từ đâu đến, có phải yêu tăng không, lại đối trước bổn hậu dám nói điều quái gỡ mê hoặc.

- Quân đâu, đem y ra chém đầu cho ta!

- Hai võ sĩ vâng lệnh lập tức tới trối Hòa Thượng dẫn ra trước ngọ môn chuẩn bị chém. Chỉ thấy nét mặt Hòa Thượng tĩnh táo không biến sắc, nhìn xuống đất thong thả nói:

- Xin lệnh bà bớt giận, bản tăng đã nói phương thuốc, xin hãy cứ thử, nếu quả như không hiệu nghiệm, bịnh bệ hạ không lành, lúc đó tôi xin chịu tội chém đầu cũng chưa muộn.

- Nghe nói có lý, hoàng hậu nguôi giận và trong lòng nghĩ ngợi: nhưng biết tìm đâu cho ra hai vị thuốc khó tìm ấy bây giờ? Bà liền nghĩ ngay tới ba công chúa, nhưng biết phải làm sao, và cô nào chịu hy sinh cứu mạng vua? Vì cả ba là con và đều là nướm ruột của mình cả! Chỉ muốn cứu tánh mạng nhà vua, hoàng hậu chỉ còn cách đi thương lượng các con. Trước nhất, hoàng hậu tới hỏi công chúa đầu; trong lúc cô ta lo bận rộn trang điểm trước gương nên không trông thấy mẹ tới đứng ở đằng sau. Giây lát, hoàng hậu bước vô phòng nói rằng: Này con, chứng bịnh phụ vương con đã tới lúc nguy kịch, đã mời qua nhiều thầy và đủ cách chữa trị nhưng đều vô

hiệu. Hôm nay có một vị Hòa Thượng tới nói rằng cần một con mắt và ngón tay người thân của phụ vương con tán hòa lại với nhau mới có thể trị lành được bệnh. Mẹ nghĩ: tình cốt nhục của phụ vương con, chỉ có 3 chị em mà con là chị cả, con có thể hy sinh một phần thân thể để trị bệnh phụ vương; vốn biết đây là nỗi buồn khổ của cha mẹ, mong con thấu cho, con nghĩ sao ?

Công chúa té xỉu khóc nức lên quỳ xuống đất nói: thưa mẹ, con gái của mẹ đôi mắt sáng như trăng thu, đẹp như tiên giáng thế thế này, trong cung nội không ai đẹp bằng mắt con. Bây giờ, nếu phải khoét một con mắt con trẻ nếu không thành một người độc nhãn thì cũng là quái nhơn! Con của mẹ hai bàn tay thon dài, trắng như bạch ngọc, mười ngón như búp măng tơ mà cắt đi một ngón, há chẳng thành tàn phế cuộc đời rồi hay sao? Đi tới cảnh này, chi bằng chết phứt đi còn sướng hơn! “Càng thuyết phục bao nhiêu càng khiến con muốn tìm tới cái chết”, Hoàng hậu thấy ý con cương quyết không chịu, sợ dảm liều, nên thôi không nói nữa! Hoàng hậu đến hỏi công chúa thứ hai, trong lúc cô đang hưởng thụ bữa cơm với đủ phong vị đặc biệt. Vừa trông thấy mẹ, cô hỏi ngay:

- Thưa mẹ hôm nay mẹ tới gặp con có việc gì quan trọng?

- Hoàng hậu thoáng buồn nói với con như đã nói với người chị. Công chúa nghe xong vật vả bứt tóc, nước mắt nước mũi nhỏ dài khóc rống lên nói: “Ai cũng đều cho rằng ở hoàng cung hưởng thọ vinh hoa phú quý không hết, có ai biết cho con một công nương xuân sắc phải biến thể thành một người tàn phế chịu khổ. Nói xong, cô vội vàng chạy ra cửa toan gieo mình xuống giếng. Thấy như vậy, hoàng hậu đâm hoảng kêu công chúa trở lại và bỏ không đề cập câu chuyện nữa. Chỉ còn nhắm tới công chúa thứ ba, hoàng hậu đi tới phòng, công chúa đang nằm nghỉ. Thấy mẹ bước vào, công chúa vội ngồi dậy tiếp rước niềm nở tỏ vẻ đặc biệt quan tâm tới bệnh tình của phụ vương, bà hằng hái nói rõ việc tới thăm con. Nhìn vào mặt mẹ công chúa nói: thưa mẹ, phụ vương mắc chứng bệnh hiểm nghèo, mời khắp hết các danh y đều không thể trị lành được, khiến lòng con trẻ như thiêu đốt, hận vì không thể đem thân con thay cha chịu khổ được. Nay đã có phương thuốc trị liệu bệnh phụ vương, con trẻ cho dù phân thân xẻ thịt, róc xương cũng xin tình nguyện, tiếc gì một con mắt và một ngón tay không dám hy sinh chứ? Nói xong liền lấy dao móc con mắt và chặt một ngón tay giao cho hoàng hậu. Hoàng hậu bàng hoàng sống sót trước sự việc chớp nhoáng khiến con gái nay thành là người tàn phế; động

lòng thương òa khóc lên trong niềm đau xót. Nhưng vì muốn cứu bịnh vua, nên cố tâm đè nén xuống sự thống thiết, hoàng hậu một mặt cho người lập tức mời thầy chữa trị cho công chúa, một mặt đem hai món tới phòng bịnh của nhà vua.

- Hòa Thượng được mời tới cung, tiếp lấy hai món vật con mắt và ngón tay do hoàng hậu trao. Ông lập tức đem bào chế thành phương thuốc, rồi rịt lên vết thương của vua, liền thấy máu rỉ ra ngoài. Sau đó ngưng hẳn, đến ngày thứ hai mụn nhọt bắt đầu se lại dần dần. Từ ngày thứ ba trở đi, bịnh của vua đã lành lặn hẳn.

- Vua đem lòng thán phục Hòa Thượng là một bậc danh y tài giỏi, vì chính căn bịnh nan y của mình qua nhiều năm chữa trị không lành. Vua trong lòng vô cùng phấn khởi biết ơn, đối trước Hòa Thượng nói: “Sư Phụ là tay thần y diệu dược, trị lành chứng bịnh thâm niên của quả nhơn, ta vô cùng trọng thưởng, Ngài cần chức quan, ta phái đi nhậm chức, cần tiền bạc, vàng ngọc ta cung cấp đầy đủ. Chọn thứ nào nói cho quả nhơn biết!”

- Hòa Thượng mỉm cười nói: “Xin cảm tạ ân đức bệ hạ, đã có lòng chiếu cố nghĩ tới bản tăng. Bản tăng sống cuộc đời du phương rày đây mai đó, bốn biển là nhà; không cần chức quan, cũng chẳng cần vàng bạc. Cái thân ngoại vật này chức tước, của tiền đối với bản tăng

cũng thành vô dụng; chỉ cần bệ hạ hiến cho một người, không biết ý bệ hạ có vui lòng chấp thuận hay không?

- Nhà vua nghe thế cười lớn nói:

- Trong cung quả như các cung nữ, kẻ hầu ... có cả hàng trăm hàng ngàn đâu phải chỉ một, nếu Ngài cần mười người hay trăm người, trăm quyết không tiếc; chẳng hay Sư Phụ cần người nào?

- Công chúa Ba là người đã hy sinh mắt, tay trị lành bệnh cho bệ hạ, nàng ấy là người rộng lượng tốt nhất trên đời, tôi cần truyền cho cô ấy phương diệu thuật để mai này ra cứu nhân độ thế, theo tôi đi vân du đây đó trị bệnh cho trăm họ hầu cứu khổ nạn cho cả hàng trăm ngàn vạn người.

- Vua liền nghĩ tới công chúa Ba, là đứa con gái út đã hiến mắt, tay, trị bệnh cho mình nay thành người tàn phế; nếu như con ra đi chịu khổ với nắng mưa, ăn uống thiếu thốn, cực nhọc trăm bề ... ta sao đành nhẫn tâm cho được! Nhưng vua lại nghĩ tới Hòa Thượng cứu mình như cải tử hoàn sanh; chả lẽ chỉ một yêu cầu đơn giản như thế mà lại từ chối sao đành, vua nhìn băng quơ rồi nói: “Công chúa Ba nay trở thành người tàn phế không biết ý nó có thỏa thuận hay không?” Vua sai người đưa

công chúa tới, đối trước con, vua nói rõ yêu cầu của Hòa Thượng. Công chúa Ba trả lời vua:

- Con trẻ nguyện theo Sư Phụ học y thuật, vân du khắp bốn phương tìm cách trị trăm ngàn bệnh cho người đời. Vua thấy con đã ưng thuận, cũng vui lòng chấp thuận lời yêu cầu của Hòa Thượng. Hòa Thượng bảo công chúa:

- Tâm con lương thiện, dù mất một mắt và một tay, nay ta cho con lại ngàn mắt và ngàn tay. Nói đoạn, Hòa Thượng dùng tay vỗ lên mình công chúa Ba ba cái, liền thấy nhân tinh bị mất của công chúa bỗng bừng sáng long lanh như hạt minh châu; ngón tay bị mất liền lại như cũ.

- Bấy giờ Hòa Thượng liền biến mất theo vân mây trong hư không và chỉ còn lại một mình công chúa tay trái cầm bình cam lồ, tay phải cầm nhánh dương liễu đã được thầy truyền dạy phương thuật cứu người giúp đời như có thơ ca tụng rằng:

Từ bi ngàn mắt ngàn tay

Quan Âm cứu khổ độ ngay hữu tình

Phân thân đủ loại dáng hình

Phạm vương, Đế Thích uy linh các Trời

Tùy loài tùy nghiệp tùy cơ
Đó đây độ khắp chốn nơi khổ nàn
Tiếng kêu cầu, tiếng oán than
Ân cần sẵn đón dịu dàng bảo khuyên
Thuyền từ cứu độ tùy duyên
Với người lâm cảnh oan khiên đọa đày
Như mẹ hiền dạy con thơ
Vứt tâm tay với đợi chờ tin an
Lại qua trong cõi nhân hoàn
Lòng thương rào rạt chứa chan ân lành
Bao dung độ khắp chúng sanh
Quan Âm Bồ Tát tâm thanh cứu đời.

Những hóa thân của đức Bồ Tát vào đời cứu khổ trừ
nguy hiện trong 32 thân hình, có khi hiện hình rồng, thần,
dạ xoa, Càn Thát Bà (nhạc thần), a tu la (phi thiên),
khẩn na la (thần ca hát giỏi âm nhạc), ma hầu la già (đại
mãng thần), nhơn, phi nhơn; có lúc hiện thân cư sĩ nam
(Ưu bà tặc), cư sĩ nữ (Ưu bà di), đồng nam, đồng nữ; có
khi hiện thân trưởng giả, bà la môn, thân tể quan. Thân
Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, thân Phạm vương, Đế Thích, Tứ
Thiên Vương, thân vua, thân đại thần; Thân người

thương nhân dẫn đoàn lái buôn vượt đại dương tìm châu báu, v.v ...Đức Bồ Tát đưa tay cứu vớt những chúng sanh đang chìm đắm giữa biển đời điêu linh trầm thống, với bình nước cam lồ và nhành dương liễu, là hai vật tùy thân cứu khổ nạn đưa về bến thanh lương giải thoát.

Hơn lúc nào hết, chúng ta đang sống trong thời kỳ bất an hôm nay, phải trực diện với muôn vàn thống khổ của chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, thiên tai, sóng thần, động đất, núi lửa, nhật thực, nguyệt thực, thủy triều dâng ... thường trực đe dọa mạng sống con người, hãy hướng thiện tâm linh tu tập thiện pháp, ngỏ hầu hóa giải những oan khiên nghiệt ngã vây bủa chung quanh cuộc sống.

Kính chúc quý vị thân tâm an lạc, tĩnh thức; tinh tấn dũng mãnh tu tập để ba nghiệp được thanh tịnh, tâm Bồ Đề kiên cố, mãi xứng đáng là đệ tử của Tam Bảo. Xin cảm ơn quý vị và cầu chúc tất cả liệt quý vị được toàn thành tâm nguyện.

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát.

HỘ TRÌ CHÁNH PHÁP



Giáo pháp của Đức Phật thực tiễn lợi lạc cũng phải có người gìn giữ truyền bá mọi người mới biết để tìm hiểu và thực hành. Vai trò hộ trì chánh pháp xưa nay do hai thành phần đệ tử của Phật đảm trách, đó là giới cư sĩ và hàng tăng ni. Phật pháp ví như vườn hoa có nhiều hương sắc, hoa đẹp hẳn nhiên nhiều người thích nhìn ngắm; lại cũng có lắm kẻ không ưa tìm cách làm hại, không để cho mọi người có dịp thưởng thức cái đẹp tự nhiên của trời đất. Việc làm thiếu suy nghĩ đó không phải là không xảy ra, bởi vì do cái tâm không đẹp của con người.

Phật pháp cũng như thế, mặc dù có lợi ích đem lại an vui giải thoát cho con người và cõi đời, nhưng không phải mọi người đều hết lòng trân quý, bảo vệ. Trong khi số người nhiệt thành muốn đem ánh sáng chánh pháp soi rọi vào cảnh đời lầm than đau khổ này, lại có những người khác bài bác không tin, cố tìm đủ cách ngăn chặn bằng nhiều hình thức nhiễu loạn, bức chế, đàn áp như lịch sử chứng minh qua những cuộc chiến tranh tôn giáo của nhân loại, những cơn pháp nạn xưa nay. Như vậy, người đứng ra bảo vệ Phật pháp phải đủ can trường và đầy nhuệ khí mới không thoái chí nản lòng trước những mưu đồ tiêu diệt đức tin của người Phật tử. Đức Phật là người biết trước, tương lai Phật pháp hẳn bị hủy hoại làm cho tiêu vong, nên Ngài

ân cần giao phó công việc tuy đơn giản nhưng phức tạp này cho những vị vua tín tâm Phật đạo. Bởi vì, chỉ có đức vua mới đủ uy tín và quyền hạn giải quyết vấn đề có tính cách tín lý hầu ít tạo thiệt hại có ảnh hưởng lớn trong quần chúng nói chung.

Theo kinh Bát Nhã nhân vương hộ quốc ghi: “Hộ” có 4 hình thức như sau:

- 1- Hộ thời là hỗ trợ đúng lúc hợp thời
- 2- Hộ pháp tức giúp gìn giữ giáo pháp
- 3- Hộ thể giúp ủng hộ mọi mặt về hình thức
- 4- Hộ nạn ủng hộ lúc pháp gặp khó khăn hoạn nạn.

Sau Đức Phật nhập diệt từ 80 đến 100 năm có năm nhân vật thừa truyền giáo pháp, đó là các Ngài Ca Diếp, A Nan, Mạt Điền Địa, Thương Na Hòa Tu và Ưu Ba Cúc Đa. Ngay trong thời Phật tại thế cũng có những vị quốc vương cư sĩ hộ pháp đắc lực như vua Tân Bà Sa La (Bimbisara), trưởng giả Tu Đạt (Sudatta), nữ cư sĩ Tỳ Xá Khư (Visakha)... đã hết lòng lo cho Đức Phật và tăng đoàn mọi mặt như thức ăn, đồ mặc, chỗ cư trú, nếp sống tu học, phát triển đạo giáo, bảo vệ Phật pháp. Hộ trì ngoài việc ủng hộ hy hiến vật tư, thì giờ, tâm huyết để duy trì nền đạo; còn phải hết lòng bảo vệ khi giáo pháp gặp nạn mới có thể cứu vãn tình thế qua cơn khủng hoảng để khỏi bị tiêu diệt. Sự cố riêng rẽ của cá nhân hay một nhóm người làm ảnh hưởng mất thanh danh Phật giáo, các nhà lãnh đạo hay Phật giáo nói chung, đó là cái tai nạn. Dưới chế độ quân

chủ chuyên chính hay cộng sản vô thần có chủ trương và sách lược nhằm tiêu diệt Phật giáo qua nhiều hình thức khác nhau làm cho những hoạt động Phật sự bị ngăn chặn, đình đốn hay cấm chỉ, giới hạn; tăng ni bị sách nhiễu không được yên ổn tu hành, Phật tử bị theo dõi, điều tra, bắt bớ giam cầm vì hoạt động Phật giáo. Trong trường hợp như thế, người Phật tử tín tâm phải có tinh thần bảo vệ chánh pháp, đứng lên đòi lại quyền tự do tôn giáo trong đó có sự tự do tín ngưỡng của người tín tâm đối với đạo giáo.

- Ý nghĩa cúng dường:

Cúng dường theo nghĩa thông thường gồm có bốn thứ như: thức ăn, đồ mặc, ngọa cụ, thuốc men. Nhưng theo kinh Tô Tát Địa quyển 2: bốn loại cúng dường gồm: 1) Hiệp chưởng tức là chấp tay trong sự cung kính 2) Dâng nước thơm hay hương hoa cúng Phật, Bồ Tát, La Hán 3) Chân ngôn ấn khế hay niệm chú bắt ấn 4) Vận dụng tâm thành dâng lên cúng dường mười phương Tam Bảo. Còn như kinh Pháp Hoa có 10 loại cúng dường gồm: 1) Hoa 2) Hương 3) Anh lạc (chuỗi ngọc) 4) Mạt hương (hương bột) 5) Đồ hương (hương xoa – bôi), 6) Thiêu hương (hương thấp - đốt), 7) Tán cái: tràng phan hay lọng báu, cờ phướn 8) y phục 9) Đàn sáo hay dụng cụ âm nhạc 10) Hiệp chưởng tức là chấp tay với sự chí tâm cung kính (phẩm Pháp Sư, kinh Pháp Hoa).

Nói cách ngắn gọn, cúng dường có hai loại:

1- **Tài cúng dường:** là cúng dường tài vật, hương hoa, đèn nến, chuỗi anh lạc, phan lọng, cờ phướn, dụng cụ âm nhạc, thức ăn, đồ mặc, đốt thân cúng dường v.v...

2- **Pháp cúng dường:** như thuyết giảng giáo pháp làm lợi ích chúng sanh trong sự tu hành, để giải thoát phiền não, khổ đau. Đó là loại cúng dường đệ nhất đối với Tam Bảo

Trong cách thể hiện thứ nhất, đọc kinh sử ta thấy có ít nhất hai gương cúng dường cao thượng ngày nay còn truyền tụng. Đó là Bồ Tát Dược Vương, đốt thân cúng dường Phật. Ngài Dược Vương đã tu hành khổ hạnh trải qua muôn ngàn ức kiếp. Đức Phật Thích Ca dẫn tích xưa rằng, vào thời Đức Phật Tịnh Minh Đức, lúc bấy giờ Phật vì Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến và chư Thánh chúng mà nói kinh Pháp Hoa. Vì Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến đó ưa tu khổ hạnh, ở trong pháp hội của Đức Phật kia, Ngài tinh tấn tu hành, chỉ một lòng cầu thành Phật quả, và đã chứng được “Hiện nhứt thiết sắc thân tam muội”. Ngài bèn tự nghĩ: “Ta được Tam muội này đều do lực nghe kinh Pháp Hoa, nay ta nên cúng dường Phật Nhựt Nguyệt Tịnh Minh Đức và kinh Pháp Hoa”, bằng cách ở giữa hư không rưới bông hoa như mưa từ trên trời rơi xuống, gồm đủ thứ loại hoa quý giá trị cõi Ta Bà để cúng dường Phật. Cúng dường như thế rồi, từ tam muội xuất Ngài tự nghĩ rằng: “Ta dầu dùng thần lực cúng dường Phật, chẳng bằng dùng thân cúng dường”. Nghĩ đoạn, Ngài liền uống các chất dầu thơm như chiên

đàn, hương xông, hương ướp, trầm thủy giao hương; rồi lấy dầu thơm xoa thân, ở trước Đức Phật Nhựt Nguyệt Tịnh Minh Đức dùng y báu cõi trời tự quần thân, rưới các thứ dầu thơm, dùng nguyện lực thân thông mà tự đốt thân. Được Đức Phật khen ngợi: đó là chân thật tinh tấn, là chân pháp cúng dường Như Lai, hơn hết thấy các thứ hoa hương chuỗi ngọc, hương đốt, hương bột, hương xoa, phan lọng bằng lụa cõi trời và ngay cả hương hải thử ngạn chiên đàn... dùng để cúng dường cũng không bằng được.

Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến làm việc cúng dường như thế rồi, sau khi mạng chung lại sanh trong quốc độ của Đức Phật Nhựt Nguyệt Tịnh Minh Đức, ở nơi nhà vua Tịnh Đức, bỗng nhiên ngồi xếp bằng mà hóa sanh, liền vì vua cha nói kệ xong bèn nói: “đại vương, Tôi nay lại nên cúng dường Đức Phật đó”.

Bấy giờ, Đức Phật Nhựt Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật bảo Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến rằng: “Thiện nam tử! Giờ ta nhập Niết Bàn đã đến, giờ diệt tận đã đến, ông nên sắp đặt giường tòa. Ta trong đêm nay sẽ nhập Niết Bàn”. Sau khi Đức Phật nhập diệt, Bồ Tát thân xá lợi dựng trong các bình báu, xây dựng tháp báu để cúng dường. Nhưng Bồ Tát tự nghĩ: việc cúng dường như thế vẫn chưa đủ đền đáp ân đức sâu dày của Đức Phật, lòng từ của Đức Phật quá tối thượng, quá sâu mầu, quá vĩ đại, nên nghĩ cách đốt thân cúng dường xá lợi. Nghĩ xong, Ngài liền ở trước tám muôn bốn nghìn tháp quần mình trong vải tám dầu hương rồi cung kính đốt cánh tay để cúng dường Phật

mãn bảy muôn hai nghìn năm, khiến vô số chúng cầu Thanh Văn, vô lượng người phát tâm vô thượng Bồ Đề đều làm cho trụ trong “Hiện như thiết sắc thân tam muội”.

Đức Phật bảo Ngài Tú Vương Hoa Bồ Tát rằng, Bồ Tát Như Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến thừa đó, nay chính là Bồ Tát Dược Vương vậy. Ông ấy bỏ thân bố thí số nhiều vô lượng trăm nghìn muôn ức kiếp như thế. Tú Vương Hoa! Nếu người phát tâm muốn được đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, có thể đốt một ngón tay, nhấn đến một ngón chun để cúng dường tháp của Phật, hơn đem quốc thành, thê tử và cõi tam thiên đại thiên: núi, rừng, ao, suối, sông, các vật trân báu... mà cúng dường (kinh Pháp Hoa, phẩm Dược Vương Bồ Tát bốn sự thứ 23, từ trang 461 – 468, H.T Trí Tịnh dịch, bản in rất cũ, chỉ thấy đóng bìa đề Phật lịch 2538 (1994)) cho pháp vững trường tồn để lợi lạc vạn loài hữu tình trong suốt quá khứ, hiện tại mãi cho chí vị lai.

- **Hạnh cúng dường:**

Ngài A Na Luật là một trong 10 đệ tử lớn của Phật, em chú bác với Phật (Thích Ca), thuộc giòng họ Thích ở thành Ca Tỳ La Vệ, nước Ấn Độ cổ đại. Sau khi thành đạo, Đức Phật trở về quê hương, ngài A Na Luật cùng các ngài A Nan, Nan Đà, Ưu Ba Li v.v... trong thời gian ấy xuất gia theo làm đệ tử Phật. Sau khi xuất gia, A Na Luật tinh tấn tu hành, xứng đáng làm gương mẫu. Trong khi Phật thuyết pháp, tôn giả có lần ngủ gật nên bị Phật quở trách, tôn giả bèn phát nguyện không bao giờ ngủ nữa, vì thế mà

bị bệnh mắt đến nỗi mù lòa. Nhưng nhờ tu hành, ngày càng tinh tấn, mắt tâm sáng dần, cuối cùng thành bậc có thiên nhãn đệ nhất trong hàng đệ tử Phật, có khả năng thấy suốt tất cả chúng sanh trong sáu đường, từ cõi trời xuống đến địa ngục (theo từ điển Phật học Huệ Quang I, H.T Minh Cảnh chủ biên, nxb Tổng Hợp, Saigon ấn hành 2003).

Đại sư Trí Giả (538 – 597), vị Tổ thứ ba của tông Thiên Thai, khi đọc tụng phẩm Dược Vương Bồ Tát Bồ Sứ của kinh Pháp Hoa đến đoạn: “ ...Thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai” (Tâm chân tinh tấn ấy, mới được gọi là pháp chân thật cúng dường Như Lai), thì Ngài liền nhập vào định. Trong định, Ngài thấy pháp hội do Đức Phật giảng kinh Pháp Hoa trên núi Linh Thứu vẫn chưa tan.

Đại sư Trí Giả thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn đang ngồi giảng pháp ở đó, chuyển bánh xe đại pháp giáo hóa vô lượng chúng sanh. Ngay đó, đại sư hoát nhiên nhập vào Pháp Hoa Tam muội và đạt được Nhất Triền Đà La Ni. Sau khi Ngài xuất định, với trí tuệ lớn lao mà Ngài đã tự khai mở được – Ngài lập tông Thiên Thai. Đó là cảm ứng do niệm tưởng công đức của Bồ Tát Dược Vương khi đốt thân cúng dường Đức Phật (Kinh Thủ Lăng Nghiêm, H.T Tuyên Hóa giảng tại Vạn Phật Thành, Hoa Kỳ; Tỳ kheo T. Nhuận Châu dịch cuốn I, nxb tôn giáo, ấn hành 2006).

Những gương hy sinh to lớn của Bồ Tát Dược Vương, kinh Pháp Hoa hay Bồ Tát Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ

Kiến - tiền thân Ngài hồi thời Đức Phật - Tịnh Minh Đức, trong hạnh nguyện đốt thân cúng dường ấy cho ta học hỏi, chiêm nghiệm, ứng dụng để củng cố, hộ trì và bảo vệ chánh pháp trong khả năng của mình như: củng cố tăng đoàn, chấn hưng môn phái, trang nghiêm Giáo Hội và bảo vệ đạo pháp. Người xuất gia là trưởng tử của Đức Như Lai nên thể hiện xứng đáng vai trò sứ giả:

1- Củng cố tăng đoàn: Lấy giới luật làm mạng mạch, nên ở bất cứ nơi nào hễ giới luật còn được duy trì là Phật pháp còn tồn tại trên thế gian. Tăng đoàn là một đoàn thể xuất gia tỳ kheo chúng có kỷ cương quy tắc sống trong lục hòa pháp lữ, hợp lực cùng nhau trong tinh thần xây dựng cộng tồn. Câu tục ngữ như luôn luôn nhắc nhở người xuất gia cần phải ghi nhớ: “ hỏ ly sơn hỏ bại, tăng ly chúng tăng tàn”, thì không có lý do gì chư tăng không đoàn kết, đê cùng nhau san sẻ những công tác Phật sự như hoằng pháp, giáo dục, đào tạo tăng tài, từ thiện, xã hội, thiết lập cơ sở v.v... và quan trọng hơn cả là đức kham nhẫn, từ bi, độ lượng, tinh tấn, dũng lực v.v... để vượt qua những chướng duyên cản trở trong tiến trình tu tập, hành đạo. Nếu không, hảnh bị hoàn cảnh chi phối làm thoái thất Bồ Đề tâm, và cũng tịt luôn cả mầm tuệ giác không thể nào phát triển nảy nở được nữa. Hơn ai hết, người tu phải tự đề cao cảnh giác mình như giữ tròn con mắt, vào những lúc Phật giáo hưng thịnh, tăng đoàn được trọng vọng, ưu đãi người tăng sĩ không nên tự kiêu, cao ngạo để rồi quên bẵng vai trò, bổn phận, và trách nhiệm nặng trĩu trên đôi vai, làm cho Phật

giáo trì trệ, xuống dốc và dần dần đi tới chỗ mất uy tín. Lỗi không do người tín đồ, không phải giáo pháp, lại càng không phải do được người ta quá đề cao. Vấn đề còn lại, do tánh kiêu căng cố hữu mà người xuất gia không tự kèm chế, làm cho đoàn thể mất uy tín. Đó là điểm then chốt chúng ta cần phải cải thiện nếp sống tăng đoàn lành mạnh cho người Phật tử tín tâm nương tựa. Nói cách khác, tu và học là hai phạm trù cơ bản người xuất gia không thể lơ là xem nhẹ được. Không phải muốn làm thầy thiên hạ cứ vào chùa cạo tóc, mặc áo nhà tu là trở thành tu sĩ đâu. Đức Phật đã từng ân cần dặn bảo chư vị Tỳ kheo: “chiếc áo không làm nên thầy tu” đó hay sao? Hãy lấy đó tự soi sáng thân tâm của mỗi hành giả để cho đoàn thể tăng luân được tồn tại trong cõi đời bản trực xấu ác này.

2- Chấn hưng môn phái:

Người xưa thường nói: “muốn đi xa phải bước những bước gần cho thật vững chắc”. Thật là lời nói của cổ nhân bao giờ cũng vẫn còn giá trị. Muốn chấn hưng trước hết phải cần chấn chỉnh bên trong - nội bộ - cho ổn định, nghĩa là tự thân của mỗi vị tăng có đủ học hạnh kiêm ưu chưa? Đủ khả năng đóng góp cho Phật giáo không? Sống trong chúng có hòa hài nhường nhịn? Có giữ đúng tôn ti trật tự với huynh đệ? Có lòng hiếu kính đối với tôn sư? xử sự có đúng cách với người Phật tử bốn đạo? Điều hành việc chùa, việc chúng có trôi chảy không? Trong đoàn kỳ và trường kỳ người ấy thế nào? Và ngoài ra, có những vấn đề phức tạp thuộc về tâm sinh lý hết sức tinh tế làm sao nêu lên hết

được. Và đó lại là “cân nã” của vấn đề đạo đức người tu, chẳng hạn, tham đắm sắc dục, tham muốn tiền tài, vướng chấp danh vị là ba việc khá dày cộm làm thui chột tín tâm người xuất gia. Chấn chỉnh mỗi cá nhân được hoàn hảo, cũng tức là làm cho ngôi tự viện có uy tín sung thịnh hơn lên, bốn đạo lui tới tu học ngày càng đông và thêm phần chấn. Và như vậy, lo gì Thầy Tổ, môn phái không mở rộng, chấn hưng, phát triển... tương xứng với câu: “Tông phong vĩnh chấn, Tổ ấn trùng quang” (Tông môn chấn chỉnh, ấn Tổ rọi bồi). Nơi hậu Tổ tôn thờ di ảnh những bậc khai sơn phá thạch, vác đá, đẵn gỗ, thồ gạch... với đôi bàn chân trần dãi nắng dầm mưa xây dựng nên cơ đồ cho có chỗ trú, nơi chốn tu niệm của đàn hậu côn. Và bao nhiêu vị tiền bối hữu công đã hy sinh đóng góp sức lực, tâm tư cho tiền đồ Phật giáo. Càng nhớ nghĩ đến các Ngài bao nhiêu, ta càng tủi thẹn bấy nhiêu, vì sức con người mỗi ngày càng cạn kiệt về hai phương diện: dẻo dai chịu đựng và trí nhớ cạn mòn!

Sống ở thế kỷ hai mươi một hôm nay con người tự hào văn minh tiến bộ, nhưng so ra với bậc Thầy Tổ lớp trước ta chừng một vài trăm năm, hàng hậu duệ ngày nay không bằng một phần của các Ngài về mặt hành đạo, cũng như cách ứng xử tài tình với thiên nhiên, hoàn cảnh. Thế thì, muốn giữ gìn hay tô bồi môn phong, liệu ta có đủ lực, đủ tài tạo nên chất xúc tác cho các thế hệ kế thừa, như ta đang ân hưởng hôm nay? Câu trả lời không phải qua ngôn từ, bằng bút mực hay sách vở mà nhìn vào hiện thực,

người đệ tử xuất gia có lo chấn chỉnh đường lối tu hành lệch lạc, sửa sai những việc làm bất thiện, biết tầm quý, niệm ân Thầy Tổ, kiên toàn tánh đức, tinh tấn tu tập làm gương cho các lớp đàn em, cũng như khuyến khích lớp trẻ xuất gia và cố gắng đào tạo cho họ có vốn liếng Phật pháp khả dĩ để đem ứng dụng vào đời.

Người đệ tử xuất gia làm được bấy nhiêu đó cũng đủ nói lên được tâm nguyện của mình để không phụ “ chí xuất trần, làm rường cột cho ngôi nhà Phật giáo”. Và đó cũng là bản hoài báo đáp công ơn các bậc Tổ Đức trong muôn một.

3 – Trang nghiêm Giáo Hội:

Nói tới tổ chức Giáo Hội đừng nghĩ ai khác hơn mà nên lấy ta làm đơn vị điển hình. Có suy nghĩ như vậy, mỗi một tăng sĩ mới hết lòng lo xây dựng tổ chức, làm việc với và sống chết cho tổ chức. Cũng như một ngôi nhà xây nên nhờ các yếu tố cột, kèo, đòn tay, xiên, trính, mái ngói, đòn dông... mới chống đỡ được nắng mưa, gió bão, Giáo Hội là một tập hợp nhiều người với nhiều khả năng chuyên biệt góp sức tạo dựng thành, để duy trì, bảo vệ và phát triển đạo pháp.

Nhân sự của tổ chức Giáo Hội tùy theo vai vị hoặc được tuyển thỉnh người có khả năng, đạo hạnh, hay do bầu cử qua đại hội để chọn người xứng hợp điều hành công tác Phật sự. Hầu như công việc Phật sự Giáo Hội làm với tính cách tự nguyện, không được trả thù lao. Ngược lại, nhiều khi vì muốn được việc (hiệu quả), công tác nhanh lẹ, cấp nhật, người chịu trách nhiệm còn phải bỏ tiền chi dụng,

nhờ người khác phụ lực dù phải tốn kém cũng sẵn sàng, không chút đắn đo tiếc rẻ. Đây lại là thế yếu, điểm sơ hở của tổ chức, vì không ai kiểm soát công việc làm, có nhiều lúc do quá hăng say cũng làm hỏng việc, hoặc có người quá tự hào cũng đưa tổ chức tới chỗ kẹt, thế bí, nếu không nói là rối loạn như tình trạng của GHPGVNTN hiện nay đang trên đà không lối thoát. Để trở thành là một cán bộ trung kiên của Phật Giáo, người tác viên phải chịu khó học hỏi thuộc phạm vi chuyên môn để đảm bảo cho vai trò mình trách nhiệm. Ngoài yếu tố ấy ra, người phụ trách công việc còn cần phải hội đủ bốn đức tánh: thành thật, bao dung, từ ái và sáng tạo mới làm cho tổ chức phát triển được nhiều mặt. Nếu thiếu một trong các yếu tố đó, công việc trở nên trì trệ, thiếu hiệu quả, hay có thể là dậm chân tại chỗ; bị chỉ trích, phê phán... rồi chán nản bỏ cuộc. Nhìn ở mặt tiêu cực là như thế, còn về phần tích cực mỗi thành viên phải cần vận dụng hết khả năng tham gia đóng góp để đưa tổ chức đi lên, hầu xứng đáng góp mặt với cộng đồng và nhiều đạo giáo khác.

Trang nghiêm Giáo Hội mới nghe qua chừng như trừu tượng, nhưng chịu khó suy nghĩ ta nhận thấy đó chỉ là kết quả của hai điểm vừa trình bày trên mà thôi.

4 - Bảo vệ đạo pháp:

Có người nêu ý kiến: người tu trong tay không có lấy một tác sắt lấy gì để bảo vệ? Thật ra, từ bảo vệ mang ý nghĩa cao rộng hơn ta tưởng, quý hồ bằng cái tâm chân thật. Ta thử nhìn sang thế tranh đấu đời thường,

chuyện gì xảy ra cho Thánh Cam Địa tức là Thánh Gandhi của Ấn Độ. Nhà chính trị lãnh đạo cuộc vận động giành độc lập cho đất nước, người cha của dân tộc Ấn Độ độc lập, được tôn là “linh hồn vĩ đại”. Ngài sinh tại Ba Ban Đạt (Porbandar) miền tây Ấn Độ. Năm 1886, sang Anh học luật, sau khi về nước, hành nghề luật sư. Năm 1893 Ngài đi Nam Phi làm việc, thấy nhà đương quyền địa phương đối xử hết sức tàn tệ với đồng bào Ấn Độ của mình, bèn cực lực phản đối. Để giành lại quyền cơ bản của con người, và thủ tiêu chính sách kỳ thị chủng tộc, Cam Địa mở cuộc đấu tranh bất bạo động hơn hai mươi năm. Năm 1914, sau khi trở về Ấn Độ, Cam Địa trở thành người lãnh đạo phong trào vận động độc lập để giải phóng dân tộc, liên tục chống đối chủ nghĩa đế quốc của nước Anh. Trong thế chiến thứ nhất, Ngài chịu điều kiện tham chiến để đổi lấy nền tự trị cho Ấn Độ. Sau chiến tranh, nước Anh lấy cớ duy trì nền an ninh trật tự, năm 1918 đặt ra điều luật “đàn áp bạo động”, tiếp tục đàn áp mạnh hơn. Năm 1920, Cam Địa đưa ra cuộc vận động “bất hợp tác” (Non-cooperation Movement) đòi hỏi tự trị, bình đẳng dân tộc, đề cao hàng hóa trong nước, tẩy chay hàng hóa nước Anh. Kết quả là mấy lần vào tù, nhưng trước sau vẫn không nản chí, tiếp tục vận động bất hợp tác, dùng nguyên tắc bất bạo động chống đối đến cùng.

Trước sau vào tù hơn mười mấy lần và, ở tù lại tuyệt thực để chống đối, cuối cùng chính phủ Anh phải nhượng bộ. Tư tưởng căn bản của Cam Địa đại lược là nắm chắc

chân lý, không đổ máu, giữ gìn thân tâm thuần thiết. Dùng phương sách chính đáng không bạo động để đạt mục đích, khiến thế lực xấu xa phải lùi bước, cuối cùng dựa vào niềm tin ấy mà đã toàn thắng. Túc Cam Địa đã nhờ vào tinh thần kỷ luật của mình mới có thể ứng dụng phương sách chính đáng để thực hiện lý tưởng. Về sau, đảng Quốc Đại Ấn Độ vẫn tiếp tục phương án bất hợp tác của Cam Địa, khiến giai cấp công dân, và nông dân đều thức tỉnh và phấn chấn, nhờ đó mà củng cố cơ sở giành độc lập giải phóng dân tộc về mặt chính trị và xã hội.

Cuối cùng, vào năm 1947, nước Anh phải trả lại độc lập cho Ấn Độ, và từ đó, Cam Địa lại dồn hết năng lực vào việc giải quyết xung đột giữa Ấn Độ giáo và Hồi giáo, đi khắp nơi vận động sự hòa giải và khoan dung giữa hai tôn giáo. Năm 1948, Cam Địa đã bị một người Ấn Độ, đảng viên một đảng chính trị cấp tiến ám sát tại Tân Đề Ly vào ngày 29/01/1948, ông sanh năm 1869, thọ 80 tuổi (Phạt Quang đại từ điển I do H.T Quảng Độ dịch, hội VHGD Linh Sơn Đài Bắc - Đài Loan xuất bản năm 2000).

Gương tranh đấu bất bạo động từ Thánh Cam Địa giúp ta rút tĩa một bài học bảo vệ đạo pháp cần phải cương quyết dẫn thân, nắm vững chân lý, không gây thiệt hại đổ máu, tu sửa thân tâm thanh tịnh, dù phải hy sinh vẫn không chùn bước, mới mong đạt được sự toàn thắng, ngõ hầu góp phần bảo vệ chánh pháp hữu hiệu.

Với chủ đề “hộ trì” mà thật ra trong đó có sự bảo vệ giáo pháp, nhằm những lúc lâm nguy như bị đàn áp, bức

chế, tiêu diệt Phật giáo qua những thời kỳ pháp nạn như trong lịch sử và hiện nay dưới chế độ cộng sản đủ để chứng minh điều này.

CHÂN HẠNH TINH TÂN CÚNG DƯỜNG



Cúng dường là từ rất đẹp với nhiều ý nghĩa có hàm ý cung kính của người thực hiện trong cách biểu lộ qua món tặng phẩm đối với người nhận. Đây không phải là một việc làm thông thường mà là một hạnh tu cần đức tính kiên nhẫn, không phải ai cũng thực hiện được. Vì cần đòi hỏi trí tuệ, từ bi và lòng can đảm mới có thể bắt tay thực hiện được một việc tuy rất giản đơn, nhưng lại vô cùng phức tạp, do tâm con người chưa thuần gây ra, mà người thực hành không khéo lại chùn bước không theo đúng được như tâm nguyện.

Cúng dường là đọc từ chữ cung dưỡng mà thành; với thái độ khiêm cung, hiểu biết và chia sẻ muốn làm một việc có ích không nhắm tới lợi dưỡng cá nhân bất cứ dưới hình thức nào. Hy sinh tài lợi, kiến thức, năng khiếu, ngay cả mạng sống cho sự an lạc của tha nhân và mọi loài mà không bị mắc vướng vào người ban phát, vật đem cho và kẻ nhận. Với cái tâm vô cầu thực sự không còn phân biệt nhân, ngã, chúng sanh, thọ giả, hay nói khác là xem người thân, kẻ sơ bình đẳng, vượt ra khỏi biên giới chủng tộc, màu da, ngôn ngữ, sắc tướng, địa vị, tánh phái v.v... Đó là hạnh lợi tha của người thực hành Bồ Tát đạo. Tu tập công

hạnh ấy cách trọn vẹn trong cõi đời đầy ma chướng, nhiều khổ đau, phiền lụy này là môn thần dược diệu dụng cứu thoát nhân sinh đang trong cơn nguy biến ngặt nghèo, là phục vụ lợi ích an lạc cho đồng loại hay cho vạn loài hữu tình nói chung, mà người có trí tuệ, từ bi mới đủ tâm lượng thực hiện được. Nó cũng cần tới dũng lực nữa để cho việc làm chánh đáng hầu thực hiện không thiên lệch, hèn kém, nhút nhát theo quan niệm cố chấp hẹp hòi cố hữu của mình từ bấy lâu nay mà không tự chế hay kiểm soát được.

Một cách cúng dường cụ thể để duy trì sự sống của giới xuất gia mà hàng Phật tử có thể cung ứng như: thức ăn uống, đồ mặc, quần áo, mền nệm, tọa cụ (ngồi thiền), thuốc thang... Thân thể kiện khang trong một tinh thần minh mẫn là điều cần thiết của người hành đạo, như đức Phật Thích Ca chủ trương và theo đuổi, cho ta bài học vô cùng cao quý. Những tín chủ giàu lòng nhân đức đối với tăng đoàn hồi thời kỳ Đức Phật, như những tấm gương soi sáng cho chúng ta mà vua Tần Bà Sa La (Bimbisara) là một ví dụ điển hình. Nhà vua phát tâm quy y Phật trở thành một đệ tử thuần thành của Tam bảo, không những dâng vật dụng cần thiết cúng dường Phật và chư Tăng, để có phương tiện trong việc hành đạo, mà ông còn nghĩ xa hơn với việc lợi ích cho nhiều người và phát triển đạo pháp sâu rộng trong quần chúng. Vua cho thành lập ngay tu viện Trúc Lâm bề thế, rộng rãi, qui củ ở thành Vương Xá (Rajagrha) tại Ma Kiệt Đà (Magadha) dâng cúng dường Đức Phật làm đạo tràng hoằng pháp. Mãi cho tới nay di

tích lịch sử vẫn còn khu rừng trúc này gần núi Linh Thứu, nằm về hướng Đông Bắc của kinh thành Vương Xá. Ông Cấp Cô Độc cũng là một thí chủ rất quan trọng của tăng đoàn thời Đức Phật. Ông là một trưởng giả triệu phú ở kinh đô Xá Vệ (Savatthi) thuộc vương quốc Kiền Tát La (Kosala) miền bắc Ấn Độ. Tên ông là Tu Đạt (Sudatta), vì thường hay cung cấp giúp đỡ những người nghèo khổ, cô đơn, danh tiếng vang xa khắp cả nước ai cũng biết, nên mọi người ưu ái tặng cho ông biệt danh “Cấp Cô Độc”, tức là người cứu giúp kẻ nghèo khó và đơn độc. Vì mến mộ uy đức của Đức Phật, ông phát nguyện lập một tu viện tại Xá Vệ cúng dường Phật và tăng đoàn để chư tăng có nơi tu học như một đạo tràng hoằng pháp tại Kiền Tát La. Phật hoan hỷ chấp nhận. Ông Tu Đạt tiến hành tìm địa điểm và lo việc xây cất, cũng như được Phật phái Ngài Xá Lợi Phất trực tiếp trông coi công trình xây cất trung tâm tu học bề thế thứ hai này. Trung tâm này có nhiều tên gọi như: Kỳ Viên tinh xá, Kỳ Hoàn tinh xá, Cấp Cô Độc viên, hay Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên.

Từ khi tinh xá hình thành có cả nghìn chư tăng lưu trú học đạo tại đây, và đức Phật mỗi năm tới mùa an cư được chư tăng cung thỉnh một lần, cả thầy là 20 lần Phật đã an trú tại tinh xá Kỳ Hoàn. Đặc biệt, ông Cấp Cô Độc hầu như mỗi ngày đều đến tinh xá để thăm Phật và học hỏi, cũng như chăm sóc đời sống vật chất cho chư tăng.

Hàng Phật tử hộ đạo nhiệt thành ngoài một số những người tín tâm nam giới như thế, cũng có hàng nữ cư sĩ mộ

đạo không kém, như trường hợp bà Tỳ Xá Khư (Visakha) là thí chủ lớn nhất của tăng đoàn. Bà sinh trong gia đình nhà triệu phú Đạt Nan Xà Dạ (Dhananjaya) tại vương quốc Ương Già (Anga), sau dời về vương quốc Kiền Tát La (Kosala) ở Saketa, phía nam thành Xá Vệ. Riêng bà vẫn ở tại Ương Già với ông bà ngoại (cũng là một nhà triệu phú) cho tới khi khôn lớn. Bà có trí thông minh, khôn khéo và nhân nại, đã dẫn dắt gia đình nhà chồng (vốn theo đạo lửa hình) về với Phật đạo. Không những bà cung kính cúng dường vật thực cho Phật và chư tăng tại nhà buổi sáng mà buổi chiều bà thường đến tu viện để nghe pháp và thường hay giúp đỡ mỗi khi chư tăng cần dùng gì. Ngoài ra, bà cũng đóng góp rất đắc lực trong nhiều lãnh vực liên quan đến sự phát triển và ổn định Phật sự.

Nhờ lòng tín thành và sự đóng góp tâm, vật lực, Tỳ Xá Khư là người nữ thí chủ có công đức nhiều nhất trong các Phật sự, và đồng thời cũng là một tín đồ trung kiên bảo vệ giáo pháp của Đức Phật mà mãi cho tới nay tên bà vẫn còn được nhiều người nhắc đến.

Riêng về lãnh vực y dược thuở xưa còn thô sơ, thiếu thốn, nhưng người có tâm lo cho sức khỏe của Đức Phật và tăng đoàn là y sĩ Kỳ Bà. Ông là con vua Tần Bà Sa La và bà phi Ambapali (Am Ba Bà Lị), tức là cùng cha khác mẹ với thái tử A Xà Thế. Ông học ngành y từ năm 14 tuổi đến 23 tuổi tốt nghiệp và trở thành một vị lương y nổi tiếng, từng trị lành cho nhiều người bị bệnh hiểm nghèo. Ông gặp Phật từ lúc còn đang học tập, nhưng đã tỏ lòng kính

mến Phật, và ông hứa là sau khi học thành tài, sẽ về ở gần Phật để học hỏi giáo pháp. Do đó, ông chọn mua một khu vườn xoài rộng gần núi Linh Thứu, cất một tịnh xá để ở; và cũng cất cho Phật một tịnh xá để Phật ghé lại nghỉ ngơi sau những chuyến hoằng pháp nhiều ngày. Ông vừa là ngự y của vua Tần Bà Sa La, và đồng thời cũng là y sĩ thường trực của Phật và tăng đoàn. Nhờ thân cận Phật và chư tăng, ông biết rõ âm mưu muốn giết cha để chiếm đoạt ngôi vua của thái tử A Xà Thế, theo lời xúi xẻo của Đề Bà Đạt Đa; Đề Bà Đạt Đa cũng có ý định muốn hại Phật để tranh giành ảnh hưởng và chia rẽ tăng chúng. Ông theo sát mọi hành động của Đề Bà Đạt Đa, cũng như của thái tử để báo cáo lên Phật đề phòng. Sau khi bắt giam và sát hại vua cha là Tần Bà Sa La, vua A Xà Thế vô cùng hối hận. Do vậy, Kỳ Bà khuyên nhà vua nên đến yết kiến Phật. Lúc đầu ông ngần ngại, sau đó vua chịu đến gặp Phật. Kỳ Bà đã thỉnh Phật tới tịnh thất của ông, rồi ông đích thân đưa nhà vua tới đó. Qua những lời ân cần chỉ đạo của Phật, A Xà Thế đã hồi tâm, và cũng nhân đó xin quy y làm đệ tử của Phật.

Đó là một vài nhân vật nổi bật qua việc cúng dường tài vật trong giáo đoàn của Phật; nhưng cúng dường pháp, là đem giáo pháp hay những lời Phật dạy truyền giảng khắp nơi cho nhiều người được lợi lạc. Tuy vậy, việc truyền pháp còn gặp khó khăn gấp bội, nó không đơn giản chút nào cả. Bởi vì, ở đời phần nhiều người ta ưa sợ điều chánh, thích tin việc tà; lại muốn có nhiều ảnh hưởng, vây cánh, thế lực về phe nhóm mình, nên tìm đủ mọi cách hãm

hại người hiền, như lịch sử đã chứng minh mà qua đó, Đề Bà Đạt Đa, em chú bác ruột của Đức Phật, là một ví dụ điển hình nhất. Trước hết, muốn thực hiện được việc tuyên dương giáo pháp, người đệ tử phải hy sinh thì giờ, tiền bạc, sức lực và ngay như mạng sống cũng không là vấn đề mới mong hoàn thành được sứ mạng cao cả đó. Đức Phật, chư vị Bồ Tát, các bậc Thầy Tổ... là những gương sáng đem giáo pháp đến khắp mọi nơi chốn còn truyền lại cho tới ngày nay.

Một trong những đệ tử hàng đầu của Đức Phật hy sinh để hoằng pháp là tôn giả Phú Lô Na (Purna) được ca tụng như nhà truyền giáo tiên phong trong lịch sử. Được biết dân chúng xứ Du Lô Na (Suraparanta) không được lương thiện mấy, nên chúng đệ tử cận kề Phật ai cũng ngần không dám tới đó thuyết pháp giáo hóa. Phú Lô Na được sử liệu ghi lại, sau mùa an cư năm nọ kết thúc, bạch Phật rằng muốn đến Du Lô Na hoằng pháp. Không ngăn cản lời thỉnh cầu này của tôn giả, nhưng Đức Phật đã biết xứ kia dân tình như thế nào rồi, việc giáo hóa ở đó có thể nói muôn vàn khó khăn, ấy là chưa kể tới sự nguy hiểm nữa; Ngài bảo:

- Nay Phú Lô Na, truyền pháp giáo hóa là bổn phận của người xuất gia Như Lai rất hoan hỷ. Nhưng nếu thầy đi tới Du Lô Na, Như Lai không yên tâm. Thầy nên chọn một nơi khác để hoàn thành chí nguyện có hơn không?

- Nhưng như lời Phật dạy, nơi nào có chúng sanh là chúng con đến được?

- Phú Lô Na, như thầy biết, Du Lô Na là một nơi xa xôi hẻo lánh. Phương tiện đi lại không dễ dàng, dân tình khép kín, văn hóa chưa mở mang. Dân chúng ở đó vốn có tiếng là hung tàn và quen tánh bạo động. Hầu như người ở các nơi khác tới đó đều bị làm nhục khó có ai toàn tánh mạng trở về; huống chi họ biết được thầy là đệ tử của Như Lai, Như Lai e thầy đến đó sẽ có chuyện nguy hiểm xảy ra chăng?

- Nhưng, bạch Thế Tôn, con thật không biết phải dùng lời gì để diễn đạt được lòng cảm kích của con đối với tình thương yêu bao la của Thế Tôn dành cho chúng con. Đây là lúc con cảm thấy cần phải xả thân phụng sự chánh pháp cũng như cúng dường cho chúng sanh để báo đáp ân đức của Phật trong muôn một. Vốn biết Du Lô Na là một nơi chưa được khai hóa nên con muốn tới độ dân chúng ở đó, xin Đức Thế Tôn hoan hỉ.

Với tinh thần hy sinh cao cả vì pháp quên mình của một người đệ tử trung kiên như thế, dĩ nhiên Đức Phật không những hoan hỉ, Ngài còn động viên thêm tinh thần cho đại chúng, Phật hỏi:

- Phú Lô Na, chuyện gì xảy ra, nếu thầy đến xứ Du Lô Na giáo hóa mà người dân ở đó không chịu nghe mà còn mắng chửi, thầy nghĩ sao?

- Bạch Thế Tôn, nếu họ chỉ mắng chửi con thì con nghĩ họ vẫn còn là người tốt chứ chưa đến nỗi vì họ chưa dùng đến gậy gộc để đánh con.

- Nhưng nếu họ dùng đến gậy gộc thì sao?
- Bạch Thế Tôn, con nghĩ họ vẫn chưa dùng đến dao kiếm để đâm con bị thương tích nặng.
- Nhưng nếu họ dùng dao kiếm đâm thầy đến bị thương tích?
- Bạch Thế Tôn, con nghĩ chỉ có vậy, họ vẫn còn là người tốt, vì dù sao cũng chưa đến nỗi họ giết con.
- Nhưng nếu họ giết chết thầy thì sao?
- Bạch Thế Tôn! Nếu điều này xảy ra thì con lại càng cảm ơn họ. Vì giết chết sắc thân này của con, tức là họ giúp con hoàn thành đạo nghiệp, giúp đưa con vào cảnh giới Niết Bàn. Điều chẳng may nếu việc này xảy ra đối với con không phải là điều chướng ngại, nhưng đáng tiếc là con chưa kịp làm gì để giúp ích cho họ mà thôi.

(Theo Mười Vị Đệ Tử lớn của Phật của H.T. Tịnh Vân, cư sĩ Hạnh Cơ dịch, chùa Liên Hoa Cali Hoa Kỳ ấn tống năm 2005).

Đó là gương bố thí pháp hay cúng dường pháp quên mình mà người con Phật nên học hỏi, áp dụng để Phật pháp được truyền bá sâu rộng khắp mọi nơi chốn. Thế nhưng hạnh vô úy cúng dường pháp là điều cao trọng hàng đầu mà không phải ai cũng làm được trong Phật pháp. Theo như kinh sử còn truyền câu chuyện hy sinh hy hữu của Bồ Tát Dược Vương như sau: “ Theo kinh Quán Dược Vương Dược Thượng nhị Bồ Tát ghi, thì trong vô lượng vô biên kiếp quá khứ, có Đức Phật là Lưu Ly Quang Chiếu

Như Lai, cõi nước của Ngài tên là Huyền Thắng Phan. Sau khi Đức Lưu Ly Quang Chiếu Như Lai nhập diệt, trong thời tượng pháp, có tỳ kheo Nhật Tạng thông minh, đa trí, nói pháp Đại Thừa vô thượng thanh tịnh bình đẳng đại tuệ Như Lai cho đại chúng nghe. Bấy giờ trong thính chúng có trưởng giả Tinh Tú Quang nghe pháp Đại Thừa bình đẳng đại-tuệ, lòng sinh vui mừng, đem thuốc hay của núi tuyết cúng dường tỳ kheo Nhật Tạng và chúng tăng, đồng thời phát nguyện đem công đức ấy hồi hướng vô thượng Bồ Đề và nguyện rằng: Nếu có chúng sanh nào nghe tên tôi thì nguyện cho họ diệt trừ được ba thứ bệnh khổ”.

Lúc ấy, người em của trưởng giả tên là Điện Quang Minh cũng theo anh đem đề hồ, thuốc hay cúng dường tỳ kheo Nhật Tạng và chúng tăng, cũng phát tâm đại Bồ Đề, nguyện được thành Phật.

Bấy giờ, đại chúng khen ngợi trưởng giả Tinh Tú Quang là Dược Vương, Điện Quang Minh là Dược Thượng. Đó là hai vị Bồ Tát Dược Vương và Dược Thượng sau này.

Ngoài ra, kinh Pháp Hoa quyển 6, phẩm Dược Vương Bồ Tát bốn sự chép: ở thời quá khứ vô lượng hằng hà sa kiếp, có Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai, sống lâu tới bốn vạn hai nghìn kiếp. Bấy giờ, có một vị Bồ Tát tên là Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến tu tập khổ hạnh, tinh tấn kinh hành, một lòng cầu Phật quả, trải qua một vạn hai nghìn năm, chứng được Hiện Nhất Thiết sắc thân tam muội. Sau đó, Bồ Tát uống các thứ dầu thơm rồi quán

mình trong vải cung kính đến trước Phật đốt thân để cúng dường Phật trong một nghìn hai trăm năm. Sau khi mệnh chung, hóa sanh vào nhà vua Tịnh Đức, nhận sự phó chúc của Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai. Sau khi Đức Như Lai nhập diệt, Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến dựng 84,000 bảo tháp, rồi trong khoảng 72,000 năm Bồ Tát tự đốt cánh tay cúng dường những tháp ấy. Vì Bồ Tát thấy rằng lòng từ của Đức Phật quá tối thượng, quá sâu mầu, quá vĩ đại, không có cách nào có thể báo đáp được ân đức ấy, nên Bồ Tát đã đem hết thân tâm và tính mạng của mình cúng dường lên Đức Phật. Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến nay chính là Bồ Tát Dược Vương vậy” (Phật Quang Đại Từ Điển, H.T Quảng Độ dịch trang 1387, Linh Sơn Đài Loan xuất bản năm 2000).

Cũng có trường hợp như đại sư Trí Giả (538-597), vị Tổ thứ ba của tông Thiên Thai – Trung Quốc – khi tụng kinh Pháp Hoa, phẩm Dược Vương Bồ Tát bỗng sự đến đoạn: “ Tâm chân tinh tấn ấy, mới được gọi là pháp chân thật cúng dường Như Lai” (Thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai), thì Ngài liền nhập vào định. Trong định, Ngài thấy pháp hội do Đức Phật giảng kinh Pháp Hoa trên núi Linh Thứu vẫn chưa tan.

Đại sư Trí Giả thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn còn đang ngồi giảng pháp ở đó, chuyên bánh xe đại pháp giáo hóa vô lượng chúng sanh. Ngay đó, đại sư hoát nhiên nhập vào Pháp Hoa tam muội và đạt được Nhất Triền Đà La Ni. Sau khi xuất định, với trí tuệ rộng lớn mà Ngài đã

tự khai mở được, Ngài xiển dương tông Thiên Thai. Đó là cảm ứng do niệm tưởng công đức của Bồ Tát Dược Vương khi đốt thân cúng dường Đức Phật (Kiến Thức căn bản Phật giáo, T. Báo Lạc trang 318 và kinh Thủ Lăng Nghiêm, H.T. Tuyên Hóa giảng tại Vạn Phật Thành, Hoa Kỳ; Tỳ kheo T. Nhuận Châu dịch, nhà xuất bản tôn giáo ấn hành năm 2006. Cuốn I các trang 45 & 46).

Hạnh cúng dường pháp với tâm vô úy trong lịch sử truyền thừa còn nhiều mà chư vị Bồ Tát và các hàng đệ tử Phật đã hy sinh theo đúng tâm nguyện.” Phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật”, là bản hoài của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đã, đang và sẽ thực hiện để truyền đạt Phật đạo an lạc giải thoát trong khắp các ngõ ngách nhân gian ở thời kỳ pháp nhược ma cường này.

Thử nêu một vài suy nghĩ về hạnh cúng dường:

• **Tinh tấn cúng dường:** tức là việc cúng dường tâm không thoái lui, một khi có ý định là nhất quyết thực hiện cho bằng được mà không bị bất cứ một cản trở, chướng ngại (duyên) nào. Nói đến chướng duyên gồm cả nội và ngoại, như bản thân không được lành mạnh lúc làm việc bổ thí, gặp những trường hợp như mưa gió, lụt lội, hỏa hoạn, dịch bệnh hay kể cả chiến tranh... hoành hành. Tất cả những việc ấy không làm lui bước thoái chí nản lòng người hành đạo. Như kinh Pháp Hoa có bài kệ rằng:

“... Nếu có người tinh tấn
thường tu tập lòng từ

chẳng hề tiếc thân mạng

mới nên vì đó nói...”

(kinh Pháp Hoa, phẩm Thí Dụ thứ 3)

* **Chân thật cúng dường:** Cúng dường với tâm trong sạch sáng suốt, với thiện căn sẵn có, cần đòi hỏi người giàu sang dư dã mới đủ phương tiện làm việc cúng dường. Qua câu chuyện cổ tích bà già cúng đèn Phật thời xưa, đủ chứng minh lòng chí thành tha thiết. Chuyện kể: xưa có một bà lão nhà nghèo phải đi xin kiếm tiền độ nhật. một hôm trên đường bà gặp đoàn xa giá của đức vua A Xà Thế chở dầu và vật phẩm tới tịnh xá Kỳ Viên cúng dường Phật. Bà cũng muốn cúng dường Đức Phật, nhưng không biết phải làm sao! Hôm đó xin được \$2 tiền của người chủ bán hàng tốt bụng bố thí, thay vì để ăn trong ngày. Bà nói với chủ quán đong cho bà 2 đồng dầu. Người chủ quán ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao không mua thức ăn, bà mua dầu để làm gì?

- Nghe nói cúng ánh sáng cho Phật kiếp sau được sáng suốt hơn hiện tại, nên thà nhịn ăn hôm nay để cúng Phật, bà trả lời. Qua lời thật tình của bà, chủ quán cảm động đong thêm cho bà 3 đồng nữa, tất cả là 5 đồng tiền dầu. Bà đem số dầu ấy tới dâng lên cúng Phật, được Phật hoan hỷ chấp nhận. Bà rất vui trong lòng vì mãn nguyện, lễ Phật và chur tăng và bà phát nguyện rằng: “ Nếu sau này

tôi được chứng đạo vô thượng như Đức Phật thì ngọn đèn này sẽ cháy suốt đêm và sáng tỏ khác thường”, xong bà lui về. Những ngọn đèn của vua cúng cháy tới nửa đêm thì tắt lịm, trong khi thật là kỳ lạ ngọn đèn của bà cụ vẫn cháy cho tới sáng. Đức Phật sai ngài Mục Kiền Liên tới tắt ngọn đèn. Càng dập tắt ngọn đèn càng phục cháy lên cao. Lấy làm lạ, ngài Mục Kiền Liên đem hỏi Đức Phật nguyên nhân nào ngọn đèn bà già vẫn sáng suốt đêm, trong khi những ngọn khác lại tắt ngúm?

- Phật dạy: đó là ngọn vô tận đặng gió không làm tắt được, sức người không thổi được. Là công đức trí tuệ nên được chư Phật chứng minh, bà già cúng đèn này kiếp sau sanh vào gia đình giàu có, thoát khỏi kiếp nghèo hiện tại.

* **Cúng dường vô úy**: tức là ban cho người tâm không sợ sệt mà hàng Bồ Tát thực hiện đem an lành ổn định đến cho mọi loài chúng sanh. Tâm lý chung của mọi người ở đời, không ai chẳng sợ. Ta sợ đủ thứ chuyện trong cuộc sống. Nhất là sợ chết, sợ ma, sợ thần quỷ v.v... Người Phật tử phải tập tánh không chút sợ hãi, trái lại còn ban phát cho người, những loài vật khác cái không sợ để giúp ổn định và làm thăng hoa cuộc sống. Quán sát cái chết là lẽ tự nhiên của con người không ai tránh khỏi, sao còn hốt hoảng sợ hãi mỗi khi đề cập tới.

Trang bị đầy đủ các cách cúng dường như thế giúp ta hăng hái trên đường tu tập, cũng chính là san sẻ với mọi người kiến thức, kinh nghiệm, đức tin... trong việc xây dựng bản thân lành mạnh an vui, cũng như gia đình hài

hòa hạnh phúc và cộng đồng nhân loại sống chung hòa bình như trong đại gia đình hay như tình Linh Sơn cốt nhục của Đức Phật, bậc đạo sư của Phật đạo thuở nào.

QUI TẮC CHỌN NGƯỜI XUẤT GIA

Đây không phải là việc mới lạ trong chốn thiền gia, ngay từ thời Đức Phật đã có một số vấn đề xảy ra trong tăng đoàn, cho nên nhận người xuất gia, nhất là những vị trụ trì hay chủ về cơ sở đào tạo giáo dục tăng ni phải cẩn thận trong những trường hợp nhận cho người xuất gia như sau:

- 1- Được cha mẹ hay những người giám hộ đồng ý (nếu tuổi vị thành niên)
- 2- Phải được sự thỏa thuận của người phối ngẫu (nếu đã lập gia đình)
- 3- Không nằm trong hạn tuổi nghĩa vụ luật định
- 4- Thân thể khỏe mạnh, nhất là tâm tánh phải bình thường
- 5- Không bị người tình phụ
- 6- Không mắc nợ người
- 7- Không phạm pháp
- 8- Không đang làm quan bỏ đi tu
- 9- Không phải đầy tớ trốn đi tu

10- Không có tặc tâm xuất gia.

Từ lúc thọ cụ túc giới, vị Tỳ kheo nên tự đặt mình trong chánh pháp, sống đúng luật trong tăng đoàn, và an nhẫn trong việc đối nội cũng như đối ngoại

Bốn pháp xử sự

- Bị mắng không mắng lại
- Bị sỉ nhục không oán giận
- Bị người giận không nên giận lại
- Bị đánh không đánh lại

Bốn nơi nương tựa

- Pháp y
- Bình bát
- Trú xứ
- Tăng đoàn

Trong giờ truyền giới Tỳ kheo trang trọng, Hòa Thượng Yết Ma thay cho Hội Đồng giới sư, sách tấn giới tử bốn pháp cần hành của sa môn như sau:

- Một là bắt đầu từ ngày nay đến suốt đời, nếu có người mắng, không nên mắng lại. Vì miệng lưỡi người đời ghim gút, người tu không thể và cũng không đủ sức địch lại nổi họ; tốt nhất là nên tránh sang chỗ khác.

- Hai là từ nay cho đến suốt đời, nếu có người giận, không nên giận lại. Trong cuộc sống quá nhiều bận rộn khiến tâm con người như mưa nắng bất thường, nên dễ dãi

qua, ưa gây hấn bất cứ việc nhỏ hay lớn. “ Một câu nhin là chín câu lành”, nên theo đó mà tập tu sửa tâm tánh.

- Ba là từ nay cho đến suốt đời, nếu có người đùa giễu, không nên đùa giễu lại. Việc giỡn cợt đùa vui cũng làm người ta hờn giận, tẩy chay không thân thiện với mình nữa. Do vậy, gặp trường hợp này, người xuất gia phải nên xem xét cẩn thận.

- Bốn là từ nay cho đến suốt đời, nếu có người đánh, không nên đánh trả lại. Nếu cộc cằn, hung dữ quyết ăn thua đủ, đâu còn là tư cách nhà tu, cho dù có bị người hành xử ngang bướng, thô lỗ cũng phải nhẫn nhin chịu đựng, để hạ hồi phân giải.

Vẫn biết cách ứng xử như thế là tiêu cực, không thể chấp nhận được theo lẽ công bình tối thiểu ở đời. Nhưng đối với người học hạnh xuất thế, cần có sự bình tĩnh xét suy, ứng phó phiền não dấy khởi; bằng cách nhiếp tâm không chống trả lại những tác hại mà người khác cố ý gây ra, mặc dù trong nhứt thời bị thiệt thòi, nhưng lại là sức mạnh tinh thần vô giá về sau.

Ngoài bốn pháp xử sự, thầy Tỳ kheo cần bốn nơi nương tựa cho tiến trình tu tập, hành đạo:

1- **Nương tựa ba pháp y:** như loài chim có đôi cánh mới tung bay được thì người xuất gia xem “ y pháp bất ly thân”, chiếc y phải gắn liền theo bên mình mà không rời ngũ qua đêm. Bởi vì, duyên Phật pháp khi tới một trụ xứ nào gặp lúc hữu dụng, đều phải cần tới pháp y.

2- Nương tựa chiếc bình bát: Bình bát dịch là ứng lượng khí: đồ lường đo thức ăn hợp với người. Thức ăn chỉ giới hạn trong số lượng tự mình chọn lấy, không cho thừa, vì thừa là làm phí phạm công lao của người thí chủ, và của nhiều người khác, đỡ mồ hôi lao tác cực khổ tạo nên mới có hạt cơm, thức ăn thơm ngon bổ dưỡng cho ta thọ dụng. Nếu thiếu, ăn không đủ no làm cho cơ thể trở nên yếu đuối, gầy gò, bệnh hoạn, và cũng làm trở ngại cho việc tu tập không ít. Bài kệ xử dụng bình bát như thế này:

Nhứt bát thiên gia phạn

Cô thân vạn lý du

Kỳ vì sanh tử sự

Giáo hóa độ xuân thu

Nghĩa:

Một mình dạo khắp Ta Bà

Ôm bình bát pháp mọi nhà xin ăn

Chỉ vì sinh tử đảo điên

Xuân thu giáo hóa gieo duyên độ đời.

(Thích Bảo Lạc dịch).

3 – Trú xứ: Trú xứ hay nơi chốn dừng chân của người tăng sĩ diễn tiến theo từng thời đại, qua mỗi giai đoạn truyền thừa của lịch sử Phật giáo từ cô chí kim. Ngay từ buổi bình minh của Phật giáo phát xuất tại Ấn Độ,

người sáng lập nền đạo là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chủ trương: người tu Phật sống rày đây mai đó, không nhà cửa, am thất, tu viện ...một mình với chiếc bình bát đi xin ăn khắp các thôn xóm, phố thị; và ban tối họ tìm nơi gốc cây ngủ qua đêm, đến sáng hôm sau lại lên đường...

Thế nhưng, con người ngày càng đông đảo, xã hội mỗi lúc càng phức tạp, bất an... Đó là chưa kể những bất trắc của thời tiết, bệnh tật, thú dữ, nước độc v.v... làm hại hoặc tấn công làm cho con người không còn được tự do như lúc ban đầu. Việc thiết lập tịnh xá, tu viện khởi đầu từ đó, ngay từ khi Đức Phật còn tại thế như tịnh xá Kỳ Viên, tịnh xá Trúc Lâm, đạo tràng Linh Thứu sơn... là những trung tâm qui tụ cả hàng ngàn tăng chúng chung quanh Đức Phật. Về sau, Phật giáo Truyền đến Tích Lan, Trung Quốc... việc thiết lập chùa viện lại càng thiết thực hơn, dùng làm nơi đào tạo tăng tài để phát triển đạo giáo sâu rộng hơn.

4 – Tăng đoàn: Một cá nhân của vị tăng dù tài ba thế mấy, cũng không đủ sức duy trì, chống đỡ ngôi nhà Phật giáo được. Theo luật qui định: bốn vị Tỳ kheo trở lên mới gọi là tăng già, tức là hòa hợp chúng. Vì trong tăng già có pháp yết ma để giải quyết những việc tăng sự. Vấn đề nào có tính cách nghiêm trọng cần đưa ra pháp yết ma thì phải qua pháp yết ma để hợp tính dân chủ, bình đẳng mà từ trước tới nay tăng đoàn đã và đang áp dụng hiệu quả. Bất cứ vị tăng theo truyền thống nào cũng do tăng đoàn chế

định, xử lý ở trong khuôn khổ nhất định. Những ai đi ra ngoài qui cách tăng, không phải là đệ tử của Tam Bảo, không xứng đáng nằm trong tổ chức tăng đoàn. Mặc dù không qui định nhưng mỗi một vị tăng tự biết vị thế của mình vào những kỳ đại lễ theo đúng tôn ti hạ lạp. Đó là cách thể hiện đúng theo tinh thần tự giác mà chỉ Đạo Phật mới có thể thực hiện được mà thôi.

Những tiêu chuẩn nêu trên không có tính cách tuyệt đối, tuy nhiên đó cũng là tiêu đích để cho người học đạo có trách nhiệm nhìn đúng vào thực tế trong việc tiếp tăng độ chúng.

Ngay từ thời Phật còn tại thế ở tại Xá Vệ, các Tỳ kheo, đã nhận một số đệ tử xuất gia nhỏ tuổi. Khi ra ngoài, những tiểu Sa di này không có oai nghi, hành xử giống như người thế tục bị người Phật tử chê bai. Cũng có trường hợp Tỳ Kheo, độ cho những người nam đã kết hôn hoặc những phụ nữ đã lập gia đình, rồi vội cho thọ cụ túc giới. Thực tế, đời sống hôn nhân của họ chưa rõ ràng dứt khoát và còn mang nhiều tập tục xấu của thời sinh hoạt với gia đình. Trong những trường hợp có vị làm quan bỏ đi tu cần phải xét xem cẩn thận. Như người bị luật pháp truy lùng, không tìm ra lối thoát, bỏ vào chùa tu, hoặc người có tặc tâm xuất gia... đều là những trường hợp rất khó nhận định cho đúng lúc ban đầu để vị thầy xét xem có nên độ họ hay không.

Vấn đề không phải do lòng từ bi mở rộng vòng tay bao bọc tất cả mọi thành phần trong xã hội, họ phát tâm vào chùa tu là điều đáng quý và cần phải rộng dung khích

lệ. Chỉ nhìn theo khía cạnh từ tâm mà thiếu trí tuệ và dũng lực, vị thầy ấy khó mà điều hành Phật sự tốt đẹp và xiển dương giáo pháp Phật Đà sâu rộng.

Đó là những điều cơ bản mà những vị có trách nhiệm đối với tăng đoàn cần phải thận trọng. Thà chấp nhận chùa thiếu người hơn là phải thu vào nhiều thành phần không hợp làm cho Phật đạo bị bế tắc.

Các cách cúng dường:

Cúng dường có nhiều cách như:

Cúng dường Tam Bảo là nói chung trong đó có Phật, Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng. Chữ cúng dường đọc từ tiếng Hán là cung dưỡng, có nghĩa là cung cấp đồ vật, đồ tư dụng để nuôi dưỡng chúng tăng. Thế nhưng cúng dường Phật lại không nằm trong nghĩa này; cúng có nghĩa là dâng hiến, dường là nạp mình. Hai từ này thể hiện tâm thành của người hiến cúng đối với Phật và chư Thánh Hiền.

1) **Cúng dường Phật:** Thường là cúng ngộ trong những dịp Đại lễ. Cúng Phật không cần phẩm vật mà chỉ cần ba chén cơm với nghi thức cúng ngộ là đủ. Ở những trung tâm đào tạo tăng ni, thường mỗi ngày đều có dâng cơm cúng Phật giờ ngộ trai.

2) **Cúng trai phạn:** Trai chủ (người dâng cúng) do một người hay nhiều người hợp tác sắm sửa thức ăn, mời chư tăng tới chùa hay tại nhà thọ trai cầu phước báu cho gia đình. Ở các nước Phật giáo Nguyên Thủy (Theravada)

lễ cúng dường này do chư tăng đi khát thực đến mỗi gia đình nhận thức ăn cúng dường. Vật thực cúng dường tùy khả năng miễn người cúng thành tâm là đủ, không cần đòi hỏi cho sang trọng mà nhiều khi khả năng không đạt tới, như vậy không thành ý và tín tâm.

3) **Cúng dường trai tăng:** Lễ trai tăng thường thường sắm đủ những vật dụng cúng dường chư tăng gọi là 4 sự cúng dường như: vải may y, đồ tọa cụ, thuốc men và những nhu cầu cần thiết khác; cộng thêm một số tịnh tài để chi dụng trong những Phật sự khác. Cúng dường trai tăng phải mời cho được tối thiểu 4 vị Tỷ kheo và tối đa là 1000 vị gọi là cúng dường thiên Tăng Hội. Đây là truyền thống lâu đời có từ thời Đức Phật. Việc cúng dường này vẫn được duy trì mãi cho tới ngày nay. Mục đích là tỏ lòng thành của mình đối với hàng tăng già và cũng khuyến tấn con cháu noi theo gương làm phước, ban bố để tạo phước duyên đối với Tam Bảo, không những ở hiện đời mà còn lưu lại cho nhiều đời con cháu về sau. Trong buổi lễ, người cúng phải có lời tác bạch, nói rõ lý do cúng dường để nhờ đức chúng như hải của chư Tăng chú nguyện cho thiện tâm của mình được thành tựu. Đó là về tự lợi, còn phần lợi tha là hồi hướng cho khắp chúng sanh đều được thoát khổ và giải thoát.

4) **Cúng dường đất đai vào chùa:**

Trước kia chế độ cúng dường hầu như khác hẳn với bây giờ. Bởi lễ chư tăng theo như luật quy định: ngày ăn một bữa, tối lại ngủ dưới gốc cây 1 lần, không chứa giữ tài

sản, không lập chùa viện. Do vậy chư tăng chỉ đi khát thực rồi thọ dụng trong ngày là xong. Sau này, Phật giáo truyền qua các nước Bắc phương Phật giáo (Bắc truyền) đã chỉnh đốn lại quy củ.

Muốn phát triển chùa viện theo chiều hướng này, chùa phải lo kinh tế tự túc. Muốn làm kinh tế tự túc, chùa phải nhắm vào một số việc tạo được nguồn tài chánh như: bán thức ăn chay, vé số, làm bánh trái, tổ chức văn nghệ, cơm chay gây quỹ, hội chợ Tết v.v... Đó là những công việc vừa dễ kiếm được tiền, lại vừa với khả năng của người tu hành, có được số ngân quỹ cho việc xây cất chùa, điều hành Phật sự, nuôi chúng. Có những việc có tính cách chuyên môn như sản xuất nước tương, điều hành cơ sở giáo dục, làm nhang, may quần áo, mở phòng phát hành v.v... cũng là những cách tạo tài chánh để chùa có ngân khoản khả dĩ làm Phật sự. Nhìn chung lối sinh hoạt chùa chiền là như vậy. Còn một số những chùa ở miền quê hay những ngôi chùa Tổ, quỹ điều hành phần nhiều dựa vào đất đai gọi là tự điền do chùa quản lý hoặc cho người canh tác.

Nếu chùa trực tiếp canh tác ruộng đất, bắt buộc chư Tăng phải đích thân điều động mà không phải thuê mướn. Ruộng đất cúng chùa do người Phật tử tín tâm hiến cúng hoặc do triều đình ban tặng. Ruộng đất cúng chùa phải rõ ràng dứt khoát để khỏi bị phức tạp về sau. Và đây là mẫu sơ lược tờ (form) hiến đất đai vào chùa. Tờ hợp đồng hiến đất đai như sau:

Tên họ...

Pháp danh...

Pháp tự...

Pháp hiệu...

Chùa...

Tại... xin phụng cúng tư điền như các chi tiết sau:

....

....

....

Thửa đất, Đông Tây Nam Bắc giáp..., bao nhiêu sào, bao nhiêu mẫu.

Cuối tờ giao kèo ghi rõ ngày tháng, nếu cần ghi cả ngày âm lịch, tại...

Điều cần yếu là tờ hợp đồng phải có luật sư chứng nhận và chính quyền chứng thực để làm bằng. Tuy nhiên, người nhận tài sản phải xét xem lại kỹ càng về chủ quyền của thửa đất ấy khi ký nhận.

5- Cúng đường xây cất chùa:

Sau khi Đức Phật thành đạo, chưa có tăng đoàn, cho tới khi Ngài giảng bài pháp đầu tiên về Tứ Thánh Đế (4 chân lý) cho 5 vị Tỳ kheo như Ngài Kiều Trần Như tại vườn Lộc Uyển. Dần dần Phật thu nhận đệ tử xuất gia ngày càng đông. Nhu cầu chỗ ở được đặt ra nên vua Ba Tư Nặc phát tâm cúng đường đất đai cho việc lập tịnh xá,

cũng như Trưởng giả Cấp Cô Độc mua khu vườn của Thái tử Kỳ Đà dâng cúng Phật cũng nhằm mục đích này. Như vậy, hội Đức Phật chưa có danh từ chùa, mà chỉ có Tịnh Xá thôi.

Sau khi Phật nhập diệt khoảng 600 năm, Phật giáo được truyền sang Trung Quốc vào khoảng thế kỷ thứ I Tây lịch với hai vị Tăng là Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan ở Hồng Lô Tự và dịch bộ kinh đầu tiên là Tứ Thập Nhị Chương. Nơi hai Ngài dịch kinh này, khởi thủy không phải là ngôi chùa. Đó là nơi dùng để tiếp khách nước ngoài của triều đình nhà Hán, Trung Quốc.

Vị quan đứng đầu Hồng Lô Tự có nhiệm vụ quản lý, tiếp đón khách nước ngoài và các việc tang ma, chúc mừng v.v... Đời Hán gọi vị quan này là Hồng Lô Tăng, đời Tần gọi là Điện khách.

Theo như Phật Quang đại từ điển, dẫn “Đồng thư Bách Quan Chí quyển 38”, Hồng Lô tự có lập một vị khanh, hai vị thiếu khanh, hai vị thừa, để tiếp khách và điều khiển nghi lễ. Các sa môn Tây Vực Ấn Độ đến Trung Quốc truyền pháp, được thỉnh an trí ở Hồng Lô Tự, do vị Hồng Lô Khanh chỉ dẫn mọi việc ăn ở, đến đi. Đời sau cũng căn cứ theo đây mà gọi chỗ ở Tăng Ni là “Tự” (chùa) (Theo Phật Quang từ điển).

Muốn lập chùa, thật quả là không đơn giản. Như ở đời, xây một ngôi nhà phải đòi hỏi biết bao nhiêu công sức, hướng nữa, xây ngôi chùa cho thập phương bá tánh. Để

tiến hành việc lập chùa, người chủ công trình phải hoàn tất, ít ra những công việc liên quan xây cất chùa như sau:

- 1- Kỹ thuật
- 2- Thiết kế họa đồ
- 3- Kỹ sư
- 4- Kiến trúc sư
- 5- Hệ thống thoát nước (cống rãnh)
- 6- Hệ thống nước uống
- 7- Điện
- 8- Vườn cảnh
- 9- Phép tắc (xin phép Hội Đồng Thành Phố)
- 10- Gọi đấu thầu
- 11- Khả năng tài chánh
- 12- Đặt kế hoạch ngắn và dài hạn...

Như vậy, việc cúng dường xây cất chùa, trước hết phải có đất đai. Đất như ta biết là do triều đình cúng hoặc do đàn na thí chủ hiến tặng để xây dựng. Nên nhớ một điều là ngôi chùa chính là của chung thập phương bá tánh. Nếu chỉ do một người cúng hoặc do một người lập nên rồi mời vị Tăng, Ni tới ở. Vấn đề cần phải cân nhắc cẩn trọng trước khi nhận để tránh mọi hậu quả phức tạp sau này. Bởi lẽ người Phật tử nếu thiếu tín tâm, hẳn việc cúng dường này không nhằm mục đích hoằng dương Phật pháp mà vì lý do riêng tư. Cho nên những người Tăng sĩ không phải vì

lý do khó khăn về tài chánh mà nhận một món nợ khó giải quyết về mặt tâm lý và pháp lý.

6- Cúng dường xây tháp:

Mục đích xây chùa là để hoằng dương chánh pháp, trong khi xây tháp để cúng dường xá lợi. Xá lợi của chư Phật, chư Thánh Tăng và của những vị đại đạo sư.

Tháp tiếng Phạn là stupa, tiếng Pali là thupa, dịch nguyên âm là tháp bà, tốt đồ bà, tốt đô bà, tô thâu bà (Hán âm), Hán dịch: cao hiển xứ, công đức tụ, tháp miếu, linh miếu.

Những tháp quan trọng xây dựng tại các thánh tích để kỷ niệm công đức của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: Lâm Tỳ Ni (Lumbini), Bồ Đề Đạo Tràng (Bodhgaya), Lộc Uyển (Sarnath), Câu Thi Na (Kushinara). Vào thời vua A Dục (Asoka, thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch), nhiều tháp được xây để thờ các vị thánh Tăng, ngày nay vẫn còn.

Vật liệu xây tháp bằng những vật liệu gạch nung, xi măng cốt sắt, hay bằng gỗ. Tuy nhiên tháp xây bằng gỗ chỉ đẹp về mặt mỹ thuật mà không được độ bền cũng như dễ gây hỏa hoạn.


Khi Phật giáo truyền sang các nước Á Châu, việc kiến tạo tháp và hình thức có phần thay đổi. Tuy vẫn giữ trên nóc cao nhọn, bên dưới chân tháp rộng rãi. Theo kinh Niết Bàn, Phật quy định: tháp Phật 15 tầng, tháp các vị thánh tăng 13 tầng hay 11 tầng, tháp những bậc đạo sư 9 tầng hoặc 5 tầng. Riêng tháp những vị tứ thiên vương không có

tầng nào. Bởi lẽ những vị vua trời này dù đầy đủ phước đức nhưng vẫn còn trong vòng sanh tử luân hồi không giống như những vị tu chứng.

Ý nghĩa trọng trung của việc xây tháp để báo ân, báo hiếu. Thường những bảo tháp được thu hẹp trong phạm vi nhỏ hẹp tại ngôi chùa để tứ chúng đệ tử có dịp lễ bái cúng dường. Người đệ tử muốn phát tâm xây dựng tháp hoặc tự mình đủ khả năng kiến tạo hoặc kêu gọi nhiều người góp phần công đức.

Người xuất gia có liên hệ trực tiếp tới công việc điều hành ngôi chùa, nhất là vấn đề quản lý khéo gọn, đúng phương pháp, cũng có nghĩa duy trì và bảo vệ chánh pháp, góp phần đào tạo tăng tài để làm hưng long Phật đạo. Đó cũng nằm trong ý nghĩa “ tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự” của người đệ tử xuất gia trong công hạnh lấy lợi sanh làm sự nghiệp, tức phục vụ chúng sanh là cúng dường chư Phật vậy.

LÀM SAO ĐỂ TRÁNH BỚT LỖI QUÁY?

 ói đến lỗi quấy, ai lại chẳng phạm trừ các bậc Hiền Thánh. Thế nhưng phạm lỗi quấy mà còn biết chỉnh đốn, sửa sai hẳn đỡ khổ cho mình và cho mọi người biết mây. Muốn làm được việc này, ta nên suy nghĩ và thể hiện một số những điểm như sau:

1- Không thông tin tin tức quá nhanh:

Bất cứ là việc gì khi vừa mới nghĩ ra chưa chắc ta đã thực hiện đúng những gì đã suy nghĩ. Nhiều khi còn phải suy đi nghĩ lại, cân nhắc lợi hại rồi mới thực hiện. Ngay như một bài văn ta viết, ban đầu chưa hoàn chỉnh, cần phải trau đi chuốt lại cho câu văn gọn gàng, từ ý xác đáng mới dùng được. Huống chi những tin hay dự định vừa mới chớm nở mà ta liền chọt công bố cho nhiều người biết thật quả đó là một điều tệ hại. Những ai tiết lộ bất cứ điều gì liên quan tới ngành quân sự, người ta cho đó là “tiết lộ bí mật quốc gia”, cho nên những việc nào chưa thực hiện hay ý nghĩ chưa chính xác mà đưa lên mạng hoặc cho bạn bè thân biết là một điều không nên có, cần phải dè dặt thận trọng.

2- Không nên hiểu việc quá chậm:

Chúng ta đang sống trong thời đại tân tiến, khoa học, mọi việc đều phải trôi theo dòng chảy để mới theo kịp đà.

Cũng như lái xe trên xa lộ, tài xế không thể nào cố tình lái chậm để gây tai nạn hay sao? Dù muốn hay không do lượng xe phía sau đẩy tới ta cũng phải cố hết ý lực cho chiếc xe của mình phải theo đúng luật qui định. Từ điểm đó suy ra những việc khác cũng y hệt như vậy. Nếu chậm chạp, chắc chắn ta sẽ bị bê trễ công việc. Cũng như vào trong nhà hàng, nếu khách phải ngồi đợi thức ăn do đầu bếp cung cấp quá lâu chắc chắn họ sẽ bỏ đi. Như vậy, nhà hàng sẽ bị ế khách và chỉ còn nước đóng cửa mà thôi.

Từ việc nhỏ đến việc lớn, nếu ta phản ứng quá chậm chắc sẽ gây thiệt hại ở lãnh vực này và nhiều lãnh vực khác. Như người làm công, công việc được giao phó mà vì quá chậm nên việc làm bị chậm trễ, ối đọng; và như thế không có người chủ nào muốn tiếp tục giữ công nhân đó lại cả. Vì những tệ hại vừa nêu, cho nên trừ người bản tánh chậm chạp sẵn khó khắc phục, chúng ta nên học theo cách giải quyết gọn, hợp tình hợp lý để cho công việc tốt đẹp, cũng như lợi mình và lợi người, là điều cần nên suy nghĩ.

3- Không tin người một cách quá đáng:

Tin người mà thiếu cân nhắc cẩn thận sẽ bị đánh lừa, làm cho ta khốn đốn. Đó là chưa nói có nhiều khi phải lâm cảnh bị tù tội, luật pháp, mất uy tín v.v... Tin người có những việc trước mắt hay hùn hạp làm ăn trong việc mưu sinh. Trong kinh Di giáo, Đức Phật dạy chư Tỳ kheo không được mua bán, đổi chác, tậu ruộng, làm vườn, trồng cây, xới đất; và nhất là không theo nghề tà như bói toán, đồng bóng cũng như đi sứ. Tại sao Phật cấm chúng đệ tử

xuất gia làm những việc đó? Người xuất gia phải để tâm ý vào việc nghiên cứu giáo điển, còn thì giờ đâu làm những việc khác. Hơn nữa, đó là những việc làm cần đòi hỏi mưu lược, tính toán, miễn sao có lợi cho mình, phe cánh mình, đảng phái hay đất nước mình...

Cũng không nên tin theo phép phù thủy hay thầy phù thủy: người làm nghề này thường hay mê hoặc, mị chúng bằng cách hô phong hoán vũ (gọi gió kêu mưa), có nghĩa mượn oai linh thần thánh mà mục đích là muốn thủ lợi. Trong khi đó mọi người là con nai tơ té thần. Những việc làm mai mối cũng bị qui kết là việc thiếu lương thiện như ca dao: “Ở đời có bốn cái ngu: làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm châu”. Ông hay bà mai là những người sỏi đời, miệng lưỡi liếng thảng, ưa việc thuyết phục làm cho hai bên tin nhau để kết thành mối giao hảo, hầu dựng mối lương duyên cho con cái họ. Thật ra, nếu được thành tựu tốt đẹp thì chẳng có vấn đề gì để nói. Trường hợp thực tế không như những gì của người mối lái, hẳn làm cho người ta sanh bất mãn, giận ghét và có khi thù oán nữa.

Ngày nay ngành quảng cáo cũng là một phương cách hái ra tiền khá hậu. Muốn đánh động vào thị hiếu của khách hàng, nhà quảng cáo phải có kỹ thuật cao mới thuyết phục được. Từ những sản phẩm thường nhật đến những siêu phẩm cho giới thượng lưu, nếu người xem không bị những nhãn hiệu lôi cuốn là điều không phải đơn giản. Thậm chí các chính trị gia, sứ giả... đều là những nhân vật chuyên nghề thuyết khách để thu phục lòng người. Viên sứ

thần mang cả sứ mạng quốc gia đến xứ người với mục đích là “đổi chác” về cho xứ sở những món lợi kinh tế, chính trị hay ngoại giao v.v... Hằng nào Đức Phật không cho phép người theo hạnh xuất thế được can dự những việc đời thường như vừa nêu dẫn.

4 - Được người tôn vinh chớ có ham:

Ta hẳn còn nhớ câu chuyện ngụ ngôn La Fontaine về con quạ và con cáo, chứng minh cho việc làm này. Có nhiều lúc, người ta muốn đưa mình lên tới tận mây xanh nhưng chẳng mấy chốc đập xuống bùn đen đau điếng, thật là đáng thương. Đây là vấn đề hết sức tế nhị, ta phải thật tinh vi mới nhận ra được giả tâm của người khác. Nếu không, bị họ lợi dụng uy tín và thế đứng của mình để làm những việc “ném đá giấu tay” mà hậu quả có thể mình chịu lãnh đủ.

5- Cái khó ở cách hành xử:

Ta chỉ biết nhìn vào kết quả của công việc hay một tổ chức mà không thấy rõ được tận gốc nội bộ. Vai trò và trách nhiệm của người lãnh đạo thật không đơn giản một chút nào cả. Nếu thiên trọng sẽ mịch lòng và làm cho công việc bị đình trệ hay tổ chức không phát triển được. Có những điểm liên quan tới vấn đề cần phải suy nghĩ như dưới đây:

a) **Nhờ cậy giúp đỡ:** Sống ở đời phải có sự nương tựa lẫn nhau mới tồn tại được. Không ai tự hào biệt lập được cả. Cho dù ở nơi hang sâu, rừng thẳm, chả lẽ ta nhìn đối

suốt ngày sao? Hễ đã có nhu cầu là cần tới bàn tay và khối óc của người khác rồi. Tuy nhiên, không phải vì thế mà mình lợi dụng lòng tốt của người để nhờ giúp đỡ, hết việc này tới việc khác, mặc dù khả năng mình đủ sức, nếu không có sự trợ lực công việc vẫn giải quyết được.

b) **Nương vào thế lực:** Có nhiều trường hợp người ta lợi dụng chức vụ để mua quan bán tước. Nếu mỗi người tự lo tròn bổn phận thì không có cảnh lo lót, tham quyền và đi đến tham nhũng. Vì chính ta không thực tâm hoặc chẳng có thực lực, vẫn cứ tự đề cao mình để người khác tin tưởng, nhờ vả giúp đỡ và từ đó nảy sinh những vấn đề khác.

c) **Dành ưu tiên cho người giúp đỡ:** Không có gì chướng mắt cho bằng cảnh ưu đãi người giúp đỡ mình, khiến người khác đâm ra nghi ngờ, khó chịu. Có nhiều khi, do việc làm của ta khiến nhiều người buồn phiền, trách móc, bỏ việc hay ngay cả không thêm quan hệ, thân thiện nhau như trước nữa.

d) **Mời tham gia chỗ này chỗ nọ:** Được mời tham dự một lễ lộc gì, là cả một sự vinh dự, nhưng nếu thiếu suy nghĩ cẩn thận ta cũng dễ rơi vào chỗ lúng túng, khó xử. Nếu được mời tham gia tổ chức trái với đường hướng và mục đích của mình mà vẫn tới dự, chắc hẳn hậu quả ra sao đã có đáp số rồi?

6 - Phải nhắc đi nhắc lại công việc giao phó cho rõ ràng: Một công việc được giao phó nếu thiếu rõ ràng, trước nhất là không như ý muốn, lại còn gây ra những tổn kém để điều chỉnh, sửa sai vô cùng phức tạp. Do vậy,

người trách nhiệm cần phải học hỏi, rút kinh nghiệm trong việc làm, trong sự tu tập để tránh:

a) **Người thừa hành làm không đúng ý:** Một công việc dù nhỏ hay lớn nếu phân bố hay chỉ định thiếu rành mạch, phân minh hẳn làm cho cả đôi bên khó xử. Theo đúng phương pháp làm việc, người nhận việc nếu chưa lãnh hội được hết ý, cần phải hỏi lại cho chắc chắn. Trong khi người giao việc để ý nên tinh tế trong vấn đề nhân sự của mình. Tức là phải hiểu ý tứ của từng người để công việc tổ chức, tu học mới trôi chảy được.

b) **Làm người khác buồn phiền:** Vấn đề xung đột ít ra là trong tư tưởng, ở đâu lại chẳng có, kể cả trong phạm vi nhỏ hẹp của một gia đình. Nhưng đối với sự xích mích hiểu lầm, giận dữ... Thầy trò hay huynh đệ trong cùng một trụ xứ là điều không nên có, nên phải tránh tối đa để giữ đúng pháp lục hòa cộng trụ.

7 – Làm việc phải tận tâm – không vụt chạt bỏ bê: Mọi công việc dù nhỏ hay lớn, đời hay đạo nếu thiếu tận tâm sẽ không đi tới đâu. Công việc làm không trôi chảy hoặc hư hỏng, là do ta không chịu để ý, không nghe lời chỉ dẫn mà trong tâm có tính ý lại, khinh thường. Tự nghĩ việc đó thừa khả năng mình có gì đâu mà phải bận tâm. Thế nhưng việc đi qua khó có thể kéo lui lại được cũng như thì giờ ta chỉ có thể làm được một việc mà không thể giải quyết hai ba việc cùng một lúc. Công việc ối động không giải quyết được là trách nhiệm ở người nhận việc, làm cho cơ sở hay tổ chức bị trì trệ, nếu không muốn nói là đình

đón. Đó là chưa đề cập đến những trường hợp làm mất uy tín hay ngay cả thanh danh nữa.

Do những phương hại như thế cho nên ta cố gắng hết sức mình trong tiến trình sinh hoạt để xây dựng bản thân và tổ chức. Nhà tu hành cũng vậy, từ học hành tụng kinh, bái sám, công tác đều phải rõ ràng dứt khoát không thể bê tha, trễ nãi. Vào lớp không đúng giờ, thời khắc không theo kịp chúng, công tác không tham gia v.v... là thiếu trách nhiệm và nhiệt tâm trong việc làm hiện tại, chắc chắn sau này cũng không mấy xuất sắc trong những Phật sự dù nhỏ hay lớn.

8 – Giao việc phải tin tưởng: người có trách nhiệm nhất là vị thầy phải xét xem trình độ khả năng của người thích hợp để giao phó công việc. Một số những công việc không hoàn tất như ý muốn là do:

a) Ảnh hưởng bởi hoàn cảnh như khí hậu, nhân sự, tình hình kinh tế, nơi làm việc...

b) Những người hợp tác không tận tâm, trái lại có nhiều ý kiến ngược lại với đường hướng hay qui tắc đã đề ra.

c) Tài chánh chi tiêu thiếu rõ ràng, tính toán không sòng phẳng v.v...

d) Thay đổi bất thường làm cho công việc bị ngưng trệ, không phát triển được. Nếu tổ chức gặp phải những trường hợp như trên, nhất là mặt tài chánh hay nhân sự, phải cố gắng hay ngồi lại làm việc phân tách tình tế và

người trách nhiệm phải chỉ rõ những điểm sai, đưa ra cách giải quyết để khắc phục. Người nhận việc nên lắng nghe, nhận khuyết điểm sửa sai; chắc chắn công việc tổ chức sẽ được duy trì, biết đâu lại tốt đẹp hay khả quan hơn. Trước khi muốn giao việc phải nhắm tới người nhận việc có đủ khả năng hay không. Và hoàn cảnh có thuận để cho người ấy nhận lãnh vai trò được giao phó không? Đừng kiểm soát quá chặt chẽ hay xen vào những việc nhỏ khiến khó xử, cho dù thân thiết như cha con hay thầy trò cũng vậy.

9- Lập trường rõ ràng dứt khoát: Phàm làm việc gì cũng phải có lập trường cho rõ ràng và dứt khoát, đối với người lãnh đạo mà tư tưởng lúc thế này, lúc thế khác, tức là không quyết định dứt khoát, chắc hẳn khiến cho công việc khó trôi chảy mà có nhiều lúc còn bị đình đốn thảm bại nữa là khác. Người mà lập trường thiếu dứt khoát được gán cho là “ba phải”, nghĩa là chờ cơ hội thấy phía nào mạnh là nhảy vô xía phần. Từ trong gia đình đến các tổ chức đoàn thể và rộng hơn nữa tới guồng máy điều hành quốc gia, nếu người lãnh đạo không cầm cân nảy mực thì làm sao ổn định được công việc của cá nhân hay tổ chức. Vẫn biết, người ưa thăng tiến, dứt khoát thường bị qui kết cho là độc tài cục bộ, nhưng muốn thành tựu được những việc lớn không thể thiếu yếu tố này.

Tuy nhiên, những kẻ độc tài như Hitler, Karmax, Stalin, Pon Pot... đã bị lên án và để lại vết đen trong lịch sử nhân loại. Thế thì cứng rắn giữ theo lập trường để thành công đâu phải nằm trong mạng lưới của dã tâm, gian ác.

Như vậy, người lãnh đạo phải thật tinh vi, sáng suốt, nhạy bén mới có thể điều hành công việc trôi chảy và thành công được.

10 - Thà mịch lòng trước, khỏi phiền trách sau:
Tục ngữ Việt Nam có câu “thuốc đắng dã tật”, sự thật mắc lòng chúng ta nên suy nghĩ thật chín chắn câu này để áp dụng trong đối xử của mình. Có người vì mắc lòng, vị nể, cả tin hay vì bất cứ một lý do gì, khi thấy người khác làm sai không mạnh dạn chỉ điểm, để đương sự thấy hậu khắc phục sửa sai. Để tới lúc công việc thành hình và đưa đến hậu quả bất như ý lại đâm ra phiền hà, trách móc, đổ lỗi, giận dữ... đó là chưa kể có nhiều lúc thù hiềm gắt gỏng, bất hợp tác. Lỗi này phần lớn cũng bởi chính mình không mạnh dạn, không dõng lên tiếng nói chính đáng trước cá nhân hay tập thể. Nếu tất cả mọi người ai cũng ý thức được và nhìn rõ hậu quả, hẳn đã tránh được nhiều việc đáng tiếc xảy ra. Nhất là những người vì cả nể mà về sau đâm ra lúng túng khi phải đối trước một sự việc đã rồi. Người xuất gia hẳn phải vâng theo lời Phật dạy và điếm chỉ ra trước thanh thiên bạch nhật những thói hư tật xấu của mình trước và rồi của người sau hầu tìm ra một giải pháp tốt đẹp cho tiến trình xây dựng để phát triển và tự tồn.

11 - Nghe lời nịnh hót không chân thật: Người không chân thật là kẻ đã có ý tưởng nhắm tới nhiều việc (nhiều chuyện) như: muốn được người tin cậy, muốn cầu lợi về cho mình. Tìm cách gây chia rẽ và ly gián người khác để ta nhảy vào thay thế. Người nịnh hót rất tinh vi và

khéo xử dụng ngôn từ mà có nhiều lúc ta không ngờ được, cũng như khó dự phòng biết trước những hậu quả có thể xảy ra. Để có thể giữ vững được mình, khi có bất cứ ai mời mọc, đề bạt, suy cử, suy tôn... làm bất cứ một việc gì quan trọng, ta nên suy xét cẩn thận: có thật sự người ta đặt mình vào vị trí đó không? Hay có hậu ý nào khác không? Bình tâm xét nghiệm và trả lời thỏa đáng những điểm nêu trên ta có thể dứt khoát không nghe theo những điều hảo huyền do kẻ khác đưa lại. Điểm này có liên quan tới tánh thành thật của một người. Thành thật nằm ở phương diện là với chính mình và với mọi người. Thành thật với chính mình mới nghe ta tưởng chừng như dễ thực hiện, song kỳ thực lại còn khó hơn là thành thực với tha nhân. Là bởi do nhiều yếu tố như: tự hào, ý thế, dựa vào quyền uy, chức vị... Người ta dễ tự dối mình. Từ đó suy ra do tham lam, ích kỷ, hay vì sợ hãi khiến cho ta thành người mù quáng dối dạn, thiếu thành thật. Người tu có thành thật với chính mình mới xứng đáng là người có tác phong lãnh đạo tinh thần cho người Phật tử. Tinh thần biết phục thiện, sửa sai những tư tưởng, hành vi lệch lạc là người cầu tiến và tôn trọng tự do của kẻ khác.

12- Nói nên giữ lời - Hẹn phải cho đúng – Làm việc gì cần tận tâm:

Một người mà nói ra lời gì không giữ đúng lời như lúc ban đầu, có nghĩa nuốt lời hứa hoặc giả quên là người khó có thể thành công ở trên đời. Lời hứa tuy vô hình nhưng vô cùng quan trọng, nhất là đối với tuổi trẻ, lời hứa như là

một bảo chứng để tin, nên người lớn tuổi đừng bao giờ thất hứa. Từ phạm vi cá nhân, gia đình xã hội và rộng hơn nữa là quốc gia hay quốc tế, nếu thất hứa ta vô cùng thất lợi là bị mọi người nghi ngờ, tẩy chay không tham gia và bất hợp tác. Hẹn lại là một hình thức khác cần nên giữ cho đúng theo quy tắc, chẳng hạn điếm hẹn gặp nhau, hẹn giúp đỡ, hẹn nợ v.v... Trong trường hợp không đáp ứng được cần phải viết thư nói rõ lý do và xin lỗi hoặc hẹn lại một dịp khác để người ta khỏi trông đợi. Vấn đề làm việc thiếu đàng hoàng, không tận tâm cũng là điều làm cho công việc bê trễ, ới đọng. Nếu nói theo từ kinh tế: năng suất kém, không đạt hiệu quả. Đó là chưa đề cập tới óc sáng tạo trong thời buổi kinh tế suy thoái này, người ta chỉ cần chọn những người làm việc năng nổ, đạt năng suất cao. Từ việc đòi đến việc đạo, người nào biết tinh tấn làm việc đúng phương pháp là được tồn tại và luôn được nhiều người trợ lực để tự tồn.

13- **Đẹp bót tự ái:** Đã là con người ai lại chả có tự ái. Tự ái là một hình thức bảo vệ bản ngã, đã ăn sâu gốc rễ từ lâu đời trong mỗi người. Muốn đẹp bót tự ái phải biết lắng nghe, hầu sửa sai những điều làm lỗi. Hơn ai hết, người xuất gia phải biết nương tựa Thầy sáng bạn hiền để được luôn luôn nhắc nhở. Nếu gần gũi bạn hiền sẽ giúp ta ba việc:

- a) Thấy ta có lỗi liền can gián
- b) Thấy ta có việc tốt bèn sanh lòng hoan hỷ
- c) Lúc ta mắc nạn khổ, bạn không bỏ rơi ta.

Đó là nói theo kinh “ Nhân Quả”. Bạt lành là một trợ duyên cần thiết đối với người tu. Thầy sáng hay minh sư là người dẫn đường đúng hướng không đi lệch, sai đích mà đến được nơi chốn bình an. Chỉ mới đề cập dẹp bớt tự ái mà chưa nói tới “dẹp bỏ” tự ái, bởi lẽ nó tiềm tàng không thể phát hiện cho ta thấy ngay. Trừ người có nội lực thâm hậu, như những bậc tu chứng mới dẹp được tự ái mà thôi.

Ngay như những bậc thần tiên, đạo sĩ tu có pháp thuật kiên cường mà có nhiều lúc không dẹp được tự ái đã gây ra lắm điều kinh thiên động địa như Tề Thiên Đại Thánh là một ví dụ điển hình. Do vậy, đức Phật dạy ta luôn đề cao cảnh giác “ngã ái”, dùng móc câu trì giới tức giới luật trị mới mong bào mòn được tánh tự ái sâu dày trong ta từ vô lượng kiếp.

14- ĐỪNG BAO GIỜ CHO MÌNH HOÀN HẢO: Lòng tự hào, tự mãn không giúp ta tiến lên, mở mang trí tuệ lại co cụm trong ốc đảo của riêng mình. Theo như “những bước thăng trầm” của Ngài Narada Maha Thera do Phạm Kim Khánh dịch, có đoạn: “Không cần phung phí thì giờ vô ích, để sửa sai những lời đồn đãi sai lạc, nếu hoàn cảnh không bắt buộc ta phải làm sáng tỏ vấn đề, kẻ thù nghịch sẽ lấy làm thỏa thích mà thấy ta bực bội vì lời nói của họ. Đó chính là điều mà họ mong muốn. Nếu ta thản nhiên, lời vu oan sẽ tan biến trong quên lãng. Để thấy lỗi lầm của người khác, ta phải làm như người mù, để nghe lời chỉ trích người khác ta phải làm như người điếc. Để nói xấu người khác, ta phải làm như người câm. Không thể chấm dứt

những lời buộc tội, những lời tường thuật hay đồn đãi sai lầm.

Thế gian đầy chông gai và đá nhọn. Ta không thể dẹp sạch gai và đá. Nhưng nếu phải đi trên đó, bất kể những trở ngại thì thay vì dòi gai và đá - chuyện mà ta không thể làm- tốt hơn ta nên mang một đôi giày và thận trọng đi từng bước. Chúng ta sẽ được an toàn” (Sđd, Phạm Kim Khánh dịch, Pháp Bảo ấn tống, 1983).

Người bảo thủ cho mình là đúng, hẳn gây ra nhiều điều tệ hại từ trong gia đình cho đến ngoài đoàn thể và rộng hơn nữa tới các tôn giáo. Nếu không cố gắng mở tầm nhìn xa rộng hay đổi chiều học hỏi mà vẫn khư khư cho ý kiến mình đúng, chính sách đảng phái mình đưa ra hoàn hảo, hay ngay cả đạo giáo mình theo là chân lý; còn những đạo khác là tà mị ... đó là mối chia rẽ vô ý thức tệ hại ngấm ngấm hay bộc phát sẽ gây ra nhiều hậu quả vô cùng tệ hại cho chính mình và bao nhiêu người khác.

Đức Phật dạy trong kinh Thiện Sanh “đừng bao giờ cho mình là hiện thân của chân lý”. Đó là điều mà chúng ta luôn luôn chiêm nghiệm, học hỏi trong tiến trình tìm cầu giải thoát.

Tóm lại: Trừ những bậc đã chứng Thánh, hầu hết chúng ta, đã là con người không ai tránh khỏi lỗi lầm sai phạm, không nhiều thì ít. Theo như lời trong kinh dẫn: có hai hạng người mạnh mẽ đáng quý, thứ nhất: người không gây lỗi lầm (tội lỗi), thứ hai đã gây lỗi phạm mà

biết ăn năn hối cải. Vấn đề là tư cách của mỗi người cần phải học hỏi ngay từ trong sự giáo dục của gia đình, học đường hay đạo giáo để nhận thức được chân giá trị con người. Nếu người biết phục thiện, hối hận, sửa sai trong sự khắc phục để tạo lại niềm tin cho người, chắc chắn sẽ được có cơ hội đóng góp tài năng và sức lực của mình như bao nhiêu người khác. Thế nhưng trong xã hội cũng có thành phần thiểu số sai phạm dẫn tới tội lỗi nghiêm trọng vẫn cố tình làm như “mũ nỉ che tai”, coi thiên hạ không ra gì, nghĩ rằng không ai đủ tư cách xét đoán hành vi hay việc làm sai trái của họ. Đó là những điều tệ hại đáng tiếc trong hoàn cảnh của cộng đồng nhân loại hôm nay. Người Phật tử hơn ai hết, nhất là người xuất gia phải học hạnh khiêm cung, hòa nhã từ ái của các vị Bồ Tát, ngõ hầu tạo cho chính mình một nhân sinh quan lành mạnh xứng đáng để xây dựng bản thân và cộng đồng Phật tử nói chung. Đó cũng là những giá trị thực tiễn tại nhân gian trước khi muốn tìm cầu giải thoát hay giác ngộ.

NHỮNG NGUYÊN NHÂN NÀO TA KHÔNG THÀNH TỰU?

Theo lời Phật dạy, một chúng sanh tiền đến thành được làm người phải trải qua vô số kiếp luân hồi. Ngay như Đức Phật, ở trong nhân địa, làm hạnh Bồ Tát cũng không ngoài hệ quả này. Xét vấn đề đến chỗ tinh tế và bao hàm, tưởng phải nhìn qua hai trường hợp như sau:

A) Nguyên nhân xa:

1) **Trước kia gây nhân bất thiện:** Kết quả làm người hiện tại là do nhân đã gây trong kiếp trước hay nhiều kiếp luân hồi. Điều này chứng tỏ cho thấy rằng những người hiện tại mà sáu căn khiếm khuyết đều do những nguyên nhân đã tạo từ trước. Người khuyết tật sống ở đời là một chướng ngại cho việc học hành, mưu sinh và cũng không được nhiều người chiếu cố, giúp đỡ. Theo như trong luật dạy một người xuất gia mà sáu căn không đầy đủ không đủ tư cách thọ giới cụ túc (Đại giới).

2) **Sanh trong gia đình không có đạo đức:** Do quả báo chiêu cảm một người không gieo nhân thiện lành hẳn sanh vào gia đình không có đạo đức. Vấn đề cũng khó xác định cho rõ ràng, tuy nhiên một người cha không lo săn sóc gia đình, bỏ bê con cái, gây ra những điều tội lỗi có

ảnh hưởng tới gia đình, một người mẹ thiếu tư cách của người phụ nữ, những đứa con không chịu học hành mà kết giao với bạn bè xấu... đó có thể nói là một gia đình không có đạo đức. Tuy nhiên, nhìn vấn đề một cách tinh tế hơn những người không tin thánh hiền, không tin tôn giáo, nhân quả, nghiệp báo, luân hồi v.v... đó mới chính là điểm cần đề cập ở đây.

3) **Cuộc sống nghèo khổ hay giàu sang:** Nghèo khổ hay giàu sang đều có nguyên nhân chứ không phải tự nhiên gặp phải đâu. Do cái nhân của kiếp trước mà nay được quả báo như vậy. Tuy nhiên, đó không phải là một nguyên tắc định hình của kẻ nghèo phải mang kiếp nghèo mãi và người giàu được có một cuộc sống đầy đủ sung túc cả đâu. Bởi lẽ, người nghèo khổ mà biết cố gắng khắc phục cũng có thể hoán chuyển được cảnh sống hiện tại trở thành dễ chịu hơn, với sự cố gắng khắc phục những khó khăn đã cuu mang trong cuộc đời. Thành phần này xét ra không có nhiều, nhất là những người sinh vào trong giai cấp thấp trong những dân tộc yếu kém như sử sách hay tài liệu chứng minh. Thế còn người giàu sang tại sao không được hưởng? Có nhiều người là triệu phú, tỉ phú nhưng chỉ nghĩ tới hiện tại, không tạo thêm phước đức cũng không chịu cố gắng làm cho sự nghiệp tiến lên. Có bao nhiêu tiền xài bấy nhiêu, như vậy dù của kho cũng không cung ứng nổi. Như tục ngữ Việt Nam có câu: “ sống không lo, của kho cũng hết”. So sánh hai hoàn cảnh nghèo hay giàu đều có cái khổ giống nhau. Tuy nhiên, người nghèo như đã quen nên có

gặp thêm khổ vẫn chịu đựng; còn kẻ giàu do quen nếp sống đầy đủ, hễ gặp khó khăn một ít là đã cảm thấy khó chịu. Chỉ có một cách duy nhất để làm thay đổi tình trạng là người biết tu tập theo lời Phật dạy, tin lý nhân quả, nghiệp báo; vui vẻ chấp nhận những gì hiện có và mở rộng tâm từ để giúp đỡ người khác mới bảo đảm được giá trị.

4) **Môi trường sống:** Môi trường hay hoàn cảnh sống theo như kinh nói là “ y báo”. Chỉ cần nhìn căn nhà, cái sân, khu vườn, lối đi bộ v.v... thì đủ biết lối sống của người đó hay gia đình như thế nào rồi. Đó là chưa kể đến những sự khéo tay chăm sóc nhiều về mỹ thuật để cho người xem, khách viếng và có thể chia sẻ với chủ nhân. Tục ngữ có câu: “ nhà sạch thì mát bát sạch thì ngon”, cho nên ở các nước giàu có, từ nhà cửa, đường sá, công viên, núi non, sông hồ... nơi nào cũng sạch đẹp, mỹ quan khiến du khách rất hài lòng ngắm nhìn không chán mắt. Thế nhưng ở những nước nghèo khó, chật hẹp, thiếu vệ sinh, thiếu phương tiện giải trí... cũng nói lên tâm trạng khó khăn của dân chúng. Theo như kinh A Di Đà diễn tả, cảnh Tây Phương Cực Lạc có bảy hàng cây báu, bảy lớp lưới giăng đều bằng thất bảo. Có những loài chim lạ, quý như ca lăng tần già, khổng tước... hót tiếng hòa nhã như những bài pháp với giọng du dương làm cho ai nghe cũng phát tâm thiện lành. Như vậy, chỉ nhìn vào y báo là hoàn cảnh chung quanh môi trường sống, ta có thể đoán biết được chánh báo của những người sống ở đó ra sao rồi. Muốn được vậy, theo kinh Sám hối ghi rằng: “ thâm tín chư Phật

giai sung mãn” (tin sâu bằng chánh tín chư Phật, mọi việc đều được đầy đủ). Điều cần nhất là đừng than phiền, không trách móc ai, kể cả trời, thần, thánh mà phải biết khắc phục nguyên nhân bất thiện để có được một đời sống an lành, hạnh phúc.

5) **Ham danh và háo thắng:** Nói tới ham danh ở đời ai lại chẳng có, nhưng ham danh mà chẳng làm phương hại tới ai mới là điều cần nên suy nghĩ. Bởi lẽ người ham danh thể hiện ra ngay bề mặt vừa trông thấy là ta nhận biết ngay. Bất cứ chỗ nào họ cũng muốn chen vào góp mặt; nhất là những chỗ đông người. Thế nhưng, tục ngữ Việt Nam có câu “ mua danh ba vạn, bán danh ba đồng”. Do vậy, nếu người tu mà vẫn không từ bỏ được niệm ham danh, việc tu cũng thật là vất vả. Điều này, hơn ai hết đức Từ Phụ đã căn dặn các thầy Tỷ kheo đệ tử không nên vướng vào đó mà làm cho thân bại danh liệt. Thế còn háo thắng thì sao? Háo thắng gắn liền với háo danh. Người háo thắng muốn được người tâng bốc, việc gì cũng dành lấy phần hơn về mình. Hễ có cơ hội là họ dốc hết lực vun bồi cho cái tự ngã “ kỳ cục” của họ và coi thiên hạ không ai có được ký lô nào. Từ việc nhỏ cho tới việc lớn, chỉ có họ mới đáng đáng nổi mà thôi, còn ngoài ra mọi người đều vô tài, bất lực bằng cái nhìn của chính họ. Sống ở đời, nếu tất cả mọi người ai cũng có tâm trạng như kẻ háo thắng, chắc hẳn thế gian này sẽ đảo lộn theo cái giả tâm ảo tưởng của những kẻ “ mị” này, nếu không nói là bịp và qua mắt mọi người. Sống trong tầng đoàn có pháp lực hòa với nhau, nếu mỗi người

có những cá tánh lộ liễu không hòa chúng, chắc hẳn được phát hiện và chỉ trích ngay để cho những ai là đệ tử chân chánh của Phật biết nhìn thẳng vào vấn đề mà khắc phục, sửa sai.

6) **Để tin người:** Vấn đề thật sâu rộng cũng khó dùng lời lẽ, văn từ có thể diễn đạt hết được. Sống ở đời, thử hỏi có mấy ai chưa một lần bị lợi dụng, gạt gẫm? Vấn đề hết sức tế nhị, chỉ cần sơ hở một tí là ta bị rơi vào cạm bẫy ngay. Chẳng hạn thuật quảng cáo là một chiêu bài để làm lung lay túi tiền của ta mà hầu như ít người chịu để ý. Qua giọng lưỡi hay khéo, tài thuyết khách điêu luyện của những người chuyên nghiệp hẳn làm cho lòng người chao đảo, chùn xuống, biểu đồng tình... để rồi cuối cùng trút hầu bao giao cho họ. Đùng lý luận dài dòng đâu xa, ta chỉ cần làm một chuyến du lịch Ấn Độ, Trung Quốc ...hẳn du khách không ít thì nhiều cũng bị mắc lầm mà có nhiều lúc cười ra nước mắt. Khi phát hiện ra biết là mình “dại” bởi cả tin người nên mới ra nông nổi!

Bên trên là những nguyên nhân xa, sau đây đề cập tới những nguyên nhân gần

B) Nguyên nhân gần:

Nói đến nguyên nhân gần của những chướng ngại mà một người tự gây ra và cũng chỉ mình làm khổ lấy mình, như con tằm làm kén, tự buộc mình trong đó, phải chịu thúc thủ khó mong cục cựa được. Đó là do những bản tánh:

1) **Mặc cảm (tự ti hay tự tôn):** Cả hai khía cạnh: mặc cảm tự ti hay tự tôn đều gây trở ngại không ít cho một người trong cuộc sống. Người tự ti luôn mang tâm trạng bị thiệt thòi, thua kém người khác nhiều mặt như: thân phận của mình, gia đình, giòng họ, đất nước, học vấn, trường học, nghề nghiệp... đó là chưa nói trường hợp người bất hạnh sinh ra đời tật nguyền, mồ côi hay một số những trường hợp thương tâm khác cũng đủ khiến cho ta mang nỗi niềm chua xót. Đối với người tu đường như cũng tương tự về mặc cảm này. Chẳng hạn chùa chiền, huynh đệ, thầy tổ, học vị, môn phái... cũng là mỗi trở ngại không ít đối với người chưa có được cái nhìn xa thấy rộng trong giáo pháp vi diệu qua những lời Phật dạy. Thế còn mặc cảm tự tôn có hại gì? Tại sao không có hại, bởi vì nó như chặt đường ngăn lối, bít cầu làm gián đoạn khiến ta không bắt nhịp cầu thông cảm được với người khác. Thế nhưng, đối với người mang mặc cảm tự ti di hại hậu quả lớn hơn kẻ tự tôn.

2) **Buông túng không chịu học tập:** Tục ngữ Việt Nam có câu: “ Không thầy đố mày làm nên”. Tại sao tuổi trẻ không lo học tập? Bởi người ta tự hào gia thế giàu sang, lắm của nhiều tiền, địa vị cao quý, có nhiều kẻ hầu người hạ... Như vậy, học chi nữa cho vất vả, nên buông mình hưởng thụ của sẵn có hơn không? Trong trường hợp này cũng có một số những giám đốc các công ty, hãng xưởng lớn mà dưới tay họ có những nhân viên thừa hành; thế là nghĩ mình oai phong lắm liệt mà tha hồ phạm hết sai lầm

này tới sai lầm khác, ăn chơi vô độ, bài bạc, rượu chè, cao lâu, nhà thổ... không từ nan bất cứ lãnh vực nào. Trong số đó, kể luôn cả những người con ông cháu cha cậy thế, ý quyền, hống hách coi thiên hạ không ra gì.

3) **Tự kiêu – cao mạn:** Tánh tự kiêu chứng tỏ con người có nhiều tự đắc, tự khoe khoang mình thông minh, tài cao, học giỏi, sinh lực dồi dào, hái ra tiền như nước, ăn sang mặc đẹp, nhà cao, cửa rộng, xe cộ sang trọng v.v... là những niềm kiêu hãnh khiến người ta cứ tưởng đó là cứu cánh của cuộc sống. Trong khi người có tánh cao mạn luôn cho mình là nhân vật quan trọng, nếu ngoài mình ra không ai khác có thể thay thế được vai trò đó. Cứ thế theo đà đó cũng đủ cho kẻ cao mạn “ xem trời bằng vung”.

4) **Cái gì cũng cho rằng mình biết:** Ở đời có đủ dạng người, muốn vươn lên và làm cho nhiều người biết tới mình. Những bàn thảo sơ khởi của một việc chưa được kiểm chứng hay suy đi nghĩ lại chín chắn được nói với người này, lại đem tin loan rộng cho mọi người biết để chứng tỏ ta là người được nhiều người tin tưởng, thân thiện. Nhưng có biết đâu rằng đây là việc thất bại trong trường đời. Tâm lý của một người thi rớt cũng hết như vậy. Vì tự nghĩ: dễ ợt! tưởng gì chớ đề tài đó ta thuộc nằm lòng mà! Cứ chủ quan và khinh thường như vậy cho nên cứ tiếp tục đi thi mà vẫn trượt vô chuỗi. Đối với người Phật tử, nhất là người xuất gia như ta đã học giới không nói dối thứ tư nhân mạnh rằng: “ nhược phạm phụ tự ngôn chứng Thánh, như ngôn dĩ đắc Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm, A

La Hán... giai thị đại vọng ngữ kỳ tội cực trọng” (Như kẻ phạm phu, mà tự cho rằng mình đã chứng Thánh quả: Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán... người đó mắc tội đại vọng ngữ và bị tội rất sâu nặng). Ngoài ra, cổ nhân cũng có câu khuyên nhắc khéo rằng: “ Biết thì thừa thốt, không biết dựa cột mà nghe”. Bởi vì cái gì cũng tự cho mình làu thông, nên mọi người đều tìm cách xa lánh, không muốn lây lan vết hằn khó tẩy xóa đó.

5) **Làm việc gì cũng không chú tâm:** Cũng khó định vị cho đúng tâm lý của hạng người này, họ không phải đãng trí, nhưng có điều hơi lơ là không chịu hay chưa thật sự muốn bắt tay vào làm dứt khoát những việc đã được giao phó. Dạng người như thế cũng khó mà thành tựu được sự nghiệp, nhất là những công việc có tầm cỡ quan trọng ảnh hưởng tới những người khác và những lãnh vực khác nhau. Tuy có khả năng, nhưng không được dùng đúng chỗ và khai thác triệt để; nếu được phát hiện sớm có cơ may còn được khắc phục. Trong trường hợp bạn bè, người thân không hay biết khiến đương sự cứ lầm tưởng rằng mình là người tài giỏi và lịch lãm nên cứ rơi hết thất bại này tới thất bại khác.

6) **Ưu chê trách người:** Người ưa chê trách kẻ khác cũng khó có thể hòa đồng với mọi người trong môi trường xã hội nói chung. Đây có thể nói cố tật hay bản tánh của chính mẫu người ấy thì đúng hơn. Dưới con mắt họ cái gì cũng thấp kém, dở tệ hoặc ai cũng tầm thường đâu có gì đáng để học hỏi, suy tầm. Từ việc nhỏ cho tới việc lớn,

dạng người này cứ vạch ra hết chỗ sơ hở này tới lỗi lầm khác của người để phê phán không chút nương tay. Có đôi lúc bạo miệng họ còn thay luôn cả quan tòa để luận tội kết án với cái nhìn cục bộ dưới nhãn quan định hình cố chấp một chiều của họ. Tuy vậy ở mẫu người này cũng không lấy gì làm nguy hiểm mấy cho tập thể nói chung. Chỉ tiếp xúc qua một vài lần để ta nhận diện ra ngay được tâm chất không lương thiện của y để tìm cách không gần gũi tiếp xúc nữa. Lâu ngày đương sự cảm như thiếu người chia sẻ hẳn tự khắc phục sửa sai tánh thiếu lương thiện của mình. Hơn ai hết bằng hữu của những nhân vật này phải mạnh dạn, thẳng thắn thật tâm muốn xây dựng bằng cách chỉ trích những lỗi lầm mắc phải cho bạn thấy lợi hại thế nào mà tìm cách cải thiện.

7) Gần gũi người không lương thiện: Ở đời ta thường nghe nói hai tiếng “đồng minh” thật là thông thoáng trong nhiều lãnh vực. Từ cá nhân tới tập thể, từ quốc gia đến quốc tế hay cộng đồng nhân loại nói chung đều muốn thêm bạn bớt thù như ý nghĩa từ này. Đó là theo nghĩa tích cực, còn ở đây nhằm nghĩa tiêu cực đối với những người không lương thiện muốn kết nạp những người cùng tâm cảnh, có nghĩa là không những muốn có đồng minh mà còn tìm ra cho được nhiều đồng minh càng tốt, đồng dạng như họ. Những người có cùng “tần số” để cảm thông như khi gian nguy, những lúc hoạn nạn ngổ hầu che dấu bớt cái giả tâm không mấy lành mạnh của những người mà hầu như có nhiều người trong xã hội ngán ngẩm

này. Ngoài xã hội hay những nơi công cộng hay có những thành phần bất hảo xuất hiện mà luật pháp đôi khi cũng khó mà can dự tới. Bởi lẽ họ có làm gì sai trái lộ liễu trước ánh sáng công lý đâu.

Thế nhưng đạo đức lương tâm thì không thể nào dấu diếm hay chạy tội được như qua câu nói “ Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu” (lưới trời lồng lộng tuy thưa nhưng khó lọt).

8) **Cố chấp không chịu học hỏi những điều hay:**

Ở đời có những dạng người nhìn bề ngoài ta cũng khó suy đoán họ để mà luận định hay tiếp xử với. Nhưng khi được gần gũi, tiếp chuyện hay cùng cộng tác làm việc mới thấy được thực chất những sở đoản của họ. Có thể nêu ra được những nhược điểm của hạng người này như sau:

- **Bảo thủ tư kiến:** không chịu mở rộng tầm nhìn, thu thái, học hỏi mà cứ thúc thủ theo những quan niệm một chiều, lỗi thời, mà vẫn cho là đúng; không chịu trao đổi, thử nghiệm những cách hay khéo, ý kiến của người khác trong mọi trường hợp.

- **Không thức thời:** biết thích ứng, hợp với phong tục, tập quán mới là điều không thể thiếu đối với một người biết nhìn xa thấy rộng. Thế nhưng, vì lý do “ cục bộ”, người ta vẫn không thể theo đuổi kịp như câu tục ngữ: “ nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc”, mà chỉ biết “ăn xổi ở thì”.

- **Không dung hòa được với những thế hệ khác:** Mỗi thế hệ đều có một lối sống khác biệt. Đó là chưa nói tới những sự bất đồng về ngôn ngữ, phong tục, tập quán và văn hóa... Thế thì giữa hai thế hệ đã khó dung hòa nhau huống gì là nhiều thế hệ cũng khó mà dung hợp được. Chúng ta không thể mơ tưởng một cách hảo huyền mà những người Việt ly hương muốn có được nếp sống “tam đại đồng đường”. Làm thế nào cha mẹ có thể hiểu được ngôn ngữ, những ước nguyện của các lớp con cháu sinh trưởng ở nước ngoài. Đó cũng là nỗi niềm chua xót, nếu không muốn nói là đau lòng, cho các bậc làm cha mẹ khi phải chung đụng với con cháu trong gia đình, nơi các xứ văn minh, giàu vật chất, nhưng tình người cơ hồ như lũng lẻo này.

9) **Không người cộng tác:** Đề mục này chừng như không có căn cứ luận suy, nhưng chịu khó tìm hiểu một cách tinh tế hẳn nhặt ra được những nguyên do như sau:

- **Tánh tình kỳ cục:** Người có tánh tình kỳ cục không ai có thể chịu nổi, kể cả những người thân nhất của họ. Tại sao? Vì như có người nói: tánh bốc đồng, vui buồn tùy hứng v.v... nên cũng khó thu phục được nhân tâm. Nếu sống riêng một mình thì không có vấn đề hệ trọng xảy ra, nhưng bắt buộc cộng trụ cùng tập thể, nhân vật này dễ dễ lộ liễu tánh khí nóng nảy, bồn chồn, thiếu tinh tế của mình.

- **Sống ích kỷ:** Ý muốn được phần mình hầu như không quan tâm tới người khác. Mặc dù ai đó có bị thiệt

thời, mất thể diện do chính mình gây ra, người ta vẫn tình bơ coi như không có việc gì xảy ra cả.

- **Không có lý tưởng soi sáng:** Nói đến lý tưởng là một vấn đề hết sức trừu tượng. Tuy nhiên, mục đích muốn đạt được đó cũng là lý tưởng của mọi người sống ở đời. Nếu một học sinh không biết tương lai phải làm gì và sẽ ra sao... là người sống không thực tế.

- **Không có phương pháp làm việc:** Đừng thấy người khác thành công mà tưởng việc dễ làm. Ta có biết đâu rằng, bao nhiêu dự án, công trình được thành tựu là do không biết bao nhiêu mồ hôi, nước mắt, trí tuệ... đầu tư vào đó mới thành tựu. Người thiếu óc sáng tạo cũng có nghĩa là không biết phương pháp làm việc; khiến cho những người khác, nhất là người thừa hành cũng chẳng biết đường lối nào mà làm việc được cả.

- **Thiếu lập trường:** Người không lập trường vững chắc sẽ là những thất bại chua cay, nếu không muốn nói là ê chề và rất thảm thương. Nhưng lập trường cứng rắn quá, sẽ bị người đời gán cho là “độc tài”. Nếu độc tài mà làm được nhiều việc lợi ích, thà chấp nhận độc tài vẫn hơn làm việc thiếu phương pháp và nghe nhiều khuynh hướng chắc chắn công việc sẽ không đi tới đâu.

- **Khắc phục khó khăn:** Bất cứ làm một công việc gì cũng phải gặp khó khăn và trở ngại. Nếu công việc nào không gặp phải những chướng ngại thì sự thành tựu không có giá trị. Muốn được như vậy ta cần phải suy nghĩ một số những điều như sau:

10) **Khép mình trong kỷ luật:** Cũng như dòng nước chảy thẳng, muốn nó đi cong vòng như thế nào phải do bàn tay khối óc con người tạo nên mới được như ý. Vấn đề tâm linh cũng vậy, muốn điều khiển được mình trong khuôn khổ, cần phải có kỷ luật. Một viên tướng chỉ huy có kỷ luật, dĩ nhiên binh sĩ dưới quyền hẳn răm rắp tuân phục. Người tài xế cũng phải tôn trọng luật lệ giao thông mới khỏi gây ra tai nạn. Người tu sĩ lại là kẻ tự nguyện dân thân phục vụ tha nhân, thì không có lý do gì lại cố tình phạm luật rồi bào chữa quanh co để che đậy cái đã tâm thiếu lương thiện của mình. Để có thêm ý niệm cụ thể, ta nên xét kỹ điều chánh cần thứ nhì: “ác đã sanh khiến cho tiêu diệt”. Suy niệm chỉ việc này và luôn quán chiếu hẳn cũng giúp ta trong việc giữ gìn kỷ luật.

11) **Thất bại là mẹ của thành công:** Ở đời hầu như những việc có tầm vóc quan trọng, nhất là công việc đó trở thành sách lược chung cũng phải trải qua sự gạn lọc, trắc nghiệm v.v... Và như vậy trải qua tiến trình đó phải nói là có những sự trăn trở, thêm bớt, sửa sai; và hơn hết người chủ xướng phải cần học hỏi mới đạt thành công được. Nguyễn Bá Học với câu nói đây ý nghĩa, ta cần nên suy nghĩ để ứng dụng trong trường hợp này. Đó là: “đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông”. Ngoài ra, còn rất nhiều và nhiều nữa những gương thành công do học được từ chỗ thất bại mà nên. Như một nhà văn hiện đại của Việt Nam đã viết: “ Sóng triều rào rạc mỗi ngày hai bận xuống lên, kẻ thấp

chí bạc tài thì theo đó mà ra vào sông bến cũ; người thông minh chí cả cố ra sức chống chèo cho qua cơn bể động. Qua cơn bể động ấy rồi gió thuận sẽ đẩy tuốt thuyền ta đến bến bờ an lạc”.

12) Biết nghe lời chỉ trích để rút tỉa ưu khuyết:

Điều này khi mới nghe qua, ta tưởng chừng như dễ, nhưng khi vớ vào thực tế thật quả là không đơn giản một chút nào. Bởi lẽ, con người có tánh tự hào, cao ngạo không chịu để bất cứ ai đụng tới “ cái bản ngã” của mình, thử hỏi có mấy ai mở rộng cõi lòng đón nhận lời chỉ trích, phê phán. Nếu người chỉ trích, phê bình đường đường chính chính, có trình độ và khả năng chuyên môn và ý kiến nhận định muốn đóng góp để xây dựng, ngõ hầu được tốt hơn, ảnh hưởng sâu rộng nhiều hơn, thì ta không ngại gì mà chẳng sẵn sàng đón nhận để rút tỉa những điểm thiếu sót, bất toàn. Chỉ có người trí mới biết chịu khó lắng nghe và để dòng ý tưởng mình thả nổi không bị đóng khung trong khuôn khổ định hình.

13) Phải có ý chí và tin tưởng:

Cổ nhân có dạy rằng: “ Có công mài sắt có ngày nên kim”, điều này giúp cho ta tôi luyện ý chí không những một ngày một buổi, một tháng hay một năm mà thành tựu được, nó cần đòi hỏi phải lâu ngày chày tháng trong sự kiên trì, nhẫn nại mới làm nên sự nghiệp, cho nên phải luôn luôn nung đúc tâm chí đừng để lui sụt, nhất là lúc gặp thất bại cũng phải phấn chấn vực dậy và tiếp tục tiến bước. Phải tự tin nơi khả năng và sức lực mình mới mong vượt

qua được những chương duyên dàn trải trước mặt. Người có ý chí thì lúc nào cũng nên công, được việc như lịch sử đã chứng minh.

14) Nên rộng lượng và tử tế với mọi người:

Câu “ Dĩ hòa vi quý” lấy hòa làm cao quý, đừng hiểu việc gì cũng chấp thuận ngay được cả, nếu thế ý nghĩa của chữ “hòa” trở thành tiêu cực mất. Hòa đây có nghĩa là dung hòa mọi dị biệt sao cho khéo léo. Muốn vậy, trước nhất ta phải có tâm bao dung, tha thứ, và hiểu biết người, song cũng phải biết ta. Nếu biết người mà không tự biết ta chẳng hóa ra lệch lạc, phiến diện lắm sao? Như vậy, một người lãnh đạo tài ba, phải biết nhìn rộng thấy xa mới có thể hoàn thiện được trọng trách của mình.

Kết luận:

Như người thủy thủ hay hoa tiêu mang cả sứ mạng đem được bao nhiêu sinh mạng con người đi tới nơi về tới chốn an toàn. Không phải ai cũng có khả năng lái tàu và phi cơ được mà điều cần yếu là phải có năng khiếu và sở thích đầu tư cả tâm lực vào trong chuyên môn mới triển khai được hết cái tinh tế của nghiệp vụ. Thế thì người tăng sĩ lại càng mang cả một sứ mệnh thiêng liêng hơn, cao rộng hơn. Ở chỗ không những lo cho thế giới người sống mà còn lo cho cả thế giới của những kẻ khuất mặt nữa; không phải chỉ nhân loại mà còn vạn loại chúng sanh nữa. Ý thức hai vai

nặng oằn sứ mạng như thế, không thể lơ đãng trong thiêng
chức của mình.

3

HỌC HỎI THUẬT SỰ

Nguồn mạch tinh khôi

183

**Hải học vô nhai thậm hiển thâm
Nhứt sanh thám thấu sảo tinh thuần
Chung nhân tận lực bồi tri thức
Tổng thị toàn vô tự bản tâm.**

學海無涯甚顯深
一生探湊稍精純
終身盡力培知識
總是全無字本心

Biển học mênh mông đến vô cùng
Hết đời nghiên ngẫm há thâm nhuần
Trọn kiếp gắng công rèn tri thức
Rời ra vô tự tâm vốn Không.

PHÁP VỊ CÔNG ĐỨC

Bài học thuộc lòng hồi lớp nhất, thể thơ song thất lục bát tôi còn nhớ như sau:

*Đi ngày đàng sàng khôn học được
Bước chân ra mỗi bước mỗi hay
Đi cho biết đó biết đây
Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn!
Kìa thế giới bao la quanh quất
Người bao nhiêu là đất bấy nhiêu
Sông to, núi lớn cũng nhiều
Đường đi, lối lại trăm chiều ngổn ngang.
Người bốn giống: đen, vàng, đỏ, trắng
Trời bốn phương: nam-bắc-đông-tây
Non non, nước nước, mây mây
Chẳng đi sao biết non này thỏ kia.*

Lục lại trong ký ức bài thơ 55 năm trước, tôi không thể nào nhớ nổi tác giả, nhưng chắc hẳn một điều là nhà thơ nay đã an trú nơi một cõi xa xăm nào đó trong vòng sanh tử luân hồi. Nhân đi nhiều nơi giúp ta học hỏi được nhiều điều quý báu, người viết muốn ghi lại đôi điều

về cuộc hành hương và chiêm bái các Phật tích để quý độc giả dễ chọn lựa khi có quyết định muốn tham gia như:

-Hành hương khác với du lịch ở những điểm nào? Có ít nhất 4 điểm khác biệt của việc hành hương: a) Chiêm bái các Phật tích như đi mỗi bước lạy một lạy hay ba bước lạy một lạy, đi kinh hành nhiều Phật hay nhiều tháp thờ xá lợi của Phật, chư Tổ... b) Tới mỗi thánh tích đều có tụng kinh, niệm Phật, phục nguyện, hồi hướng, và phần quan trọng là giảng giải sự tích hay lịch sử tại đó để mọi người cùng hiểu. c) Mỗi thành viên tham gia đoàn phải có áo tràng màu lam (đối với nam, nữ Phật tử), tức áo lễ Phật tại chùa hay tại nhà, để gây được một sắc thái đặc biệt đối với những khách tham quan khác. d) Mỗi người đều chấp tay búp sen và niệm Phật trong bước đi khoan thai có hàng lối hẳn hoi trông thanh thoát nhẹ nhàng; tạo nên một sức mạnh khó có thể dùng vật để sánh ví, khiến cho nhiều người nể phục, cúi đầu, chấp tay xá chào... Tất cả du khách đều dừng lại nhường bước hay đứng nép qua một bên trong tư thế chấp tay, và nhất là những người có máy nhiếp ảnh chụp hình lia lịa không ngừng tay. Ngoài ra, đoàn áp dụng theo kỷ luật nhà binh đúng giờ giấc, cũng như ứng dụng giới luật vào đời sống ngay trong thực tế mỗi ngày, để mọi người có cơ hội thực tập và hành trì.

- Ứng dụng giới luật vào đời sống: Trên xe bus đoàn hành hương đều có thời tụng kinh sáng (nếu thời giờ thích hợp). Xe tôi ngồi có 38 người, ngày đầu thời kinh mai kéo dài tới 45 phút, vì đọc 5 đệ Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đại

Bi, Thập Chú, Kinh Bát Nhã, niệm Phật, hồi hướng v.v... Kết quả nghe ra chừng một phần ba người đọc được còn bao nhiêu đều lặng thinh. Rút kinh nghiệm, hôm sau tôi không tụng 5 đệ Lăng Nghiêm mà chỉ tụng tựa Lăng Nghiêm, Đại Bi, Thập Chú, hồi hướng. Lời kinh hòa với tiếng mõ, nhịp chuông trên xe lăn bánh nơi đường phố ban sáng làm cho tâm tư mọi người lắng đọng, thanh tịnh. Tài xế, tour guide cũng chú ý để hết tâm tư vào việc làm của họ và giữ im lặng.

Sau khi thời kinh chấm dứt, tôi phát hiện ra điều này, là hầu hết ai cũng bị ‘hớ’ hay mắc lỗi, nói đúng ra là phạm giới thứ tư mà người Phật tử đã thọ. Tại sao tụng kinh sáng lại phạm giới? Vì trong lúc mọi người tụng, tôi nghe kỹ bài “Thượng lai...” tới câu: “Phúng tụng Lăng Nghiêm chư phẩm chú”. Mà thực tế mọi người chỉ tụng chú Đại Bi, thập chú chứ không tụng 5 đệ Lăng Nghiêm. Tại sao đọc: ‘Phúng tụng Lăng Nghiêm chư phẩm chú’, có phải đã tự dối với Phật Thánh không? Nghiệm ra điều này làm cho ai cũng thấy thấm thía, nhất là đối với những người Phật tử tâm thành. Thế là, bữa sau không ai mắc phải lỗi quấy đó nữa. Nhân đây, tôi khen và tán thán đại chúng đã ứng dụng bài học hiệu quả cho việc giữ giới của mình. Việc hành trì giới luật cứ như thế mà tiến, hẳn người Phật tử tránh phạm lỗi lầm ngay trong sinh hoạt hằng ngày. Và còn nhiều những việc trước mắt dạy ta những bài học sâu sắc mà không dễ gì tìm được trong kinh điển hay ở bất cứ trường lớp nào. Chẳng hạn đoàn tới khách sạn ‘Chương Trạch’ tại

Thái Nguyên nhân trong bữa điểm tâm trên mỗi bàn có đề câu này: ‘Lãng phí giả, gia thân năm mươi doãn’, có nghĩa là người nào phung phí đồ ăn (nếu phát hiện ra được), phải đóng thêm cho reception 50 đồng. Chữ người lãng phí nói đây nhằm nói lên tánh tham lam của cái bao tử mà chủ nhân nó chủ động. Có câu nói: ‘Con mắt lớn hơn cái bụng’, để chế giễu người nào ăn không hết mà vẫn lấy đồ cho cố rồi bỏ, khiến người sau không có mà ăn. Cùng ngồi chung bàn có sư cô H.N. người Hoa, nhưng tiếng Việt chưa nhuần nhuyễn, cô nhờ tôi dịch câu trên cho đoàn cùng hiểu. Tôi dịch và rồi phân tích như sau: Vấn đề không chỉ đơn giản như thế, người nào lấy đồ ăn dư là phạm giới thứ hai, như đã phát nguyện trước Tam Bảo. Nếu ai cố tình phạm, lỡ khi bước ra cửa nhân viên lục xách tay phát hiện được, quả là ê ảm cả đoàn! Việc làm thiếu suy nghĩ đó có ảnh hưởng không tốt đến tập thể người Việt nói chung, còn riêng cá nhân người trong cuộc cũng chỉ bị è cổ đóng phạt 50 Yuan tương đương với \$7 US (Mỹ kim) và hổ trên tại chỗ. Và nếu có người bên cạnh biết, chắc là đương sự hối hận lâu dài, nếu không muốn nói là suốt đời. Khi nghe tới đó, có vị đã tự thốt lên: ‘Hôm qua, con có lấy 2 cái bánh bao bỏ túi xách mang ra khỏi nhà hàng, có phạm tội tham lam không?’. Vấn đề hết sức tinh tế, tôi liền trấn an ngay: mỗi người chúng ta ai cũng đều có bệnh cả, nếu quý vị do bệnh duyên uống thuốc, cần phải có thức ăn như cái dạ dày, sau mới uống để thuốc khỏi công phạt, là quý vị không có lỗi chi cả. Thế là bà con trên xe ai cũng tỏ ra hoan hỷ theo cách giải thích nửa thực nửa hư của tôi. Và cũng từ ngày

đó cho đến ngày cuối chuyến đi, đoàn hành hương (do ĐĐ. Nguyễn Tạng. tu viện Quảng Đức Melbourne tổ chức) không ai mắc phải vào thói xấu quen thuộc như xưa nay nữa. Ngoài ra, chúng tôi còn đưa ra nhiều trò chơi giải trí bổ ích trên những đoạn đường bộ ngồi xe bus khoảng 5,6 tiếng đồng hồ như Đại Đồng- Bắc Kinh, Bắc Kinh- Tứ Xuyên v.v..., chẳng hạn như ra chủ đề và chọn số người trình bày; thành lập ban giám khảo (4 người) chấm điểm, cũng như treo giải người nào đạt điểm cao. Cũng có lúc cả xe ai nấy viết câu hỏi và chúng tôi trả lời; đôi khi lại còn xen kẽ vào đó là chương trình ngâm thơ, vọng cổ, đố vui... Và cuối cùng là họa thơ theo thể cách: vần, điệu, đối ý, đối lời thể Đường luật thất ngôn bát cú (bài thơ mỗi câu 7 chữ và 8 câu) như bài Thánh tích Nga Mi sau:

*Kim đỉnh ngàn năm mây trắng bay
Phổ Hiền Bồ Tát hạnh sâu dày
Nga Mi Phật tích hẳn in dấu
Thắng cảnh danh sơn tải đạo mâu
Bốn mùa cây cỏ luôn tươi tốt
Dã thú muông cầm sống cạnh nhau
Người vật hài hòa vun cội đức
Phật quốc trần gian chính là đây.*
Sông Thu
(Nga mi sơn ngày 6/11/2007)

Với bài thơ trên đã có 9 bài họa lại, nhưng chưa đạt, dù vậy một giải thưởng khuyến khích cũng đã được phát cho anh Quảng Hội vào đêm chia tay (7/11/07) tại nhà hàng Đại tửu gia- Quảng Châu, cùng với 3 giải thưởng khác mà chủ đề như đã nêu trên. Ba Phật tử nhận được phần thưởng là Quảng Tiến (tức Thiện Kiên), Thanh Phi và anh Thiện Hưng. Những phần thưởng tuy không đáng giá là bao, nhưng về mặt tinh thần mới là quan trọng. Nhờ hăng say làm việc, sốt sắng tham gia những trò chơi nên đoàn hành hương từ người lớn tuổi- cụ già trên 80 tuổi, đến chú nhỏ tuổi- 25 tuổi, ai cũng đều phấn khởi, mạnh khỏe theo đuổi cho tới đoạn cuối, không ai bỏ cuộc.

- Tôn trọng điều lệ: bất cứ một tổ chức nào muốn thành công phải có một số qui định rõ trong Nội qui, qui chế, khế ước, giao kèo, hiến chế, hiến chương hay hiến pháp của một nước, để mọi người áp dụng hầu duy trì được cơ cấu tổ chức. Đây là một số điều qui định vô văn tự cần lưu ý các thành viên theo đoàn hành hương như:

- Chiếc nón lười trai có hình lá cờ Úc do anh Tony cung cấp tại phi trường Sydney ngay hôm khởi hành vào sáng ngày 21/10/2007. Thành viên của phái đoàn ngoài băng tên có hình đeo nơi cổ, lại thêm có chiếc nón made in Australia nữa, hẳn suốt chuyến đi không ai bị lạc là điều hiển nhiên. Đây cũng là một ký hiệu đặc biệt trong những chỗ đông người như chùa Linh Ẩn - nơi Ngài Tế Diên hành đạo- tại Hàng Châu; Thiên An Môn và cung điện

mùa hè hay Di Hòa Viên tại Bắc Kinh, nơi khách hành hương tấp nập như chỗ đỗ hội không bằng. Và còn nhiều nơi đông đảo khác nữa như Phổ Đà Sơn, Vô Tích với Đại Phật Di Đà cao 88 mét và một công viên rộng hằng chục ngàn hecta với nhà ngang dãy dọc, đường sá rộng thoáng, hay tượng Phật Di Lạc 71 mét điêu khắc trên ngọn núi tại Lạc Sơn- Thành Đô hơn 1000 năm qua do công đức của đại sư Hải Thông quyên giáo, và sau các đệ tử tiếp tục nối chí sư phụ hoàn thành, trải qua gần 50 năm mới tạo dựng xong pho tượng lịch sử mà du khách chỉ có thể dong thuyền trên dòng trường giang mới chiêm ngưỡng được hết toàn thân tôn tượng từ dưới chân lên tới đỉnh. Sau khi đi thuyền quan chiêm Đại Phật, chúng tôi đổ bộ lên bờ dùng lô ca chân lên đỉnh núi quán sát lại bức tượng một lần nữa. Càng tới gần tượng Phật càng như xa hẳn ta, khách chỉ có thể đứng tới vai pho tượng để chụp hình mà không thấy được toàn diện như khi ta ngắm từ dưới dòng sông, nhất là qua ống kính máy chụp hình mà phải là nhà chuyên nghiệp mới lấy hết được toàn bức tượng. Nhân đây, người ta cũng nghe kể lại truyền thuyết cho rằng, ngã ba con sông: Mân giang, Thanh giang và Đại Độ hà này gặp nhau tại đây nên dòng nước xoáy rất mạnh. Tương truyền rằng nơi đây có thủy quái và sóng to gió lớn làm nhiều ngư phủ bị thiệt mạng về mùa nước lũ tháng 10 và tháng 11 hằng năm, cũng như người dân quanh vùng trước đây hằng gặp mùa mưa bão là bị thiệt hại về nhà cửa, nhân mạng không ít. Tiếng kêu than của dân chúng như lọt vào hư không không ai đoái hoài đáp ứng. Có lẽ nhờ tâm chí thành này của

nhiều người, nên có một tăng nhân từ phương xa đến và tìm tới ngọn Lăng Vân Sơn này lập am tu hành với ý định tạo tôn tượng đức Phật tâm cở để mượn thần lực qua Bồ Tát hầu hàng phục được thủy quái, khiến cho thuyền ghe qua lại không còn bị làm hại và đồng thời làm điềm tựa tâm linh cho người dân trong vùng qui ngưỡng. Do vậy, ngài Hải Thông luôn hy vọng và tin tưởng vào tâm thành của mình, hẳn được long thân hộ pháp và lực từ bi của Tam Bảo gia hộ. Một công trình quá to lớn cần đòi hỏi nhiều nguồn nhân lực, vật lực, nhất là tài chánh tìm ở đâu ra. Đối với một sơn tăng, chỉ vồn vẹn có 3 y và một bình bát? Trong những thời công phu, tọa thiền buổi khuya Ngài luôn cầu nguyện cho dự án tạo dựng pho tượng Phật chóng thành; và ngày ngày Ngài thường đi đó đây khuyên giáo để mọi người phát tâm gieo duyên tạo phước. Việc duyên góp có lúc được lúc không, qua những mùa mưa nắng, tuyết giá đều phó mặc, người chỉ một mực nhiếp tâm trong chánh niệm. Nghe đâu duyên góp được gần một năm, công trình bắt đầu, mặc dù biết số tiền lúc đó như muối bỏ biển chẳng thấm vào đâu. Ngài tự nghĩ: còn nước còn tát, hễ còn sức khỏe và hơi thở ta nguyện đeo đuổi tới cùng không thôi lui bỏ cuộc. Nhờ nguyện lực kiên thệ ấy của Ngài mà được mọi người đồng lòng trợ lực vào công việc tạo tượng. Ngài dừng chân tại những nơi chợ búa, phố phường với tấm bảng đề rõ mục đích ở trước mặt để kêu gọi mọi người phát tâm bố thí. Hạnh nguyện Ngài đã được nhiều người đáp ứng.

Lúc bấy giờ hai thợ điêu khắc tên là Thạch Thành và Thạch Hư được mời tới thương lượng, bàn thảo, đặt kế hoạch, Hòa Thượng bảo họ: ‘Tôi có ý định khắc trên ngọn Lăng Vân này một pho tượng đại Phật, mong hai vị hợp lực, góp sức!’. Thạch Hư lại nhìn lên núi với tượng Phật, lòng đầy cao hứng, bèn thâm nghĩ: “chà núi Lăng Vân này thập phần tú lệ có chùa Lăng Vân lại có đại Phật và như thế mỗi năm có nhiều người lui tới lễ Phật cúng bái cầu nguyện. Nếu ta khắc trên núi nhiều tượng nhiều kiểu với các hình Phật đủ loại, công việc làm của ta hẳn để lại hậu thế lâu dài!”. Từ đó lại có nhiều người yêu cầu ta khắc tượng càng ngày càng đông. Nghĩ tới đó y nói: “Thủy quái ở Tam giang, thập phần hung ác, tôi nghĩ chỉ có cách khắc lên 1000 tượng Phật mới có thể trấn ngự được chúng”. Lúc ấy thấy Thạch Thành bên cạnh làm thỉnh không nói một lời, Hòa Thượng hỏi: “Thầy Thạch Thành, ông có ý kiến chứ!”. Thạch Thành chẳng bận trả lời nhìn xuống đất nói: “Theo tôi, có khắc thời nên khắc một tôn tượng Phật duy nhất, cao lớn tại trên núi này”. Thạch Hư nhìn lên núi nói: “Núi này đã cao lắm, vách núi lại sắc cạnh (lởm chớm) Ngài bảo điêu khắc tượng Phật lớn, biết khắc tới bao nhiêu tháng bao nhiêu năm cho xong?”. Thạch Thành nói:” núi nham thạch này đã trải qua thời gian phong ba vũ bão phải tạo tòa Phật tượng to lớn mới có thể trấn giữ quỷ quái ở Tam giang được”. Thế là cuộc thảo luận giữa ba người đã có được một điểm chung, là khắc tượng Phật lớn vào núi. Công việc Phật sự to lớn này cần sự hy sinh không thể một sớm một chiều mà thành được; Và họ bận rộn bắt tay ngay

vào thực hiện như vẽ đồ án, tính kỹ thuật, độ bền, vật dụng làm tượng v.v... Hòa Thượng Hải Thông lo việc đi hóa duyên tại các nơi như Trường Giang, Nhạn Hà thời gian lâu. Đồng thời còn mời thêm được một số thợ điêu khắc và nhiều nhân công đem về. Số người này cùng hợp tác với Thạch Thành trong công việc điêu khắc đại Phật. Nhiều người lớn tuổi trong vùng mách nhau rằng lão Hòa Thượng mời người tới đây điêu khắc tượng đại Phật, trấn áp thủy quái ở Tam Giang, nên tự động kéo tới phụ lực, kẻ pha trà người đưa cơm tới hết lòng ủng hộ. Tại núi Lăng Vân người tới kẻ lui nhộn nhịp; ngàn lần huy động, ngàn tiếng đáp lời như sấm, chỉ trong thời gian núi đá đục rơi như mưa. Thủy quái ở dưới vực sâu mỗi ngày bị đá lăn phải hoảng kinh lắng đi mất dạng.

Mặc dù, tượng tạc chưa xong, nhưng tín tâm của mọi người gia tăng thấy rõ. Và cũng kể từ đó một tòa tôn tượng đại Phật lồ lộ hiện ra làm cho gió yên sóng lặng, dân chúng đều rất hoan hỷ. Lúc đó tại Gia Châu có viên quan đầu tỉnh coi tiền bạc quý hơn sinh mạng, y nghĩ rằng lão Hòa Thượng tu tạo tượng Phật ra ngoài quyên góp được nhiều tiền. Có chủ tâm như vậy, nên một hôm y dẫn binh lính tới chùa Lăng Vân, đối trước Hòa Thượng đang chỉ huy khắc tượng Phật và nói: “Hòa Thượng to gan thật, ông tạc tượng Phật lớn không nộp đồ án xin phép quan sở tại trước mà tự ý khởi công, phá hoại núi rừng, xem thường phép nước, phạt ông một vạn lạng bạc, kỳ hạn 3 hôm phải nộp đủ.” Lão Hòa Thượng nói: “Thưa quan, việc tạo tượng đại Phật

là để trấn áp loài thủy quái ở Tam Giang và trừ khổ nạn cho trăm họ. Đây là tiên tôi xin làm đại tượng Phật, cho dù một lạng cũng không ai được đụng tới!” Vị quan nghe Hòa Thượng trả lời cương quyết và dứt khoát như thế, bèn sợ và nói: “Nếu không chịu đóng tiền phạt, ta sẽ cho móc mắt ngươi.” Vì y nghĩ, nói như thế lão Hòa Thượng sợ bị móc mắt, hẳn giao tiền. Vừa nói xong, trên gương mặt lão Hòa Thượng không thay đổi sắc nhìn thẳng mặt đối phương nói: “Ta thà nguyện móc mắt đưa ông, chứ quyết không để một xu tạo tượng bị thất thoát!”. Nói xong, tự móc đôi mắt của mình và đem cặp tròng mắt nghiêm chỉnh bước tới giao nộp, thì ngay tức khắc từ đôi mắt bị móc ấy xẹt ra hai luồng ánh sáng như điện chớp, chia ngay vào mặt viên quan ấy, khiến y thất sắc. Bỗng nhiên, cặp nhãn từ trên bàn bay thẳng tới rơi trúng đầu y, làm cho viên quan chức hoảng sợ bỏ chạy, mà quên phía sau là giốc đá lởm chởm và bên dưới là vực sâu thăm thẳm. Ngay lúc ấy, cặp mắt bay trở lại nhập vào đôi mắt Hòa Thượng nguyên vẹn như trước. Chứng kiến từ đầu mọi việc diễn tiến, viên chức tham quan ô lại kia, cho dù thân đồng da sắt đi chăng nữa cũng phải nể phục, không còn nở lòng đòi tiền Hòa Thượng nữa. Nghe đâu, về sau viên quan nọ bị tai nạn thảm khốc mà nhiều người cho là hậu quả việc làm ác đã đến lúc đền trả. Đây là một bài học để đời cho mọi người nói chung suy nghiệm, không cứ cá nhân đơn độc hay cậy thế dựa vào chức vị, quyền uy, thế lực hà hiếp, ức chế, thủ đoạn hèn mạt cướp đoạt, ăn chặn, kết vây cánh lấy của

công làm của tư, thiếu công bằng và không hợp đạo lý, đều phải trả mọi hậu quả hoặc sớm hay muộn.

Ngày xưa quả báo thì chầy

Ngày nay quả báo ở ngay nhãn tiền.

Do tâm tham che mờ, ta chỉ muốn thu vào mà không muốn lời ra. Hễ càng cố giữ gìn của cải, tiền bạc bao nhiêu, càng vụt khỏi tầm tay ta không kiểm soát bấy nhiêu. Như lời Phật dạy, của cải thế gian thuộc về năm nhà: giặc cướp, nước trôi, lửa cháy, con hư phá tán và luật pháp gia hình. Lấy đó mà nghiệm xét, thật là lời dạy đầy tâm từ bi và vô cùng thâm thía cho con người ở khắp quốc độ Ta Bà này từ cô chí kim từ đông sang tây vậy. Thế mới biết câu nói: Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu (lưới trời lồng lộng, tuy thưa nhưng khó lọt) cũng đủ trả lời cho ai không tin lý nhân quả.

- Theo đúng giờ giấc qui định: Thời gian giới hạn có 18 ngày mà đoàn phải chu du hết 4 danh sơn Trung Quốc từ Đông (Ninh Ba) sang Tây (Thái Nguyên), từ Nam (Hàng Châu) đến Bắc (Đại Đồng- Bắc Kinh) xa hàng chục ngàn cây số, nếu không tranh thủ giờ giấc cũng khó mà đi cho khắp nơi được. Do chúng tôi ai nấy đều ý thức như vậy nên hầu như ngày nào cũng thức dậy lúc 5 giờ 30, điem tâm vào 6,30 giờ và khởi hành lúc 7,30 giờ; còn lúc về thì vô định. Có hôm phải bỏ cả buổi ăn trưa như ngày 1/11/2007 từ Đại Đồng đi Bắc Kinh. Đoạn đường dài chỉ có 240 km2, đúng ra xe chạy chỉ mất 4 tiếng đồng hồ. Thế nhưng cái nạn kẹt xe, và thiếu xăng nên đoàn khởi hành

lúc 7,30 giờ sáng tại Đại Đồng mà tới Bắc Kinh đã là 13,30 giờ. Lại còn phải một màn đổi xe luôn tài xế và tour guide, cũng như chuyển hành lý sang xe nữa. Hành lý lúc đi chỉ có 72 va li mà tới đoạn này được hơn nửa phần đường đã lên tới 103 kiện lớn nhỏ. Quả là chiến tích kỳ công của đoàn quân A Di Đà đem về Cực Lạc quốc! Như trên ghi có hôm chúng tôi bỏ cả ăn trưa tranh thủ cho kịp thời gian. Bởi vì muốn xem được xá lợi răng Phật tại chùa Linh Quang- Bắc Kinh phải liên hệ sắp xếp hơn 8 tháng trước và giờ hẹn là 2,30 giờ ngày 1 tháng 11 năm 2007. Chùa này chìa khóa do 3 nơi giữ là chính quyền, Hiệp Hội Phật giáo Trung Quốc và vị trụ trì, nên nếu lỡ hẹn là khó có cơ hội, vì không được xem và đánh lễ xá lợi. Có thể nói tháp thờ xá lợi chính quyền cho lính gác cẩn mật nên không có khách tham quan vào được bên trong mà chỉ viếng chùa rồi ra về. Riêng đoàn chúng tôi có đủ 2 cơ duyên may mắn: Phái đoàn chia ra thành 3 toán lên tháp cao chừng 30 mét trải thảm đỏ cầu thang từ dưới lên trên top. Vì không gian không đủ rộng nên nơi thờ xá lợi chỉ có thể đứng được vài chục người. Đặc biệt khác hơn hầu hết các chùa của Trung Quốc khác là khách muốn lên tháp phải bỏ giày dép lại bên dưới. Đây là điểm nổi bật đặc thù của ngôi tháp linh (linh quang) Phật nha xá lợi như một quốc bảo của chính quyền Trung Quốc hiện tại. Toàn tháp nhỏ bên trong là khối vàng 32 kí lô do vua Càn Long hiến tặng vào thế kỷ thứ 17. Vì giá trị món quốc bảo nên công an, lính canh phải bảo vệ chặt chẽ kẻ tà tâm có ý đồ. Muốn nhìn thấy xá lợi phải cần đèn pin với lượng sáng cực

manh. Và đặc biệt trong lòng kiếng ta còn thấy hình Đức Quán Thế Âm đứng như đi trong mây. Theo lời giải thích của nhân viên trách nhiệm ngôi tháp thì vào năm 1987 mới xuất hiện hình dạng Đức Quan Âm này. Tôi và Đại Đức Nguyên Tạng được mời ở lại chủ trì 3 thời kinh cho 3 toán trong đoàn xong mới xuống. Chỉ tụng thời kinh ngắn gồm Tâm Kinh Bát Nhã, tứ hoằng thệ nguyện và hồi hướng do yêu cầu của người bảo trì tháp. Sau khi lễ tháp xong, phái đoàn được mời vào một phòng khách dùng trà và đợi Hòa Thượng trụ trì ra tiếp phái đoàn như có hẹn. Hòa Thượng trụ trì hiệu là: Pháp Thường vui vẻ tiếp chuyện, ban đạo từ, chúc đoàn hành hương được nhiều thắng duyên và có dịp kết duyên với người Phật tử Trung Quốc. Vì tất cả người con Phật xem như con một nhà. Chứng minh đoàn, HT. Thích Bảo Lạc thay đoàn cảm ơn HT. trụ trì đã dành thời giờ quý báu tiếp đãi, tặng quà lưu niệm, và H.T cũng nhắn mạnh cầu chúc Phật giáo Trung Quốc ngày càng chấn hưng và không còn hình thức mê tín dị đoan như hiện nay, cũng như chúc H.T. trụ trì được cữ trụ Ta Bà và sớm thành đạo quả để hàng Phật tử được nương nhờ công đức. Phái đoàn cùng chụp hình chung với Hòa Thượng để lưu niệm, và từ giả.

- Chay tịnh trong suốt chuyến hành hương: Đa phần thành viên đoàn đều phát nguyện ăn chay trên đường đi chiêm bái các Phật tích. Có lẽ nhờ nhân lành này mà được long thần hộ pháp gia hộ mọi người đi tới nơi về tới chốn bình an vô sự. Lại còn có những triệu chứng lành chung

quanh chuyến đi mà mọi người trong đoàn ai nấy đều cho rằng là hy hữu.

a) Trời mưa rồi lại nắng: ngày thứ tư của chuyến đi là 24/10/07, chúng tôi từ Ninh Ba đi xe bus tới Vô Tích. Trên đường đi trời đổ mưa tầm tã, tới bãi đậu xe nơi Linh Sơn đại Phật trời càng mưa nặng hạt hơn nữa. Bắt buộc mỗi người phải mua một cây dù che và thế là người trên cả hai xe phải đoàn đều tiêu thụ được một số dù đáng kể. Chúng tôi tới đây cũng đã quá trưa rồi, lúc 13 giờ, việc đầu tiên là phải kiểm gì phụng sự cái bao tử trước đã. Sau khi cơm nước xong, đoàn ra trước cửa nhà hàng sắp hàng đôi trong đồng phục màu lam đi kinh hành trước sân đại Phật A Di Đà cao 88 mét và tụng thời kinh ngắn; trời tạnh hẳn mưa và bắt đầu có những tia nắng ấm chiếu dội cảnh vật chung quanh.

b) Hoa Khai Kiến Phật: là một tác phẩm nghệ thuật phụ trong toàn cảnh Đại Phật. Cách kiến trúc thật là đặc biệt, trụ đá hình lục giác cao độ 25 m trên cùng là 6 cánh sen úp lại thành một búp sen lớn, bên trong là một tượng Phật đản sanh cao cỡ 5 m. Bên dưới chung quanh là hồ nước có 9 rồng uốn lượn và chờ tới giờ là phun nước, gọi là cửu long phun thủy. Nước phun từ thấp lên cao, từ yếu đến mạnh theo điệu nhạc hùng tráng và những cánh sen bắt đầu hé nở và Phật đản sanh hiện ra quay đi giáp một vòng như tôi để ý là 12 phút- và rồi khép lại. Như vậy, nếu du khách tới thăm không nhầm giờ thiêng làm sao chúng kiến được cảnh đẹp tuyệt vời này!

Xem hoa khai kiến Phật xong, đoàn có dịp trình diễn một màn cũng khá ngoạn mục là phái nữ mặc quốc phục Việt Nam còn phái nam mặc veston thắt caravate complet trông cũng đẹp ra phết! Chúng tôi đứng hàng ngang choán cả mặt tiền để chụp hình. Bao nhiêu cặp mắt, những máy chụp hình làm việc liên tục không ngừng tay; còn khách tham quan đứng lại nhìn hay có người chấp tay búp sen ra chiều cung kính.

c) Kim Đinh lên rồi phải ở luôn đây: Ngày 5/11/07 chúng tôi đi xe treo lên viếng Kim Đinh của đạo tràng Phổ Hiền Bồ Tát. Tượng mới tạc năm 2005 cao 20 m và chùa Hoa Tạng cũng mới dựng lên cùng thời với bức tượng. Độ cao từ dưới đất lên tới Kim Đinh là 3072 m, nên có thể nói lên tới nơi rồi thấy cả trời xanh và một thế giới vô cùng huyền nhiệm. Trên đường núi xe chạy tới trạm xe treo mất hơn một tiếng đồng hồ với sương mù dày đặc; lại con đường cong queo chật hẹp nguy hiểm. Thầy Nguyên Tạng lưu ý anh tài xế lái xe cẩn thận, nhưng anh đâu có nghe được; tôi phải nói thêm “chìn nì shạo shin” (Xin ông làm ơn làm phước lái cẩn thận nhé!). Lúc này anh ta mới chịu hiểu và cười xòa. Ở đây tôi muốn nói là mọi người trong đoàn ai cũng nghĩ là theo như thời tiết xấu thế này, không tài nào thấy gì khi ta lên tới đỉnh. Thế nhưng, lạ thay, chúng tôi vừa đặt chân lên Kim Đinh thì trời nắng ráo và bầu trời trở nên quang đảng lạ thường. Thật là điều hết sức kỳ diệu! Chúng tôi không tin được bằng con mắt của mình,

nên phải dựa vào điều sau đây để tự khen và tán dương công đức của mọi thành viên phái đoàn.

- Hề tâm ta thành mọi việc đều thành tựu như ý nguyện. Kinh nghiệm cho tôi có được điều này là khi bắt tay vào làm bất cứ việc gì dù nhỏ hay lớn, nếu biết tâm thành là đạt được mục đích không có gì khó khăn trở ngại cả. Huống chi việc hành hương đã được sắp xếp, bàn thảo, chuẩn bị mọi việc từ gần một năm qua, hẳn chuyến đi phải được thông suốt là điều không ai còn lấy làm lạ nữa.

- Công đức tụng kinh niệm Phật: đức chúng như hải, nhờ số đông góp lại bằng sức lực, ý chí, niềm tin hay ngay cả tiền bạc tạo cho tập thể có một sức mạnh tinh thần mà không gì so sánh được. Trên đường đi chiêm bái- trừ bữa nào bận rộn- mỗi ngày có thời tụng kinh trên xe thật là hào hùng thanh thoát. Có phải việc này tạo thêm cho phái đoàn một thể đứng riêng, một cái gì đặc biệt thanh thoát nhẹ nhàng. Như cô thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã viết:

Ngọc hay đá chẳng cần ai tạc

Lụa hay tre không cần bút ai ghi

Rồi mai sau còn chi

Còn mãi chứ!

Và còn chuyến đi chưa đoạn kết, dù

vậy, tác giả cũng mượn bài thơ” Tứ Đại danh sơn”, sáng tác tại khách sạn Chương Trạch, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây - Trung Quốc, tạm xem như phần kết luận bài này như sau:

*Tham quan tứ đại danh sơn
Hành hương thánh tích ngã non bèo mòn
Bước chân nào nệ thiệt hơn
Nơi gương thánh đức đáp ơn tổ thầy
Đi cho biết đó biết đây
Non sông tươi đẹp chốn này thần tiên
Quan Âm, Địa tạng, Phổ Hiền
Văn Thù, Kiều Giác, Tế Diên, Vô Hà
Bồ Đãi Hòa Thượng cười khà
Cười bao người khóc lệ nhòa bất an
Bon chen trong cõi nhân hoàn
Vun dây nghiệp hệ trần gian nổi chìm
Buông tay rũ phôi lụy phiền
Thân tâm thanh nhẹ kết duyên đạo màu
Ngàn xưa mãi đến ngàn sau
Đạo tràng bền vững đẹp màu nhân gian.*

ÂN ĐỨC BẠC ĐẠO SƯ

Đất trời thay đổi, mùa đông Sydney năm nay đến trễ, so với mấy năm trước đây tiết trời vào tháng 5 đã lạnh cảm cảm. Thế nhưng năm nay như có thêm báo khác thường cho đến vào giữa tháng sáu trời mới trở lạnh, vừa có rét thối vừa có mưa phùn lất phất càng làm cho cái lạnh thấm da tê cóng. Suốt tuần lễ nay từ thứ tư 11 đến chủ nhật 15 tháng 6 năm 2008, Phật tử tại Sydney nói riêng và tại Úc nói chung đã trực tiếp tới dự khóa học với Đức Đạt Lai Lạt Ma tại Olympic Park, hay gián tiếp qua mạng Internet. Phải chăng đây là nhân duyên mùa đông này đến chậm cho khóa giảng pháp của bậc đạo sư chấm dứt?

Điều đó chưa thể khẳng định được, ở đây bút giả nêu ra những điều cụ thể thực tế để quý độc giả chiêm nghiệm trong tu tập, hầu cải thiện hay hơn, tốt hơn và lợi lạc nhiều hơn.

1- Thế Giới Liên Hoa

Với số tuổi 73 (Ngài sinh n m 1935), Ngài ạt Lai Lạt Ma giảng pháp liên tục 5 ngày, mỗi ngày 4 giờ òng hồ, có hôm 5 tiếng như thứ bảy 14 và chủ nhật 15 tháng 6 n m 2008, thể nhưng phong thái Ngài vẫn tươi cười và khỏe khoắn. Ngài trên lễ ài kế cạnh Ngài, tôi chứng kiến thể ngài xếp bằng liên hoa vững chải, có hôm suốt 2 giờ òng hồ, Ngài vẫn an nhiên tự tại, nhất là lúc bước xuống tòa chưa có dấu hiệu áng ngài cho sức khỏe của bậc ạo sư lắm. Ngài giảng dạy rất vui, ừa ra những ví dụ cụ thể mà hầu hết ều em mình ra làm iễn hình. Ngài nói tôi hỏi còn nhỏ cũng sợ ma như ai chứ quý vị ùng tưởng tôi không sợ ma hả? Và tiếng cười òn dã của Ngài vang ra cả hội trường làm cho thính chúng cười rộ lên theo với niềm ại hoan hỷ. Trong một thí dụ khác, Ngài kể rằng tôi có biết một người mà người này mang tên Sidharta là tên ực Phật. ực Phật ã nhập Niết Bàn 2552 n m rồi, còn ực Phật tôi gặp mang thân phận của kiếp người chìm nổi trong hơn thua ược mất. Quý vị có phải là ực Phật ích thực trong tương lai hay chỉ cái danh như anh kia? Chủ ã đề của giảng khóa là: The Stages of The Meditation (Trình Tự Tu Thiền Định) ực ạt Lai Lạt Ma chú trọng tới pháp tu thiền từ thấp ến cao mà tác giả là ngài Liên Hoa Giới, một ạo sư lỗi lạc

Ăn ộ, là một trong 17 bậc đại hiền thánh thuộc cựu học viện Na Lan à của 2000 n m trước. Bên trong hội trường thật là thanh tịnh, không một tiếng nói chuyện riêng, không ai ược sử dụng iện thoại cầm tay cũng như máy quay phim. ó là iều tối thiểu mà người iều khiển chương trình ã nhắc nhở thính chúng trước mỗi buổi giảng pháp.

2- **Pháp Hội Tiếp Xúc Thánh Hiền**

Sáng thứ tư 11 tháng 6 n m 2008, mở ầu giảng khóa, bậc ạo sư cho ọc tụng lời tôn kính 17 vị ại hiền thánh cựu học viện Na Lan à (*A prayer to the 17 Great pandits of the Glorious Nalanda*), từ ức Phật Thích Ca ến tôn giả Long Thọ, Bồ Tát Thánh Thiên, ngài Phật Hộ, ngài Thanh Biện, ại sư Nguyệt Xứng, Bồ Tát Tịch Thiên, phương trượng Nalanda Thiện Hải Tịnh Hội, A Xà Lê Liên Hoa giới, luận sư Vô Trước, Thế thân, luận sư Trần Na, luận sư Pháp Xứng, luận sư Giải thoát Quân, ngài Sư Tử Hiền, luận sư Đức Quang, luận sư Thích Ca Quang, Tôn Đức A Ti Sa.

Nhờ các Ngài đặt nền móng, xiển dương giáo pháp Phật Đà tồn tại mãi tới ngày nay. Chúng ta là người thừa truyền giáo pháp phải có bổn phận duy trì và phát triển để báo ân Đức Phật, chư Tổ, các bậc danh sư thạc đức đã cống hiến tài năng, trí tuệ cho Phật giáo vững trụ tại thế

gian. Pháp hội diễn ra ngay trong lòng của xã hội văn minh khoa học kỹ thuật, nói chung là thuộc về vật chất, vẫn tôn trọng nguyên tắc Đạo đức mà số người tham dự đến 3,4 ngàn người, với một khung cảnh yên tĩnh, hòa bình, tinh thức, chắc hẳn sẽ đem lại lợi lạc và chuyển hóa cho nhiều người. Nhìn gương mặt mọi người ai nấy đều rạng rỡ, chứng tỏ tất cả học được bài học xây dựng, tin yêu và hòa hợp thật là cao quý biết bao nhiêu. Đó là nhìn mặt tích cực, còn nếu có ai để ý chịu khó theo dõi cảnh ngoài hội trường, với người hiểu biết sẽ cảm nghe ngại ngùng, đáng tiếc. Đó là một nhóm người biểu tình đứng trước cửa chính hô to những khẩu hiệu như:

- Dalai Lama give the religions freedom

- Dalai Lama stop lying

Đạt Lai Lạt Ma hãy để cho tôn giáo tự do

Đạt Lai Lạt Ma hãy chấm dứt dối trá!

Đám người cứ đứng đó suốt ngày, chờ giờ nghỉ trưa có đông người đi ra là hô lên những khẩu hiệu như thế. Có ai xúi sử hay chính những người ấy tự động làm hành động không bình thường này? Câu trả lời hẳn đã có sẵn với người quan tâm tới tình hình chính trị trở nên căng thẳng giữa Tây Tạng và Trung Quốc, trong cuộc đàn áp thảm khốc tại Lhasa, thủ đô Tây Tạng trong tháng 3 của năm này, gây chết chóc cho hàng trăm người, bảy chục người bị thương tích, tù đầy đang còn là chứng tích rành rành của lịch sử thống trị Tây Tạng của Trung Cộng. Như lời Phật

dạy, thế gian này là cõi cư trú chung lẫn lộn với ác ma, quỷ sứ, thiên thần, người, súc sanh... nên khó tránh khỏi giữa thiện và ác. Phạm vi thu hẹp của hội trường nơi ngài Lạt Ma giảng pháp chỉ cách nhau giữa một lần ranh bằng hàng rào và lớp cửa bên trong là giải thoát và phía ngoài là trầm luân, với nhiều hơn thua tranh chấp. Kẻ cũng bị hại thật cho cảnh đời kham nhẫn của kiếp con người mà kẻ phạm nhân luôn dẫn vật, còn bậc thánh giả Bồ tát muốn tiếp cận, lẫn xả vào đưa hai tay cứu vớt, vỗ về những ai cần độ. Lời tụng thấp sáng tín tâm đoạn mở đầu viết rằng:

*“ Trước đáng chúa tể
Của khắp chư thiên
Đản sinh từ lòng
Đại bi thương xót
Tất cả chúng sinh
Trở thành nơi chốn
Chở che tối thượng
Với hạnh xả bỏ
Cùng hạnh thành tựu
Tròn đầy viên mãn
Thuyết pháp duyên khởi
Phổ độ chúng sinh
Trước đức Mâu Ni
Đại hùng đại lực*

Như ánh mặt trời

Đệ tử kính xin

Cúi đầu đánh lễ

(Thubten Munsel - Hồng Như dịch)

3- Thính Chúng Tham Dự

Thính chúng chia ra 2 thành phần tăng ni và người thường. Trong giới tăng ni cũng có nhiều sắc tộc như Tây Tạng, Nhật Bản, Đại Hàn, Việt Nam, Đài Loan, Thái, Lào, Tích Lan, Úc... và cũng thuộc các tông phái khác nhau như: Mahayana, Theravada, Kim cang thừa, Mật tông, Tịnh độ tông v.v... nhưng tất cả đều tôn thờ đấng Thích Ca Mâu Ni, bậc giáo chủ khai sáng, như không có sự tranh chấp gắt gao quyết liệt như một số các tôn giáo khác. Bằng chứng cuộc câu hỏi nghe pháp hôm nay là do cố gắng của mỗi tăng ni tự nguyện đến đây tạo thành một sức mạnh tinh thần hòa hợp như nước hòa lẫn trong sữa, không có chỗ cho giáo phái hay tông chi tồn tại, ít ra là suốt thời gian pháp hội. Thành phần thính chúng tại gia cũng thuộc nhiều sắc tộc khác nhau và chắc chắn cũng có những người thuộc các tôn giáo khác ngoài Phật giáo. Nhìn chung đa số thính chúng là người Tây phương hay người Úc tham dự. Họ là những người ở khắp các tiểu bang khác như: Queensland, Western Australia, South Australia, Victoria, Northern Territory, Canberra, v.v... mà không phải chỉ có tại Sydney. Như vậy đủ chứng tỏ cho thấy rằng ai cũng cầu học Pháp như nhau, tuy trong số cũng có một số ít người hiếu kỳ

muốn nhìn cho được Đức Đạt Lai Lạt Ma mà đây là cơ hội hy hữu. Đúng là một dấu hiệu đáng lạc quan cho Phật giáo nói chung trên thế giới trong thế kỷ 21 này.

Dân số Phật tử tại Úc gia tăng rõ rệt trong lần kiểm tra thống kê dân số năm 2004, cho thấy là 460,000 người tương đương với 2 % dân số. Phật giáo là tôn giáo phát triển nhanh đứng hàng thứ ba tại Úc, và cứ theo đà này trong tương lai nhiều người Úc quy hướng về đạo Phật . Đây cũng là điểm nổi bật mà như Ngài Đạt Lai Lạt Ma có nhìn thấy và cũng rất cảm tình với người Phật tử xứ Úc, nên trong lời chào mừng mở đầu khóa giảng 5 ngày tại Sydney, Ngài nói: “Tôi có nhân duyên năm tới đây sẽ sang nữa làm cho ai nấy rất là hoan hỉ”.

4- Nội Dung Khóa Học

Trình tự Thiền (Stages of Meditation) của Đại sư Liên Hoa giới (Kalamashila) luyện tâm phải qua các tiến trình đãi lọc, lựa chọn như người gieo mạ, trước dọn đất sạch cỏ, cày xới, tưới bón, gieo hạt, chăm nom săn sóc... mới có mầm non, lên cây ra bông, và kết trái. Cũng như làm bất cứ việc gì, ta cũng phải sẵn sàng các nhân tố cần thiết mới mong đạt đến mục tiêu mong cầu (muốn).

Muốn đạt được tuệ giác phải lấy tâm đại bi làm căn bản, tâm vị tha làm nhân, tâm Bồ đề làm phương tiện thiện xảo. Qua 4 lời nguyện rộng lớn của Bồ tát trên đường hành hoạt độ sanh như sau:

- Nguyện dứt sạch phiền não

- Nguyện học hết thầy pháp môn
- Nguyện dẫn thân cứu độ mọi loài
- Và nguyện thành Phật đạo để đem lại lợi lạc pháp giới hữu tình.

Bồ tát phải phát nguyện dẫn thân hành trì miên mật như thế hẳn tích tụ được đầy đủ công đức trí tuệ, có đủ công đức trí tuệ như người nắm chiếc phao nổi tức là nắm được toàn giác trong tiến trình tu tập, là kết quả như nhìn thấy trước mắt. Một tâm thức thâm nhuần tâm từ (ban vui) phải cần thiền quán đại bi (cứu khổ). Bởi lẽ, từ bi phải đi đôi với nhau như chim có đôi cánh mới bay xa được tự tại. Tâm bi chính là lời nguyện thứ ba: ước nguyện mong mỗi chúng sanh đều được thoát khổ, vì chúng sanh trong ba cõi luôn bị hành hạ bởi ba loại khổ. Đó là nỗi khổ hành hạ nóng cháy bị thiêu đốt trong địa ngục, đói khát trong loài ngạ quỷ và nỗi bất hạnh nhai nuốt lẫn nhau trong loài súc sanh. Quán chiếu nỗi đau của chúng sanh cũng là nỗi đau của mình để mà đem lòng thương cứu giúp, vì thương chúng sanh nên Bồ tát luôn gieo nhân lành mà được quả tốt. Vì nghĩ đến quả trước khi gieo nhân, phát tâm Bồ đề để rộng lượng cứu độ chúng sanh.

Kinh Đại Bồ Tát Tạng ghi rằng: “Ai chưa từng nghe nói đến giáo pháp của Bồ tát tạng, chưa từng nghe nói đến giáo pháp giới luật xuất gia, lại nghĩ rằng chỉ cần đạt định là đủ, người ấy sẽ vì kiêu ngạo mà trở nên tăng thượng mạn. Như vậy, họ sẽ không thoát khỏi sinh, lão, bệnh tử, bản cùng, than khóc, đốn đau, khổ tâm và xáo trộn. Họ

cũng không thể giải thoát toàn bộ lục đạo luân hồi, không thể giải thoát khỏi núi khổ đau thân tâm. Các ông hãy ghi nhớ lời này, Như Lai nói rằng:” nghe giáo pháp này sẽ giúp các ông thoát khỏi tuổi già và cái chết”.

Như vậy, hành giả muốn đoạn diệt mọi chướng ngại để đạt đến trí tuệ thanh tịnh cần ở trong định để quán tuệ. Thực hành pháp tu chỉ quán, trước hết cần hội đủ điều kiện để thành tựu chỉ quán. Những điều tiên quyết đó là:

- Sống trong môi trường thích hợp
- Thiếu dục tri túc
- Không gánh vác quá nhiều việc
- Giữ giới thanh tịnh
- Dứt bỏ tham ái và mọi tư tưởng khái niệm khác.

Môi trường sống thích hợp cần phải hội đủ 5 yếu tố như: thuận tiện sống chung với người thân thuộc cùng chí hướng, không người ác, kẻ thù; nơi dễ kiếm việc làm cho cuộc mưu sinh; gần gũi bậc thiện trí thức giữ giới và tu tập; chỗ không có những tai ương bệnh tật; chỗ ở thanh tịnh không bị người khác làm phiền.

Thiếu dục tri túc là không ham muốn nhiều mà biết đủ để dừng lại, không phí phạm đồ đạc, quần áo, gạo cơm một cách quá đáng, trong khi những người khác thiếu ăn, thiếu mặc. Nghĩ tới đó ta phải biết hài lòng những gì mình có, không đua đòi, không bắt chước theo những mode mới, kiêu sang ngoài khả năng của mình.

Không gánh vác quá nhiều việc tức là đảm trách công việc ngoài sức quán soát kiểm tra mà phải xả bỏ những việc làm thế tục, xa lánh những việc thị phi, không làm những việc đồng bóng, bói toán...

Như vì một lý do nào không giữ trọn các giới ã thọ, lỡ phạm giới, phải biết n n sám hối với tâm biết xấu hổ và thẹn thùng, tự hứa với lòng không tái phạm lại nữa. Đó là một cách và trường hợp hoàn toàn không phạm cả hai đều gọi là người thanh tịnh, vì quán xét biết các pháp không tự tánh trong nỗ lực tinh tấn tu thiền quán.

Tham ái i kèm tánh ích kỷ trong kiếp này làm cho con người lằm than khổ nhọc, hành giả phải quán chiếu trừ dứt vọng tâm tham lam ích kỷ này, vì ý thức tới sự tai hại của kiếp luân hồi không trừ một ai. Quán chiếu loại trừ cái tôi tham luyến sự vật ể lần oạn diệt những tri kiến sai lầm. Mặt khác, nương vào bậc thánh giả, nghiêm chỉnh thỉnh cầu lời khai thị của các Ngài ể chiêm nghiệm tư duy. Dẫn kinh luận chứng minh: “Hành giả tham thiền thân tâm ều phải cho thanh tịnh như n m vóc: ầu, hai tay, hai chân chạm sát xuống ất ảnh lễ chư Phật và chư Bồ Tát khắp trong mười phương. Và quỳ gối thềm nguyện: “Con sẽ ộ hết thấy chúng sanh vào Niết Bàn giác ngộ, rồi khởi tâm ại bi, tâm Bồ Đề, nguyện ộ thoát tất cả chúng sanh. Xung

tán chư Phật, sám hối nghiệp chướng và tùy hỷ công đức với mọi người”. Rồi khởi sự ngồi theo tư thế kiết già hay bán già, miến sao ngồi lâu ược thoải mái, tránh dao động và tiếng hít thở khẽ nhẹ iều hòa. Có nhiều cách quán như n m uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức ều là không, là vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả và phải dùng Tuệ Ba La Mật quán chiếu. Như Kinh Giải Thâm Mật nêu rõ: Bồ Tát Quán Tự Tại muốn chứng pháp vô ngã, phải vận dụng tuệ Ba La Mật quán xét rõ: cái tôi không nằm ngoài các uẩn, các căn, các cảnh (Giới) và cũng không cùng tính chất với các uẩn...vì uẩn có nhiều và vô thường, còn cái tôi lại ược xem là ộc nhất và thường còn. Như vậy, khái niệm về “tôi” và “của tôi” ều hoàn toàn sai lầm... “Quán các pháp vô ngã như: tất cả các pháp nói chung, ều bao hàm trong n m uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), mười hai xứ (6 c n và 6 trần), mười tám giới (12 xứ và 6 thức). Sắc tướng của uẩn, xứ và giới nói cho rốt lại, chẳng qua chỉ là sắc tướng của tâm. Đó là vì nếu phân chia sắc thể ra thành từng hạt tử cực vi, xét tánh chất của từng hạt tử ấy, cũng chẳng thể tìm ra ặc tính của sắc”. Nói cho rốt ráo, chính cái tâm cũng không thật có. Cái tâm này ây chỉ biết nhìn vào hình tướng hư vọng của sắc v.v... biểu hiện thành nhiều sắc thái, tâm như vậy làm sao có thể thật có cũng như sắc, v.v... chỉ

là hư vọng, vì tâm không tách lìa sắc nên tâm cũng hư vọng. Cũng như sắc, v.v... Có nhiều sắc thái, ặc tính của sắc không phải một cũng không phải nhiều hơn một, tương tự như vậy, vì tâm không khác với sắc, nên ặc tính của tâm cũng không phải một, không phải nhiều hơn một. Do đó, ngay từ bản chất, tâm vốn như huyễn”. Dùng tâm quán chiếu như thế ể thấy vật ấy vốn không thật có, khi ấy hành giả nhập ịnh vô niệm. Ấy là chứng ược Tánh Không của vạn pháp. Cần phải vận dụng tuệ giác quán xét chân tướng của từng sự vật mà chỉ ơn thuần oạn diệt mọi hoạt ộng tâm thức sẽ vướng vào khái niệm, lại cũng không thể chứng biết ược ặc tánh Không vì thiếu mất ánh sáng trí tuệ. Nếu từ sự quán xét tánh NHƯ của từng pháp mà phát ược ngọn lửa giác, biết ược vạn pháp úng như sự thật, thì cũng như dùng củi cọ xát vào nhau mà thành lửa, lửa này sẽ thiêu rụi củi gỗ tư tưởng khái niệm. Đó là lời Phật dạy. (Dẫn bản dịch trình tự tu thiền do Hồng Như dịch các tr. 16 và 17 bản rời phổ biến thu hẹp).

Người tu tập như kẻ ãi quặng tìm vàng, cần phải tinh cần và liên tục không ngưng nghỉ cho ến ạt ược vô thượng bồ đề. Từ nơi ịnh chứng ược tánh không không rời hạnh thí, không rời hạnh giới, không rời hạnh nhẫn,

không rời hạnh tấn, không rời hạnh ịnh, không rời hạnh tuệ, và không rời phương tiện, như lời kinh dạy. Bồ Tát phải nương vào thiện hạnh trong việc bồ thí ể làm phương tiện ộ chúng sanh.

Tóm lại, hành giả vào ịa thứ nhất trong tiến trình tu tập cần huân tập tâm mình với hai loại tuệ giác siêu việt và trí tuệ phương tiện, nhờ ó ể tịnh hóa mọi chướng ngại vi tế nhất. Và ể bước vào các ịa cao hơn hành giả cần thanh tịnh ở những ạo vị thấp hơn, rồi lần bước vào trí giác siêu việt của Phật, lúc bấy giờ sẽ nhập biển toàn giác và hoàn thành tâm nguyện, mục tiêu.

5. Pháp Quán Đảnh và truyền pháp

Khóa tu kết thúc bằng một buổi lễ truyền pháp quan trọng vào sáng chủ nhật ngày 15/6/08. Hội trường hôm nay đông hơn 4 ngày trước, số thính chúng lên đến 5000 người và ai nấy lắng lòng thanh tịnh chờ đón nhận một niềm vui mới. Buổi lễ diễn ra lúc 8.30 giờ, thay vì 9.30 giờ như những ngày trước đó. Thính chúng mỗi người được phát một cánh hoa nâng trên hai tay theo dõi lễ truyền Tam Quy ngũ giới, Bồ đề Tâm giới và Bồ Tát giới. Đa số đều xin thọ Bồ Tát giới theo hạnh nguyện vào đời ể ể độ sanh của hàng Bồ Tát gần gũi hữu tình. Buổi lễ cũng chỉ mang tính cách tượng trưng mà không đi vào chi tiết, chẳng hạn như Bồ Tát giới gồm có 6 giới trọng và 28 giới khinh

không được nêu chi tiết mỗi giới, vì thì giờ có giới hạn. Những ai đã thọ Bồ Tát mà muốn hành trì cho đúng nên tìm đọc Kinh Phạm Võng Bồ Tát giới của Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch hay bản dịch Anh ngữ là: “Moral Code of the Buddhisattvas Brahma Net Sutra” do Minh Thành và nhóm Văn Hiến tại New York dịch, bản ấn hành năm 2000. Buổi lễ rất nhẹ nhàng, đơn giản nhưng không kém phần trang nghiêm thanh tịnh. Điều này cũng làm gia tăng tín tâm của người thọ trì pháp rất nhiều và Bồ Đề tâm của mỗi một hành giả được gieo vào mảnh đất tâm của mình để từ đây mỗi ngày tuệ giác càng phát triển nảy nở. Buổi chiều có lễ chúc Khánh Tuế Đức Đạt Lai Lạt Ma và tạ pháp của những vị đại diện pháp hội bằng tịnh tài, vật lưu niệm và lời chúc nguyện ngài vững trụ Ta Bà để hoằng dương Phật Pháp và lợi lạc hữu tình.

Trong lời pháp từ, Ngài nói: “Tôi vô cùng hoan hỷ thấy tất cả quý vị từ giới tăng ni đến hàng Phật tử tha thiết học hỏi giáo pháp do Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni truyền thừa và chư vị thánh tăng hiền giả Bồ Tát đã không ngừng làm cho mạch nguồn Phật Pháp lưu thông mãi mãi. Bằng chứng cụ thể suốt 5 ngày qua quý vị đã chịu khó lặn lội có người ở xa cách đây hàng ngàn cây số, vẫn có mặt trong buổi lễ hôm nay. Cầu chúc tất cả quý vị và tất cả chúng sanh đều được giải thoát và giác ngộ.

Hội trường Olympic Dome lúc 4 giờ chiều ngày chủ nhật 15/06/08 đã khép lại, nhưng hình ảnh và âm thanh giảng dạy, truyền pháp của bậc đạo sư vẫn còn đó. Những

ai đã có thời gian tu học Phật Pháp lâu năm cũng nhân dịp này rút tĩa thêm kinh nghiệm học hỏi quý báu. Còn những hành giả vừa được thọ pháp với Đức Đạt Lai Lạt Ma được nhân lành phát tâm cầu đạo giải thoát từ đây và mãi mãi trong những kiếp kế tiếp, nếu vững chí tu tập thiện pháp và thực hành Bồ Tát hạnh.

Chấp tay nguyện cầu
Thế giới hòa bình
Phật pháp xương minh
Chúng sinh an lạc
Đạt Lai Bồ Tát
Trường Thọ Khinh an
Pháp giới hữu tình
Phật đạo trọn thành.

TRƯỜNG THÀNH



Con đối với cha mẹ, đệ tử đối với thầy lúc nào cũng vẫn là con, là học trò. Sau này lớn lên đi vào đời cho dù làm bất cứ ngành nghề gì, hay có địa vị gì trong xã hội, đối với gia đình, con cũng vẫn xem cha mẹ như những bậc thiên thân phò hộ con qua những chặng đường quanh co nghiệt ngã trong cuộc đời. Nói cách khác, cha mẹ là hai vị Bồ Tát Văn Thù và Quán Thế Âm cho con trí tuệ và từ bi nâng đỡ vỗ về giúp con khỏi vấp ngã, chùn chân, nhụt chí qua bao nhiêu cạm bẫy, bão tố đang dàn trải như thiên la địa võng suốt chiều dài cuộc sống. Theo đúng nghĩa cụm từ: “Cha nghiêm mẹ từ” mà ăn ở cho phải đạo làm con, hay như câu:

Lấy điều ăn ở dạy con

Dẫu mà gặp tiết nước non xây vắn

Ở cho có đức có nhân

Mới mong đời trị được ăn lộc trời

(Gia Huân Ca - Nguyễn Trãi)

qua truyền thống lâu đời của người Việt Nam như tục ngữ còn truyền: “ Tiên học lễ, hậu học văn”, hoặc “giấy rách phải giữ lấy lề”. Thời cận đại, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu trong đoạn mở đầu thơ Lục Vân Tiên có viết:

Trai thời trung hiếu làm đầu

Gái thời tiết hạnh là câu trau mình

(*Lục Vân Tiên - Nguyễn Đình Chiểu*)

Như vậy, con luôn phải cần đến sự cố vấn đầy kinh nghiệm của cha mẹ, của thầy. Cho dù thế hệ hay thời đại các vị có yếu kém về kỹ thuật khoa học, nhưng có thừa “ túi khôn” như môn thần dược giúp ta giải tỏa được mọi thắc mắc, khó khăn trong trường đời. Muốn thành công ở đời hay trong đạo, con phải biết tham khảo hai vị cố vấn già dặn bên cạnh để được chỉ dẫn tận tình mà không nề hà công lao khó nhọc. Đừng vì lý do này hoặc lý do nọ mà thất thố, lỗi đạo với thầy, cũng như hai đấng từ thân mà mang tội vong ân, bất hiếu để ô danh với đời. Biết làm vui lòng bậc sanh thành hay sư phụ đó chính là ta đã đạt được nửa đoạn đường thành công trong đời này rồi. Thế nhưng, tuổi trẻ “ ăn chưa no, lo chưa tới”, làm sao nghĩ tới ân đức sâu nặng của những bậc minh thọ ân để mà đền đáp cho xứng đáng. Cũng bởi do nhiều yếu tố, nhưng điều dễ nhận ra nhất vẫn là tánh háo thắng, tâm tự hào của ta mà nhiều lúc quá đà không tự chế kịp, để gây di hại cho chính bản thân, và làm ảnh hưởng dây chuyền tới gia đình, giòng họ, thầy Tổ, tông môn không ít. Cho tới khi nhìn lại, nhận ra thì sự việc đã quá trễ không còn cứu vãn kịp thời được nữa! Sinh trong một gia đình nề nếp, được đào tạo trong môi trường giáo dục tốt, người con được hấp thụ những tinh ba của huyết thống, giống giòng, hẳn cũng trưởng thành như một người mô phạm không vượt ra ngoài khuôn phép của tiền nhân. Sự giáo dục trong gia đình, học đường rất là quan trọng, cho nên ca dao có câu:

Dạy con từ thuở còn thơ

Dạy trò từ lúc ban sơ nhập trường.

để cho người con, người học trò đủ tử đủ cơ duyên mở rộng tâm nhìn, sự hiểu biết đi vào đời xây dựng bản thân và rộng ra cho cộng đồng nói chung.

Trường học và hoàn cảnh tôi có khác. Tôi không dật mông tương lai bằng nhà cao cửa rộng, vợ đẹp con ngoan, hái ra nhiều tiền lắm của, có kẻ hầu người hạ, được đưa rước đón mời, nhứt hô bá ứng... mà thành một nhà tu đơn độc với chiếc bình bát và 3 pháp y. Sống rày đây mai đó nơi quê hương miền Trung – Duy Xuyên - Quảng Nam - Đà Nẵng, đến tu niệm ở chùa Non Nước – Ngũ Hành Sơn - với biển rộng, trời cao mênh mông cát trắng. Tôi lê gót chân tới Sài Gòn bằng phương tiện không mấy gì hiện đại cho lắm, với cỗ xe đò cà rịch cà tang trên đoạn đường dài 900 Km phải mất tới 24 tiếng đồng hồ lên giốc xuống đèo thật là vất vả, cũng không kém sự nguy hiểm chực chờ, nếu tài xế bất cẩn tay lái hay ngủ gật là đưa cả bao nhiêu sinh mạng về châu ông bà, là điều không ai dám bảo đảm không xảy ra! Từ Sài Gòn đến lục tỉnh: Bến Tre, Mỹ Tho, Trà Vinh (Vĩnh Bình), tôi đều nếm trải qua bao nhiêu vị trái ngọt, người hiền, thầy yêu, bạn quý, và nhất là những người Phật tử chân thành hết lòng lo cho đạo, nuôi lớn tăng sinh chúng tôi trong hoàn cảnh đất nước bất ổn trị an (1960 – 1963). Một bác sĩ Nguyễn Văn Khỏe, ông Huyện Luân (Hội trưởng hội Lương Xuyên Phật học), bà Tư Phán... và còn nhiều người nữa, tôi quên tên. Những vị hộ

pháp ân nhân này của Phật học đường Lương Xuyên, nay đã không còn trên cõi đời này nữa. Nhưng tôi biết chắc, với cái nhân lành của họ, quý vị ấy vẫn đang tiếp tục hạnh nguyện cao rộng của mình và đang trở lại hành hoạt đâu đây. Ngày 20/8/1963 cùng chung cộng nghiệp, tôi bị bắt tại chùa Xá Lợi và đưa về giam tại “ Trung tâm cải huấn” Thủ Đức, cho tới sau ngày cách mạng 1/11/1963 mới được tự do. Đến năm 1974, được có cơ duyên sang Nhật du học, và tới năm 1981 tôi lại một lần nữa di cư sang Úc định trú cho tới hôm nay. Nếu phải viết kỹ những sự kiện của chừng ấy mốc điểm thời gian chắc hẳn thành tập hồi ký dày không dưới 300 trang.

Ở đây tôi muốn giới hạn, ghi lại đôi điều lúc hành điệu của hơn nửa thế kỷ về trước, như một kỷ niệm thân thương còn in đậm nét trong tâm khảm, cũng khó mà phai mờ qua dòng đời vô thường biến thiên nghiệt ngã. Tương cũng cần để ít phút trầm tư tưởng niệm các huynh đệ cùng chung lý tưởng, nhưng đã không cùng chung nhịp bước chân đi với cho tới thời điểm hiện tại. Đó là sư đệ Thích Thiện Ân bị thương trong biến cố VNQT và viên tịch sau 6 tháng điều trị ở nhà thương Chợ Rẫy, Đại Đức Thích Ngô Minh (Tuyên úy Phật giáo) đã bỏ mình trong lửa đạn chiến tranh. Và còn nhiều huynh đệ khác đã trở lại đời sống thế tục như Lâm Như Tạng (hiện đang ở Úc), Phạm Việt Vân - Quảng Hạo, Huỳnh Văn Chấn - Ngô Hạnh, Huỳnh Văn Bé – Minh Thiện(đang ở Việt Nam), Lương Hữu Hải – Tâm Phú (hiện ở Santa Anna – Los Angeles –

Hoa Kỳ); các huynh Như Toàn, Bửu Lợi, Đức Viên (đều ở Hoa Kỳ), Thông Luận, Thanh Tịnh (Tạ Văn Đây) hiện đang sinh sống tại Việt Nam, Thông Hạnh (Qui Nhơn đã qua đời năm 2007). Với lớp chúng Huyền Trang của Phật học viện Huệ Nghiêm niên khóa 1963 – 1967 trên dưới 20 người, kẻ đã qua đời, người trở lại nhập thế như đã lượt nêu trên. Số còn lại nay kiểm lại không đủ trên đầu ngón tay. Thật quả đúng như lời Phật dạy: “ Người tu như hoa xoài trướng cá”. Xoài trổ bông rất nhiều, nhưng kết quả không được bao nhiêu; cũng như cá đẻ vô số trứng, nhưng nở chẳng được mấy con. Bởi do ngoại duyên của khí hậu hay những loài thủy tộc khác chặn bắt và đoạt mất mạng sống của những chủng tử sắp thành hình. Đó cũng là quy luật chung của tiến trình sinh hóa đối với các loài vô tình và hữu tình chúng sanh trong cõi thế gian đầy nổi truan chuyên bắt trặc này. Từ đó ta có cơ duyên quán chiếu sâu hơn định luật vô thường sanh trụ dị diệt – hay thành trụ hoại không, theo lời Phật dạy để tinh tấn tu tập rèn nội lực nhiều hơn mới có thể hoán chuyển được nghiệp lực.

Sống ở chùa lâu năm tôi mới lần hồi nhận ra được lòng thương yêu vô hạn của thầy. Thầy là người Mẹ hiền từ lúc nào cũng muốn cho chúng tôi trưởng thành. Thế nhưng, vì căn cơ và nghiệp duyên còn nặng, chúng tôi nào có hay biết, mãi đến khi ý thức được thì thầy đã cao niên không còn được nghe những lời dạy bảo bằng vàng như lúc trước. Sau đây là câu chuyện thời hành điệu của tôi

cuối thập niên năm mươi, xin kể hầu chư pháp lữ, cùng quý độc giả bốn phương.

Chùa Linh Ứng quê tôi xứ Quảng, nơi đất cày lên sỏi đá. Người dân làng đầu tắt mặt tối suốt quanh năm vất vả với mảnh ruộng khu vườn, vẫn không đủ gạo nuôi sống gia đình chờ đến mùa gặt năm sau. Gặp những năm mất mùa hoặc năm nhuận mười ba tháng, quả thật là khổ! Người ta phải chạy đôn chạy đáo lo gạo ăn từng bữa toát mồ hôi thật khổ sở, vẫn kham nhẫn chịu đựng qua các mùa mưa nắng, suốt từ năm này sang năm khác. Mãi cho tới bây giờ, sau hơn nửa thế kỷ - nay được gọi là kinh tế thị trường - dân quê tôi vẫn còn đeo mang khổ, nghĩa là cái nghèo vẫn cứ bám sát người dân cần cù chưa bao giờ thoát được. Gọi chùa quê cũng được, nhưng đúng ra phải gọi chùa núi, vì chùa nằm trên ngọn Kim Sơn thuộc Ngũ Hành Sơn, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Chúng tôi có tất cả là 17 huynh đệ cùng với sư phụ là 18 người, sống đậm ấm như một đại gia đình trên có thầy thương, dưới có huynh đệ quý mến nhau như tình anh em ruột thịt. Tuy nhiên, đất bằng có lúc cũng dậy sóng; tâm đạo chúng tôi chưa dày, nghiệp lực trĩu nặng, tập khí kết u nhiều đời, bản ngã to tướng, cố chấp hẹp hòi, yêu thương ích kỷ, cái nhìn hạn hẹp, tự kiêu tự đại...đôi khi trong chúng cũng xảy ra những cuộc tranh chấp không đầu, làm phải bận tâm thầy phân xử. Thầy là một mẫu người mô phạm mực thước, vui tánh, dễ dãi đối với mọi người, nhưng kỷ luật, nghiêm khắc đối với đệ tử. Nhất là thầy hay nóng tánh, khiến huynh đệ chúng tôi ai nấy đều

sợ xếp re. Cứ mỗi lần thầy đi đâu về, huynh nào loạn choạng gặp mặt trước coi như lãnh đủ.

Thầy rầy la đủ chuyện nào bỏ mấy chậu kiểng trước sân không tưới nước, nào rác dơ không chịu quét dọn, nào đồ đạc bỏ lung tung v.v... không chịu ghé mắt tới chi cả. Đó là câu trách thầy thường dùng “ các ông không chịu ghé mắt chi cả!” so với cảnh đẹp của Non Nước Ngũ Hành Sơn, có nhiều thi nhân cảm tác những vần thơ đẹp còn truyền. Như bài vịnh Ngũ Hành Sơn có đoạn như sau:

*Cảnh trí nào hơn cảnh trí này
Bồng lai âu cũng hẳn là đây
Đá chen với núi màu năm sắc
Chùa mực hơi hương khói lộn mây...
(Bà Bằng Nhãn - Quảng Nam)*

Tại sao chúng tôi không cảm nhận được cái đẹp của cảnh thiên nhiên để hòa đồng trải rộng tâm lòng cho mọi người cùng được tươi mát? Trái lại, Thầy càng trách cứ chùng nào chúng tôi càng cảm thấy khó chịu. Trong chùa chúng tôi nhiều lúc hết bực huynh đệ, lại đến phiên thầy rầy la đủ chuyện, có đôi lúc cũng đâm ra chán nản, giận hờn luôn cả thầy nữa. Thật quả là tâm phạm, mắt thịt, chúng tôi không thấy rõ:

*Danh thắng trời nam chính cõi này
Dấu tiên, gót Phật đủ nơi đây
Thiên nhiên cảnh vật đầy vi diệu*

Gió thét, mưa gằm khó chuyển lay...

(H.T Thích Thiện Trí, Át Mùi 1955)

Cảnh vật khó chuyển lay, sao lòng chúng tôi lại dao động, để trần cảnh phủ giăng lay chuyển? Có thể nói, đôi khi con người còn thua xa với cảnh vật, mặc dù cảnh không mang tánh giác nào. Nhưng mà cảnh vật làm trợ duyên cần thiết cho con người đi tới, tiến bước hướng thượng. Nếu chúng ta biết dung hòa giữa tâm và vật, hẳn cảnh trần gian này là Tịnh Độ rồi chứ còn gì nữa!

...Nêu gương tuyệt đối ngàn muôn thuở

Cũng chón bông lai cũng đạo tràng

(H.T Thích Thiện Trí, Át mùi 1955)

Có nhiều lần Thầy rầy một sư đệ tôi rằng: Ông chưa trưởng thành. Huynh lần đầu nghe chưa thấm, mấy lần sau thầy trách cũng từ “trưởng thành” ấy, sư đệ tôi thấy có vấn đề trong lòng. Huynh giận thầy lắm, nhưng không dám bộc bạch, vì sợ ăn đòn. Huynh ấy tự nghĩ, mình đã lớn bằng này rồi chứ còn nhỏ nhoi gì nữa mà mỗi lần thầy rầy là hoài cũng cứ chùng ấy câu lặp lại, như là điệp khúc nghe không muốn lọt tai. Huynh đem vấn đề tỏ bày cùng tôi, tôi cũng đâu hơn gì huynh đâu, vì tuổi tác chúng tôi ngang nhau kia mà! Và chẳng, tôi không bị rầy, nhưng trí giác tôi vẫn còn u ám bởi một màng vô minh dày đặc, tôi đâu có cách gì giúp huynh trong tình cảnh bi đát này được. Nếu tôi được chút trí tuệ như ngày nay, chắc là đã cứu vãn được tình thế, giúp huynh cải thiện lúc đó thì đâu đến nỗi

su đệ tôi phải bỏ cuộc thoái Bồ Đề tâm. Câu chuyện đơn giản chỉ có thế này: Nhân ngày lễ Vía Đức Bồ Tát Quán Thế Âm năm nọ, chùa tôi tổ chức lễ kỷ niệm rất trọng thể. Khách thập phương từ các phương xa đổ về dự hội đông vui tấp nập như ngày Tết âm lịch. Chùa phải chuẩn bị cơm nước cho khách hành hương tới dự lễ. Lúc bấy giờ chùa chưa có hệ thống dẫn nước vào hay đúng hơn, chưa có xi tặc xây để chứa nước mưa; Nước dùng cho đại lễ là cả một vấn đề vất vả, chúng tôi phải đi tha từng thùng nước từ dưới lên núi để mà xài. Su đệ gánh nước mang vớ lên bậc cấp, lở sầy chân trượt té, đổ cả nước, ngã luôn cả người xây xát bị thương. Có vài huynh đệ cho thầy hay đầu đuôi câu chuyện. Thầy kêu lại phân tích cận kề: bậc đá nhiều người đi mòn trơn trượt, đi chân không còn muốn té, huống gì gánh nặng trên đôi vai. Rồi nhân cơ hội Thầy la “ Sao con chưa trưởng thành vậy con?”. Mấy lần thầy rầy la trước huynh còn chịu đựng được. Lần này, su đệ tôi ức quá, đã bị thương thân thể, lại còn bị thầy mắng đau nhức luôn cả tâm can. Huynh chịu hết muốn nổi nữa rồi, tới đó su đệ tôi bỏ ăn cơm lên giường nằm dật dựa, cứ âm ức khóc hoài. Sáng ra, huynh ra trước chúng tác bạch và xin thầy xuống núi. Thật là tệ hại và đáng thương cho một tâm hồn trong trắng chỉ biết tin đạo mà chưa hiểu đạo, nên mới ra nông nổi! Bình tâm suy xét kỹ lại, su phụ la đúng, nhưng su đệ tôi không bắt kịp được ý thầy nên cảm thấy bức bối, khó chịu. Thầy dạy đệ tử phải lớn lên theo ngày tháng đây không phải lớn cái thân xác nặng nề đầy những thứ tạp nhơ bản thiêu mà phải trưởng thành theo một nghĩa khác rộng

hơn, cao hơn. Đó là vóc dáng, khả năng tu tập, nội lực thiên quán, công phu hành trì và nhất là phần tuệ giác để ứng phó mọi nghịch cảnh trên bước đường dài hành đạo.

Tới khi ta ý thức được thì mọi việc đã lỡ mất cơ hội rồi. Bây giờ đây tôi ngời tiếc và thương không chỉ riêng sự đệ mà cho tất cả những pháp lữ của tôi, vì một phút vọng động lỡ lầm nào đó thoái tâm, bỏ cuộc làm hỏng cả cuộc đời tu niệm, và mầm tuệ giác cũng thui chột luôn từ đó, thử hỏi còn thương tiếc nào hơn! Và chừ trách ai đây hay tự trách? Thầy cao cả quá, lúc nào cũng muốn cho đệ tử trưởng thành. Thế nhưng huynh đệ cũng có người ngang bướng, cãi lại không nghe để vướng bận lòng thầy không ít. Phải chi mỗi người chúng ta biết tự chế để khỏi có hối hận sau này. Nhất là những thói tật ngã mạn, tập khí xấu, sân si, kiêu ngạo, tự đắc, trước tướng, háo danh, ham lợi... chúng ta dễ dàng đem trút phủ trùm lên người khác, nhiều lúc như muốn làm nghẹt thở, chao đảo, nêu không muốn nói là tệ hại.

Mong tất cả người xuất gia làm được như thân tùng cao vút đứng vững giữa tiết trời đông giá buốt lá vẫn xanh, thân vẫn thẳng, lòng vẫn trong để mới đủ sức chống đỡ những trận phong ba bão táp cuộc đời lúc nào cũng như sẵn sàng làm búng tung bật luôn cả gốc rễ.

Gói tròn những kỷ niệm thân thương của tuổi thơ, xin ghi lại đây mấy câu thơ của chính tác giả thay lời kết:

*Quảng Nam có núi Ngũ Hành
mây năm sắc phủ bao quanh bốn mùa*

*liu lo ca hót chim đũa
Bầu trời cảnh Phật ấy chùa Tam Thai
Quan Âm động vẻ hùng oai
Như quen mùi tục xét soi khách trần
Xa xa mặt biển phù vân
hiện ra Linh Ứng chùa am khác thường...
(trích: Về Thăm Xứ Quảng)*

NHƠN HOÀNG ĐẠO

Nhơn năng hoàng đạo, đạo bất hoàng hơn”, có nghĩa là người hay làm đạo phát triển đạo không không làm người phát triển.

... Đại Hội: tôi chỉ ghi nhận một điều: tinh thần hòa hợp, đạo tình, anh em làm việc hết lòng từ trước tới sau, từ trên xuống dưới nhiệt tâm, một lòng, để thể hiện đúng tinh thần câu nói”: gia bản tri hiếu tử, đạo loạn thức Tăng tâm”, xem như thế nào, ngổ hầu làm rường cột vững, chống đỡ ngôi nhà Phật giáo đang bị cuồng phong nước lũ như cuốn lôi phăng đi tất cả. Nhờ hồng ân Tam Bảo, lịch đại chư vị tiền bối Tổ sư từ bi chứng minh gia hộ hàng trưởng tử của Đức Như Lai biết ngôi lại, nhìn nhận ra nhau, siết chặt tay nhau hàn gắn, xây dựng lại những đổ nát, oan trái nghiệt ngã phủ chụp lên đôi vai gầy mỗi hành giả, trong tin yêu hiểu biết để tự tồn mong cứu nguy cơ đồ Phật Giáo...

Từ thập niên 80 tôi đã sang Hoa Kỳ dự lễ đại giới đàn Thiện Hòa (1983) tại Phật học viện Quốc Tế, do HT Đức Niệm tổ chức. Có hai kỷ niệm đáng nhớ trong chuyến đi Mỹ Quốc lần đầu tiên này: vai trò giáo thọ A Xà Lê trong Hội Đồng giới sư đại giới đàn, và tôi được Tấn phong giáo phẩm Thượng Tọa. Đây có thể là một vinh dự

nếu nói theo thông thường, nhưng đối với người tu, tôi lấy đó làm sự sách tấn tu tập hơn là niềm hãnh diện, tự hào. Tiếp theo sau đó, mấy lần đi sang đây tham dự đại hội GHPGVNTN nhất là vào 2000 - Vừa dự lễ khánh thành chùa Cổ Lâm tiểu bang Washington – Seattle, vừa dự đại hội kỳ 3 của Giáo Hội thuộc Văn phòng II Viện Hóa Đạo. Lúc bấy giờ đạo tình giữa chư tăng và hàng cư sĩ lãnh đạo Giáo Hội không còn khấn khít một lòng được như trước để giải trừ quốc nạn và pháp nạn. Dĩ nhiên, ở đây không bình luận ai đúng ai sai, tôi chỉ nêu lên một thực trạng đau lòng của nội bộ Phật giáo mà trong nhà (nước) hai cụ Huyền Quang, Quảng Độ nào có hay biết! Cho tới nhiệm kỳ bốn (2004) họp tại Chùa Diệu Pháp (Los Angeles) thành phần nhân sự Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội cho tới giờ chót lại có Giáo chỉ lưu nhiệm toàn bộ. Việc làm thiếu dân chủ này đến đời có một vị Thượng Tọa nói “Bộ Giáo Hội chúng ta chưa đủ trưởng thành sao mà Mẹ vẫn cứ cho con bú?”. Mãi đến đại hội Giáo Hội Kỳ 5 (2008) thành trì của GHPGVNTN HN và văn phòng II Viện Hoá Đạo tan tành ra từng mảnh, do tác hại của Giáo Chỉ số 9, Thông Bạch hướng dẫn thi hành Giáo chỉ của Lương Viện từ trong nước .

“Hễ tức nước hắt vỡ bờ”, là câu nói vô hình chung đem áp dụng cho các Giáo Hội PGVNTN Hải Ngoại bốn châu từ 2 năm nay có tác dụng hiện thực. Kết quả của việc khai trừ 4 Giáo Hội Thống Nhất: Hoa Kỳ, Âu Châu, Úc Châu, Canada khỏi gọng kềm Văn Phòng II Viện Hóa Đạo,

trở nên phản tác dụng. Bởi lẽ có một vài thành phần trong Hội Đồng Điều Hành Văn Phòng II làm tướng dễ dàng lấy thịt đè người. Nhưng không ngờ bài học Nhân quả Phật dạy, họ chưa thấm thấu nên làm cho tệ nạn Phật Giáo xáo trộn, hầu như tan nát rã rời. Thế nhưng, tư cách pháp nhân Giáo Hội tại mỗi Châu lục không hề bị ảnh hưởng bởi thiểu số đầy tham vọng có ác tâm.

Phải dẫn nhập lung khởi như thế cho chuyến đi làm Phật sự Hoa Kỳ của tôi lần này, từ ngày 7 tháng 9 đến 2 tháng 10 năm 2009.

I- Tùy duyên chọn lựa: Từ trước đến giờ, tôi hay chọn bay với hãng Qantas có nhiều lý do mà độ an toàn, là điều hành khách phải công nhận tốt nhất. Bù lại, giá vé cũng ngang ngửa với British Airway hay Japanese Airlines... Đây là hãng bay lớn đầu tiên thành lập tới nay trên 70 năm vào thập niên 1930 - 40 do hai công ty hợp doanh giữa bang Queensland và Northern Territory air services điều hành, đã thiết lập được trên 100 đường bay ra khắp các nước trên toàn thế giới.

Nhưng chuyến đi vừa qua tôi không chọn hãng nhà mà chọn hãng khách chủ nhà là Delta, qua 2 yếu tố: giá kinh tế kiệm ước (economic) chỉ bằng 2/3 giá của Qantas, mặc dù tôi có thể Flyquent Flyer được bonus điểm.

Còn một điểm nữa, từ Delta như đập vào mắt du khách rất sâu đậm. Từ đó có nghĩa là đồng bằng như Mekong delta, Rouge River delta - đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, như hai vùng đất phì nhiêu

đem phù sa nuôi 2 vựa lúa khổng lồ của đất nước cho người Việt lưu lạc ra khắp hải ngoại ngày nay. Tiếng Delta như nhắc cho ta nhớ cội nhớ nguồn về tình quê hương đất nước, nghĩa đồng bào, và cao trọng hơn cả đối với người Phật tử nghĩ tới Thầy tổ, tông môn, tình đạo pháp dù cách biệt nghìn trùng vẫn gắn trong gang tấc.

Máy bay loại Boeing 747 có khả năng chuyên chở được 350 hành khách, nhưng chuyến DL 16 tôi bay ngày 7/9/09 từ phi trường Sydney chỉ chở có 278 khách và 12 phi hành đoàn. Bay thẳng một mạch từ Sydney đến Los Angeles là 13 tiếng, tôi buộc phải xuống check in trở lại, theo luật mới qui định của Hoa Kỳ để đổi sang chuyến bay nội địa 737, từ Los đi tiểu bang Minnesota thuộc miền Trung của Hiệp chúng quốc, phải bay mất 4,30 giờ nữa mới tới nơi, có nghĩa khách ngồi phi cơ 20 tiếng đồng hồ, kể cả giờ chờ đổi máy bay ở phi trường Los Angeles. Dù vậy du khách bước lên máy bay tại Sydney sáng thứ hai và bay đến nơi vẫn còn trong chiều thứ hai, bởi lẽ, bên Mỹ đi sau Úc tới 18 đến 20 tiếng đồng hồ tùy theo tiểu bang.

Ngay từ đầu cho tới suốt phi hành trình tôi đã gặp nhiều người tốt bụng, tại Sydney anh nhân viên lập thủ tục vui tánh bất thiệp tận tình; trên phi cơ ông khách ngồi bên cạnh gợi chuyện hỏi thăm vui vẻ, lo lắng dùm tôi đoạn đường dài...

II- Điểm đến đầu tiên: Minnesota

Hầu hết những chuyến đi Hoa Kỳ trước của tôi đều lấy California làm điểm đến, và ngay cả lần này tôi cũng

dự định như thế, nhưng do cơ duyên nào đưa đẩy tôi bay sang tiểu bang Minnesota trước?

- Nhân duyên Phật pháp: trong chuyến hành hương tứ đại danh sơn Trung Quốc tháng 11 năm 2007, do Thầy Nguyên Tạng trưởng đoàn với 72 thành viên, và tôi được Thầy mời cùng tham gia chung nhóm. Phái đoàn gồm 4, 5 quốc gia như Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Việt Nam và Úc mà đa phần vẫn là người nhà (Úc) trong số hầu hết là Phật tử. Đây là dịp tôi quen biết quý đạo hữu chùa Phật Ân tại Minnesota như ĐH Trí Viên, Diệu Thủy, Diệu Kim, Nguyên Đức, Diệu Bảo, Minh Ngộ v.v... Trong suốt thời gian hành hương 3 tuần lễ, tôi và thầy Nguyên Tạng thay nhau phụ trách chương trình vui học cho đoàn khi đến viếng thăm các địa danh Thánh Tích như Phổ Đà sơn (đạo tràng của Bồ Tát Quán Thế Âm), Ngũ Đài sơn (Bồ Tát Văn Thù), Nga Mi sơn (Bồ Tát Phổ Hiền), Cửu Hoa sơn (Bồ Tát Địa Tạng). Tại mỗi nơi chúng tôi đều giảng sự tích để Phật tử học hỏi, chiêm nghiệm công hạnh của bốn vị đại Bồ Tát trong truyền thống Đại Thừa. Cũng như trên xe bus, chương trình đồ vui để học, thi thuyết trình giáo lý, thi trả lời câu hỏi Phật pháp; có một Ban giám khảo chấm điểm và phát giải thưởng cuối chuyến hành hương tại khách sạn Quảng Châu vào ngày áp chót trước khi mỗi người chia tay về lại bốn xứ. Ngoài ra, tôi còn chỉ cho các vị lớn tuổi cách lên xuống các bậc cấp núi cao sao cho khỏi mệt và cũng giữ độ an toàn tối thiểu. Đó là những kỷ niệm đáng nhớ mà những Phật tử chùa Phật Ân luôn nhắc tới khi gặp

người quen của tôi như Thầy Như Điền, Thầy Nguyễn Tạng sau đó có gặp lại quý vị vào đầu năm 2009 tại Minnesota trong chuyến hoằng pháp tháng 3 vừa rồi.

Tiếp theo có hai Phật tử quen trong đoàn hành hương trong tháng 7 vừa qua ghé thăm chùa Pháp Bảo tại Sydney.

- Cuộc hội ngộ đạo tình: Hai Phật tử chùa Phật Ân là anh Nguyễn Đức và cô Diệu Kim có tới thăm chùa Pháp Bảo và gặp tôi hôm ngày 3 tháng 7 năm này. Tôi cho họ hay rằng chuyến công tác Phật sự Hoa Kỳ của tôi lần này chủ yếu là đại hội Giáo Hội PGVNTN Liên châu, lễ hiệp chư lịch đại tổ sư tại Los Angeles từ 18 đến 20 tháng 9 năm 2009, sau đó tôi ghé thăm chùa Phật Ân và quý Phật tử. Nghe tôi nói thế cô Diệu Kim đề nghị: Xin thầy đến chùa Phật Ân trước, sau đó hẳn về dự đại hội. Vì tuần lễ từ giữa tháng chín chúng con bận đi xa e không gặp được thầy. Rất may là lúc đó tôi chưa book vé, nếu như hai Phật tử này gặp tôi sau đó hai hôm, chắc không đổi được lộ trình. Thiếu vắng hai Phật tử quen biết ở chùa nhà, thật quả là điều kém vui cho tôi và cho chính quý vị ấy. Lờì đề nghị hợp tình hợp lý của cô Diệu Kim, tôi đã lấy vé ngày 7/9/09 đi từ Sydney sang Los Angeles, rồi đổi máy bay sang Minneapolis cho đến 16 tháng 9 tôi mới trở lại Los tham dự đại hội. Sáu ngày từ 7 - 13/9 tôi dành trọn vẹn cho Phật tử chùa Phật Ân 5 thời pháp thoại mỗi đêm, kể cả buổi giảng sáng Chủ nhật 13/9/2009, qua các chủ đề. phần nhiều là 2 chữ, để người nghe dễ lãnh hội. Chủ yếu là chú trọng tới vấn đề tu học nhiều hơn.

III- Những thời pháp thoại: Thừa và Thiếu (thứ ba 8/9/09), phân tích rõ thiếu vật chất, thiếu cả tinh thần mà người Phật tử thờ ơ không hay biết, hay nói đúng hơn, xưa nay chúng ta lo hướng ngoại quá nhiều, nay cần phải nỗ lực tinh tấn hướng nội hơn để mới có thể hoán chuyển được nghiệp lực. Riêng về diêm thừa, nhất là thừa mứa vật chất như Hoa Kỳ là một thí dụ. Từ giấy lau mặt, thức ăn, đồ gia dụng, máy móc, xe cộ v.v... là cả một sự phung phí quá mức. Rồi con người thừa chất dinh dưỡng cũng rất là phức tạp như phát sinh ra nhiều chứng bệnh cancer do tiêu thụ chất béo, thịt thà v.v... khiến nhiều người mập béo phì phải đi bác sĩ lo hút bớt chất mỡ, dùng thuốc giảm cân hay diet cho thân hình bớt nặng nề khó coi, làm việc kém năng suất vì hay chóng mệt. Còn thừa về lãnh vực tinh thần lại càng rõ khổ, lại rơi vào mê tín, tà kiến không đúng giáo pháp của Phật dạy. Khi nghe phân tích tỉ mỉ từng việc, ai nấy im lặng ngồi nghe ra chiều đắc ý, nên thỉnh thoảng lại vỗ tay tán thán trong sự hoan hỷ. Tôi thứ tư 9/9/09 giảng chủ đề cũng với 2 chữ Nói và Dừng. Cũng như buổi giảng vừa qua, diễn giả khéo lồng câu chuyện vui vào và phân tích lúc nào nên nói, cũng như lúc nào nên dừng, đã làm cho cả hội trường đại chúng chú ý lắng nghe từ đầu đến cuối buổi giảng. Tôi nay sau thời giảng có một chuyện vui ngoài dự tưởng. Đó là anh Trần Đức Tín, sau khi giảng xong, cho vài Phật tử chất vấn và hỏi hướng xong, tôi lui ra phía bàn Tổ xá Tổ, anh sụp xuống lạy trước mặt tôi và hỏi: bạch Thầy con mặc đồ thể này (đồ đi làm, không phải là áo tràng lam) có lỗi gì không?

Tôi hỏi lại: anh có dự nghe buổi giảng pháp trọn vẹn?

- Con đến chùa từ chỗ làm. Vì tối nay con thấy trong tâm bất an, con đến lạy Ngài Di Lạc trước sân chùa. Không ngờ thấy trong chánh điện có đèn sáng. Con đi vào mới hay có buổi giảng của Thầy và có đông Phật tử tham dự.

Anh nghe thời giảng có học được gì không mới là điều quan trọng, còn hình thức bên ngoài đâu thành vấn đề.

Thú thật cùng Thầy, trước khi đến chùa tâm con bất an, nhưng ngồi chú ý nghe lời Thầy giảng xong, bây giờ con cảm thấy an lạc dễ chịu. Anh cũng nói tiếp luôn; xin Thầy cho con quy y làm đệ tử Thầy có được không?

Anh đã quy y Thầy nào chưa?

- Lúc nhỏ ở chùa con đã quy y rồi, nhưng lâu quá con không còn nhớ tên Thầy con và cũng không biết thầy còn hay mất nữa.

Tôi nói rằng, quy y là việc tốt, nhưng Thầy là khách, tại sao không xin quy y thầy Hạnh Đức trụ trì chùa này?

- Bạch Thầy, có nhân duyên với Thầy nào con xin nhận Thầy đó làm bổn sư.

Biết là anh này có suy nghĩ, tôi liền hẹn sáng thứ bảy 12/09 lúc 8 giờ có lễ quy y cho anh tại chánh điện chùa Phật Ân. Đây cũng lại là duyên Phật Pháp nữa, chi tiết lễ quy y và pháp danh của anh này sẽ đề cập sau cho đúng theo thứ tự thời gian.

Tối thứ năm 10/9 giảng chủ đề Trưởng Thành và đi tới kết thúc: “Thầy dạy đệ tử phải lớn lên theo ngày tháng đây không phải lớn cái thân xác nặng nề đầy những thứ tạp nơu bản thủ mà phải trưởng thành theo một nghĩa khác rộng hơn cao hơn. Đó là vóc dáng khả năng tu tập, nội lực thiên quán, công phu hành trì, và nhất là phần tuệ giác để ứng phó mọi nghịch cảnh trên bước đường dài hành đạo”. Nhìn xuống hàng thính giả tôi thấy bà con rất hoan hỷ, và có nhiều người đã ghi chép câu nói nào súc tích của tôi đã phát ngôn để học hỏi chiêm nghiệm. Điều này làm cho tôi vững tin hơn ở cách trình bày ngắn gọn xoáy sâu vào trọng tâm của vấn đề đáng nói chứ không đi lang bang qua nhiều chủ đề khác để tỏ ra chỗ lịch lãm của diễn giả.

Thứ bảy 12/9 là ngày bận rộn nhất, ngày tu Bát trai của đạo tràng chùa Phật Ân. Vì thọ giới vào 19 giờ thứ sáu 11/9/09, tối hôm đó bận truyền giới nên không có buổi giảng công cộng. Sáng thứ bảy 5 giờ thức chúng, 5.30 giờ hô canh tọa thiền, 6,00 giờ công phu khuya. Sau thời công phu là lời khai thị của giới sư. Tiếp theo sau là giờ điểm tâm sáng. Lúc 8.00 giờ sáng lễ truyền tam quy ngũ giới cho đệ tử Trần Đức Tín như đã nêu trên. Thay vì giờ công tác, quý Phật tử khóa tu lại tập trung lên chánh điện dự lễ quy y để trợ duyên cho anh tân Phật tử này của chùa Phật Ân. Sau khi đã truyền Tam Quy ngũ giới, Thầy cho anh pháp danh là Chúc Tánh theo dòng kệ phái Lâm Tế Chúc Thánh, các Phật tử chúc mừng anh từ nay có được pháp danh như thế. Anh rất cảm động nói lên lời cảm ơn đối với

ân sư và quý Phật tử trong buổi lễ đã tạo duyên lành để anh tinh tấn tu tập nhiều hơn. Được biết, mấy tháng gần đây anh hay tới chùa vào sáng chủ nhật, lăn xả vào khâu nấu nướng để lo các thức ăn cho bá tánh đi lễ chùa giờ Ngọ trai.

Thật quả là một thắng duyên cao quý đối với đệ tử Chúc Tánh nói riêng, và một nhân duyên hiếm có đối với đạo tràng Bát Quan Trai chùa Phật Ân nói chung từ nay có thêm một thành viên gần gũi để phụng sự Tam Bảo.

Vào lúc 9.45 giờ tôi có thời giảng chủ đề “gói và mở”, có đưa nhiều thí dụ cụ thể, cũng như so sánh giữa 4 oai nghi: đi - đứng - nằm - ngồi với 4 điều cần phải học ở đời như: học ăn, học nói, học gói, học mở. Thì ra từ trước tới giờ quý Phật tử chưa chịu nhìn vào thực tế việc trước mắt, cứ mãi lo chạy vòng ngoài mà như quên lo bồi đắp cho tâm thức đủ tư lương cần thiết.

Nên ai cũng tự nhận mình tu còn “dởm”, và nở nụ cười khẩy trên môi như để chê trách mình cho đáng đời. Buổi chiều thứ bảy, lúc 3 giờ 30 thay vì giờ tụng kinh Pháp Hoa, theo như chương trình, các Phật tử lại muốn có buổi thiền trà do tôi phụ trách, nên giờ thọ trì kinh đổi lại là giờ trà đàm, luận đạo, ngâm thơ, kể chuyện... thật hết sức thân thiện, đạo tình giữa Thầy trò, đạo bạn với nhau dưới mái chùa thân thương đầm ấm.

Sáng chủ nhật 13/9 chủ đề giảng là “Nương tựa”. Như Thầy Tỳ kheo có 4 nơi nương tựa: 1) 3 pháp y 2) chiếc bình bát 3) gốc cây hay tự viện 4) Tăng đoàn, thì người

Phật tử cũng phải có 4 chỗ tựa nương. Đó là: 1) gia đình 2) Học đường 3) Nghề nghiệp 4) Xã hội. Khởi đi từ buổi bình minh của Phật Giáo phát xuất tại Ấn Độ đến nay trải qua 2600 năm, với nhiều biến thiên của thời đại, và ngày nay Phật giáo đã có mặt hầu khắp toàn cầu, nên việc hành đạo cũng đổi khác không như thời nguyên thủy nữa.

Chủ nhật buổi chiều 13/9 đi Chicago bằng xe Mini bus cùng với 4 Phật tử: Đồng Tịnh, Tuấn, Đạt và Nguyễn Đoan. Đoạn đường chừng 700 km xe chạy 6 giờ tới trung tâm thành phố, chùa Trúc Lâm ở gần phố. Phái đoàn chúng tôi tới lúc đó đã 9 giờ tối mà quý Thầy Hạnh Tuấn, Hạnh Niệm... vẫn đợi dùng cơm tối chung, vì có hẹn trước. Sáng hôm sau, thứ hai 14/9 chúng tôi viếng thăm chùa Quang Minh và chùa đạo Bahai, ngôi chùa có vòm cao thật là khoáng đảng và thanh thoát, làm toát ra một triết lý sống đạo thật gần gũi với đất trời, vũ trụ và Thánh thần trong không gian huyền nhiệm. Buổi chiều chúng tôi đến thăm ngôi chùa Ấn Độ giáo có những đường nét chạm trổ công phu, là cả một kỳ công do con người đổ vào để tạo thành tuyệt tác cho nhiều người có nơi chiêm bái. Có thể nói nét điêu khắc tinh vi của những cây cột bằng marble chạm hình thần thánh, Phật, La Hán trong chánh điện không nơi nào có tại Úc. Buổi tối thầy Hạnh Tuấn đưa 5 thầy trò chúng tôi đi Chicago, thành phố nằm soi mình dưới mặt hồ Michigan với ánh đèn muôn màu như một thế giới ảo thật hết sức kỳ diệu. Dừng xe lại, chúng tôi xuống bãi cỏ bên hồ ngồi ngắm cảnh sắc hữu tình của trần gian như bông lai

tiên cảnh. Nhân tiện, cao hứng tôi ứng khẩu thành bài thơ mang tựa đề đây Chicago như sau:

Chicago, Chicago thành phố cổ
Vẽ lịch thanh muôn vẽ muôn màu
Trên lộ người vui thay tấp nập
Dưới hồ tàu phới phát lờn quay
Nét đài trang phô bày tô điểm
Cảnh ban đêm trọi hẫ ban ngày
Ngoảnh nhìn xem thế giới quanh ta
Chón thần tiên hồ để ai hay...

Theo đúng như thứ tự thời gian, bài viết phải đề cập cảnh trí Ngũ Đại hồ trước để quý vị thưởng thức (sẽ ghi chi tiết hơn ở đoạn sau), ở đây tôi tiếp tục nêu các buổi pháp thoại trước cho phần này được liên hệ nhất quán, mặc dù vẫn biết sự đảo lộn thứ tự này do chủ tâm của bút giả. Tại Minnesota chùa Phật Ân với 5 buổi pháp thoại, một buổi thiền trà chiều thứ bảy (12/9), một buổi lễ truyền giới Bát Quan Trai, hai buổi lễ Quy y mặc dù chỉ có 2 giới tử. Một lễ đã có qui định sắp xếp trước cho Phật tử Trần Đức Tín diễn ra hồi 8 giờ sáng thứ bảy ngày 12/9 như trên đã đề cập. Còn lễ quy y thứ hai là ngoài dự liệu của tôi và đại chúng. Tuy nhiên, đây cũng là sự cần thiết, vì xét thấy hợp cảnh, thuận duyên. Vì lẽ, Ban Điều Hành chùa Phật Ân từ trước nay (hơn 36 năm) có người chưa chịu quy Tam Bảo, thế nhưng Nội Quy của Hội vẫn chưa tu chỉnh ghi thêm

điều này vào. Việc này ít xảy ra cho Ban Quản Trị các cơ sở Phật Giáo Việt Nam hải ngoại, nên tôi đề nghị với đạo hữu Hội Trưởng là lần sau cần phải tu chỉnh Nội Quy đưa vấn đề này vào thành một điều khoản.

Trong khi chờ đợi việc như thế e không còn kịp thời gian, đạo hữu Phạm Gia Tuấn sinh năm 1934, năm nay vừa đúng 75 tuổi chưa có pháp danh, vì chưa thọ quy giới với một vị thầy nào, mặc dù ông trong Ban Kiểm Soát của Hội Phật Giáo - Chùa Phật Ân - nên quý vị đồng môn đề nghị ông quy y lần này, nhân dịp tôi đang ở đây. Sáng chủ nhật 13/9/09. Đạo hữu Minh Chơn đưa ông Tuấn lên phòng gặp tôi và ngỏ lời muốn xin một lễ quy y cho vị Phật tử cao niên này. Tôi ngần ngại, do vì nhiều lẽ: thứ nhất là lễ quy y vừa mới diễn ra thứ bảy hôm qua, không có lý nào lại tổ chức một lễ nữa coi sao được. Thiên hạ sẽ nghĩ sao về vị khách tăng từ xa đến như tôi. Hơn nữa điểm thứ hai: thì giờ không có, vì sáng chủ nhật hôm nay (13/9) lúc 10 giờ tôi có buổi pháp thoại công cộng, buổi chiều phải đi Chicago cho tới thứ ba (15/9) mới trở lại để sáng thứ tư (16/9) còn bay sang California sớm như lộ trình đã định sẵn. Thấy 2 Phật tử ấy kém vui khi nghe tôi trình bày thế, nên tôi suy nghĩ lại và đề nghị: lễ quy y vào tối thứ ba (15/9) khi tôi từ Illinois trở về. Đạo hữu Minh Chơn nói ngay: Bạch Thầy ông Tuấn đây mắt kém không lái xe được ban đầu, vì sợ không đủ an toàn trên đường tới chùa. Trong một phút suy nghĩ tôi lấy quyết định ngay: Thế thì

lễ quy y ngay bây giờ (9 giờ sáng chủ nhật 13/9) có gì trở ngại?

Đây là một việc có tính gấp rút đối với riêng tôi, nhưng lại như đã đủ duyên đối với cá nhân Đạo hữu Tuấn cũng như quý Phật tử Chùa Phật Ân, và nhất là quý vị trong Ban Điều Hành Hội Phật Giáo. Buổi lễ bắt đầu lúc 9 giờ sáng và hầu hết các Phật tử hiện diện đều tham dự buổi lễ quy y chớp nhoáng này, kể cả vị nội tướng của ông Tuấn cũng có mặt nữa. Một điều lạ hiếm thấy và thật hết sức thú vị, theo như bà con Phật tử ở chùa Phật Ân nhận xét: Ông Tuấn hôm nay trông có vẻ hơi lạ từ cách nói năng cho chí ăn mặc khác mọi lần. Ông mặc trong người chiếc áo dài lễ Phật màu khói hương, quì gối chấp tay theo lời dạy của giới sư truyền giới. Sau lễ quy y, ông nói lên lời cảm tạ Thầy và đại chúng, những người thiện hữu tri thức đã hết lòng hỗ trợ ông từ trước đến nay. Ai cũng tỏ ra hoan hỷ chúc mừng đạo hữu Tuấn kể từ hôm nay có pháp danh Thầy cho là Chúc Khải. Tiếp theo sau lễ quy y là thời thuyết giảng của tôi lúc 10 giờ như đề tài đã nói trên.

-Tôi 22/9 buổi pháp thoại không định trước do Đại Đức Minh Chí, Trụ trì Phật học viện Quốc Tế Nam California mời tôi ban cho Phật tử. Dĩ nhiên, tôi chấp thuận liền, vì đối với quý Phật tử của Viện là chỗ quen thân, đạo tình từ nhiều năm trước. Do tài ngoại giao của Thầy Trụ Trì, chỉ không đầy một tiếng đồng hồ sau, buổi giảng pháp của tôi lúc 20,00 giờ, với số người tham dự chật ních cả chánh điện. Chủ đề tôi trình bày tối đó: “Hạnh phúc và

khổ đau”, cũng đã được thính chúng biểu đồng tình qua những chuỗi cười hoan hỷ và nhiều lần vỗ tay tán thán, mỗi lần bắt gặp câu nào hay để đem áp dụng vào đời sống tu tập cho người Phật tử. Hẳn tôi nay quý Phật tử còn nhớ câu kết luận bài giảng của tôi là: “Hạnh phúc ngay trước mắt mà ta cứ mãi tầm cầu, tới lúc nhận chân ra được thì đã quá trễ tràng rồi, khổ đau ai cũng muốn từ bỏ, thế nhưng không dễ một lúc diệt hết khổ đau”. Cũng ví như trong cùng một mâm có những món ăn ngon và món dở. Nếu ta cứ mãi chọn lấy món ngon, còn món dở bỏ lại cho ai đây? Sống ở đời, con người có nhiều điều mâu thuẫn: lúc đói chỉ cần no, bất cứ thứ gì cũng được, nhưng khi đủ no và sung túc rồi, ta cần ăn ngon mới hợp. Vì thế, ta cứ mãi tìm cầu tất bật đầu tắt mắt tối suốt cả cuộc đời không phút giây nào dừng lại, nghỉ ngơi. Con người lo đi tìm hạnh phúc trong vô vọng như anh chàng Chris McCandless chết cồng tại miền đất lạnh của tiểu bang Alaska vào năm 1992, trong khi tuổi đời còn quá trẻ mới có 22 tuổi, đã tốt nghiệp đại học tại Virginia, đầy hứa hẹn tương lai mà phải kết liễu mạng sống trong nỗi niềm cô liêu, trong khi muốn đuổi theo cái hạnh phúc cứ mỗi lúc càng xa dần không thể nào bắt kịp... là một bằng chứng cụ thể.

- Buổi pháp thoại 26/9/09 ở nhà Phật tử Thị Phước và Thị Hạnh tại thành phố Raleigh, qua chủ đề: “Nhận Diện”. Trước hết, diễn giả đưa hai tấm hình: một hình vẽ Đức Phật Dược sư trong một cuốn sách, và hình Đức Đạt Lai Lạt Ma trên một bìa cuốn sách khác. Tất cả người tham dự

pháp hội đều nhận ra đúng diện mạo Phật và ngài Đạt Lai Lạt Ma. Diễn giả hỏi tiếp: thế hình của chúng ta có ai nhận ra không? Câu trả lời là không. Vì sao? Vì chúng ta không phải là nhân vật quan trọng do yếu kém nhiều mặt: mặt trí thức, đạo đức và nhất là về tinh thần hay năng lực tu chứng. So với các bậc A La Hán, chư vị Bồ Tát, Thánh hiền Tăng v.v... ta cũng chỉ là một hạt cát giữa biển đông mà thôi. Vóc dáng ta trông thật là nhỏ bé, đó là chưa kể nhiều khi còn bị vùi dập một cách thảm thương, thì làm sao góc đầu lên được, để đòi góp mặt với đời cho nhiều người biết đến ca ngợi tán dương. Đặt câu hỏi cũng chính ta tự trả lời cho sự hiện hữu của mình nơi trần thế sao cho thật có ý nghĩa để lợi mình, lợi người và muôn loài, mới mong góp mặt với đời để nhiều người biết đến trong sự tin yêu xây dựng.

Nhìn chung buổi pháp thoại hôm nay, tuy không đông người lắm, nhưng hầu hết cử tọa đều là thành phần trí thức nên dễ bắt kịp lời giải bày của pháp sư cho sự tu tiến của mình trong hiện tại và tương lai.

- Sáng Chủ nhật ngày 27 /9/09 buổi pháp thoại tại chùa Liên Hoa, tiểu bang North Carolina. Đoạn đường cũng khá xa phải lái xe mất tới 2 giờ 30 phút mới tới nơi, nên chúng tôi phải khởi hành rất sớm. Sáng nay tôi đưa ra chủ đề: “Thái độ đi chùa”, và phân tích 3 thái độ người đi chùa như sau: thứ nhất xem chùa là của Thầy, thứ nhì tự nhận chùa là của mình và thứ ba xem chùa là của thập phương bá tánh.

Diễn giả còn nêu bật được ý nghĩa câu tục ngữ: đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt, cho Phật tử thấy rõ chân giá trị của đạo Phật, cũng như việc đi chùa lễ bái sao cho phù hợp niềm tin đạo giáo, hầu đóng góp xứng đáng vào ngôi nhà Phật pháp cần được nhiều bàn tay chung sức để xây dựng, phát triển và tự tồn... Thính giả hôm nay ngoài quý Phật tử nòng cốt của chùa còn có các mầm non Gia Đình Phật Tử Liên Hoa tham dự đầy chật kín ngôi chánh điện, có hơn 120 người hiện diện lắng nghe pháp từ đầu chí cuối.

Chủ đề xoáy sâu vào tâm lý người Phật tử đi chùa vẫn hời hợt, vì không tự đặt mình sống trong giáo pháp nên cứ làm khách phong trần mãi.

Tiện đây tác giả ghi hầu quý độc giả bài thơ “Thái độ đi chùa để chúng ta cùng suy nghĩ cho thật chín chắn như:

Đi chùa

Có ba thái độ đi chùa
Ngõ ngang, xa lạ, vui đùa giải khuây
Xem chùa là chuyện của thầy
Vòng ngoài ngắm cảnh ai hay làm gì
Thiện nam tín nữ tu trì
Gặp nhau niệm Phật A Di chào mừng
Hai tay chấp lại ung dung
Thân thương hòa ái vô cùng thiết thân

Tuy xa đồng cảm như gần
Chùa ta xây dựng ân cần từ đây
Tới lui học đạo lâu ngày
Thấm nhuần kinh kệ giải bày tâm tư
Bây chừ ai cũng xem như
Chùa chung bá tánh riêng tư đâu còn
Từ đây vào thẳng bên trong
Tự tin cảm thấy cõi lòng an nhiên
Mái chùa che chở hồn thiêng
Trẻ già, trai gái đồng nguyên tiến tu
Sớm chiều kinh kệ công phu
Xây đời an lạc đắp bù gia công
Quả xinh tu tạo nhân tròng
Tương lai bồi đắp cha ông đạo nhà
Mái chùa đằm ấm thiết tha
Cháu con phải giữ món quà tâm linh.

IV - Raleigh có gì lạ?

Lần này tôi chọn Raleigh là do mấy lần trước ở Los Angeles định sang, nhưng sắp xếp thì giờ không được. Đạo hữu Thị Phước trước đây hơn 10 năm có tới thăm tôi và chùa Pháp Bảo tại Sydney và năm rồi gặp lại hai người ở chùa Viên Giác - Đức Quốc - Anh chị đều ngỏ lời mời tôi sang đây một chuyến. Như vậy điểm đến Raleigh này đâu

phải chuyện ngẫu nhiên mà đều do nhân duyên hội đủ cả đấy chứ.

Từ California năm về miền Tây Nam Hoa Kỳ tôi bay sang Raleigh (gần Washington DC) thuộc miền Đông, đường xa bằng đi ngoại quốc, phải mất tất cả là 7 giờ 46 phút kể cả 2 tiếng chờ đổi máy bay tại phi trường Houston. Bước lên máy bay tại phi trường Santa Anna (John Wayne) hồi 10,30 giờ sáng mà đáp xuống điểm đến phải tới 22.30 giờ khuya, vì bên này giờ sai biệt 2 tiếng đồng hồ, có nghĩa bên đông đi trước (sớm hơn) bên tây cũng là chuyện thường, những ai sống ở Úc xem chuyện này chả có gì đáng quan tâm mấy. Chiếc máy bay 737 của hãng Continental đáp xuống phi trường Raleigh khá êm, khiến cho hành khách nhẹ nhõm như cánh chim bạt gió. Phố xá thưa, đèn đường sáng rõ, phi trường không nhộn nhịp như những đô thị đông người khác, nên mọi sinh hoạt hầu như chậm chạp hòa hoãn, ngay như các tài xế lái xe trên đường phố cũng vậy.

-Người hành khách không hành lý: Anh Phạm Nam Sơn và Đỗ thị Ngọc Hiền vừa đậu xe nơi parking và đi vào tới quầy hành lý là đã gặp tôi ngay. Trên tay tôi chỉ xách cái túi nhỏ đựng vài bộ quần áo để thay đổi trong mấy ngày ở lại đây. Va li mang theo từ Úc, hồi sáng đã đem gởi ở chùa Bát Nhã tại Orange County rồi. Giờ đây, tôi nhẹ hẫng nên bước đi nhanh thoăn thoắt, khiến 2 Phật tử đi theo như muốn hết lực, vì một người chân bị đau nên đi

nhanh không được. Hai vị chấp tay xá chào mừng tôi rồi hỏi: Hòa Thượng có hành lý gì không?

Tôi trả lời pha trò: Thời buổi kinh tế, tài chánh toàn cầu suy thoái, nhất là tại đất nước Cờ Hoa này, khách mang theo hành lý càng là còn chưa biết cập nhật thời buổi kiệm ước mình phải tập thắt lưng buộc bụng cho quen chứ! Thật vậy, một va li gửi theo người đi phải trả \$15 Mỹ kim tính trọng lượng trung bình. Nếu quá mức quy định ta phải trả thêm \$5 đô cho mỗi ký lô quá tải. Như vậy người nào biết vén khéo được tiếng là vừa gọn lại vừa nhanh, hề càng gọn bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Tất cả 3 bà con đều cười vui và bước tới chỗ xe đậu lúc nào không hay. Đoạn đường không xa, từ phi trường về nhà chỉ mất chừng 20 phút lái xe, vì đường rộng, xe cộ thưa nên hầu như không bị nạn kẹt lưu thông như thành phố Los Angeles hay New York ... Trước tiên tôi tới bàn Phật đốt nhang cầu nguyện cho gia chủ được mọi sự bình an. Để ý quan sát một vòng, từ cách bài trí, trang hoàng bàn thờ đến chỗ ngồi tụng kinh, chuông mõ, giá để kinh và nhất là các Phật cụ, ở đây trông như một niệm Phật đường vậy. Hỏi lại mới biết được hai người này trường trai (ăn chay trường) và mỗi ngày giữ đều đặn 2 thời công phu sáng chiều giống như sinh hoạt tại tăng viện vậy. Đó là việc lạ thứ nhất của ngày đầu tiên khi tôi vừa đặt chân tới nơi xa lạ mà xem ra như rất quen thuộc. Dĩ nhiên, hứa hẹn những ngày còn lại trong chuyến đi này ở miền đông còn những chuyện lạ

khác, tôi cố gắng ghi tóm gọn công hiến để ai nấy cùng chia sẻ trong tinh thần học pháp và hành pháp.

- Cuộc phóng sanh thần tốc:

Vào buổi chiều thứ năm 24/09 anh Thị Phước đưa tôi đi dạo hồ ngắm cảnh ở khu vực gần nhà. Nơi bờ hồ chỗ có nhà thủy tạ cho thuê tàu chạy ven hồ đối với khách nhàn du, nhưng hình như thời buổi kinh tế nên chả thấy có chiếc tàu nào, cũng như không một bóng người lai vãng. Tôi tò mò bước xuống cây cầu đi vòng quanh hành lang căn nhà ra phía sau thấy có một anh chàng đang thả cần câu cá. Sơn gọi chuyện hỏi thăm rằng có bắt được chú cá nào không hỏi anh bạn? Anh ta rất vui vẻ trả lời có bắt được cá, và hỏi lại: Do you want some fish? (Anh có muốn vài con cá không?) Sơn đâm chới với, vì gia đình trường chay, lấy cá làm gì. Thế là anh lảng sang chuyện khác. May miệng, tôi đề nghị: sao anh không xin ông để mình phóng sanh giải thoát cho chúng được sống tự do theo nước cội sông...Anh chàng tâm sự: Từ sáng tới giờ tôi bắt được 6 anh cat fish đây nè, loại cá này người Việt gọi là cá trê hay cá sa ba đó. Nhìn xuống mé nước tôi thấy xâu cá đang treo lủng lẳng mỗi con dài độ 40 cm và nặng độ 6 đến 0.7 kilo gram. Trong thâm tâm chúng tôi nghĩ: công sức bỏ ra cả ngày được chừng đó vừa nhọc sức, vừa tiêu thụ không biết bao nhiêu calori năng lượng, tốn tiền mua mồi, cần câu, lưỡi câu, đó là chưa nói xăng nhớt cho xe, xăng cho người bữa trưa, nước giải khát các thứ...Chỉ hỏi xin cho vui vậy thôi. Tại ông ta hỏi trước mình có muốn cá không? Không

những xin chỉ vài con, bây giờ thầy trò xin thả hết luôn cả 6 con. Không suy nghĩ, ông ta hoan hỷ cho ngay, lại còn chỉ cách cho Sơn tháo gỡ giây móc xâu từ mang qua miệng sao cho khỏi đau cá. Ông còn cho hay con cá trên cùng coi bộ yếu quá e không sống nổi được, nó bị cực hình tra khảo nhằm thể hiêm từ nhiều giờ qua, lại ở trên cạn thiếu nước đỡ thân, hăng nào không xiển niêng cho được. Nhìn thấy mấy con cá sắp đưa vào miệng vào bao tử của con người, chỉ một vài giờ nữa trong buổi tối; tôi thành tâm chủ nguyện cho chúng sớm thoát kiếp loài thủy tộc, đừng bị người ta bắt trở lại, và mong các người được thoát sanh về cảnh giới an lành. Những chú cá mạnh chạy tung tăng dưới nước như trời đầu lên mặt nước ra chịu cảm ơn rồi nguầy đuôi chuồn đi một mạch mắt hút theo dòng nước sâu. Trong khi chú cá đừ nhất nằm nghiêng trên làn nước cổ ra sức trườn tới lại bị sóng xô đuôi bật trở lại, khiến ta nhìn thấy thương tâm tội nghiệp.

Trên đường về, chúng tôi suy nghĩ tới hai việc: một là không biết con cá yếu nhất ấy có sống được không? Nếu chẳng may nó chết dưới lòng nước, bị những con khác ăn thịt, quả thật là điều bất hạnh cho nó quá. Nói theo giáo lý Phật dạy: hẳn chúng sanh này tạo nghiệp quá sâu nặng, đến đời có người cứu mà sanh mạng vẫn không được bảo toàn. Suy ra, loài người cũng đâu có hơn gì loài cá đớp mồi này chứ! Mạnh hiệp yếu, khôn lẩn đại, cá lớn nuốt cá bé được xem như là định luật bất di bất dịch trải bao đời trên trường nhân thế. Thôi thì ta cố làm hết sức mình được tới

đâu hay tới đó, tuy trong thâm tâm vẫn nuôi niềm hy vọng mong manh: con cá ấy nhờ bắt được môi trường, và tiếp tục bơi lội tìm về được với tổ ấm theo đàn dưới dòng sâu...

Hai là không biết anh chàng câu cá phải trả lời sao, lúc về nhà gặp vợ con, trong khi hai tay không, anh không đem về được con cá nào, trong suốt cả một ngày dài, dang nắng râm da, đói bụng, khát nước. Theo chỗ Sơn được biết và cho hay: dân câu cá ở đây như câu thời vận, thay vì bắt cá cũng chỉ muốn tiêu pha qua thì, vì nằm không ở nhà không biết phải làm gì cho hết buổi! Người ta đâu có thiếu thốn, và đi câu cũng chỉ để câu vậ thôi, được cá cũng tốt mà không được cũng vui về cả nhà, chớ có ai rầy rà quở trách hay kiểm soát gì mà lo ngại cho thêm hao tổn sức khỏe. Theo anh Thị Phước: anh chàng về suy nghĩ, chắc là giải nghệ quá! Anh ta lấy làm khó hiểu: không biết tại sao trong xã hội này ở chung quanh ta lại có ông monk và một tín đồ hành xử ngược đời như thế? Câu đáp án chưa hẳn đúng, nên phần còn lại xin nhường cho quý vị độc giả, ai có cao kiến gì xin lên tiếng, và tác giả chờ nghe câu trả lời rất ráo, dù quý vị ở xa cách mấy...

- Một sự cúng dường lạ thường:

Sau khi rời chỗ người câu cá, chúng tôi đi đến một cây cầu ván khác lại gặp một ông trên tay cầm hai bịch thức ăn như bắp hột và bánh mì. Dưới hồ cả hàng trăm con vịt, ngỗng bầu lại tranh ăn mỗi lần được ông ta vung tay rải mồi. Hình như ông ta nói được tiếng của chúng, nên

mỗi khi ông ta kêu là cả bầy chạy bay theo như đàn ong vỡ tổ. Ông còn cho Sơn hay là có một con vịt mù, ông đang kêu tìm chỉ cho thấy, nhưng tìm gọi mãi mà chú ấy vẫn ham chơi nơi chốn nào không chịu ra.

Từ giả người nuôi vịt lạ kỳ, chúng tôi 3 người – Cô Thị Hạnh ngồi trong xe gọi phone cho người thân ở xa nên không đi cùng, nên trên đường trở về, cô đề nghị anh Thị Phước ghé tiệm thực phẩm Á Châu mua thêm mấy món đãi khách. Tiệm buôn bán đủ thứ hàng hóa, nhất là thực phẩm do người Tàu làm chủ, khách vào ra tấp nập, xe cộ đậu cả hàng trăm chiếc nơi bãi đậu xe. Vừa bước vô cửa tiệm Sơn, Hiền gặp ngay anh Thông, một Phật tử quen biết, người rất có tâm đạo và hiện nay đang tu theo pháp môn Tịnh Độ. Anh ta chấp tay chào tôi và hỏi chuyện qua loa với hai người rồi phân ai nấy đi lo mua sắm. Vì tiệm khá đông khách không thể đứng nói chuyện lâu được, hẳn làm trở ngại cho việc mua bán chẳng. Sau khi chọn mua xong mấy món, chúng tôi cũng gặp nhiều Phật tử chào hỏi ra chỗ quen biết. Hỏi ra mới biết mấy vị ấy tưởng lầm tôi là thầy Như Điển. Thầy Như Điển có tới đây vài lần và có giảng pháp cho Phật tử địa phương này. Lúc ra tới quây tính tiền, có một anh thanh niên chạy theo chặn tôi lại chào hỏi và nói rằng, con xin cúng dường chút ít tịnh tài, mong Thầy hoan hỷ nhận cho con. Tôi vui nhận và không quên hồi hướng phước báu đến anh, cũng như cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ cho anh và gia đình được nhiều ân phước trong tin yêu xây dựng. Chứng kiến cảnh này, anh Thị Phước

cho hay rằng: đây lại là một việc hy hữu hiếm thấy xảy ra từ trước, như anh chị cũng đã từng đưa quý thầy ra đây trong những lần mua sắm trước. Cái lạ thứ nhất là chỗ đông người, lại có người làm một nghĩa cử cúng dường đẹp như thế! Và điều lạ thứ hai: người cúng dường không phải là một tín nữ như lệ thường, đấng này lại là một thanh niên ở ngay trong thế giới đầy vật chất phù hoa thu hút này.

Như vậy, trong buổi chiều này chúng tôi đã học được 3 điều: phóng sanh, bố thí và cúng dường, đủ để cho thấy rằng ở đâu cũng có tâm hạnh Bồ Tát và ở đâu cũng xem như Tịnh Độ, nếu ta biết sống trải rộng cõi lòng thương yêu, bao dung đối với kẻ khác và muôn loài chúng sanh.

V. Ngũ Đại Hồ

Ngũ Đại Hồ là 5 cái hồ lớn, có thể nói lớn nhất thế giới, chứ không riêng đối với Hoa Kỳ hay Gia Nã Đại: Tiện đây người viết xin tóm lược một ít đặc điểm, hầu quý vị nào chưa có dịp viếng thăm cũng dễ hình dung được vóc dáng chúng như thế nào. Để cho dễ nhớ năm hồ, người địa phương có từ Homes được diễn tả thứ tự như sau:

1. Huron là hồ chính giữa nửa bên nằm trong Hoa Kỳ và nửa bên lãnh thổ Canada, lớn thứ ba sau Superior và Michigan.

2. Ontario: hồ phía Bắc riêng biệt nằm hẳn về phía lãnh thổ Canada thuộc tỉnh bang Ontario đứng hàng thứ năm trong năm hồ.

3. Michigan thuộc tiểu bang Michigan nằm gọn trong lãnh địa Hoa Kỳ, lớn hàng thứ nhì.

4. Erie nằm hướng cực Bắc Hoa Kỳ giáp giới Canada, đứng hàng thứ tư.

5. Superior hay Great Lake là đại hồ, lớn hàng thứ nhất nằm giáp giới giữa hai tiểu bang Minnesota và Wisconsin của Hoa Kỳ và một nửa nằm bên lãnh thổ Canada.

Superior Lake cũng còn gọi là Duluth để chỉ tên đô thị hay là thành phố. Từ chùa Phật Ân vùng Minneapolis tới Duluth phải mất 2,30 giờ lái xe (xa lộ chạy 110km/giờ) có nghĩa là khoảng độ 280 km. Theo tài liệu của hãng du lịch (Travel Guide) cho biết qua một số chi tiết chúng ta cần nên biết, kể cả người bản xứ, nhất là đối với du khách lại cần thiết, vì nó rất là quan trọng.

Mặt bằng tổng quát đo được là 31,700 sq miles hay 82,100km. Chiều dài từ Đông sang Tây là 563km, chiều Nam-Bắc là 257km. Độ sâu nhất là 1276 feet hay 389 mét, với 3 triệu gallons khối nước tương đương với 11 triệu 400,000 lít. Chiều dài giáp chung quanh hồ là 2092km, nếu đi bằng xe coach phải mất 21 tiếng đồng hồ hay là 2 ngày đêm. Dân số sống dọc quanh hai bên bờ hồ là 600,000 người, riêng loài thủy tộc có cả hàng trăm loại nhơn như bơi lội dưới nước tự do, song chưa hẳn tự tại an toàn. Bởi vì con người cái tâm không lương thiện, đâu dễ để cho loài thủy tộc được tồn sinh trong một quốc độ cạnh tranh sát phạt lẫn nhau giữa kẻ mạnh và loài yếu kém. Nước hồ

trong xanh sáng sạch như mặt gương, là do con người biết tự giác giữ gìn vệ sinh chung, nếu ai nấy đều ý thức bảo vệ môi trường sinh thái tốt, để hấp dẫn hầu thu hút khách du lịch mỗi năm vào các mùa xuân, hạ và nhất là mùa thu, từ tháng 10 đến tháng 12. Những chiếc lá vàng rơi rụng làm đệm cả lối đi như một tấm nhung mềm êm nhẹ nâng đỡ bước chân người viễn khách. Ngồi bút không làm sao diễn tả hết được vẻ đẹp thiên nhiên của Ngũ đại hồ.

Ai có tới đây rồi mới chứng kiến thấy người dân ở tiểu bang Minnesota này thanh lịch, hiền hòa ra sao. Vì chung quanh bao bọc những hồ và hồ, với nhiều rừng cây nguyên sinh xanh mát còn giữ được môi trường khá tốt không bị kỹ nghệ hóa như những thành phố lớn khác như New York, Washington DC, Los Angeles, San Francisco, v.v... Bầu trời trong xanh với những cánh đồng bắp trái nặng trĩu hạt sắp tới mùa thu hoạch và những thửa đậu nành xanh muốt, chi chít trái căng tròn như gọi thêm lữ khách đứng khoe mình dưới ánh nắng ban mai. Bên bờ hồ đằng kia là những người rồi nghề thả cần câu cá hay đứng ra là câu cho hết thì giờ, vì ở nhà không biết phải làm gì. Do vậy, tôi có nói với quý Phật tử tại buổi giảng tối thứ năm 10/9 rằng, con người Minnesota là người thanh lịch, con người ở thành phố Los Angeles là người thếp. điều nhận xét khách quan này của tôi đã có người chia sẻ biểu đồng tình. Cho nên sáng hôm sau thứ sáu ngày 11/9 tôi ước được viếng cảnh Ngũ Đại Hồ, là được quý anh Nguyễn

Đức, Quảng Nghiệp, chú Đồng Tịnh đáp ứng ngay, và trong lúc cao hứng tôi sáng tác bài thơ như sau:

The Great Lake – Superior Lake

Hồ thanh nước biếc trong veo
Đông Tây hun hút thác vèo lượn quanh
Nam Hoa Kỳ hồ Mi chi gan (Michigan)
Tây ngạn rộng lớn xứng danh Đại Hồ (Great Lake)
Trung Ương Huron điểm phôi
Bên Đông có hồ On ta ri o (Ontario)
Lần lên Bắc gặp hồ Erie
Ngũ hồ cảnh trí thật diệu kỳ
Đạo chơi cùng khắp chu vi (2092km)
Vòng xe ca giáp vị chi hai ngày (21 giờ)
Mặt bằng trải rộng bao la
Càng đi càng thấy đường xa mát mùa
Nước xanh leo lẻo mượt mà
Độ sâu hồ dễ vượt qua dò chừng
Quần anh hội tụ chào mừng
Có hàng trăm loại quay quần sống chung
Thủy tộc với người ung dung

Cùng nhau trọn hưởng một vùng thiên thanh
Ai qua ngoảnh mặt sao đành
Nước mây hòa quyện đẹp xinh gọi mời
Ấm no an lạc trái dài
Phú cường thịnh trị hòa hài nơi nơi
Non sông gấm vóc ngàn đời
Thanh bình lan tỏa bầu trời tự do.
Sông Thu

Kỷ niệm viếng thăm Ngũ Hồ, ngày 11/9/09 - Chùa
Phật Ân – Minnesota.

VI. Hướng về đại hội Liên châu

Đại hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu lần này cùng song hành với đại hội thường niên của Giáo Hội PGVNTN Hoa Kỳ, ngày Hiệp kỵ lịch đại tổ sư và ngày Về Nguồn. Đại hội trong 3 ngày từ 18 đến 20 tháng 9 năm 2009 tại tu viện An Lạc thành phố Ventura – Los Angeles, tiểu bang California, Hoa Kỳ, do Thượng Tọa Thông Hải là trưởng ban tổ chức.

Sứ mạng của phái đoàn phó hội chúng tôi như đại diện Giáo hội PGVNTN Hải Ngoại Úc Châu – Tân Tây Lan trong Giáo Hội Liên Châu, đồng thời tôi cũng được Ban Tổ Chức mời phụ trách thuyết trình đề tài “Hiện tình Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại”. Đại hội qui

tự hầu hết các vị tôn đức Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bốn châu: Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Âu Châu và Úc Châu gồm có 130 đại biểu tham dự. Ngày 18 tháng 9: đại hội thường niên của Giáo Hội Hoa Kỳ, ngày 19 Đại Hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu. Có hai đề tài trình bày trong đại hội này, đề tài của tôi vào buổi thảo luận sáng, đại biểu đóng góp ý kiến thật là sôi nổi. Nửa chừng hội trường lại phải ngưng chờ Hòa Thượng Tâm Châu tới trong lễ tiếp đón Ngài tới ban đạo từ. Lời đạo từ ngắn gọn của Ngài Thượng Thủ GHPGVN trên thế giới, bao hàm sự sách tấn Tăng Ni tu tập hướng nội rèn nội lực mới đủ sức hàng phục ma chướng, và Ngài cũng nhắc nhở giới Phật tử bốn phạm hộ trì chánh pháp để cùng hàng chúng trung tôn trùng hưng Tam Bảo, phát huy đạo giáo. Lời đạo từ của Hòa Thượng Thượng Thủ vừa chấm dứt cũng là giờ nghỉ dùng Ngọ trai. Thế là đề tài do tôi đang trình bày dang dở được dời lại thêm một tiếng rưỡi nữa vào buổi chiều.

Buổi chiều Đại Hội đề cử tôi trong chủ tọa đoàn cho đề tài: “Hướng đi của GHPGVNTN trong tương lai”, do H.T Như Điển trình bày. Việc chọn mời 2 thuyết trình viên này do H.T Minh Tâm sắp đặt, và chính Ngài đã tiết lộ bất mí ra trước cử tọa trong Đại Hội. Theo H.T Minh Tâm: hai lần lễ hiệp kỳ chư Tổ và ngày Về Nguồn trước chúng tôi (Tôi và Thầy Như Điển) không tham dự, lần này muốn cho có sự góp mặt của hai vị phải có sự ràng buộc đề tài thuyết

trình như vừa nêu trên. Thật quả, H.T Minh Tâm rất tâm lý, đã buộc chúng tôi hết chỗ cựa cựa, và chỉ còn có cách thừa lệnh Tăng sai như luật định xưa nay theo đúng cung cách của một Tỳ kheo. Dĩ nhiên, tôi không nhận xét về thành công hay như thế nào của Đại hội cả mà chỉ ghi nhận được một điều: tinh thần hòa hợp, đạo tình, anh em làm việc hết lòng từ trước đến sau, từ trên xuống dưới nhiệt tâm, một lòng, để thể hiện đúng tinh thần câu nói: “Gia bản tri hiếu tử, đạo loạn thức Tăng tâm” xem như thế nào, ngổ hầu làm rường cột vững chống đỡ ngôi nhà Phật Giáo đang bị cuồng phong nước lũ như muốn cuốn lôi phăng đi tất cả. Nhờ hồng ân Tam Bảo, lịch đại chư vị tiền bối Tổ sư từ bi chứng minh gia hộ hàng trưởng tử của Đức Như Lai biết ngồi lại, nhìn nhận ra nhau, siết chặt tay nhau hàn gắn, xây dựng lại những đổ nát, oan trái nghiệt ngã phủ chụp lên đôi vai gầy mỗi hành giả, trong tin yêu hiểu biết để tự tồn mong cứu nguy cơ đồ Phật Giáo.

Dù nói hay đến mấy, làm giỏi đến đâu đi nữa, nếu bạn không biết tu tập nhẫn nại lắng nghe, hẩn cũng phạm sai lầm, cố chấp, tự kiêu và cao ngạo, như xưa nay chúng ta đã thấy để mà chiêm nghiệm nghĩ suy học hỏi. Bởi vì cái ngã của mỗi người to lớn như núi Tu Di, nó có tác hại còn mạnh hơn cả bom nguyên tử nữa. Ba trận bão: số 9, số 10 (Thông Bạch hướng dẫn thi hành Giáo chỉ số 9) và số 11 (Văn phòng II Viện Hóa Đạo) phát xuất từ trong nước và lãnh địa Hoa Kỳ, trong tháng 8 và tháng 10 năm 2007, cũng như thổi mạnh sang tới Texas, rồi từ Paris thổi ngược

lại đầu năm 2008, như cuốn trôi đi hết thành trì nhân sự của GHPGVNTN Hải Ngoại. Sau những trận cuồng phong những ai còn và ai mất hẳn chúng ta đều biết rõ. Bốn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu, Úc Châu, Hoa Kỳ, Gia Nã Đại bị đánh phá tàn nhẫn không chút nương tay. Hết bị người huynh đệ trong nhà sát phạt, tới ngoại đạo, các thế lực chính trị xôi thịt “thừa nước đục thả câu” hay “đục nước béo cò” mà trong suốt 2 năm từ 2008 và mãi cho tới nay gần cuối năm 2009, những mạng lưới qui chụp (xem bài thuyết trình) những cuộc biểu tình cuối mướn nhắm vào GHPGVNTN, nhất là Giáo Hội tại Hoa Kỳ, cứ liên tục chươi bới, đá đảo các nhóm Về Nguồn, thân hữu Già Lam mà họ có dị ứng. Do lối diễn dịch bằng cái tâm thiếu lương thiện của một số thành viên VP II Viện Hóa Đạo, Hoa Kỳ cố tình chụp mũ cho rằng hàng Tăng Ni lãnh đạo Giáo Hội là thân cộng, tiếm danh, âm mưu lật đổ chính quyền Hà Nội v.v... Các vị này những tướng phen này khóa miệng, chặt tay chân các bậc tôn túc Giáo Hội các Châu, cho mình thông dong hát bài ca “con cá vàng” để tọa vị lâu dài đến muôn năm! Điều không tưởng này nó trái với lương tâm giáo lý định luật vô thường theo như lời Đức Phật dạy. Như lượn sóng dữ trời lên rồi sụp xuống, nay thì chúng cũng lặn xuống từ từ, bởi vì vốn tự biết không thuyết phục được ai, lại còn phản tác dụng nữa là đặng khác. Trong nhà học hặc, xáo trộn, anh em chấp tranh nhau, nhưng không vì thế mà các nhà lãnh đạo Phật Giáo thối chí nãn lòng, giận ghét để không nhìn nhận nhau, hay giả đò quay lưng làm lạ. Mãi cho tới giờ này, huynh đệ vẫn

còn quý mến nhau và xem nhau như ngày nào không có chuyện gì xảy ra cả. Mỗi người chúng ta tự ý thức rằng lực hòa là sức mạnh của tăng đoàn để củng cố xây dựng tổ chức. Buổi pháp thoại sau cùng của tôi trong chuyến đi Hoa Kỳ lần này ở chùa Liên Hoa tại North Carolina vào ngày chủ nhật 27 tháng 9 năm 2009 vừa qua, phần nêu hỏi có vài đạo hữu hỏi thẳng tôi rằng: “Thầy nhận thấy thành quả Đại hội của các Giáo Hội Liên Châu 3 ngày vừa qua tại Los Angeles như thế nào?” - Nếu nói thành quả cũng tức là nhắm tới sự thành công tốt đẹp phải không? Tôi không nhìn theo dạng đó mà lại có cái nhìn khác một chút. Tại sao lại phải cho là thành công nhỉ? Đó cũng là nhân hiệu mình tự dán cho mình để rồi lao theo chịu khổ và hệ lụy chung chứ nào có lợi lạc gì đâu! Cái đáng quý trọng lần này sự họp mặt Tăng già hầu như đông đủ khắp bốn châu không có ai thiếu vắng. Đây là phiên họp nối dài sau lần hội nghị tháng 12 năm rồi tại Sydney – Úc Châu, toàn bộ nhân sự lúc đầu nay qui tụ về đầy đủ, đó là niềm hoan hỷ thứ nhất mà tôi ghi nhận được qua 3 ngày đại hội. Điểm đáng nói nữa là đại hội thường niên của Giáo Hội Hoa Kỳ họp bàn thảo trong sự tương kính, hòa hài và ngắn gọn chỉ thu lại còn một buổi, là ưu điểm nổi bật thứ hai đối với hai chúng xuất gia và tại gia trong hàng lãnh đạo Giáo Hội. Đại biểu phát biểu trong khuôn khổ thời lượng qui định, chủ tọa đoàn làm việc có phương pháp trong sự linh động làm cho cử tọa phấn chấn, mặc dù ngồi lâu vẫn không thấy chán mệt, đó là điểm cần học hỏi thứ ba với người có quan tâm, hầu rút tĩa bài học kinh nghiệm. Dân chủ tự do trong

hội luận, nhưng không nhu nhược để người phát biểu lạc dẫn cử tọa là điều mà chủ tọa đoàn đã nắm được cốt cán, nên nêu rõ nguyên tắc lúc đầu để hội nghị theo trong trật tự cõi mở, lại là điểm cần ghi nhận thứ tư. Bên cạnh đó không tránh khỏi những khuyết điểm đáng lý không nên có, chẳng hạn như: khâu vận chuyển đưa rước tại phi trường quá yếu kém đã khiến cho đa phần chư Tăng Ni và đại biểu phải chờ đợi lâu, và có vị không còn đủ kiên nhẫn trong khi đã ngồi đợi gần 4 tiếng tại Lax Airport, buộc lòng phải đón taxi về chùa An Lạc, đây là khuyết điểm thứ nhất. Một số quý tôn túc Tăng tại Orange Country không thấy tham dự Đại Hội cũng như lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tô Sur vào ngày chót nhằm 20 tháng 9, là một điểm thiếu sót của Ban Tổ Chức, hay chính đây là khuyết điểm thứ hai của kỳ Đại Hội này. Toàn thể đại biểu đang hăng say hội thảo trong hội trường thì bên ngoài đám biểu tình vài ba người trương biểu ngữ, cờ xí hô đả đảo nhóm này, tổ chức nọ, và thỉnh thoảng còn nêu đích danh một vài vị tôn đức trong Giáo Hội ra hài tội, nhạo báng. Đến ngày chót của Đại hội, ngày 20 tháng 9 là ngày chính của chương trình lễ, đám biểu tình lại hung hăng khiêu khích đoàn Tăng Ni được thỉnh dàn chào từ chánh điện ra lộ chính phía trước sân chùa đi vòng qua vườn thiền nơi tượng đài Quán Âm lộ thiên để tiến về lễ đài thiết trí khá công phu, mỹ thuật trên bục cao. Đây là một việc làm khiếm nhã, kém văn hóa, thiếu văn minh của những người biểu tình có đầu mà bộ óc đã bị oxyt hóa rồi, là khuyết điểm đáng chê trách thứ ba của đại lễ. Và cuối cùng, ban Thư Ký không chuẩn bị đầy

đủ hệ thống máy móc cho lên Paltalk để cập nhật việc làm của Đại hội cho khán thính giả ở xa tiện việc theo dõi, cũng là một khuyết điểm được nêu lên hàng thứ tư.

Tóm lại, không một ai, một tổ chức nào làm hài lòng tất cả mọi người, mặc dù ta đã hết sức cố gắng hoàn thiện đến đâu. Lời khen, tiếng chê là lẽ tự nhiên, chỉ khi nào ta dừng mãi quyết tâm vượt qua đó để làm việc lớn, việc quan trọng mới là điều cần nên quan tâm suy nghĩ. những điều trình bày trên đây được tóm gọn lại thành 5 điểm như sau:

Một: Nói ít làm nhiều để chứng tỏ khả năng và thiện chí của ta qua những thành quả hiển nhiên.

Hai: Nên giữ lời hứa, nhất là giới lãnh đạo, không nên xem thường công luận mà nói chơi được. dù có nói đùa cũng phải bắt theo cho kịp để gây niềm tin cho kẻ khác.

Ba: Phải làm gương: tự kiểm điểm bản thân của người Phật tử là trong sạch từ thể chất đến tinh thần; từ lời nói đến việc làm, để làm điểm tựa, tiêu đích cho lớp đàn em, hàng hậu học.

Bốn: không diễn dịch theo ý người khác: việc gì chưa thấy, nghe chính xác, không nên nghe người khác nói rồi hùa theo, phô tin thất thiệt, làm phương hại nhiều người, tổ chức khác.

Năm: Cần trách nghiệm việc đúng sai để tránh lỗi lầm: điều này thật là cần thiết đối với những ai thật tâm muốn cầu tiến trong tiến trình cải đổi thân tâm trở nên thiện

lượng thuần hòa. Cuối cùng tác giả dựa câu tục ngữ nêu trên tức cảnh qua bài thơ thất ngôn ba đoạn sau đây:

Phong cảnh Bụt

Đất đai vốn thuộc của công điền
Vua quản lý trọn quyền định phân
Dân làm chủ toàn phần sang nhượng
Ấy tự do thừa hưởng hiển nhiên
Chùa của làng bảo vệ lập nên
Bá tánh gieo phước duyên cần hành
Thập phương tạo căn lành thiện niệm
Phật Pháp chừ phát triển dưới trên
Phong cảnh Bụt tô điểm mông mênh
Thiên nhiên vẽ đẹp xinh đất trời
Con người vui thành thoi chiêm ngắm
Cõi thần tiên sắc thắm cảnh quan.

(Lưu niệm buổi Pháp thoại ở chùa Liên Hoa tại N.Carolina, Hoa Kỳ, Chủ nhật ngày 27 tháng 9 năm 2009).

CHÚ BELL Ở CHÙA

Kinh Di giáo đức Phật Thích Ca trước giờ vào Niết Bàn ân cần dặn dò các thầy Tỳ kheo môn đệ cách sống giữ giới ra sao...nhất nhất Đức đạo sư đều chỉ dạy từng ly từng phần hết sức rõ ràng minh bạch như: không được đốn chặt cỏ cây, làm thuốc luyện bùa, trường sanh bắt tử, xem sao bói quẻ, phong thủy, tử vi, thậm chí Ngài dạy: không nuôi nô tỳ, sa di nhỏ tuổi, cầm thú, gia súc v.v...Đó là chuyện của 2600 năm về trước, ngày nay chúng đệ tử xuất gia cách Phật đã xa có còn vâng giữ những lời phó chúc tâm phúc của bậc Đại đạo sư trọn vẹn hay không? Vấn đề không phải câu hỏi mà như là cách sống đạo nêu ra đây mong chia sẻ với quý huynh đệ pháp lữ, cùng hàng Phật tử thuần chân ngổ hầu hiền đáng trọn vẹn lý tưởng phụng sự tha nhân.

Kinh dạy một đường, thầy khuyên một cách sao lại thấy ở chùa Pháp Bảo Thầy vẫn nuôi chú Rudwiler (loại chó Đức) lớn xác to con, tiếng sủa như chuông, vóc cỡ như chú bò con khiến bà con Phật tử và nhất là người lạ mặt vào chùa phải khiếp đảm lắm vậy?

Số là năm 1989 tình cờ chú khuyến nhà ta sút chuồng chạy đại tới, có lẽ mùa holiday cuối năm, chủ đi holiday không người chăm sóc, hoặc giả thú vật sống gần gũi thân thiện với người lâu, nay vắng bóng, chú muốn làm một

cuộc phiêu lưu không định trước tới chùa cũng nên. Một sáng sớm nọ, sau giờ công phu khuya xong chú C.M đi ra mở cổng chùa, nhìn thấy chú khuyển to tướng nằm phía trong hàng rào chùa thờ hỏn hển mệt nhoài, hình như vừa đói vừa khát nước. Chú tới gần vỗ về con vật, nó bắt đầu làm quen chú và chú dẫn con khuyển trình diện sư phụ. Chú C.M trình bày với tôi chi tiết cuộc hội ngộ bất đắc dĩ giữa chú với con Rudwiller kia; rồi chú chạy đi lấy thức ăn cho nó. Con vật ăn nhưng xem chừng như xa lạ, dò xét xem mấy người này có làm hại nó không? Con chó cụt đuôi, lông đen, mặt có hai đốm vàng, hàm răng nhọn hoắt nhô ra trắng hếu, mới trông giống như con gấu, nhất là tiếng sủa của nó ồ ồ lạnh lẽo nghe giống tiếng chuông, nên chú M. đặt nó tên Bell cho dễ gọi, chứ thật ra tên nguyên thủy chủ đặt cho nó đâu phải tên này. Tôi biết chắc một điều chủ nuôi không phải là người Việt, vì mỗi lần gọi nó bằng tiếng Việt nó vẫn tỉnh bơ ra chiều ngơ ngác không hiểu. Do vậy, thầy trò phải nói chuyện với nó bằng tiếng Anh với cái tên mới, chú khuyển nhà ta vui lắm đi sát chú C. M và hình như nó cũng biết tên Bell của chú C.M dành cho nó từ dạo ở chùa. Con vật coi vậy mà tinh khôn đáo đẽ, nó biết được ai thương nó, ai không thích nó, mặc dù không nói được ngôn ngữ người, chú Bell vẫn để ý nhìn, quan sát động tịnh đến với chú và đến hoàn cảnh chung quanh ngôi già lam. Chú khuyển làm vậy được lợi hai mặt: về phần mình, chú khỏi bị loài người ranh mãnh đưa vào những cuộc phiêu lưu cũng dễ đi tới chỗ vong mạng như chơi; và mặt khác chú tin cậy vào lòng từ thiện của gia chủ

qua tính trung thành và chăm việc như canh chừng nhà cửa, sửa sang khi có người lạ mặt tới gần. Để ý theo dõi chú từ lúc mới vào chùa cho tới ngày Bell từ bỏ ngôi Pháp Bảo tự viện và nhất là chú C. M- người bạn thân thiết - để ra đi vào nằm yên trong lòng đất lạnh “an giấc ngàn thu”, của chỗ riêng biệt dành cho loài khuyển trung thành.

Chú Bell ở Pháp Bảo được nhiều người thương mến, trên từ thầy cả đến quý thầy và nhất là chú C. M. cùng quý Phật tử thường tới chùa tụng kinh, công quả hằng tuần. Ai cũng bảo chú C. M rằng:

- Chú nuôi nó sao được, nhất là việc ăn uống
- Ảnh xực chay được mà! Chú nói cười vui vẻ.
- Còn ai tắm gội nó?
- Chứ còn ai vô đó nữa, Tiêu này phải lãnh hết!
- Khai báo council đăng ký ai lo?
- Nó có chủ, nay lạc mất ai hơi đâu lo cho mệt.
- Ở đó, lúc bịnh chú khổ toi với nó cho mà coi.
- Có gì đâu, đi bác sĩ thú y hết bịnh liền; người ta nói “chó liền da, gà liền xương”; quý bác đừng bận tâm lắm.

Dần dà tôi cũng thấy thân thương con vật lạc loài, và một phần nữa cũng để tâm xem xét thử coi một vài tháng ai là chủ nuôi nó có tới xin hẳn giao lại họ kéo tội nghiệp, nhưng còn một phần khá quan trọng khác tôi cũng hơi lo lắng, vì chú không đăng ký lỡ cần người ta, quả đúng khổ nạn “ách giữa đàng đeo mang vào cổ”. Riêng nội bộ ở

chùa cũng phân ra hai cánh rõ rệt: cánh chú M. quý bác muốn giữ con vật khôn lại trong chùa để cho được thêm phần vui nhộn và nữa cũng tin rằng “ chó tới nhà chùa là giàu” như quan niệm cổ lỗ xỉ bấy lâu nay. Ở cái xứ cung con vật còn hơn người của Úc này chó đâu phải nơi cái hải đảo Anamist của ta xem bọn chúng là loài “ chó má” mà muốn hành hạ, sát phạt, xử tệ, bỏ đói, trần nước xoi tái v.v... tới nước chết bỏ đâu. Những người có biết luật lệ theo quan điểm của Thầy là nên gọi hội bảo vệ súc vật tới bắt đi để Thầy đỡ mang họa về sau. Hai bên, bên nào nói nghe cũng đều có lý cả. Tuy có điều ai cũng biết rằng hội bảo vệ súc vật hành xử với loài vật bằng hai cách: cho con vật hoặc bán lại cho người nào thích; và trong vòng một tháng không ai chiếu cố tới, mạng sống của anh/nàng xem như kết liễu bằng thuốc an thần. Thế thì bất nhẫn quá chùa không nỡ đem Bell cho hội bảo vệ súc vật được, buộc lòng phải nuôi chú trong đề phòng lẫn phạm phòng diễn ra thường trực. Bù lại nó thuộc giống male mạnh khỏe lại có những tánh đặc biệt mà theo như ghi nhận của tôi, cũng khó tìm nơi loài súc vật; mặc dù tôi không nuôi nó từ nhỏ vẫn phát hiện được nơi con Bell những điểm nổi bật này:

* Biết ăn chay: không đòi hỏi cho gì ăn nấy, nhất là com chiên bơ, chú ăn ngon lành và ưa thích nhất là món đậu phộng vảy cá (hột đậu lăn bột bơ rang lên thơm phức), Bell ta chụp ngay lấy bỏ vào mồm nhai ngoàm ngoàm lớp bốp xùi bọt mép trông dễ thương làm sao!Hắn chú cũng biết không tìm đâu được nơi nào hơn nơi này nên trông

Bell rất ngoan ngoãn biết vâng lời, nhất là đối với chủ nhân và người lớn. Biết chú Bell ở chùa ăn chay tội nghiệp, ông Úc hàng xóm thỉnh thoảng đem vài cục xương bò cho chú, Bell nhà ta coi bộ thích dữ, lâu ngày được món béo bở, nó tha xương đi xa nằm tận ngoài góc xó gặm cho hết rồi liếm mồm đi vào, dẻo dẻo như tên ăn vụng. Có lần tôi bắt gặp chú đang gặm cục xương, túng quá Bell biết thân phận nhà cục xương, đi sát lại gần bên tôi đáng sợ sệt bò từ xa lại nằm xuống chờ đợi... Tôi rầy rà chú rằng, con ở chùa sao không giống ai vậy con! Chú nghe như hiểu ý tôi muốn nói gì. Lần khác, ông hàng xóm tới chơi chấp tay sau đít, chú Bell tưởng có đồ ăn chạy theo dẻo dẻo đánh hơi, tôi kêu tới xài xề:

- Sao con hư quá vậy!

Bell tiu nghiu đứng lại một lát nữa như muốn chạy trốn và nữa sợ tôi đánh đòn nên từ từ lết lại bên tôi như gà mắc mưa, trông tội nghiệp dễ thương làm sao!

* Biết nghe lời dạy bảo: con Bell này theo tôi, chủ nó dạy kỹ, săn sóc tận tình, thương yêu rất mực, mặc dù mới ở chùa chưa bao lâu, tôi bảo:

- Nằm xuống, nó nằm xuống

- Đứng lên, nó đứng lên

- Bắt tay phải, nó đưa tay phải (thật ra 2 chân trước của nó)

- Bắt tay trái, nó đưa tay trái

- Chạy tới lượm trái banh đằng kia đem lại đây v.v... Bell đều làm đúng lời dạy, ngoan ngoãn như đứa trẻ trong nhà. Nhưng như chú cũng “ coi mặt mà bắt hình dong”, ở chùa Đại Đức MN sai chú làm những động tác như tôi, bảo không những không làm chú còn đứng trơ ra đó nhìn người điều khiển trùng trùng, khiến đương sự nổi xung hất hủi đá nó. Từ đó như Bell không mấy gần gũi với thầy ấy nữa.

- Cẩn phủ đầu: đám Oanh Vũ Gia Đình Phật tử Pháp Bảo thấy con Bell nằm trên bench nơi góc nhà bếp, vài ba đứa lấy cây chọc phá nó, nó nhảy chồm ra ngoạm lấy mấy nhóc rồi thả ngay, làm mấy chú bé thất đờm chạy có cờ. Lần sau không nhóc tí nào dám chọc phá con Bell nữa. Thế là nó sống ở chùa thoải mái yên ổn. Nó cũng có tài nhận ra người quen nữa, ai tới chùa lần đầu nó sủa rân, nhưng qua lần thứ hai nó im khe không sủa nữa, nên biết con vật đã quen người rồi. Nếu cẩn thật sự, mấy nhóc Oanh Vũ bị nó vồ cho ngày một, đằng này Bell chỉ dọa oai vậy thôi, thế mà bọn trẻ đứa nào cũng ngán nó hết, de ra xa nên chẳng có cu cậu nào dám tới gần chơi lãng vãng gần khu vực “anh Hai” ngự trị trong phận sự canh phòng.

- Biết giữ nhà: ban đêm chú Bell đi tuần chung quanh chùa, thấy người lạ thấp thoáng, chú rượt đuổi, sủa rân lên như tiếng chuông báo động, khiến mấy anh chàng xì ke, ma túy, bọn hút chích không dám hó hé rình mò khu vực chùa. Thấy nằm trống trải ở ngoài lạnh, chú CM nhờ người đóng chiếc chuồng xinh xắn để ban đêm Bell có nơi tá túc ấm áp an toàn. Thế nhưng bọn người thiếu lương

tâm vẫn tìm cách ám hại con vật khôn ngoan vô tội, hầu dễ dàng thực hiện hành tung ám muội gian trá của bọn chúng vào một buổi tối mùa xuân năm 1991, nghĩa là sau hơn hai năm từ ngày chú Bell tới sống ở chùa.

- **Biết giữ vệ sinh chùa:** việc này ngoài sức nghĩ suy của tôi, vì mỗi lần đại tiện chú Bell chạy ra khỏi khuôn viên chùa đi xong rồi mới trở lại. Như vậy, nó biết trước giờ giấc đi đại tiện nên mới chuẩn bị kịp, còn hầu hết những con chó ngốc nghếch khác cứ đụng đầu là bả bừa bãi ra đó, bất cứ nơi đơ sạch không cần biết. Con Bell biết đây là đất già lam thanh tịnh, phải giữ gìn sạch sẽ để có khách thập phương tới viếng cảnh được đẹp lòng, mến thích mà còn dịp tái viếng thăm. Đây không phải một lần mà suốt trong thời gian hơn hai năm ở chùa của con Bell, chung quanh vườn, sân chùa không có một vệt phân chó, nên ta biết rằng con vật cũng khôn ngoan tuyệt vời và biết giữ gìn vệ sinh chung nơi công cộng không kém ai.

- **Biết nghe kinh:** đây mới là đặc tính nổi bật nơi con Bell. Mấy điềm vừa nêu trên có thể do tập tánh quen rồi, nên khuyên nhà ta cứ như thế mà automatic làm, nhưng còn việc nghe kinh sau này, ai tập? Thật quả là điều khó hiểu ngoài sức tưởng tượng của người viết! Mỗi buổi, thường là sáng sớm giờ công phu khuya lúc 6 giờ, đại chúng lên chánh điện tụng thời kinh Lăng Nghiêm, chú Bell cũng theo lên nằm phía sau duỗi mõ, giữ yên lặng chờ hết thời kinh, ai nấy xuống xong, chú mới lũi thũi xuống sau. Có hai việc mà tôi không muốn cho chú Bell vô chánh

điện: lông lá rơi rớt tùm lum trên thảm, dùng máy hút bụi hút một nghỉ vẫn không sạch lông chó. Cứ theo cái đà này mất vệ sinh quá đi thôi, ở chùa ai cũng biết thế, nhưng không làm sao ngăn chú Bell được cả. Một việc nữa, tôi cũng muốn để chú ở ngoài theo dõi động tịnh, vì giờ tụng kinh chùa xem như bỏ ngõ không có người trực trông chừng. Thế mà chú vẫn cứ len lén muốn vào cho bằng được. Có nhiều bữa tụng kinh thầy trò tôi phải dùng biện pháp xua đuổi mạnh bằng cách đóng cửa chùa lại. Ở ngoài chú sủa đing tai nhưc óc làm cho thời kinh không thanh tịnh, nên buộc lòng phải mở cửa cho chú vào bên trong trong lúc thời kinh đang diễn ra. Có những lần không vào chánh điện được, đứng ở ngoài Bell dùng móng chân bèn nhọn cào lên cánh cửa kêu ăng ăng ý muốn bên trong mở cửa cho chú vào nghe kinh với, sao lại giam chú ở ngoài này! Những dấu chân cào lên cửa chánh điện chùa Pháp Bảo của chú Bell mãi đến nay sau hơn 15 năm vẫn còn nguyên vẹn, chưa hề sơn phết lại hay làm cách gì bôi xóa, làm mờ đi được.

Con chó tinh khôn không thể tả hết, đến nỗi có mấy Phật tử ở chùa đề nghị tôi quy y và cho pháp danh cho để kiếp tới nó không phải mang lột chó nữa. Nhận thấy đề nghị hữu lý, tôi định sắp xếp dịp thuận tiện quy y cho chú Bell và đồng thời nói lên cho đồng bào Phật tử thấy rõ linh tính của loài súc vật nói riêng loài động vật nói chung, mà xử sự đúng cách đừng hành hạ, giết hại chúng.

Tôi suy nghĩ rất nhiều bản năng loài vật như chim, cá, chó, mèo, heo, ngựa, trâu, dê, voi, khỉ, cọp, gấu v.v... đều rất khôn ngoan và hiểu biết, kể cả biết được tiếng người. Bằng chứng là những nhà chuyên nghiệp huấn luyện những con vật hát xiếc, làm trò mua vui khán giả, chúng nhào lộn như cá mập (whales) hay cá heo (dolphin) biết nhồi banh, đá cầu, chớ chủ nó lướt sóng; loài voi, loài khỉ biết làm trò thật là điệu nghệ chẳng thua gì con người vậy. Nhìn nhận con Bell ở chùa có nhiều đức tánh dễ thương đáng quý, ấy là tôi cũng chỉ biết nó trong khoảng thời gian hơn hai năm thôi từ 1989 – 1991; còn trước đó người chủ cũ hẳn gần gũi và phát hiện được nó còn nhiều đặc tính khác thường nữa. Lễ quy y dự tính chưa thành thì con Bell đã bị bọn bắt nhôn sút thuốc chết. Vào một buổi sáng sớm mùa xuân năm 1991, sau thời công phu sáng xuống, tôi lấy làm lạ chú Bell hôm nay không lên nghe kinh thấy tôi lại đi ngã vào như bước xiêu bước vẹo, miệng lại trào bọt mép, liền đó chú nằm thở hổn hển như ai đánh như tử không bằng. Tìm khắp thân mình nó cũng không thấy dấu sốt, dấu trầy, tại sao ra nông nổi! Chờ điểm tâm xong, tôi sai chú C M tìm xe chở nó đi bác sĩ thú y khám nghiệm. Tới nơi nó đã yếu lắm rồi, bác sĩ chẩn mạch, hỏi vài chi tiết, và sau cùng ông kết luận: chó bị sút thuốc độc, vô phương cứu chữa. Thế là con Bell tắt thở trên đường trở về chùa. Nghi vấn được đặt ra: ai giết nó?

- Hồi tối tên đạo chích đi quanh chùa lúc mấy thầy trò tụng kinh, chú Bell rượt theo sửa làm dữ, chính hấn thủ phạm chứ ai?

- Làm sao hấn sút được chó?

- Hấn trộn thuốc độc vô thức ăn của chó và thầy vài viên, chó đớp nhằm là tan đời chứ còn gì nữa!

Thế là một đám tang chuẩn bị diễn ra, tôi chưa kinh nghiệm từ nào đến giờ nên không biết phải xử lý ra làm sao. Việc kinh kệ cầu siêu chú nguyện quá dễ, còn cái xác con vật mới khó; không khéo mình lại tội oan cả đám, người ta nghi mình giết nó là nguy. Vì không có đăng ký với Hội đồng thành phố sở tại của việc nuôi con chó bắt đấm dĩ này, tôi đâm ra ngại và lo hết sức. Lại một màn nữa tới phòng mạch bác sĩ thú y xin tham khảo ý kiến thế nào. Bác sĩ cho chú C M hay trong vùng có nghĩa địa dành riêng cho chó, nếu muốn ông có thể chôn cất nó tại đó đàng hoàng, có nghĩa rằng nếu muốn làm mộ bia và khắc tên cũng đã có nhiều người làm rồi. Làm theo cách này cũng khá tốn kém lên tới cả bạc nghìn, vả lại tôi đâu có muốn thấy việc rắc rối như thế bao giờ, chú M về thuật lại mọi chuyện và tôi nghĩ vậy: Tôi phải chọn một quyết định:

- Bác sĩ đã chứng xác nhận chó bị trúng độc do bọn ác nhân hãm hại, nên mình không sợ cảnh sát nghi ngờ.

- Đào lỗ chôn chó và chúng ta tụng cho nó một biến kinh Di Đà cầu siêu là được rồi. Liền đó mấy thầy trò phân công làm việc: kẻ đào lỗ, người lo bông trái, nhang đèn,

người chuông mõ và đầu đó xong, ba thầy trò tới bên góc chùa chỗ huyệt mộ đọc kinh cầu siêu cho một súc sinh mới lìa đời sớm siêu sanh về cõi người trong kiếp lai sinh.

Sau khi chôn cất xong, cho tôi suy nghĩ nhiều về sự sống:

- Con Bell không được huấn luyện tới nơi tới chốn, nghĩa là nó không đến trường học tập cho dù một tuần hay chỉ một ngày vẫn học được trí khôn của loài vật thật tuyệt vời đáng cho loài người suy tư chiêm nghiệm.

- Loài súc vật nhí được huấn luyện kỹ, có phương pháp sẽ giúp ích, làm lợi lạc cho con người biết mấy, nhất là những lúc ta gặp lâm nguy, khổ nạn chính những chú động vật bé nhỏ này là ân nhân của người lâm nạn; cũng như chúng giúp chủ nhân hái ra tiền qua tài điều khiển linh động hay giỏi, và lúc nào cũng kề cận thân thiết với con người không rời nhau như tình huyết hệ.

- Con người hung ác, bắt nạt, đày đọa, đánh đập, giết thịt v.v... loài vật để lấy thịt cung cấp miếng ăn béo bở cho mình mà chà đạp sự sống mọi loài, nhất là loài chim muông, súc vật. Do vậy, con người đi tới đâu loài vật đuổi tới đó, nhất là loài chó biết đánh hơi rất tài. Người nào ăn thịt chó, đi đâu gặp chó, chó sủa rân khắp đầu đường cuối xóm. Đây là điều có thật không phải câu chuyện truyền thuyết hay hoang đường.

- Người thương vật, vật thương người, thậm chí như loài chim hải âu, chim bồ câu, chim se sẻ v.v... ở các nước

Úc, Âu, Mỹ chúng sống gần gũi sát bên chân người. Tại nơi công viên, bãi biển, đồi núi chỗ du lịch đông người, loài chim rất dạn dĩ như bâu đậu trên bàn tay du khách bóc môi ăn mà không một chút e dè sợ sệt. Tại sao được như vậy?

- Vì loài vật linh tính như biết trước người nào thương nó, kẻ nào làm hại chúng, chúng đều thông tin với nhau rất đầy đủ, rộng khắp cho nhiều đàn, các nhóm ở xa cùng biết.

Thế nhưng, về tại các nước Á châu như Trung Hoa, Đại Hàn, Miên, Lào, Việt Nam v.v... ta thấy những con chim hay lánh xa con người hăng cây số. Bởi chúng biết trước rằng, con người ở mấy nước nghèo đói trên hễ thấy chúng là làm hại ngay bằng nhiều cách như đặt bẫy, bắn ná, bắn súng và lưới tập thể, khiến cho loài điều thú bị bắt sống hàng loạt. Người ta đưa chúng về giam nhốt rồi đem ra bán tại chợ hay thanh toán từ từ bằng nhiều cách: nhổ lông, giết thịt hay trao đổi vật khác trong cuộc mưu sinh. Thảo nào loài vật không sợ loài người cho được! Ấy là chưa nói tới loài súc vật chó mèo, trâu bò, voi ngựa v.v... con người càng hành hạ, đàn áp, tàn sát dễ dàng hơn để làm thỏa mãn cho cái gọi là “Vật dưỡng nhơn” vào ba tác lười nơi cái lỗ miệng tham ăn miếng ngon vật lạ của họ. Nếu lý luận kiểu đó, người nào giỏi lên núi rừng thấy cạp beo đứng đó để chúng xơi tái đi lúc đó mới bật ngửa ra rằng “nhơn dưỡng vật” cho hợp lẽ công bằng! Nói luận như thế để thấy rằng, con người cần phải suy nghĩ kỹ lại,

đừng hiểu sát mà mắc quả báo không biết đến bao giờ mới thoát ra khỏi được.

Nhìn thấy con vật thân thương gần gũi, thấy chúng sống không đành thấy chúng chết; vâng theo lời Phật dạy người đệ tử Phật phải luôn luôn bảo vệ mạng sống của mọi loài. Dù vậy, chỉ biết mở rộng lòng thương tôn trọng sinh mạng chúng, không được nuôi nâng dưỡng thành mà nẩy sanh nhiều điều bất lợi làm trở ngại công việc tu hành. Tại sao?

- Vì chúng ta đem lòng thương yêu trìu mến chúng, nên vương mắc phải cái tánh đáng thương đáng quý của con vật làm cho ta khó quên nên bỏ bê việc tu tiên.

- Nuôi phải chăm sóc cho loài súc vật, thì giờ tu niệm bị chi phối.

- Khi có vấn đề liên hệ pháp lý, người tu phải đương đầu vì một con thú nhỏ; không đáng với chí trượng phu của người học hạnh phát túc siêu phương tâm hình khác người thế tục.

- Khi con vật chết, ta thương xót, sầu bi v.v... có phải trái với lẽ đạo không?

Đó là mấy điều xin được chia sẻ cùng với quý thiện hữu đồng tu nên suy nghĩ cẩn thận. Việc nào nên làm việc nào nên tránh, như lời Phật dạy cấm nuôi súc vật, điều cấm là điều hợp tình hợp lý.

Sách tham khảo

- 1 - Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, H.T Trí Tịnh dịch, bản in 1994.
- 2 - Nga Mi Sơn truyền thuyết của Trương Thừa Nghiệp, do nhà xuất bản Thiên Mã – Hồng Kông ấn hành năm 2005.
- 3 - Gandhi Mohandas Kasamchand: tiểu sử Thánh Gandhi.
- 4 - Kinh Mi Tiên Vấn đáp do H.T Giới Nghiêm dịch giải, nhà xuất bản tôn giáo Sài Gòn ấn hành năm 2003.
- 5 - Kinh Nhân Vương Bát Nhã, H.T Bảo Lạc dịch, Pháp Bảo – Sydney ấn hành năm 2006.
- 6 - Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Dược Vương Bồ Tát bốn sự, phẩm Thí Dụ, H.T Thích Trí Tịnh dịch, bản in năm 1999.
- 7- Kinh Thủ Lăng Nghiêm I, H.T. Tuyên Hóa giảng tại Vạn Phật Thánh Thành, California – Hoa Kỳ- Tỳ kheo Thích Nhuận Châu dịch, nhà xuất bản tôn giáo ấn hành năm 2006.
- 8- Kiến Thức Căn Bản Phật giáo, T. Bảo Lạc Phật Học Viện Quốc Tế- Hoa Kỳ- tái bản năm 1998.
- 9- Mười Vị Đệ Tử lớn của Phật, H.T. Tịnh Vân, cư sĩ Hạnh Cơ dịch, chùa Liên Hoa, California – Hoa Kỳ- ấn tống năm 2005.
- 10- Phật pháp của Minh Châu, Chơn Trí, Đức Tâm, Thiên Ân, PHV Quốc Tế HK ấn hành năm 1996.
- 11- Giới đàn Tăng, HT Thiện Hòa dịch PHV quốc tế HK ấn hành 2000.
- 12- Kinh Di Giáo, HT Hoàn Quan dịch, Pháp Bảo Sydney, ấn tống năm 1998.
- 13 - Phật Quang đại từ điển, H.T. Quảng Độ dịch cuốn I, trang 1387, Linh Sơn- Đà Loan- xuất bản năm 2000.

- 14- Từ điển Phật học Hán Việt, phân viện nghiên cứu Phật họcVN ấn hành năm 1994, do ngài Kim Cương Tử chủ biên.
- 15- D.T.K.ĐCTT tập 4 Kinh Hiền Ngu q.22
- 16- - Lịch sử Phật giáo Trung Quốc của H.T Thanh Kiểm, do nhà xuất bản Phú Lâu Na, Hoa Kỳ ấn hành năm 1991.
- 17 - Kinh Vô Lượng Thọ, T.T Thiện Thông dịch, chùa Viên Giác, Đức ấn tống năm 2001.
- 18-Triết học chính trị Khổng giáo, Trần Quang Thuận, do viện Triết lý VN & triết học thế giới Xb năm 2004.
- 19-Tinh túy những bài tán Phật, Bồ Tát, Sa môn Thích Bảo Lạc dịch, Pháp Bảo Sydney, xuất bản 2005.
- 20 - Ân nghĩa sanh thành do Tu Viện Quảng Đức – Melbourne Úc ấn hành mùa Vu Lan 2005
- 21- Qui Nguyên trực chỉ quyền hạ của đại sư Tông Bồn, do nhà văn hóa Sài Gòn xuất bản năm 2008.
- 22- Phật giáo Mỹ tập 2 của Trần Quang Thuận, do trung tâm học liệu Phật giáo xuất bản năm 2000
- 23- Danh từ Phật học thực dụng của Tâm Tuệ Hỷ biên soạn, nhà xuất bản tôn giáo ấn hành năm 2005.
- 24- Kinh Phạm Võng Bồ Tát giới, bốn giảng ký 1 H.T Trí Minh dịch, chùa Viên Giác Đức ấn hành 2001.
- 25- Kinh: The Moral code of the Buddhisattvas Brahma Net Sutra, cư sĩ Minh Thành dịch do Van Hien in New York dịch, ấn hành 2000.
- 26- Huệ Quang Phật học từ điển, do HT Minh Cảnh chủ biên, nhà xb Tổng hợp – Saigon 2003.
- 27- Trầm Hương (thơ) Sông Thu, PB Xuất Bản, 20008

- 28- Kinh Thi Ca La Việt lục phương lễ, Đại Tạng kinh bản chữ Vạn quyển 54, số 551 trang 418 - 422 do ngài An Thế Cao dịch sang chữ Hán vào đời Hậu Hán (Khoảng giữa thế kỷ 2)
- 29- Gia Huấn Ca của Nguyễn Trãi.
- 30- Nhiếp luận của tam tạng Pháp sư Chân Đế dịch
- 31- Ca dao, tục ngữ Việt Nam
- 32 - Phật thuyết Thiện Sanh tử kinh, Đại Tạng kinh bản chữ Vạn, quyển 54 các trang 686-692, sa môn Chi Pháp Độ dịch vào đời Tây Tấn.
- 33- Bách Trượng Thanh Quy – HT Thích Bảo Lạc dịch 2008.
- 34- Nghiên cứu văn hóa Đồng Nai & Cửu Long qua bài “Tiếp chuyển những nét đặc sắc trong văn hóa VN sang thế hệ trẻ tại hải ngoại” của tiến sĩ Nguyễn Văn Bon, nhóm nghiên cứu văn hóa Đồng Nai & Cửu Long - Úc Châu số 3 tháng 6 năm 2009.
- 35- Travel guide – Minnesota 2009
- 36- Báo Pháp Bảo các số 29 – 84 2008-2009
- 37- Tạp chí Hoa sen số Xuân Kỷ Sửu 2009

Giới thiệu sách mới của Tác dịch giả 2008/2009

- Bách Trọng Thanh Quy, H.T Bảo Lạc dịch sách dày 760 trang in bìa cứng hai lớp chắc chắn, mỹ thuật, dành cho giới xuất gia, do chùa Pháp Bảo – Sydney và chùa Viên Giác – Hannover, Đức ấn tống. Sách cũng được tái bản do nhà Đông Phương tại Sài Gòn ấn hành tháng 3 năm 2009.
- Tinh Túy những bài tán Phật, Bồ Tát 4. Do Pháp Bảo ấn tống năm 2008 hiện còn một ít.
- Kinh báu tuệ giác siêu việt tuyệt luân bản dịch 4 kinh Kim Cang bát nhã từ đại tạng kinh Đại Chánh Tân Tu, sách ấn hành cuối năm 2009.
- Nguồn mạch tinh khôi, sáng tác mới nhất do Pháp Bảo ấn tống trong tháng 12 năm 2009. Sách gồm 3 phần: sử truyện – tham cứu - học hỏi, thuật sự. Đọc giả hoặc Tăng ni cần sách liên lạc chùa Pháp Bảo để nhận miễn phí. Số điện thoại (02) 9610 5452.

<http://www.quangduc.com/tacgia/thichbaolac.html>

